

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Tiếng Anh: **Scientific Socialism**

Mã học phần: **THCN06**

Số tín chỉ: **02**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: **Bộ môn Lý luận Chính trị**

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Sinh viên phải học trước học phần Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào con đường đi lên CNXH ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

a. Về kiến thức: (Số lượng 03)

1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về CNXHKKH, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.
2. Nắm vững những nguyên lý cơ bản về quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội
3. Vận dụng kiến thức lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học vào xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

b Về kỹ năng: (Số lượng 05)

4. Rèn luyện khả năng thuyết trình, tư duy phản biện;

5. Rèn luyện và nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng cho sinh viên.
6. Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;
7. Xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

c. Về thái độ:

8. Sinh viên có thái độ và bản lĩnh chính trị vững vàng
9. Phê phán những quan điểm sai trái
10. Xây dựng và bảo vệ đất nước

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Chương 1	3	2	1	[1]; [5]; [8]	
2	Chương 2	5	3	2	[2]; [5]; [6]; [8]	
3	Chương 3	5	3	2	[2]; [4]; [6]; [9]	
4	Chương 4	5	3	2	[2]; [4]; [5]; [6]; [9]	
5	Chương 5	4	3	1	[2]; [4]; [5]; [7]; [9]	
6	Chương 6	4	3	1	[2]; [4]; [7]; [8]; [9]	
7	Chương 7	4	3	1	[2]; [4]; [5]; [7]; [10]	
	Cộng	30	20	10		

CHƯƠNG I – NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.1. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học

1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph. Ăngghen

1.2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.2.1. C.Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới

1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay

1.3. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học

CHƯƠNG II - SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

2.1. QUAN NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

2.1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân

2.1.3. Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2.2. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

2.2.1. Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay

2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay

2.3. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

2.3.2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng

2.3.3. Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG III – CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1.1. Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

3.1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội

3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

3.2. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

3.3. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG IV – DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

4.1. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

4.2. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

4.3. XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4.3.3. Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG V – CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

5.1. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

5.2. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

5.3. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

CHƯƠNG VI – VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

6.1. VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

6.1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc

6.1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

6.2. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

6.2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo

6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

6.3. QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG VII – VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

7.1. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH

7.1.1. Khái niệm gia đình

7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình

7.2. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

7.2.3. Cơ sở văn hóa

7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

7.3. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

7.3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

7.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

7.3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

8. GIÁO TRÌNH:

[1]. Bộ Giáo Dục và Đào tạo, *Chủ nghĩa xã hội khoa học*, (Giáo trình dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên Lý luận chính trị) Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019

[2]. Bộ giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập* (VI, VII, VIII, IX, XI), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

[4]. Tạp chí Lý luận chính trị. Số ra hàng tháng.

[5]. Tạp chí Giáo dục lý luận. Số ra hàng tháng.

[6]. Bản tin thời sự VTV1, VTV3.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng
Điểm chuyên cần + rèn luyện học tập	20%
Điểm tiểu luận giữa kỳ	20%
Thi hết môn	60%

❖ *Điểm chuyên cần*

- Đánh giá thời gian đi học đúng giờ, ý thức học tập, sự tham gia tích cực vào quá trình học tập trên lớp, sự chuẩn bị bài trước khi lên lớp của sinh viên.

❖ *Điểm tiểu luận*

- Sinh viên viết tiểu luận trên cơ sở đánh giá của giảng viên

3. Thi hết học phần

- Hình thức thi: Trắc nghiệm + tự luận + liên hệ vận dụng thực tế
- Thời gian thi: 60 phút
- Sinh viên không được mang tài liệu hay các trang thiết bị lưu trữ điện tử vào phòng thi trong môn thi này.
- Nội dung ôn tập theo hệ thống ngân hàng câu hỏi được thông báo tại buổi học đầu tiên. Các vấn đề thắc mắc liên quan đến thi cử sẽ được giảng viên giải quyết trong tuần cuối cùng của môn học (hỏi đáp trong thời gian ôn thi qua điện thoại và email).

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TS. Ngô Minh Thuận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Triết học Mác – Lênin**

Tiếng Anh: **Philosophy of Marxism-Leninism**

Mã học phần: THML04

Tổng số tín chỉ: 03

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không điều kiện tiên quyết

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Chương 1: Giới thiệu khái quát về sự ra đời của học thuyết Mác – Lênin và yêu cầu của việc học tập và vận dụng môn học.

Trang bị cho sinh viên khái quát về chủ nghĩa Mác-Lênin; từ đó, nắm bắt được đối tượng, phương pháp học tập, nghiên cứu của môn học.

Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng là hạt nhân lý luận triết học của thế giới quan khoa học Mác-Lênin; là hệ thống lý luận và phương pháp luận được xác lập cơ sở giải quyết vấn đề cơ bản của triết học theo quan điểm duy vật biện chứng. Do đó, trang bị phần lý luận về thế giới quan khoa học, trong việc nhận thức và cải tạo thế giới khách quan.

Phép biện chứng duy vật là một bộ phận lý luận cơ bản hợp thành thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác –Lênin. Do đó, trang bị những kiến thức cơ bản về phép biện chứng và phép biện chứng duy vật gồm: Hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù và ba quy luật cơ bản cùng với những mối quan hệ biện chứng giữa chúng. Trên cơ sở những nguyên tắc và phương pháp luận rút ra ở mỗi nội dung, người học có thể nhận thức và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng là một trong những lý luận quan trọng nhất trong hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa

học trong hoạt động nhận thức con người. Qua đó, giúp người nhận thức ngày càng đầy đủ về giới tự nhiên, góp phần cải tạo giới tự nhiên hợp quy luật khách quan. Do đó, trong chương này người học cần nắm.

Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử, giúp sinh viên hiểu và nắm vững lý luận về hình thái kinh tế - xã hội, các quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người từ thấp đến cao. Từ đó, vận dụng vào xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Học phần Triết học Mác – Lênin trang bị thể giới quan, phương pháp luận khoa học trên lập trường duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Từ đó, định hướng cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực của sinh viên, góp phần cải tạo tự nhiên, xã hội, con người phát triển hợp quy luật khách quan.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

a. Về kiến thức: (Số lượng 03)

1. Học phần triết học Mác - Lênin (bao gồm những kiến thức cơ bản về Triết học Mác-Lênin), trang bị cho người học nắm vững thể giới quan, phương pháp luận.

2. Giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thể giới phát triển hợp quy luật.

3. Giúp người học nắm vững các nguyên lý, quy luật phổ biến của tự nhiên, xã hội, tư duy. Từ đó, vận dụng vào giải quyết các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy.

b. Về kỹ năng: (Số lượng 06)

4. Học phần triết học Mác - Lênin trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc biện chứng;

5. Rèn luyện khả năng thuyết trình, tư duy phản biện;

6. Rèn luyện và nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng cho sinh viên.

7. Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;

8. Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi;

9. Vận dụng tri thức triết học vào thực hiện nhiệm vụ của bản thân.

c. Về thái độ: (Số lượng 02)

10. Sau khi học xong học phần triết học Mác - Lênin, sinh viên có niềm tin khoa học vào định hướng xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

11. Có khả năng tuyên truyền cho người khác.

7. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	NỘI DUNG	Tổng Số tiết	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	Chuẩn đầu ra	Ghi chú
	Chương 1:	10 tiết	6 tiết	4 tiết Thảo luận	[1]; [2]; [4]; [6]	
	Chương 2:	15 tiết	9 tiết	6 tiết Thảo luận	[1]; [2]; [4]; [5]; [6]; [7], [8], [11]	
	Chương 3:	20 tiết	12 tiết	8 tiết Thảo luận	[1]; [2]; [3]; [5]; [6]; [7], [9], [10]	
		45	27	18		

CHƯƠNG 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1.1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1.1.1. Khái lược về triết học

1.1.1.1. Nguồn gốc của triết học

1.1.1.2. Khái niệm triết học

1.1.1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử

1.1.1.4. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan

1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học

1.1.2.1. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

1.1.2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

1.1.2.3. Thuyết có thể biết và thuyết không thể biết

1.1.3. Biện chứng và siêu hình

1.1.3.1. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử

1.1.3.2. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử

1.2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin

1.2.1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

1.2.1.2. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác

1.2.1.3. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện

1.2.1.4. Giai đoạn của Lênin trong sự phát triển triết học Mác

1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin

1.2.2.1. Khái niệm triết học Mác – Lênin

1.2.2.2. Đối tượng của triết học Mác – Lênin

1.2.2.3. Chức năng của triết học Mác – Lênin

1.2.3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam

1.2.3.1. Triết học Mác – Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn

1.2.3.2. Triết học Mác – Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc CM KH và CN hiện đại

1.2.3.3. Triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng CNXH trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN

CHƯƠNG 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

2.1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất

2.1.1.1. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước Mác về phạm trù vật chất

2.1.1.2. Cuộc cách mạng khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất

2.1.1.3. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

2.1.1.4. Các hình thức tồn tại của vật chất

2.1.1.5. Tính thống nhất vật chất của thế giới

2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức

2.1.2.1. Nguồn gốc của ý thức

2.1.2.2. Bản chất của ý thức

2.1.2.3. Kết cấu của ý thức

2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2.1.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình

2.1.3.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng

2.1.3.3. Ý nghĩa phương pháp luận

2.2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật

2.2.1.1. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan

2.2.1.2. Khái niệm phép biện chứng duy vật

2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

2.2.2.1. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật

2.2.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.2.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức

2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức

2.3.5. Tính chất của chân lý

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

3.1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội

3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

3.1.2.1. Phương thức sản xuất

3.1.2.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

3.1.3. Biện chứng giữa của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

3.1.3.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

3.1.3.2. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

3.1.4. Sự phát của các hình thái KT-XH là một quá trình lịch sử tự nhiên

3.1.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

3.1.4.2. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người

3.1.4.3. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng

3.2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp

3.2.1.1. Giai cấp

3.2.1.2. Đấu tranh giai cấp

3.2.1.3. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản

3.2.2. Dân tộc

3.2.2.1. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc

3.2.2.2. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay

3.2.3. Mối quan hệ giai cấp- dân tộc – nhân loại

3.2.3.1. Quan hệ giai cấp – dân tộc

3.2.3.2. Quan hệ giai cấp – dân tộc và nhân loại

3.3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

3.3.1. Nhà nước

3.3.1.1. Nguồn gốc của Nhà nước

3.3.1.2. Bản chất của Nhà nước

3.3.1.3. Đặc trưng cơ bản của Nhà nước

3.3.1.4. Chức năng cơ bản của Nhà nước

3.3.1.5. Các kiểu Nhà nước

3.3.2. Cách mạng xã hội

3.3.2.1. Nguồn gốc của cách mạng xã hội

3.3.2.2. Bản chất của cách mạng xã hội

3.3.2.3. Phương pháp của cách mạng xã hội

3.3.2.4. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay

3.4. Ý THỨC XÃ HỘI

3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

3.4.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội

3.4.1.2. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

3.4.2.1. Khái niệm ý thức xã hội

3.4.2.2. Kết cấu của ý thức xã hội

3.4.2.3. Tính giai cấp của ý thức xã hội

3.4.2.4. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

3.4.2.5. Các hình thái ý thức xã hội

3.4.2.6. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

3.5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người

3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

3.5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

3.5.3.1. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội

3.5.3.2. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

8. GIÁO TRÌNH

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, NXB CTQG, Hà Nội, 2019.
2. Học viện Chính sách và Phát triển, *Giáo trình Triết học*, NXB Chính trị quốc gia, 2012.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Hà Nội, 2018.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

4. Tạp Chí Triết học - Số ra hàng tháng.

5. Tạp chí Lý luận Chính trị - Số ra hàng tháng.

6. Tạp chí Giáo dục lý luận.

7. Bản tin thời sự 19h hàng ngày

Trang website

- Cổng thông điện tử Chính phủ <http://www.chinhphu.vn>

- Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư <http://www.mpi.gov.vn>

- Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo <https://en.moet.gov.vn>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng
Điểm chuyên cần + rèn luyện học tập	20%
Điểm tiểu luận giữa kỳ	20%
Thi hết môn	60%

❖ Điểm chuyên cần

- Đánh giá thời gian đi học đúng giờ, ý thức học tập, sự tham gia tích cực vào quá trình học tập trên lớp, sự chuẩn bị bài trước khi lên lớp của sinh viên.

❖ Điểm tiểu luận

- Sinh viên viết tiểu luận trên cơ sở đánh giá của giảng viên

❖ Thi hết học phần

- Hình thức thi: Trắc nghiệm + tự luận + liên hệ vận dụng thực tế
- Thời gian thi: 90 phút
- Sinh viên không được mang tài liệu hay các trang thiết bị lưu trữ điện tử vào phòng thi trong môn thi này.

- Nội dung ôn tập theo hệ thống ngân hàng câu hỏi được thông báo tại buổi học đầu tiên. Các vấn đề thắc mắc liên quan đến thi cử sẽ được giảng viên giải quyết trong tuần cuối cùng của môn học (hỏi đáp trong thời gian ôn thi qua điện thoại và email).

11. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

11.1. Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 11 - 12 tài liệu [1], trang 8 - 9, tài liệu [2], trang 49 - 50 tài liệu [3]).

11.2. Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 25 - 27 tài liệu [1], trang 21 - 22, tài liệu [2], trang 54 - 55 tài liệu [3]).

11.3. Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 73 - 74 tài liệu [1], trang 52 - 53, tài liệu [2], trang 41 - 42 tài liệu [3]).

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TS. Ngô Minh Thuận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Tiếng Anh: **Ho Chi Minh Ideology**

Mã học phần: THTT01

Số tín chỉ: 02

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Bộ môn Lý luận Chính trị

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Sinh viên phải học xong học phần Triết học Mác –Lênin, Kinh tế chính trị Mác –Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trong chương trình đào tạo cử nhân chính quy gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư

tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

a. Về kiến thức: (Số lượng 04)

1. Góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung (nhập môn) của học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Giúp cho sinh viên hiểu rõ cơ sở thực tiễn, lý luận và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu rõ các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Giúp cho sinh viên nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

3. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền, (nhớ tên các luận điểm, hiểu nội dung từng luận điểm, hiểu cơ sở hình thành từng luận điểm...). Nhận diện được những thành tựu và hạn chế của công tác xây dựng Đảng hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh. Những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

4. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. Trên cơ sở đó, người học biết vận dụng vào thực tiễn, thể hiện trách nhiệm xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

b. Về kỹ năng: (Số lượng 04)

5. Rèn luyện khả năng thuyết trình, tư duy phản biện; góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.

6. Rèn luyện và nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

7. Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;

8. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp luận Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn.

c. Về thái độ: (Số lượng 03)

9. Ý thức học tập, tu dưỡng rèn luyện theo gương Bác;
10. Ý thức đấu tranh phê phán các quan điểm, các việc làm sai trái,
11. Bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Đảng.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Chương 1	2	2	0	[1]; [6]	
2	Chương 2	5	4	1	[2]; [5];[6]	
3	Chương 3	6	4	2	[3]; [5];[6]; [10]	
4	Chương 4	6	4	2	[3]; [5];[6];[7]; [10]	
5	Chương 5	5	4	1	[3]; [5];[6];[7];[8]; [10]	
6	Chương 6	6	4	2	[4];[5];[6];[7];[8]; [10];[11]	
	CỘNG	30	22	8		

CHƯƠNG I – KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

1.3.2. Một số phương pháp cụ thể

1.4. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước.

1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác.

CHƯƠNG II - CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.1.1. Cơ sở thực tiễn

2.1.2. Cơ sở lý luận

2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

2.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới.

2.2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

2.2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

2.2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo.

2.2.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 năm 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

2.3. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.3.1. Đối với cách mạng Việt Nam

2.3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

CHƯƠNG III - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc

3.1.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc

3.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc

3.3.3. Điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

3.4 VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định

3.4.1. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa

3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

CHƯƠNG IV - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

4.1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

4.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

4.2.1. Nhà nước dân chủ

4.2.2. Nhà nước pháp quyền

4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

4.3. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh

4.3.2. Xây dựng Nhà nước

CHƯƠNG V - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

5.1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc

5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

5.1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất.

5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

5.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

5.2.1. Sự cần thiết đoàn kết quốc tế

5.2.2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức

5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

5.3. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng

5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng khối liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng

5.3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

CHƯƠNG VI - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI

6.1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

6.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

6.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

6.2.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng

6.2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

6.2.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

6.3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người

6.4. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa con người

6.4.2. Về xây dựng đạo đức cách mạng.

8. GIÁO TRÌNH:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, *tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

4.. *Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

5. Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016

6. Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội 2006.

7. Song Thành, *Hồ Chí Minh – Tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội 2006.

8. Duiker William J. : *Ho Chi Minh a lif*, Hyperion, New York, 2000.
9. Jean Lacouture: *Ho Chi Minh, Ed. Seuil, Paris, 1967*.
10. Prerre Brocheux: *Ho Chi Minh*, Presses de Sciences Politiques, Pari, 2000.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng
Điểm chuyên cần + rèn luyện học tập	20%
Điểm tiểu luận giữa kỳ	20%
Thi hết môn	60%

1. Điểm chuyên cần:

Đánh giá dựa trên mức độ tham gia của từng sinh viên vào trong bài giảng và thảo luận cả trên lớp và sau giờ học. Chấm chỉ lên lớp không có nghĩa là bạn sẽ được điểm chuyên cần cao!

2. Điểm kiểm tra giữa kỳ:

Sinh viên làm bài kiểm tra 1 tiết theo yêu cầu đề của giảng viên.

3. Thi kết thúc học phần

Có nhiều đề thi khác nhau, mỗi đề thi có cấu trúc như sau:

- Phần câu hỏi trắc nghiệm (40%)
- Phần tự luận (60%)
- Thời gian thi: 60 phút
- Sinh viên không được mang tài liệu hay các trang thiết bị lưu trữ điện tử vào phòng thi trong môn thi này.
- Nội dung ôn tập theo hệ thống ngân hàng câu hỏi được thông báo tại buổi học đầu tiên. Các vấn đề thắc mắc, liên quan đến thi hết học phần sẽ được giảng viên giải quyết trong tuần cuối cùng của môn học (hỏi đáp trong thời gian ôn thi qua điện thoại và email).

11. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

11.1. Chương I: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế Chính trị Mác - Lênin

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 9 - 10 tài liệu [1], trang 11 - 12, tài liệu[2]).

11.2. Chương II - Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 21 - 22 tài liệu [1], trang 25 - 26, tài liệu[2]).

11.3. Chương 3- Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 44 - 45 tài liệu [1], trang 48 - 49, tài liệu[2]).

11.4. Chương 4 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 77, 82 tài liệu [1], trang 79, 85, tài liệu[2]).

11.5. Chương 5 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 107 - 108 tài liệu [1], trang 110 - 112, tài liệu[2]).

11.6. Chương 6 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức con người

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 140 - 141 tài liệu [1], trang 147 - 148, tài liệu[2]).

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TS Ngô Minh Thuận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**

Mã học phần: THLD07

Tổng số tín chỉ: 02

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

3. ĐIỀU KIỆN: Điều kiện bắt buộc học sau học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Chương 1: Giới thiệu khái quát về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, giúp người học nắm vững cách tiếp cận và ý nghĩa của việc học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương 2: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử của cách mạng giải phóng dân tộc, là nhân tố quyết định thắng lợi cách mạng Việt Nam. Tiếp đó, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ (1930 – 1945), đưa cách mạng Việt Nam giành thắng lợi, góp phần giải phóng giai cấp, dân tộc, con người.

Chương 3: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước từ (1945 – 1975).

Chương 4: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018)

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

- Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giáo dục về truyền thống cách mạng, về chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, về lòng tự hào đối với Đảng và đối với dân tộc Việt Nam. Nâng cao phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, tính kiên định cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

a. Về kiến thức: (Số lượng 03)

1. Làm sáng tỏ quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

2. Cung cấp cho sinh viên những minh chứng lịch sử khoa học về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giai cấp, con người.

3. Làm rõ những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam; góp phần tổng kết những kinh nghiệm lịch sử phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc CNXH; đồng thời giáo dục niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường cách mạng Việt Nam.

b. Về kỹ năng: (Số lượng 03)

4. Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích tình huống, sự kiện lịch sử,

5. Phương pháp đúc kết kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng

6. Ý thức phê phán những sai trái, xuyên tạc về lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam.

c. Về thái độ: (Số lượng 02)

7. Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên có niềm tin khoa học vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, về định hướng xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

8. Khả năng tuyên truyền cho người khác hiểu và nhận thức rõ về giá trị lịch sử mà Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc Việt Nam xây dựng và phát triển.

7. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	NỘI DUNG	Tổng Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận	Chuẩn đầu ra	Ghi chú
1	Chương 1:	2 tiết	tiết 1	1 tiết	[1]; [6]	
2	Chương 2:	6 tiết	4 tiết	2 tiết	[1]; [4];[6]	
3	Chương 3:	11 tiết	6 tiết	5 tiết	[2]; [5];[8]	
4	Chương 4:	11 tiết	9 tiết	2 tiết	[3]; [6];[7]	
Tổng		30	20	10		

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.1.2. Mục đích, yêu cầu của Khoa học Lịch sử Đảng

1.2. Chức năng, nhiệm vụ của môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

1.2.2. Nhiệm vụ của khóa học lịch sử

1.3. Phương pháp nghiên cứu học tập môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1.3.1. Quán triệt phương pháp luận lịch sử

1.3.2. Các phương pháp cụ thể

1.3.3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Chương 2: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 – 1945)

2.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 – 1930)

2.1.1. Bối cảnh lịch sử

2.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị những điều kiện để thành lập Đảng

2.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

2.1.4. Ý nghĩa lịch sử của thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

2.2. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)

2.2.1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và khôi phục phong trào 1932 – 1935

2.2.2. Phong trào dân chủ 1936 – 1939

2.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945

2.3.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 – 1975)

3.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)

3.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 – 1946

3.2.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

3.2.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951 – 1954

3.2.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp của Mỹ

3.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (1954 – 1975)

3.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc 1954 – 1965

3.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965 – 1975

3.3.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 – 1975

Chương 4: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ ĐI LÊN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 – 2018)

4.1. Đảng lãnh đạo cả nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1986)

4.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ chính quyền non trẻ 1975 – 1981

4.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986

4.2. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế (1986 – 2018)

4.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế 1986 – 1996

4.2.2. Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế 1996 – 2018

4.2.3. Thành tựu và kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

KẾT LUẬN

8. GIÁO TRÌNH

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng*, NXB CTQG, Hà Nội, 2019.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng Lý luận Trung ương biên soạn, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

4. Tạp chí Lịch sử Đảng - Số ra hàng tháng.

5. Tạp chí Lý luận Chính trị - Số ra hàng tháng.

6. Tạp chí Giáo dục lý luận.

7. Bản tin thời sự 19h hàng ngày

Trang website

- Cổng thông điện tử Chính phủ <http://www.chinhphu.vn>

- Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư <http://www.mpi.gov.vn>

- Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo <https://en.moet.gov.vn>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng
Điểm chuyên cần + rèn luyện học tập	20%
Điểm tiểu luận giữa kỳ	20%
Thi hết môn	60%

1. Điểm chuyên cần

- Đánh giá thời gian đi học đúng giờ, ý thức học tập, sự tham gia tích cực vào quá trình học tập trên lớp, sự chuẩn bị bài trước khi lên lớp của sinh viên.

2. Điểm kiểm tra

- Sinh viên làm bài kiểm tra trên cơ sở đánh giá của giảng viên

3. Thi hết học phần

- Hình thức thi: Trắc nghiệm + tự luận
- Thời gian thi: 60 phút
- Sinh viên không được mang tài liệu hay các trang thiết bị lưu trữ điện tử vào phòng thi trong môn thi này.

- Nội dung ôn tập theo hệ thống ngân hàng câu hỏi được thông báo tại buổi học đầu tiên. Các vấn đề thắc mắc liên quan đến thi cử sẽ được giảng viên giải quyết trong tuần cuối cùng của môn học (hỏi đáp trong thời gian ôn thi qua điện thoại và email).

11. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

11.1. Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 9 - 10 tài liệu [1], trang 11 - 12, tài liệu[2])

11.2. Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 32-33 tài liệu [1], trang 46 - 47, tài liệu[2])

11.3. Chương 3: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975)

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 65-66, 71-72 tài liệu [1], trang 65 - 66, tài liệu[2])

11.4. Chương 4: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018)

(Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tại trang 118 - 119 tài liệu [1], trang 120 - 125, tài liệu[2]).

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

TS Ngô Minh Thuận

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**

Tiếng Anh: **Fundamentals of Laws**

Mã học phần: **LUDC01**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Luật Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không yêu cầu điều kiện học trước

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Pháp luật đại cương được phân bố gồm 03 phần:

- Phần thứ nhất nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về nhà nước như nguồn gốc ra đời nhà nước; bản chất, các kiểu nhà nước; chức năng, bộ máy, hình thức nhà nước và chế độ chính trị.

- Phần thứ hai nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản nhất về pháp luật như nguồn gốc ra đời pháp luật, bản chất, chức năng và các kiểu pháp luật, Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý, Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật.

- Phần thứ ba nghiên cứu một số nội dung cơ bản nhất của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam như ngành luật Hiến pháp (ngành luật Nhà nước), ngành luật Hành chính, ngành luật Hình sự và ngành luật tố tụng hình sự, ngành luật dân sự và ngành luật Tố tụng dân sự, ngành luật Lao động, ngành luật Hôn nhân Gia đình... và giới thiệu về hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

Ký hiệu	Mục tiêu học phần
G1	<i>Về kiến thức:</i> trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật nói chung và nhà nước, pháp luật Việt Nam nói riêng; kiến thức tổng quan về hệ thống chính trị, hiểu được những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy Nhà nước Việt Nam, đặc biệt là cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng; những nội dung cơ bản của 9 ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
G2	<i>Về kỹ năng:</i> có kỹ năng sống trong nhà nước pháp quyền, có kỹ năng tìm tài liệu, nghiên cứu tài liệu, văn bản pháp luật của nhà nước; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính.
G3	<i>Về thái độ:</i> nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của bản thân và góp phần tuyên truyền giáo dục pháp luật cho các đối tượng khác; tinh thần trách nhiệm với gia đình, với cộng đồng và với xã hội trong xử lý các tình huống thực tế xảy ra với gia đình, cộng đồng, xã hội.

6. CHUẨN ĐẦU RA

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
G1	[1] Nắm vững lý luận về nhà nước và pháp luật nói chung và nhà nước, pháp luật Việt Nam nói riêng. [2] Nắm vững kiến thức tổ chức các thiết chế trong bộ máy nhà nước của một số quốc gia trên thế giới (Nghị viện; Chính phủ; Tòa án). [3] Nắm vững kiến thức lý luận và thực tế bảo đảm quyền con người; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; cơ chế bảo hiến.
G2	[4] Kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; giải quyết và phân tích tình huống vi phạm pháp luật. [5] Kỹ năng tìm tài liệu, nghiên cứu tài liệu, văn bản pháp luật.
G3	[6] Có phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các nguyên tắc trong tổ chức Nhà nước và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Chương 1	3	2	1	[1]; [4]; [6]	
2	Chương 2	3	2	1	[1]; [4]; [5]; [6]	
3	Chương 3	3	2	1	[1]; [3]; [6]	
4	Chương 4	3	2	1	[1]; [2]; [6]	
5	Chương 5	6	5	1	[1]; [2]; [6]	
6	Chương 6	3	2	1	[1]; [4]; [6]	
7	Chương 7	3	2	1	[1]; [4]; [5]; [6]	
8	Chương 8	6	5	1	[1]; [3]; [6]	
9	Chương 9	6	4	2	[1]; [2]; [6]	
10	Chương 10	3	2	1	[1]; [2]; [6]	
11	Chương 11	3	2	1	[1]; [4]; [6]	
12	Chương 12	3	2	1	[1]; [4]; [5]; [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 – Nguồn gốc, bản chất và các kiểu Nhà nước

1.1. Nguồn gốc Nhà nước

1.1.1. Một số học thuyết về nguồn gốc của Nhà nước.

1.1.2. Các con đường hình thành Nhà nước

1.2. Bản chất Nhà nước

1.2.1. Các dấu hiệu đặc trưng của Nhà nước.

1.2.2. Tính chất giai cấp của Nhà nước.

1.2.3. Vai trò xã hội của Nhà nước.

1.3. Các kiểu Nhà nước

1.3.1. Khái niệm.

1.3.2. Các kiểu Nhà nước tồn tại trong lịch sử.

1.3. Các kiểu Nhà nước

1.3.1. Khái niệm.

1.3.2. Các kiểu Nhà nước tồn tại trong lịch sử.

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 12-17 tài liệu [2]*

1.1.2. Các con đường hình thành Nhà nước

CHƯƠNG 2 – Chức năng, bộ máy, hình thức Nhà nước và chế độ chính trị

2.1. Chức năng Nhà nước.

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Các hình thức và phương pháp thực hiện chức năng Nhà nước.

2.2. Bộ máy Nhà nước.

2.2.1. Khái niệm.

2.2.2. Đặc điểm của bộ máy Nhà nước.

2.2.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động bộ máy nhà nước.

2.3. Hình thức Nhà nước.

2.3.1. Khái niệm.

2.3.2. Hình thức chính thể.

2.3.3. Hình thức cấu trúc.

2.3.4. Chế độ chính trị.

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 34-36 tài liệu [2]*

2.2.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động bộ máy nhà nước

CHƯƠNG 3 – Nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn và kiểu pháp luật

3.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.

3.1.1. Nguồn gốc và khái niệm pháp luật.

3.1.2. Bản chất của pháp luật.

3.1.3. Những thuộc tính cơ bản của pháp luật.

3.1.4. Chức năng của pháp luật

3.2. Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật.

3.2.1. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế.

3.2.2. Mối quan hệ giữa pháp luật với Nhà nước.

3.2.3. Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị.

3.2.4. Mối quan hệ giữa pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác.

3.3. Hình thức pháp luật, kiểu pháp luật.

3.3.1. Hình thức pháp luật.

3.3.2. Kiểu pháp luật

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên nghiên cứu: *trang 56-59 tài liệu [2]*

3.2.4. Mối quan hệ giữa pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác

CHƯƠNG 4 – Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật

4.1. Quy phạm pháp luật.

4.1.1. Khái niệm và những đặc điểm chung của pháp luật.

4.1.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật.

4.1.3. Phân loại quy phạm pháp luật

4.2. Quan hệ pháp luật.

4.2.1. Khái niệm.

4.2.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật.

4.2.3. Cấu trúc của quan hệ pháp luật.

4.2.4. Sự kiện pháp lý và phân loại sự kiện pháp lý

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.

- Sinh viên nghiên cứu: *trang 101-104 tài liệu [2]*

4.1.3. Phân loại quy phạm pháp luật

CHƯƠNG 5 – Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật

5.1. Vi phạm pháp luật.

5.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật.

5.1.2. Cấu thành vi phạm pháp luật.

5.1.3. Các loại vi phạm pháp luật.

5.2. Trách nhiệm pháp lý.

5.2.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý

5.2.2. Các loại trách nhiệm pháp lý.

5.3. Thực hiện pháp luật.

5.3.1. Định nghĩa.

5.3.2. Đặc điểm.

5.3.3. Các hình thức thực hiện pháp luật.

5.4. Áp dụng pháp luật.

5.4.1. Định nghĩa.

5.4.2. Các trường hợp áp dụng pháp luật.

5.4.3. Đặc điểm

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương

- Sinh viên nghiên cứu: *trang 124-125 tài liệu [2]*

5.4.2. Các trường hợp áp dụng pháp luật.

CHƯƠNG 6 - Ngành luật Hiến pháp

6.1. Khái niệm Luật Hiến pháp.

6.1.1. Khái niệm.

6.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật Hiến pháp.

6.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp.

6.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp Việt Nam.

6.2.1. Hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6.2.2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống chính trị

6.2.3. Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị

6.2.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác

6.2.5. Nhân dân trong hệ thống chính trị

6.3. Bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

6.3.1. Khái niệm

6.3.2. Bộ máy Nhà nước Việt Nam

6.4. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

6.4.1. Quyền con người

6.4.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương

- Sinh viên nghiên cứu: *trang 130-131 tài liệu [2]*

6.2.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác

CHƯƠNG 7 - Ngành luật Hành chính Việt Nam

7.1. Pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

7.1.1. Khái niệm cơ quan hành chính Nhà nước

7.1.2. Địa vị pháp lý của cơ quan hành chính Nhà nước

7.2. Cán bộ, công chức, viên chức

7.2.1. Cán bộ, công chức

7.2.2. Viên chức

7.3. Pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

7.3.1. Khiếu nại và việc giải quyết khiếu nại.

7.3.2. Tố cáo và việc giải quyết tố cáo.

7.4. Trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính.

7.4.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm hành chính.

7.4.2. Vi phạm hành chính.

7.4.3. Xử lý vi phạm hành chính.

7.5. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về tố tụng hành chính

7.5.1. Phạm vi điều chỉnh và hiệu lực của Luật tố tụng hành chính.

7.5.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh

7.5.3. Những khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

7.5.4. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng

7.5.5. Khởi kiện, thụ lý và giải quyết vụ án

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương

- Sinh viên nghiên cứu: *trang 145-148 tài liệu [2]*

7.5.4. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng

CHƯƠNG 8 - Ngành luật Hình sự và ngành luật Tố tụng hình sự

8.1. Ngành luật Hình sự.

8.1.1. Khái niệm Luật Hình sự.

8.1.2. Khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự.

8.1.3. Các vấn đề khác về luật Hình sự Việt Nam.

8.1.4. Các tội phạm

8.1.5. Hình phạt và các biện pháp tư pháp

8.1.6. Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt.

8.1.7. Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội

8.2. Ngành luật Tố tụng Hình sự.

8.2.1. Khái niệm tố tụng hình sự và luật Tố tụng Hình sự.

8.2.2. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh

8.2.3. Các nguyên tắc của luật Tố tụng hình sự Việt Nam.

8.2.4. Cơ quan tiến hành tố tụng.

8.2.5. Người tiến hành tố tụng.

8.2.6. Người tham gia tố tụng.

8.2.7. Các giai đoạn tố tụng

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương

- Sinh viên nghiên cứu: *trang 182-184 tài liệu [2]*

8.1.6. Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt.

CHƯƠNG 9 - Ngành luật Dân sự và ngành luật Tố tụng dân sự

9.1. Ngành luật dân sự.

9.1.1. Khái quát chung về luật Dân sự.

9.1.2. Một số chế định cơ bản của Bộ luật Dân sự năm 2005.

9.2. Ngành luật Tố tụng dân sự.

9.2.1. Khái quát chung về luật Tố tụng dân sự.

9.2.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật Tố tụng dân sự Việt Nam

9.2.3. Thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự của Tòa án.

9.2.4. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và việc thay đổi người tiến hành tố tụng

9.2.5. Thành phần giải quyết vụ việc dân sự.

9.2.6. Người tham gia tố tụng.

9.2.7. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

9.2.8. Án phí, lệ phí và các chi phí tố tụng khác.

9.2.9. Cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng.

9.2.10. Thời hạn tố tụng.

9.2.11. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự.

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 207-210 tài liệu [2]*

9.2.11. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự

CHƯƠNG 10 - Ngành luật Hôn nhân và Gia đình

10.1. Khái quát chung.

10.1.1. Khái niệm

10.1.2. Đối tượng điều chỉnh

10.1.3. Phương pháp điều chỉnh

10.2. Một số chế định cơ bản của luật Hôn nhân và Gia đình

10.2.1. Kết hôn

10.2.2. Quan hệ giữa vợ và chồng

10.2.3. Chấm dứt hôn nhân

10.2.4. Quan hệ giữa cha mẹ và con

10.2.5. Cấp dưỡng

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 254-255 tài liệu [2]*

10.2.5. Cấp dưỡng

CHƯƠNG 11 - Ngành luật Lao động

11.1. Khái quát chung

11.1.1. Khái niệm

11.1.2. Đối tượng điều chỉnh

11.1.3. Phương pháp điều chỉnh

11.2. Một số chế định cơ bản của luật lao động

11.2.1. Hợp đồng lao động

11.2.2. Tiền lương

11.2.3. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

11.2.4. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất

11.2.5. Bảo hiểm xã hội

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 321-324 tài liệu [2]*

11.2.5. Bảo hiểm xã hội

CHƯƠNG 12 – Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam

12.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

12.1.1. Khái niệm và đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật

12.1.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

12.2. Nội dung văn bản quy phạm pháp luật

12.2.1. Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội

12.2.2. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội

12.2.3. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

12.2.4. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

12.2.5. Nghị định của Chính phủ

12.2.6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

12.2.7. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

12.2.8. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

12.2.9. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

12.2.10. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

12.2.11. Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước

12.2.12. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

12.3. Hiệu lực của văn bản Quy phạm pháp luật.

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 431-436 tài liệu [2]*

12.2.11. Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước

8. GIÁO TRÌNH

1. Tập bài giảng môn pháp luật đại cương, Học viện Chính sách và Phát triển, 2013

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Giáo trình Pháp luật đại cương, Khoa Luật Đại học Kinh tế quốc dân, 2013, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

(đã ký)

TS Nguyễn Như Hà

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Tiếng Anh: **Research Methods**

Mã học phần: PPNC09

Số tín chỉ: **02**

2. KHOA PHỤ TRÁCH: Khoa Chính sách công

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không bắt buộc

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu.

Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên sẽ nắm được yêu cầu khi thực hiện một nghiên cứu khoa học, trình tự các bước thực hiện và nội dung của từng bước.
G2	Sinh viên có khả năng xác định được một vấn đề và thiết kế một đề cương nghiên cứu.

G3	Sinh viên có năng lực triển khai một nghiên cứu, tổ chức thu thập thông tin, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.
-----------	--

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Ký hiệu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Khái quát về phương pháp nghiên cứu khoa học: quan niệm, đặc điểm, các yếu tố ảnh hưởng, phân biệt các thuật ngữ thường dùng trong nghiên cứu khoa học; [2] Các bước tiến hành nghiên cứu khoa học (trường hợp với 1 Báo cáo khoa học hoặc Khóa luận tốt nghiệp): Lựa chọn chủ đề nghiên cứu và đặt tên đề tài ☐ Viết đề cương nghiên cứu ☐ Tiến hành nghiên cứu ☐ Trình bày kết quả nghiên cứu. [3] Cách phương pháp nghiên cứu cơ bản: phương pháp thu thập thông tin (gồm: nghiên cứu tài liệu, khảo sát thực địa, chuyên gia, điều tra bằng bảng hỏi), phương pháp xử lý và thể hiện thông tin (phương pháp xử thông tin định tính, phương pháp xử lý thông tin định lượng).
G2	[4] Kỹ năng thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học. Kỹ năng vận dụng tổng hợp các phương pháp trong một công trình nghiên cứu, đặc biệt là các kỹ năng về thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu; [5] Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu và kỹ năng thuyết trình trước đám đông.
G3	[6] Tự rèn luyện bản thân trở thành nhà nghiên cứu có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, chủ động, sáng tạo, trung thực, có trách nhiệm.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Chương 1	6	3	3	[1]; [4]; [6]	

2	Chương 2	10	5	5	[1];[4]; [5]; [6]	Làm việc với giảng viên chuyên ngành hướng dẫn đề tài
3	Chương 3	9	3	6	[1]; [3]; [6]	
4	Thực hành	12	0	12	[4]; [5]	
5	Chương 4	8	4	4	[1]; [2]; [6]	
	Cộng	45	15	30		

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- 1.1. Nghiên cứu khoa học là gì?
- 1.2. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học (nhằm phân biệt với các hoạt động khác)
- 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thành công – thất bại của nghiên cứu
- 1.4. Các thuật ngữ thường dùng trong nghiên cứu khoa học
- 1.5. Các bước tiến hành nghiên cứu khoa học (giới thiệu sơ lược): Lựa chọn chủ đề nghiên cứu và đặt tên đề tài ☐ Viết đề cương nghiên cứu ☐ Tiến hành nghiên cứu ☐ Trình bày kết quả nghiên cứu.

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 13-17, tài liệu [3]

Chương 2: XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

- 2.1. Hình thành và phát triển ý tưởng nghiên cứu khoa học
- 2.2. Cụ thể hoá, trau chuốt ý tưởng nghiên cứu và lựa chọn tên đề tài
- 2.3. Xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài và đánh giá về các tài liệu tham khảo đã thu thập được
- 2.4. Xác định phương pháp luận cho đề tài, dự kiến các phương pháp nghiên cứu
- 2.5. Viết đề cương nghiên cứu

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

Chương 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- 3.1. Các yếu tố tác động đến việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu
- 3.2. Phương pháp thu thập thông tin
- 3.3. Phương pháp xử lý thông tin

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 73-81 tài liệu [2]
- Sinh viên thực hành nghiên cứu với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên ngành, thống nhất đề tài, hướng nghiên cứu và đăng ký với giảng viên.

Chương 4: PHƯƠNG PHÁP THỂ HIỆN NỘI DUNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Phương pháp thể hiện bảng, biểu số liệu

4.2. Phương pháp thể hiện biểu đồ, sơ đồ, hình vẽ

4.3. Một số quy định về trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học

4.4. Một số kỹ năng trình bày và thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 127-134 tài liệu [3]

8. GIÁO TRÌNH

1. Vũ Cao Đàm (2011), Giáo trình Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học, NXB Giáo dục Việt Nam.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Ngô Doãn Vỹ (2011), Phương pháp Nghiên cứu khoa học, NXB Chính trị quốc gia.

3. Nguyễn Đình Thọ (2013), Phương pháp Nghiên cứu khoa học trong Kinh doanh, TP.Hồ Chí Minh.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương thức kiểm tra/đánh giá

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thuyết trình kết quả nghiên cứu	60%	- Kỹ năng thuyết trình: 20% - Trình bày kết quả nghiên cứu: 20% - Kết quả nghiên cứu: 60%.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS. Ngô Phúc Hạnh

PGS.TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Kinh tế vi mô 1

Tiếng Anh: Principles of Microeconomic

Mã học phần: KHMI01

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH: Khoa Kinh tế phát triển

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Toán cao cấp 1

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này giới thiệu những lý thuyết, mô hình chủ yếu trong kinh tế học vi mô. Nội dung của mỗi bài học đều cập nhật những lý thuyết và công cụ phân tích kinh tế tiên tiến, tập trung vào các chuyên đề về hành vi tiêu dùng, hành vi sản xuất, các mô hình thị trường...đặc biệt có đưa vào các phân tích định lượng ở mức độ nhất định nhằm hỗ trợ các phân tích kinh tế và chính sách.

Ngoài ra, môn học cũng đề cập đến những nội dung khác như sự tác động của các biến phi kinh tế khác, rủi ro và không chắc chắn, v.v.. nhằm giúp cho người học có thể nắm bắt được các kiến thức trong kinh tế vi mô một cách đầy đủ và có hệ thống hơn. Các công cụ toán học và mô hình được sử dụng trong suốt môn học nhằm trình bày các vấn đề kinh tế vi mô như: sở thích, lợi ích, công nghệ, sản xuất, chi phí, lợi nhuận... một cách logic và hướng người học tới các phân tích định lượng về kinh tế.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc học phần, sinh viên hiểu được kiến thức nền tảng, vận dụng được công cụ, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết. Cụ thể:

Ký hiệu	Mục tiêu học phần
G1	Nắm được những nguyên lý kinh tế vi mô nâng cao, từ đó làm nền tảng cho các phân kinh tế và hoạch định chính sách

G2	Hiểu và vận dụng những lý thuyết và công cụ phân tích kinh tế tiên tiến, tập trung vào các chuyên đề về hành vi tiêu dùng, hành vi sản xuất, các mô hình thị trường
G3	Hoàn thiện kỹ năng phân tích định lượng ở mức độ nhất định nhằm hỗ trợ các phân tích kinh tế và chính sách.

6. CHUẨN ĐẦU RA

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
G1	(1) Sinh viên nắm bắt những khái niệm về kinh tế học nói chung và kinh tế vi mô nói riêng (2) Hiểu được bản chất vận hành của nền kinh tế và của thị trường hàng hóa dịch vụ
G2	(3) Trang bị các kỹ năng về sử dụng lý thuyết kinh tế thị trường giải thích các hiện tượng xảy ra trong nền kinh tế
G3	(4) Có quan điểm khoa học về các hoạt động của thị trường hàng hóa, dịch vụ (5) Vận dụng các kỹ năng trong phân tích kinh tế vào thực tiễn cuộc sống

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành		
1	Chương 1	6	4	2	1;4;5	
2	Chương 2	9	7	2	1;4;5	
3	Chương 3	6	4	2	1;2;5	
4	Chương 4	3	2	1	1;2;4;5	
5	Chương 5	6	3	3	1;2;4;5	
6	Chương 6	9	4	5	1;3;4;5	
7	Chương 7	3	2	1	1;3;4;5	
	Kiểm tra	3	0	3	1;2;3;4;5	
	Cộng	45	26	19		

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC

1.1 Tổng quan về kinh tế học

1.1.1. Kinh tế học và nền kinh tế

1.1.2. Các bộ phận của kinh tế học

1.2 Nội dung và phương pháp nghiên cứu

1.2.1. Nội dung của kinh tế vi mô

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô

1.3 Lý thuyết lựa chọn kinh tế

1.3.1. Quy luật khan hiếm

1.3.2. Chi phí cơ hội

1.3.3. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần

1.3.4. Đường giới hạn khả năng sản xuất

1.3.5. Phân tích cận biên - phương pháp lựa chọn tối ưu

Hướng dẫn tự học: Đọc và làm bài tập ở chương 1, trang 17-24, tài liệu tham khảo [2].

CHƯƠNG 2 - LÝ THUYẾT CUNG CẦU

2.1 Cầu (Demand)

2.1.1 Tác động của giá tới lượng cầu

2.1.2 Tác động của các yếu tố khác tới cầu

2.1.3 Hàm cầu

2.1.4 Cầu cá nhân và cầu thị trường.

2.2 Cung (Supply)

2.2.1 Tác động của giá tới lượng cung

2.2.2 Tác động của các yếu tố khác đến cung

2.2.3 Hàm cung

2.2.4 Cung cá nhân và cung thị trường

2.3 Cân bằng thị trường

2.3.1 Xác định cân bằng thị trường bằng đồ thị.

2.3.2 Xác định cân bằng thị trường bằng toán học

2.3.3 Thị trường xác định cân bằng

2.4. Thay đổi trạng thái cân bằng

2.4.1 Tác động của sự dịch chuyển của cầu

2.4.2 Tác động của sự dịch chuyển của đường cung

2.4.3 Tác động của sự dịch chuyển của cả đường cầu và đường cung

2.5. Tác động của sự can thiệp của chính phủ

2.5.1 Tác động của chính sách thuế

2.5.2 Tác động của kiểm soát giá

Hướng dẫn tự học: Đọc và làm bài tập trang 114-115, tài liệu tham khảo [2].

CHƯƠNG 3 - CO GIÃN CỦA CẦU VÀ CUNG

3.1. Độ co giãn của cầu theo giá

3.1.1. Khái niệm, công thức xác định

3.1.2. Phương pháp tính

3.1.3. Phân loại độ co giãn của cầu theo giá

3.1.4. Quan hệ giữa EDP, P và TR

3.1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến co giãn của cầu theo giá

3.1.6. Ý nghĩa của độ co giãn của cầu theo giá

3.2. Độ co giãn chéo của cầu

3.2.1. Khái niệm, công thức xác định

3.2.2. Phương pháp tính

3.2.3. Phân loại độ co giãn chéo

3.2.4. Ý nghĩa của độ co giãn chéo của cầu

3.3. Độ co giãn của cầu theo thu nhập

3.3.1. Khái niệm, công thức xác định

3.3.2. Phương pháp tính

3.3.3. Phân loại độ co giãn của cầu theo thu nhập

3.3.4. Ý nghĩa của độ co giãn của cầu theo thu nhập

3.4. Độ co giãn của cung theo giá

3.4.1. Khái niệm, công thức xác định

3.4.2. Phương pháp tính

3.4.3. Phân loại độ co giãn của cung theo giá

3.4.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới độ co giãn của cung theo giá

Hướng dẫn tự học: Đọc và làm bài tập trang 130-133, trang 153, tài liệu tham khảo [2].

CHƯƠNG 4 - LÝ THUYẾT LỢI ÍCH

4.1. Các khái niệm và giả định cơ bản

4.1.1. Khái niệm, công thức tính và giả định lợi ích đo được

4.1.3. Quy luật lợi ích cận biên giảm dần

4.1.4. Lợi ích cận biên và đường cầu

4.1.5. Thặng dư tiêu dùng

4.2. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu

4.2.1. Nguyên tắc tối đa hoá lợi ích của người tiêu dùng

4.2.2. Cân bằng của người tiêu dùng

Hướng dẫn tự học: Đọc tài liệu tham khảo [2], trang 161-170.

CHƯƠNG 5 - SẢN XUẤT, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN

5.1. Lý thuyết sản xuất

5.1.1. Hàm sản xuất

5.1.2. Sản xuất với 1 đầu vào biến đổi

5.2. Lý thuyết chi phí

5.2.1. Các chi phí về tài nguyên

5.2.2. Chi phí kinh tế và chi phí tính toán

5.2.3. Chi phí ngắn hạn

5.3. Lợi nhuận

5.3.1. Khái niệm và công thức tính

5.3.2. Lợi nhuận kinh tế và lợi nhuận tính toán

5.3.3. Những yếu tố tác động đến lợi nhuận

5.3.4. Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận

Hướng dẫn tự học: Đọc và làm bài tập trang 195-205, tài liệu tham khảo [2].

CHƯƠNG 6 - CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG

6.1. Các loại thị trường

6.1.1. Các khái niệm cơ bản

6.1.2. Phân loại thị trường

6.2. Cạnh tranh hoàn hảo

6.2.1. Những đặc điểm của cạnh tranh hoàn hảo

6.2.2. Lựa chọn sản lượng của hãng cạnh tranh trong ngắn hạn

6.2.3. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất

6.2.4. Đường cung của hãng cạnh tranh và của thị trường trong ngắn hạn

6.2.5. Phân tích các tác động khi chính phủ can thiệp vào thị trường

6.3. Độc quyền

6.3.1. Những đặc điểm của thị trường độc quyền

6.3.2. Các nguyên nhân dẫn đến độc quyền

6.3.3. Đường cầu và đường doanh thu cận biên trong độc quyền

6.3.4. Quyết định sản xuất của độc quyền

6.4. Các thị trường cạnh tranh không hoàn hảo

6.4.1. Đặc điểm và nội dung cơ bản của thị trường cạnh tranh độc quyền

6.4.2. Đặc điểm và nội dung cơ bản của thị trường độc quyền tập đoàn.

Hướng dẫn tự học: Đọc và làm bài tập trang 356-360, và 384-395, tài liệu tham khảo [2].

CHƯƠNG 7 - THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

7.1 Cầu lao động

7.1.1. Cầu lao động của cá nhân hãng

7.1.2. Đường cầu lao động thị trường

7.1.3. Sự dịch chuyển của đường cầu lao động

7.2. Cung lao động

7.2.1. Cung lao động cá nhân

7.2.2. Đường cung lao động của thị trường

7.2.3. Sự dịch chuyển của đường cung lao động

7.3. Cân bằng trong thị trường lao động cạnh tranh

7.3.1 Cân bằng thị trường lao động cạnh tranh

7.3.2. Sự thay đổi của trạng thái cân bằng trong thị trường lao động

Hướng dẫn tự học: Đọc và làm bài tập trang 472-474, tài liệu tham khảo [2].

8. GIÁO TRÌNH:

(1) Giáo trình Kinh tế học vi mô, 2012, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

(1) Bài tập kinh tế học vi mô 1, 2012, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

(2) Nguyễn Văn Ngọc, 2012, Bài giảng Nguyên lý kinh tế vi mô, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập vận dụng tính toán, vẽ mô hình giải thích tình huống - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Làm bài tập tính toán - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương thức kiểm tra/đánh giá

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Lê Huy Đoàn

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Kinh tế vĩ mô 1**

Tiếng Anh: **Introduction to Macroeconomics**

Mã học phần: **KHMA02**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: **Kế hoạch phát triển**

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: **Kinh tế vi mô 1**

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp người học hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, tăng trưởng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ).

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Kí hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, bao gồm các nguyên lý cơ bản của hạch toán tổng sản phẩm trong nước và thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, tăng trưởng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tổng cầu, tổng cung, cung tiền, cầu tiền; cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô (chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ) mà nhà nước có thể sử dụng để bình ổn những biến động kinh tế.

	Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, giải thích, đánh giá các sự kiện kinh tế vĩ mô trong thực tiễn; cũng như vận dụng những kiến thức đã học để làm các bài tập tính toán liên quan đến thu nhập quốc dân, sản lượng, cung tiền...
G2	Sinh viên sau khi học xong học phần có kỹ năng đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được các ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế vĩ mô.
G3	Sinh viên có được thái độ tích cực đối với các sự kiện kinh tế xã hội trong cuộc sống.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	1. Nắm vững những kiến thức lý luận cơ bản về các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như: tổng sản phẩm trong nước, thu nhập quốc dân, chỉ số giảm phát, chỉ số giá tiêu dùng, lạm phát 2. Nắm vững những kiến thức lý luận cơ bản về nền kinh tế thực trong dài hạn: tăng trưởng, tiết kiệm, đầu tư, hệ thống tài chính, thất nghiệp. 3. Nắm vững những kiến thức lý luận cơ bản về nền kinh tế thực trong ngắn hạn: tổng cầu, tổng cung, các biến động kinh tế trong ngắn hạn và chính sách ổn định của Chính phủ, tổng cầu và chính sách tài khoá, cung tiền, cầu tiền và chính sách tiền tệ.
G2	4. Kỹ năng làm việc nhóm, nghiên cứu khoa học, giải quyết và phân tích các tình huống kinh tế vĩ mô trong thực tiễn. 5. Kỹ năng tính toán trong quá trình làm bài tập, kỹ năng vẽ đồ thị để minh họa các tình huống kinh tế vĩ mô bằng mô hình.
G3	6. Có phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội, hiểu và phân tích được các vấn đề kinh tế vĩ mô trong cuộc sống thực tiễn để có cái nhìn tích cực đối với các vấn đề đang diễn ra hàng ngày.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Chương 1	3	3	0	1;4;6	
2	Chương 2	9	7	2	1;4;5;6	
3	Chương 3	3	2	1	1;2;5;6	
4	Chương 4	6	5	1	1;2;4;5;6	
5	Chương 5	3	2	1	1;2;4;5;6	
6	Chương 6	6	4	2	1;3;4;5;6	
7	Chương 7	6	4	2	1;3;4;5;6	
8	Chương 8	6	4	2	1;3;4;5;6	
	Kiểm tra	3	0	3	1;2;3;4;5	
	Cộng	45	31	14		

CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

1.1. Giới thiệu chung về kinh tế học

1.1.1. Giới thiệu chung về kinh tế học

1.1.2. Phân ngành kinh tế học

1.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế vĩ mô

1.2.1. Phương pháp trừu tượng hoá

1.2.2. Phương pháp phân tích cân bằng tĩnh

Hướng dẫn tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2] – trang 13 – 34; 40 – 44; 52 – 61.

CHƯƠNG 2: ĐO LƯỜNG CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ VĨ MÔ

2.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

2.1.1. Khái niệm GDP

2.1.2. Các phương pháp xác định GDP

2.1.3. Phân loại GDP

2.2. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) và các chỉ tiêu có liên quan

2.2.1. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP)

2.2.2. Các chỉ tiêu có liên quan

2.3. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Cách tính CPI

2.3.3. Các vấn đề phát sinh khi tính CPI

Hướng dẫn tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1] – trang 28-35

CHƯƠNG 3: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

3.1. Tăng trưởng kinh tế

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Công thức tính tăng trưởng kinh tế

3.1.3. Tăng trưởng gộp và quy tắc 70

3.2. Các yếu tố quyết định tăng trưởng

3.2.1. Hàm sản xuất

3.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động

3.3. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

3.3.1. Khuyến khích tiết kiệm và đầu tư

3.3.2. Thu hút đầu tư nước ngoài

3.3.3. Chính sách về giáo dục đào tạo

3.3.4. Chính sách bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ

3.3.5. Chính sách kiểm soát tăng trưởng dân số

3.3.6. Chính sách thúc đẩy thương mại tự do

3.3.7. Chính sách nghiên cứu và triển khai

Hướng dẫn tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2] – trang 133-134; 148-149

CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG TÀI CHÍNH

4.1. Tổng quan về hệ thống tài chính

4.1.1. Hệ thống tài chính là gì

4.1.2. Các bộ phận của hệ thống tài chính

4.1.3. Vai trò của hệ thống tài chính

4.2. Thị trường vốn vay

4.2.1. Tiết kiệm và đầu tư của nền kinh tế đóng

4.2.2. Thị trường vốn vay trong nền kinh tế đó

4.3. Tác động của chính sách Chính phủ đến tiết kiệm và đầu tư

4.3.1. Chính sách khuyến khích đầu tư

4.3.2. Chính sách khuyến khích tiết kiệm

4.3.3. Chính sách về thuế và chi tiêu chính phủ

Hướng dẫn tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2] – trang 176-179

CHƯƠNG 5: THẤT NGHIỆP

5.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp

- 5.1.1. Khái niệm
 - 5.1.2. Đo lường thất nghiệp
 - 5.2. Phân loại thất nghiệp
 - 5.2.1. Thất nghiệp trong dài hạn
 - 5.2.2. Thất nghiệp trong ngắn hạn
 - 5.3. Nguyên nhân của thất nghiệp
 - 5.3.1. Thất nghiệp tạm thời
 - 5.3.2. Thất nghiệp cơ cấu
 - 5.3.3. Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển
 - 5.4. Tác động của thất nghiệp
- Hướng dẫn tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1] – trang 150 - 151*

CHƯƠNG 6: TỔNG CUNG – TỔNG CẦU

- 6.1. Mô hình tổng cung – tổng cầu
 - 6.1.1. Tổng cầu
 - 6.1.2. Tổng cung
 - 6.1.3. Xác định sản lượng cân bằng
 - 6.2. Các biến động kinh tế và chính sách ổn định
 - 6.2.1. Các biến động từ phía cầu
 - 6.2.2. Các biến động từ phía cung
- Hướng dẫn tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2] – trang 386-387; 390-391*

CHƯƠNG 7: TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

- 7.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu và xác định sản lượng cân bằng
 - 7.1.1. Khái niệm tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng
 - 7.1.2. Phương trình đường AE và xác định sản lượng cân bằng trong mô hình nền kinh tế giản đơn
 - 7.1.3. Phương trình đường AE và xác định sản lượng cân bằng trong mô hình nền kinh tế đóng
 - 7.1.4. Phương trình đường AE và xác định sản lượng cân bằng trong mô hình nền kinh tế mở
 - 7.1.5. Mô hình đường AE và xác định sản lượng cân bằng trên mô hình
 - 7.1.6. Làm và chữa bài tập
- 7.2. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu và phân tích tổng cầu – tổng cung
 - 7.2.1. Sự hình thành đường tổng cầu
 - 7.2.2. Giải thích sự dịch chuyển của đường tổng cầu
- 7.3. Chính sách tài khóa

- 7.3.1. Khái niệm và công cụ của chính sách tài khoá
 - 7.3.2. Mục tiêu của chính sách tài khoá
 - 7.3.3. Phân loại chính sách tài khoá
 - 7.3.4. Cơ chế tự ổn định của chính sách tài khoá
 - 7.3.5. Độ trễ của chính sách tài khoá
 - 7.3.6. Hạn chế của chính sách tài khoá
 - 7.4. Cán cân ngân sách
 - 7.4.1. Khái niệm và cách tính
 - 7.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cán cân ngân sách
 - 7.4.3. Các biện pháp bù đắp thâm hụt ngân sách.
- Hướng dẫn tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2] – trang 422-423*

CHƯƠNG 8: TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

- 8.1. Khái niệm và đo lường lượng tiền
 - 8.1.1. Khái niệm tiền tệ
 - 8.1.2. Đo lường lượng tiền trong nền kinh tế
 - 8.2. Hệ thống ngân hàng và cung tiền
 - 8.2.1. Hệ thống ngân hàng hai cấp
 - 8.2.2. Ngân hàng thương mại và nghiệp vụ tạo tiền
 - 8.2.3. Cung tiền
 - 8.2.4. Ngân hàng trung ương và các công cụ điều tiết cung tiền
 - 8.3. Cầu tiền
 - 8.3.1. Khái niệm cầu tiền
 - 8.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu tiền
 - 8.4. Xác định lãi suất cân bằng
 - 8.4.1. Mô hình đường cầu tiền
 - 8.4.2. Mô hình đường cung tiền
 - 8.4.3. Xác định lãi suất cân bằng
 - 8.5. Tác động của chính sách tiền tệ
 - 8.5.1. Cơ chế lan truyền tiền tệ
 - 8.5.2. Chính sách tiền tệ
- Hướng dẫn tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2] – trang 240 – 241; 263-296*

8. GIÁO TRÌNH:

1. Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2012), Giáo trình kinh tế học (tập II), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Nguyễn Văn Ngọc, Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vĩ mô, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế

quốc dân.

3. Slide bài giảng và bài tập của giảng viên.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập vận dụng tính toán, vẽ mô hình giải thích tình huống - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Làm bài tập tính toán - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương thức kiểm tra/đánh giá

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (30%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (30%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

(đã ký)

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

TS. LÊ HUY ĐOÀN

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

1. TÊN HỌC PHẦN:

- Tiếng Việt: **Toán cao cấp**
- Tiếng Anh: **Mathematics for Economics**
- Mã học phần: TOCC01
- Tổng số tín chỉ: 03

2. KHOA/BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Bộ môn Toán kinh tế

Cán bộ giảng dạy: + ThS. Nguyễn Văn Tuấn
+ ThS. Bùi Đức Dương
+ ThS. Nguyễn Phương Lan
+ ThS. Trần Thị Hương Trà

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Toán cao cấp gồm hai phần:

* **Phần I. Đại số tuyến tính:** Gồm 03 chương, phần này trình bày những kiến thức đại số cơ bản, cần thiết cho các nhà kinh tế, như: vector, không vector, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và một số ứng dụng của nó trong kinh tế.

* **Phần II. Giải tích:** Gồm 04 chương, trình bày những kiến thức nền tảng của giải tích toán học, như: Hàm số một biến, giới hạn, tính liên tục, khả vi của hàm một biến và hàm nhiều biến; Phép tính tích phân của hàm một biến; Những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân thường; Ứng dụng của đạo hàm vi phân và cực trị trong kinh tế.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

- Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản liên quan đến không gian véc tơ n-chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán về vector, ma trận, định thức và giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính. Ngoài ra sinh viên cũng biết vận dụng hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình kinh tế đơn giản, như mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô.

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích toán học như hàm số, giới hạn, đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số một biến. Sinh viên được trang bị những kiến thức về cực trị của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán tối ưu trong kinh tế. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị phương pháp giải phương trình vi phân cơ bản.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

- *Về kiến thức:* Sinh viên học xong học phần này nắm vững những kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và kiến thức cơ bản về Giải tích toán học: giới hạn, đạo hàm, vi tích phân hàm một biến và nhiều biến.
- *Về kỹ năng:*
 - Tính toán tốt các phép toán về ma trận, định thức; giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính.
 - Vận dụng kiến thức về hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình tuyến tính trong kinh tế.
 - Tính toán thành thạo các phép toán giới hạn, đạo hàm, tích phân hàm số một biến; Biết tìm cực trị của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán tối ưu trong kinh tế.
 - Giải tốt phương trình vi phân tuyến tính cấp 1.
- *Về thái độ:* Hiểu rõ tầm quan trọng của môn học áp. Lên lớp đầy đủ và chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành	
1	Chương 1	5	4	1	Dành 01 tiết thực hành để kiểm tra giữa kỳ
2	Chương 2	8	5	3	
3	Chương 3	4	3	2	
4	Chương 4	8	5	3	
5	Chương 5	9	6	3	
6	Chương 6	7	5	2	
7	Chương 7	3	2	1	
	Tổng	45	30	15	

Học phần được cấu thành 02 phần, gồm 07 chương:

PHẦN I: ĐẠI SỐ TUYẾN TÍNH

CHƯƠNG I. KHÔNG GIAN VEC TƠ N CHIỀU

Chương 1 trình bày các kiến thức cơ bản trong không gian vec tơ n-chiều: Các phép toán, các tính chất cơ bản của vec tơ, hệ vector độc lập phụ thuộc, khái niệm và cách tìm hạng của một hệ vector.

1.1 Véc tơ n-chiều và không gian véc tơ

1.1.1 Khái niệm véc tơ n-chiều và các phép toán đối với véc tơ

1.1.2 Khái niệm không gian véc tơ n-chiều

1.2 Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian véc tơ

1.2.1 Khái niệm tổ hợp tuyến tính và biểu diễn tuyến tính

1.2.2 Sự độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính

1.2.3 Các định lý cơ bản về sự độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính

1.3 Hạng của hệ véc tơ

1.3.1 Khái niệm cơ sở và hạng của hệ véc tơ

1.3.2 Các định lý cơ bản về hạng của hệ véc tơ

Bài tập cuối chương 1

CHƯƠNG II. MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC

Chương 2 đề cập đến các khái niệm cơ bản và các phép toán đối với ma trận, định thức: Các phép toán cộng, trừ các ma trận, nhân một số với ma trận, nhân các ma trận, ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận, cách tính định thức cấp n và các tính chất của định thức.

2.1 Ma trận và các phép toán tuyến tính đối với ma trận

2.1.1 Các khái niệm cơ bản về ma trận

2.1.2 Các phép toán tuyến tính đối với ma trận

2.1.3 Các phép biến đổi đối với ma trận

2.2 Định thức

2.2.1 Định nghĩa định thức cấp n

2.2.2 Các tính chất cơ bản của định thức

2.3 Các phương pháp tính định thức

2.3.1 Phương pháp khai triển

2.3.2 Phương pháp biến đổi về định thức tam giác

2.4 Phép nhân ma trận và ma trận nghịch đảo

2.4.1 Phép nhân các ma trận

2.4.2 Ma trận nghịch đảo

2.5 Hạng của ma trận

2.5.1 Khái niệm hạng của ma trận

2.5.2 Các định lý về hạng của ma trận

2.5.3 Các phương pháp tìm hạng của ma trận và ứng dụng khảo sát hệ véc tơ

Bài tập cuối chương 2

CHƯƠNG III. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH

Chương 3 đề cập đến lý thuyết tổng quát về hệ phương trình tuyến tính: Định lý tồn tại nghiệm, phương pháp Gauss giải hệ phương trình tuyến tính và ứng dụng vào một số các mô hình tuyến tính trong kinh tế: mô hình cân bằng thị trường, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô.

3.1 Hệ phương trình tuyến tính và phương pháp khử ẩn liên tiếp

3.1.1 Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính

3.1.2 Phương pháp khử ẩn liên tiếp

3.2 Điều kiện tồn tại nghiệm của hệ phương trình tuyến tính

3.3 Một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế

3.3.1 Mô hình cân bằng thị trường

3.3.2 Mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô

Bài tập cuối chương 3

PHẦN II. GIẢI TÍCH

CHƯƠNG IV. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM MỘT BIẾN VÀ ỨNG DỤNG

Trong chương này đề cập đến các khái niệm và tính chất của hàm số một biến; khái niệm, tính chất về giới hạn của dãy số và hàm số; hàm số liên tục; khái niệm và tính chất của đạo hàm và vi phân. Giới thiệu một số ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong kinh tế.

4.1. Hàm số

4.1.1 Khái niệm biến số

4.1.2 Khái niệm hàm số

4.1.3 Các đặc trưng của hàm số

4.2.4 Hàm số hợp

4.2.5 Hàm số ngược

4.2.6 Các hàm số cơ bản

4.1.7 Một số hàm số thường gặp trong kinh tế

4.2. Giới hạn của dãy số

4.2.1 Khái niệm

4.2.2 Tính chất

4.2.3 Ứng dụng của dãy số

4.3. Giới hạn của hàm số

4.3.1 Khái niệm

4.3.2 Tính chất của giới hạn hàm số

4.4. Hàm số liên tục

4.4.1 Khái niệm

4.4.2 Tính chất của hàm số liên tục

4.5. Đạo hàm và vi phân cấp

4.5.1 Đạo hàm cấp

4.5.2 Vi phân cấp

4.6. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân

4.6.1 Một số ứng dụng của đạo và vi phân trong toán học

4.6.2 Một số ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế

Bài tập cuối chương 4

CHƯƠNG V. PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM NHIỀU BIẾN VÀ ỨNG DỤNG

Chương 5 đề cập đến các khái niệm cơ bản của hàm nhiều biến; khái niệm và tính chất của đạo hàm riêng của hàm nhiều biến; vi phân toàn phần của hàm nhiều biến, đặc biệt giới thiệu phương pháp giải bài toán cực trị hàm nhiều biến và ứng dụng bài toán cực trị trong kinh tế.

5.1. Hàm nhiều biến

5.1.1 Khái niệm

5.1.2 Một số hàm số trong kinh tế

5.2. Giới hạn của hàm nhiều biến

5.2.1 Khái niệm

5.2.2 Tính chất

5.3. Tính liên tục của hàm nhiều biến

5.3.1 Khái niệm

5.3.2 Tính chất

5.4. Đạo hàm và vi phân của hàm nhiều biến

5.4.1 Đạo hàm riêng và vi phân cấp 1

5.4.2 Đạo hàm riêng và vi phân cấp cao

5.5. Ứng dụng của hàm nhiều biến trong kinh tế

5.5.1 Đạo hàm riêng và giá trị cận biên

5.5.2 Đạo hàm riêng và hệ số co giãn

5.5.3 Đạo hàm riêng cấp hai và quy luật giá trị cận biên giảm dần

5.6. Bài toán cực trị

5.6.1 Cực trị không điều kiện của hàm hai biến và ứng dụng trong kinh tế

5.6.2 Cực trị có điều kiện của hàm hai biến và ứng dụng trong kinh tế

Bài tập cuối chương 5

CHƯƠNG VI. PHÉP TÍNH TÍCH PHÂN HÀM MỘT BIẾN VÀ ỨNG DỤNG

Nội dung chương cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên hàm và tích phân hàm số một biến, như: khái niệm, tính chất, phương pháp tính và ứng dụng của nguyên hàm tích phân trong kinh tế. Ngoài ra chương 6 cũng giới thiệu cho người học khái niệm và tính chất của tích phân suy rộng với cận vô cực.

6.1. Nguyên hàm và tích phân bất định

6.1.1 Khái niệm và các tính chất

6.1.2 Các phương pháp tìm nguyên hàm

6.2. Tích phân xác định

6.2.1 Khái niệm và tính chất của tích phân xác định

6.2.2 Các phương pháp tính tích phân xác định

6.3. Tích phân suy rộng cận vô cực

Bài tập cuối chương 6

CHƯƠNG 7. ĐẠI CƯƠNG VỀ PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN

Trong chương 7 giới thiệu cho người học những kiến thức hết sức cơ bản về phương trình vi phân thường, như: khái niệm phương trình vi phân; các dạng nghiệm của phương trình vi phân. Ngoài ra cũng giới thiệu một số phương trình vi phân đơn giản có nhiều ứng dụng trong kinh tế.

7.1. Một số khái niệm cơ bản về phương trình vi phân

7.1.1 Phương trình vi phân thường

7.1.2 Nghiệm của phương trình vi phân thường

7.2. Phương trình vi phân tuyến tính cấp 1

7.2.1 Khái niệm

7.2.2 Phương pháp giải phương trình vi phân tuyến tính cấp 1 thuần nhất

7.2.3 Phương pháp giải trình vi phân tuyến tính cấp 1 tổng quát

Bài tập cuối chương 7

8. GIÁO TRÌNH:

1. Lê Đình Thúc, Nguyễn Thị Quỳnh Lan, *Toán cao cấp cho các nhà kinh tế*, NXB. Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Văn Tuấn, *Giáo trình Toán cao cấp*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.
2. Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán cao cấp 1*, NXB Giáo dục, 2008.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ		TỶ TRỌNG
1	Điểm đánh giá ý thức học tập, chuyên cần, thảo luận trên lớp, tính độc lập, sáng tạo của người học	20%
2	Kiểm tra giữa kì (bài tập, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thuyết trình...)	20%
3	Thi kết thúc học phần	60%

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Văn Tuấn

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Tin học đại cương**

Tiếng Anh: **General Informatics**

Mã học phần: **TOĐC06**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Toán

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức và kỹ năng cơ bản như : Những kiến thức căn bản về máy tính, hệ điều hành; Những kỹ năng cơ bản về: Soạn thảo văn bản Microsoft Word, Bảng tính điện tử Excel, Trình chiếu PowerPoint, Quản trị cơ sở dữ liệu Access; Những thao tác cơ bản trong sử dụng và khai thác mạng, Internet.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản liên quan đến máy tính, hệ điều hành, các phần mềm văn phòng thông dụng, kiến thức về mạng và Internet, giúp sinh viên có khả năng phân tích hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai nhằm tin học hóa các bài toán nghiệp vụ cũng như tham gia phát triển các dự án tin học hóa trong ngành tài chính – ngân hàng, chính sách công, tài chính công, quy hoạch phát triển, ...
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; giải quyết và phân tích các tình huống công việc thực tế cần sử dụng máy tính và công nghệ thông tin; sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình đọc, nghiên cứu các tài liệu tin học có sử dụng bổ sung các thuật ngữ bằng tiếng nước ngoài, các tài liệu tham khảo thêm bằng tiếng nước ngoài..

G3	Sinh viên có được phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các nguyên tắc trong tổ chức Nhà nước có sử dụng công nghệ thông tin; chủ động, sáng tạo và tích cực trong quá trình học tin học
-----------	---

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Nắm chắc những kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng để có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, khai thác và sử dụng Internet, sử dụng các công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. [2] Nắm vững những kiến thức mới về Tin học để người học có thể tự học và áp dụng vào từng công việc cụ thể sau này, có khả năng tự cập nhật kiến thức tin học cho phù hợp với yêu cầu thực tế. [3] Kỹ năng sử dụng, khai thác được các công cụ số: Máy tính, Internet, Email, Smart phones/PDAs [4] Kỹ năng về bảo mật dữ liệu, kỹ năng thực thi pháp luật liên quan khi sử dụng phần mềm và Internet, kỹ năng truy cập Internet an toàn.
G2	[5] Kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; giải quyết và phân tích tình huống giải quyết và phân tích các tình huống công việc thực tế cần sử dụng máy tính và công nghệ thông tin. [6] Kỹ năng sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình đọc, nghiên cứu các tài liệu tin học có sử dụng bổ sung các thuật ngữ bằng tiếng nước ngoài, các tài liệu tham khảo thêm bằng tiếng nước ngoài.. [7] Kỹ năng tương đương chương trình tin học A theo chuẩn của Bộ giáo dục Đào tạo và kỹ năng tin học chuẩn IC3 (Internet and Computing Core Certification) của Certiport Mỹ/Canada.
G3	[8] Có phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các nguyên tắc trong tổ chức Nhà nước có sử dụng CNTT; chủ động, sáng tạo và tích cực trong quá trình học tin học. Hiểu rõ tầm quan trọng của môn học áp dụng trong ngành học của mình từ đó có thái độ tích cực đối với môn học: Lên lớp đầy đủ và chuẩn bị bài học trước khi lên lớp.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Chương 1	6	3	3	[1], [2], [8]	Có thể đáp ứng được tiêu chuẩn thi chứng chỉ quốc tế IC3/MOS
2	Chương 2	12	6	6	[1], [2], [8]	
3	Chương 3	6	3	3	[1], [2], [8]	
4	Chương 4	6	3	3	[1], [2], [8]	
5	Chương 5	6	3	3	[1], [2], [8]	
6	Chương 6	9	5	4	[1],[2],[3], [4], [5], [6], [7], [8]	
	Cộng	45	23	22		

CHƯƠNG I – CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ TIN HỌC

- 1.1. Cấu trúc tổng quát của máy tính điện tử
- 1.2. Các lĩnh vực của máy tính
- 1.3. Đơn vị lưu trữ thông tin
- 1.4. Các hệ thống đếm trong tin học.
- 1.5. Cơ sở dữ liệu

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, bài;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 03-40 tài liệu [2], và trang 03-25 tài liệu [3].

CHƯƠNG II – HỆ ĐIỀU HÀNH MS WINDOWS

- 2.1. Khái niệm về Hệ điều hành và giới thiệu HĐH Windows
- 2.2. Windows Explorer
- 2.3. Giới thiệu các quản lý các Partition
- 2.4. Control Panel

2.5. Desktop và Start Menu

2.6. Cài đặt và gỡ bỏ chương trình

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, bài;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *trang 42-70 tài liệu [2] và trang 27-40 tài liệu [3].*

CHƯƠNG III – SOẠN THẢO VĂN BẢN MICROSOFT WORD

3.1. Giới thiệu Microsoft Word

3.2. Làm việc với file văn bản

3.3. Các thao tác soạn thảo cơ bản

3.4. Các chức năng cơ bản

3.5. Các chức năng nâng cao

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, bài;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *trang 72-100 tài liệu [2] và trang 42-65 tài liệu [3], trang 03-250 quyển 1 tài liệu [4].*

CHƯƠNG IV – BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ MICROSOFT EXCEL

4.1. Giới thiệu Microsoft Excel

4.2. Các thao tác cơ bản trên bảng tính

4.3. Làm việc với bảng tính

4.4. Sử dụng hàm trong Excel

4.5. Cơ sở dữ liệu trong Excel

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, bài;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *trang 102-130 tài liệu [2] và trang 67-93 tài liệu [3], trang 03-210 quyển 2 tài liệu [4]*

CHƯƠNG V – TRÌNH DIỄN MICROSOFT POWERPOINT VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU MICROSOFT ACCESS

5.1. Giới thiệu về PowerPoint

5.2. Các chế độ hiển thị

5.3. Các thao tác cơ bản với slide

5.4. Các thao tác nâng cao với slide

5.5. Tăng cường tính hấp dẫn bằng các hiệu ứng

5.6. Các thao tác trình chiếu slide

5.7. Giới thiệu về Microsoft Access

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, bài;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *trang 132-185 tài liệu [2] và trang 95-120 tài liệu [3], trang 03-trang 180 quyển 3 tài liệu [4].*

CHƯƠNG VI – INTERNET VÀ MỘT SỐ ỨNG DỤNG

6.1. Giới thiệu về Internet

6.1.1. Khai thác Internet

6.1.2. Lịch sử Internet

6.1.3. Tên miền Internet

6.1.4. Nhà cung cấp dịch vụ Internet

6.1.5. Khai thác thông tin từ Internet

6.2. Virus máy tính

6.2.1. Khái niệm và nguyên lý lây lan của Virus máy tính

6.2.2. Lịch sử Virus máy tính

6.2.3. Phân loại virus máy tính

6.2.4. Cách phòng chống virus máy tính

6.3. Thư điện tử - Email

6.3.1. Khái niệm

6.3.2. Cách khai thác, sử dụng

6.3.3. Tạo một địa chỉ email

6.3.4. Gửi email

6.3.5. Nhận, xem email

6.3.6. Đính kèm file, tìm kiếm email

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, bài;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *trang 187-255 tài liệu [2], trang 122-trang 158 tài liệu [3].*

8. GIÁO TRÌNH:

1. *Giáo trình Sử dụng Windows 7 & Microsoft Office 2010 (Máy tính căn bản, Các ứng dụng chủ chốt, Cuộc sống trực tuyến)*, IIG Việt Nam - CCI Learning, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (2014).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Đỗ Thế Dương, Nguyễn Thái Sơn, Bùi Thị Thu Hiền, *Tập bài giảng Tin học cơ bản*, Khoa Toán – Học viện Chính sách và Phát triển (2014).
3. Bùi Thế Tâm, *Giáo trình Tin học đại cương*, NXB Giao thông vận tải (2012)
4. IIG Việt Nam - CCI Learning, *Giáo trình Microsoft Office Specialist Word / Excel / PowerPoint 2000/2013*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu - Làm bài tập trên lớp và bài tập thêm về nhà	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu - Tự kiểm tra online

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (30%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (30%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Văn Tuấn

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Lý thuyết xác suất và thống kê toán**

Tiếng Anh: **Probability Theory and Mathematical Statistics**

Mã học phần: **TOLT07**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA/BM PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Bộ môn Toán

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên đã được học các môn như: Toán cao cấp; Tin học đại cương.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần được chia làm hai phần:

Phần Lý thuyết xác suất được bố cục thành 05 chương, trình bày những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất bao gồm công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên, luật số lớn và định lý giới hạn trung tâm từ đó hiểu được tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.

Phần Thống kê toán được bố cục thành 03 chương, sử dụng công cụ toán cao cấp và lý thuyết xác suất để nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thống kê bao gồm cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, các phương pháp ước lượng tham số và bài toán kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi kết thúc học phần này người học phải nắm được một số vấn đề cơ bản sau:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Các khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và luật số lớn.
G2	Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê.

G3	Vận dụng những kiến thức của học phần làm cơ sở toán học để nghiên cứu, phân tích và xử lý số liệu trong phân tích kinh tế, tài chính.
-----------	--

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	Nắm vững kiến thức lý luận về xác suất và hàm phân phối: các cách tính xác suất, các đặc trưng cơ bản của các hàm phân phối thông dụng. Nắm vững kiến thức lý luận về phân phối hai chiều và ứng dụng vào các bài toán trong thực tế. Nắm vững kiến thức lý luận và thực tế về lý thuyết chọn mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định.
G2	Kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; giải quyết và phân tích tình huống ứng dụng xác suất thống kê trong thực tế. Kỹ năng sử dụng phần mềm ứng dụng thống kê toán học (Excel, SPSS...).
G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		
1	Chương 1	6	4	2	[1]; [5]; [6]	
2	Chương 2	6	4	2	[1]; [5]; [6]	
3	Chương 3	6	4	2	[1]; [6]	
4	Chương 4	3	2	1	[2];[4]; [5]; [6]	
5	Chương 5	3	2	1	[1]; [6]	
6	Chương 6	5	4	1	[3];[4]; [5]; [6]	
7	Chương 7	8	6	2	[3];[4]; [5]; [6]	
8	Chương 8	8	6	2	[3];[4]; [5]; [6]	
	Cộng	45	32	13		

CHƯƠNG 1 – BIẾN CỐ NGẪU NHIÊN VÀ XÁC SUẤT

- 1.1. Phép thử và các loại biến cố
- 1.2. Xác suất của biến cố
 - 1.2.1. Khái niệm
 - 1.2.2. Định nghĩa cổ điển về xác suất
 - 1.2.3. Định nghĩa thống kê về xác suất
 - 1.2.4. Định nghĩa hình học về xác suất
 - 1.2.5. Nguyên lý xác suất lớn và xác suất nhỏ
- 1.3. Mối quan hệ giữa các biến cố
- 1.4. Các định lý và công thức xác suất
 - 1.4.1. Xác suất có điều kiện
 - 1.4.2. Định lý nhân xác suất
 - 1.4.3 Định lý cộng xác suất
 - 1.4.4. Công thức Bernoulli
 - 1.4.5. Công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes
- 1.5. Bài tập cuối chương

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình.
- Bài tập 1.1 đến 1.20 (*tài liệu [1], trang 30 - 33*).

CHƯƠNG 2: BIẾN NGẪU NHIÊN VÀ QUY LUẬT PHÂN PHỐI XÁC SUẤT

- 2.1. Định nghĩa và phân loại biến ngẫu nhiên
- 2.2. Quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên
 - 2.2.1. Bảng phân bố xác suất
 - 2.2.2. Hàm phân bố xác suất
 - 2.2.3. Hàm mật độ xác suất
- 2.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên
 - 2.3.1. Kỳ vọng
 - 2.3.2. Phương sai và độ lệch chuẩn
 - 2.3.3. Phân vị và giá trị tới hạn
 - 2.3.4. Môđ
 - 2.3.5. Hệ số nhọn và hệ số bất đối xứng
- 2.4. Bài tập cuối chương

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình.
- Bài tập 2.1 đến 2.15 (tài liệu [1], trang 94 - 96), bài tập 2.27 đến 2.33 (tài liệu [2], trang 52 - 54).

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ QUI LUẬT PHÂN PHỐI XÁC SUẤT THÔNG DỤNG

- 3.1. Quy luật không - một $A(p)$
- 3.2. Quy luật nhị thức $B(n,p)$
- 3.3. Quy luật Poisson $P(\lambda)$
- 3.4. Quy luật phân bố đều $U(a,b)$
- 3.5. Quy luật chuẩn $N(\mu, \sigma^2)$
 - 3.5.1. Khái niệm
 - 3.5.2. Quy luật chuẩn hoá
 - 3.5.3. Công thức tính xác suất
 - 3.5.4. Quy tắc ba xích ma
 - 3.5.5. Tổng các biến ngẫu nhiên độc lập phân bố chuẩn
 - 3.5.6. Sự hội tụ về quy luật chuẩn
- 3.6. Quy luật khi bình phương $\chi^2(n)$
- 3.7. Quy luật Student $T(n)$
- 3.8. Quy luật Fisher - Snedecor $F(n_1, n_2)$
- 3.9. Bài tập cuối chương

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình.
- Bài tập 3.1 đến 3.15 (tài liệu [2], trang 75 - 79), bài tập 3.33 đến 3.40 (tài liệu [2], trang 84 - 86).

CHƯƠNG 4 – BIẾN NGẪU NHIÊN HAI CHIỀU

- 4.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên nhiều chiều
- 4.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc hai chiều
 - 4.2.1. Bảng phân phối xác suất
 - 4.2.2. Bảng phân phối xác suất biên
 - 4.2.3. Bảng phân phối xác suất có điều kiện
- 4.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc hai chiều
 - 4.3.1. Kỳ vọng có điều kiện
 - 4.3.2. Hiệp phương sai và hệ số tương quan

4.3.3. Khái niệm hàm hồi quy

4.4. Bài tập cuối chương

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu slides bài giảng.
- Bài tập 4.1 đến 4.3 (tài liệu [2], trang 95 - 97), bài tập 4.11 đến 4.13 (tài liệu [2], trang 100 - 101).

CHƯƠNG 5 – LUẬT SỐ LỚN

5.1. Bất đẳng thức Trêbusep

5.2. Định lý Trêbusep

5.3. Định lý Bernoulli

5.4. Định lý giới hạn trung tâm

5.5. Bài tập cuối chương

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu slides bài giảng.
- Bài tập 5.2, 5.6, 5.7 (tài liệu [2], trang 119-120).

CHƯƠNG 6. CƠ SỞ LÝ THUYẾT MẪU

6.1. Tổng thể và phương pháp mẫu

6.1.1. Tổng thể nghiên cứu

6.1.2. Các tham số đặc trưng của tổng thể

6.1.3. Phương pháp mẫu

6.2. Mẫu ngẫu nhiên

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Các phương pháp chọn mẫu

6.2.3. Mô tả mẫu

6.3. Thống kê

6.3.1. Khái niệm

6.3.2. Một số thống kê đặc trưng của mẫu

6.4. Các thống kê đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên hai chiều

6.5. Qui luật phân phối xác suất của một số thống kê đặc trưng mẫu

6.5.1. Trường hợp biến ngẫu nhiên gốc tuân theo quy luật phân phối chuẩn

6.5.2. Trường hợp hai biến ngẫu nhiên gốc độc lập cùng tuân theo quy luật phân phối chuẩn

6.5.3. Trường hợp biến ngẫu nhiên gốc tuân theo quy luật không - một

6.5.4. Trường hợp hai biến ngẫu nhiên gốc độc lập cùng tuân theo quy luật không - một

6.6. Suy diễn thống kê

6.6.1. Suy diễn thống kê về trung bình mẫu

6.6.2. Suy diễn thống kê về phương sai mẫu

6.6.3. Suy diễn thống kê về tần suất mẫu

6.7. Hướng dẫn thực hành.

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu slides bài giảng.
- Phân chia sinh viên thành từng nhóm nhỏ (từ 3 – 5 sv/1 nhóm), yêu cầu mỗi nhóm lựa chọn, đăng kí bài tập lớn của nhóm và tiến hành thu thập số liệu, mô tả số liệu dưới dạng đơn giản (bảng số liệu, vẽ biểu đồ).

CHƯƠNG 7. ƯỚC LƯỢNG THAM SỐ

7.1. Ước lượng điểm

7.1.1. Khái niệm hàm ước lượng

7.1.2. Các tính chất của ước lượng điểm

7.1.3. Ước lượng hợp lý tối đa

7.2. Ước lượng bằng khoảng tin cậy

7.2.1. Khái niệm

7.2.2. Khoảng tin cậy cho kỳ vọng (μ)

7.2.2. Khoảng tin cậy cho phương sai (σ^2)

7.2.3. Khoảng tin cậy cho tỷ lệ (p)

7.3. Bài tập cuối chương

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình.
- Bài tập 7.16 đến 7.28 (tài liệu [2], trang 150-156), bài tập 7.39 đến 7.46 (tài liệu [2], trang 162-163).
- Mỗi nhóm sẽ giải quyết các bài toán ước lượng tương ứng với bài tập lớn.

CHƯƠNG 8. KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THỐNG KÊ

8.1. Khái niệm chung

8.1.1. Giả thuyết thống kê

8.1.2. Tiêu chuẩn kiểm định

8.1.3. Miền bác bỏ

8.1.4. Quy tắc kiểm định giả thuyết

8.1.5. Các loại sai lầm

8.1.6. Thủ tục kiểm định giả thuyết

8.2. Kiểm định tham số

8.2.1. Kiểm định giả thuyết về kỳ vọng (μ)

8.2.2. Kiểm định giả thuyết về phương sai (σ^2)

8.2.3. Kiểm định giả thuyết về tỷ lệ (p)

8.3. Bài tập cuối chương

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình.

- Bài tập 8.1 đến 8.15 (tài liệu [2], trang 176-182), bài tập 8.29 đến 8.42 (tài liệu [2], trang 189-193).

- Mỗi nhóm sẽ giải quyết các bài toán kiểm định tương ứng với bài tập lớn.

8. GIÁO TRÌNH:

1. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXBGD, Hà Nội, 2017.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bùi Dương Hải, *Hướng dẫn sử dụng Eviews trong phân tích kinh tế lượng*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2011.

[2]. Nguyễn Văn Cường, Bùi Đức Dương, *Giáo trình lý thuyết xác suất và Thống kê toán*, NXB Thống kê, 2010.

[3]. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXBGD, Hà Nội, 2017.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Văn Tuấn

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Tiếng Anh cơ bản 1**

Tiếng Anh: **General English 1**

Mã học phần: **NNCS01** Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Ngoại ngữ

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Có kiến thức tiếng Anh ở trình độ sơ cấp

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Chương trình tiếng Anh tổng quát 1 là chương trình đầu tiên trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...
- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...
- Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ.
- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	<i>Kiến thức:</i> có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.

G2	<i>Kỹ năng:</i> có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè v.v... có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
G3	<i>Thái độ:</i> có thái độ học tập nghiêm túc; có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Ngữ âm <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> Phát âm tương đối rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu. [2] Ngữ pháp <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Có vốn kiến thức cơ bản về các cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; - Sử dụng các cấu trúc câu cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. [3] Từ vựng: <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Có đủ vốn từ để thực hiện những giao dịch đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.
G2	[4] Kỹ năng đọc <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Có thể hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè v.v... - Có thể hiểu sơ bộ nội dung của các văn bản đơn giản, quen thuộc hoặc các đoạn mô tả ngắn, đặc biệt là khi có minh họa kèm theo. - Có thể nhận diện các tên riêng, các từ quen thuộc, các cụm từ cơ bản nhất trên các ghi chú đơn giản, thường gặp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày. - Có thể hiểu các thông điệp ngắn, đơn giản trên bưu thiếp. - Có thể đi theo các bản chỉ dẫn đường ngắn, đơn giản (ví dụ: đi từ X tới Y).

[5] Kỹ năng nghe

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Có thể theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận và xử lý thông tin.
- Có thể hiểu được những đoạn hội thoại rất ngắn, cấu trúc rất đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ đề cá nhân cơ bản, trường lớp học và những nhu cầu thiết yếu.
- Có thể hiểu, làm theo những chỉ dẫn ngắn và đơn giản được truyền đạt chậm và cẩn thận.

[6] Kỹ năng nói

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Có thể đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp học hoặc nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày.
- Có thể mô tả về người nào đó, nơi họ sống và công việc của họ.
- Có thể đọc những đoạn ngắn đã chuẩn bị trước, ví dụ: giới thiệu một diễn giả, đề nghị nâng ly chúc mừng.
- Có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại. có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc.
- Có thể giới thiệu, chào hỏi và tạm biệt trong giao tiếp cơ bản.
- Có thể hỏi thăm tình hình của mọi người và phản hồi với các tin tức đó.
- Có thể thực hiện các giao dịch về hàng hóa và dịch vụ một cách đơn giản.
- Có thể xử lý con số, khối lượng, chi phí và thời gian.
- Có thể trả lời phỏng vấn không sử dụng thành ngữ những câu hỏi trực tiếp đơn giản với tốc độ nói chậm và rõ ràng về thông tin bản thân.
- Phát âm rõ ràng những từ, cụm từ và cách diễn đạt đã được học.
- Có thể sử dụng các phát ngôn rất ngắn, biệt lập, chủ yếu là những cấu trúc đã học tuy vẫn còn ngập ngừng để tìm cách diễn đạt.
- Có thể sử dụng một số ít các cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đã học.
- Có thể sử dụng các nhóm từ, cách diễn đạt lịch sự đơn giản nhất hằng ngày, bao gồm: chào hỏi, giới thiệu, nói xin mời, cảm ơn, xin lỗi, v.v...

[7] Kỹ năng viết

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

	- Có thể viết những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc. - Có thể viết những cụm từ, câu đơn giản về bản thân và những người trong tưởng tượng, nơi sống và công việc của họ. - Có thể yêu cầu hoặc cung cấp thông tin cá nhân bằng văn bản. - Có thể viết, đáp lời một bưu thiếp, điền các bảng, biểu mẫu đơn giản. - Có thể viết và điền các con số, ngày tháng, tên riêng, quốc tịch, địa chỉ, tuổi, ngày sinh khi đến một quốc gia, ví dụ: điền vào một mẫu đăng ký khách sạn. - Có thể chép lại các từ và các cụm từ ngắn, quen thuộc như các biển hiệu hoặc các lời chỉ dẫn đơn giản, tên các vật dụng hằng ngày, tên các cửa hiệu và các cụm từ thường xuyên sử dụng. có thể viết đúng chính tả địa chỉ, quốc tịch và các thông tin cá nhân khác.
G3	[8] VỀ KỸ NĂNG KHÁC: <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Có khái niệm và bắt đầu làm quen với làm việc theo nhóm; - Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn học. [9] VỀ THÁI ĐỘ: - Luôn có thái độ học tập nghiêm túc, cầu tiến. - Luôn có ý thức học tập tự giác và tinh thần trách nhiệm cao. - Luôn có thái độ, cách cư xử đúng mực với thầy cô cũng như với bạn bè.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

Stt	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Module 1 – New Cutting Edge	5	3	2	[2]; [3]; [4] [5]; [6]; [7], [8],[9]	
2	Module 2 – New Cutting Edge	5	3	2	[1]; [2]; [3]; [4], [8],[9]	
3	Module 3 – New Cutting Edge	5	3	2	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6], [8],[9]	
4	Module 4 – New Cutting Edge	5	3	2	[1]; [2]; [3]; [4]	

					[5]; [6]; [7], [8],[9]	
5	Module 5 – New Cutting Edge	5	3	2	[2]; [3]; [4] [5]; [6]; [7], [8],[9]	
6	Module 6 – New Cutting Edge	5	3	2	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6], [8],[9]	
7	Module 7 – New Cutting Edge	5	3	2	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]; [7], [8],[9]	
8	Listening Supplementary 1	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
9	Listening Supplementary 2	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
10	Listening Supplementary 3	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
11	Listening Supplementary 4	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
12	Listening Supplementary 5	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
13	Midterm Presentation	3		3	[6]; [8]; [9]	
14	Revision	2	1	1	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6]; [7], [8],[9]	
	Cộng	45	22	23		

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Mục tiêu		Số tiết	Trang
			Kĩ năng	Kiến thức ngôn ngữ		
1	Module 1: People and places <u>New Cutting Edge</u>	1. be (positive, negative, questions and short answers): personal information 2. Article: a, an + jobs 3. Vocabulary: names, countries and nationalities	+ Reading: Read to find detailed information. + Listening: Listen and fill in the form. + Speaking: Make questions; and answer questions.	+ Phonetics: The alphabet and numbers. + Grammar: To be and pronouns and possessive adjectives. + Vocabulary: names, countries and nationalities.	3	6-15
2	Module 1: (cont.) <u>New cutting Edge</u>	4. Reading and listening: General knowledge quiz			2	
	<u>Listening Supplementary</u>	Unit 1: Describing People	Listening for details Listening for opinions Listening for key words		1	

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng Module 1 trang 6-15 sách giáo khoa (1).
- Sinh viên làm các bài tập Module 1 trang 5-9 sách bài tập (1).
- Sinh viên tự học phần Language Focus của Module 1 sách giáo khoa (1).
- Sinh viên tham khảo website <https://eslflow.com/business-english-lessons.html> để mở rộng kiến thức ở các nội dung sau:
 - + How to address properly in English.
 - + Consolidation of “to be” in different forms.
 - + Articles “a”, “an” and “one”.

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Mục tiêu		Số tiết	Trang
			Kĩ năng	Kiến thức ngôn ngữ		
+ Adjectives describing people.						
3	Module 2: You and yours <u>New cutting Edge</u>	1. This, that, these, those and vocabulary of everyday objects 2. Have got: (positive, negative, questions and short answers) 3. Reading and listening: My favorite thing	+ Reading: Skim and infer from the context information. + Listening: Listen and find the details. + Speaking: Describe family members. + Writing: To learn how to write a short paragraph about family.	+ Phonetics: Consonants, Stress in English. + Grammar: This, that, these, those, have got, possessive `s. + Vocabulary: your family tree, classroom language.	3	18-25
4	Module 2: (cont.) <u>New cutting Edge</u>	4. Family vocabulary; Possessive `s 5. Improve your writing: Writing about your family			2	
	<u>Listening Supplementary</u>	Unit 2: Clothes	Listening for gist Listening for opinions Listening for details		1	
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng Module 2 trang 18-25 sách giáo khoa (1). - Sinh viên làm các bài tập Module 2 trang 10-15 sách bài tập (1). - Sinh viên tự học phần Language Focus của Module 2 sách giáo khoa (1).						

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Mục tiêu		Số tiết	Trang
			Kĩ năng	Kiến thức ngôn ngữ		
– Sinh viên tham khảo website https://www.ego4u.com/ để mở rộng kiến thức ở các nội dung sau: + Demonstrative Pronouns. + “Have got/has got” in different forms. + Possessive `s + How to describe members in a family tree.						
5	Module 3: Everyday life <u>New cutting Edge</u>	1. Vocabulary: common verbs 2. Present simple (positive, negative, questions and short answers): <i>I, you, we, they</i> 3. Reading and vocabulary: <i>Life in Britain</i> 4. Listening: <i>Life in Australia</i> 5. Vocabulary and Speaking: Daily routines	+ Reading: Complete the text with words or phrases. + Listening: Listen and number the questions. + Speaking: Ask and answer about a typical day. + Writing: To learn how to write a short paragraph about yourself and your life.	+ Phonetics: Stress of the sentence and weak form of function words. + Grammar: Present simple + Vocabulary: Common verbs, daily routines.	3	26-33
6	Module 3: (cont.) <u>New cutting Edge</u>	6. Real life: Days and times 7. Improve your writing: commas, full stops, <i>and</i> and <i>but</i>			2	
	<u>Listening Supplementary</u>	Unit 3: Time	Listening for numbers Listening for details Listening for time		1	

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Mục tiêu		Số tiết	Trang
			Kĩ năng	Kiến thức ngôn ngữ		
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng Module 3 trang 26-33 sách giáo khoa (1). - Sinh viên làm các bài tập Module 3 trang 16-21 sách bài tập (1). - Sinh viên tự học phần Language Focus của Module 3 sách giáo khoa (1). – Sinh viên tham khảo website www.EnglishGrammar.org để mở rộng kiến thức ở các nội dung sau: + Present simple tense. + Talk about daily routines. + Use punctuations appropriately. + Asking and answering about time.						
7	Module 4: Loves and hates <u>New cutting Edge</u>	1. Listening: Celebrity loves and hates 2. Present simple: he, she; like + V.ing; Activities. 3. Reading: <i>An American star in London ... and a British star in New York.</i> 4. Activities verbs and adverbs of frequency. 5. Task: find an e-mail friend	+ Reading: Read and find the details. + Listening: Listen and match the people to the things. + Speaking: Provide personal information, ask politely. + Writing: To learn how to write a short paragraph about a friend.	+ Phonetics: Syllable in English, polite intonation. + Grammar: Present simple, adverbs of frequency + Vocabulary: Activities.	3	34-42
8	Module 4: (cont.)	6. Real life: Asking politely			2	

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Mục tiêu		Số tiết	Trang	
			Kĩ năng	Kiến thức ngôn ngữ			
	<u>New cutting Edge</u>	7. Improve your writing: a paragraph about a friend					
	<u>Listening Supplementary</u>	Unit 4: Jobs	Listening for details Listening for opinions Listening for key words		1		
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng Module 4 trang 34-42 sách giáo khoa (1). - Sinh viên làm các bài tập Module 4 trang 22-27 sách bài tập (1). - Sinh viên tự học phần Language Focus của Module 4 sách giáo khoa (1). – Sinh viên tham khảo website http://www.roadtogrammar.com/ để mở rộng kiến thức ở các nội dung sau: + Present simple: he, she, it + “Like” with “V-ing”/ infinitive Verb + Adverbs of frequency. + Write a note/ paragraph to a friend.							
9	Mid-term test (Presentation)					3	
10	Module 5: Getting from A to B <u>New cutting Edge</u>	1. Reading: <i>Transportation facts!</i> 2. Can and can’t 3. Listening and Vocabulary: <i>At the airport</i>	+ Reading: Read and find the information to fill the gaps.	+ Phonetics: How to pronounce can and can’t. + Grammar: Can and can’t, articles.	3	43-49	

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Mục tiêu		Số tiết	Trang
			Kĩ năng	Kiến thức ngôn ngữ		
		4. Articles: <i>a/an, the</i> and <i>zero</i> 5. Task: Complete a survey about transport.	+ Listening: Listen and answer the questions. + Speaking: Ask and answer about transport.	+ Vocabulary: Transport.		
11	Module 5: (cont.) <u>New cutting Edge</u>	6. Real life: Buying a ticket 7. Improve your writing: completing an immigration form	+ Writing: Write about how you use public transport.		2	
	<u>Listening Supplementary</u>	Unit 5: Sports and Exercise	Listening for details Listening for opinions Listening for key words		1	

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng Module 5 trang 43-49 sách giáo khoa (1).
- Sinh viên làm các bài tập Module 5 trang 28-33 sách bài tập (1).
- Sinh viên tự học phần Language Focus của Module 5 sách giáo khoa (1).
- Sinh viên tham khảo website **<http://www.5minuteenglish.com/>** để mở rộng kiến thức ở các nội dung sau:
 - + Modal Verbs: “can”/ “can’t”
 - + Articles: *a/an, the* and *zero*
 - + Listening & Reading Skills (<https://www.englishrevealed.co.uk/ket.php>)

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Mục tiêu		Số tiết	Trang
			Kĩ năng	Kiến thức ngôn ngữ		
12	Module 6: Eating and drinking <u>New cutting Edge</u>	1. Vocabulary: Food (countable and uncountable nouns) 2. There is/ there are 3. Listening: <i>Breakfast around the world</i> 4. Reading and speaking: <i>Food: facts and myths</i> 5. Some/ any; How much/ How many	+ Reading: Read and match the ideas to paragraphs. + Listening: Listen and write down key information. + Speaking: Describe the pictures. + Writing: To learn how to describe food.	+ Phonetics: Linking sounds, stress of sentences. + Grammar: There is/ there are, some/ any; how much/ how many + Vocabulary: Food.	3	52-59
		6. Improve your writing: describing food			2	
13	Module 7: Extraordinary lives <u>New cutting Edge</u>	1. Past simple: was/were 2. Vocabulary: Years, decades and centuries. 3. Reading: <i>An ordinary life...an amazing idea.</i>	+ Reading: Read and find the information and meaning of the words. + Listening: Listen and discuss the questions. + Speaking: Tell about your life story. + Writing: To learn how to write biography.	+ Phonetics: Ending sounds of past regular verbs. + Grammar: Past simple + Vocabulary: Years, decades and centuries.	1	60-65
14	Module 7: (cont.) <u>New cutting Edge</u>	4. Past simple: regular and irregular verbs 5. Listening: <i>A true story</i>			2	

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Mục tiêu		Số tiết	Trang
			Kĩ năng	Kiến thức ngôn ngữ		
15	Module 7: (cont.) New cutting Edge	6. Improve your writing: time linkers: <i>before, after, then</i>			1	
	Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng Module 6 & 7 trang 52-65 sách giáo khoa (1). - Sinh viên làm các bài tập Module 6&7 trang 43-45 sách bài tập (1). - Sinh viên tự học phần Language Focus của Module 6&7 sách giáo khoa (1). – Sinh viên tham khảo website https://www.ef.com/ca/english-resources/english-grammar/ để mở rộng kiến thức ở các nội dung sau: + Countable and uncountable nouns. + There is/ there are. + Past simple tense: “to be” and (ir)regular verb forms. + Linking words. + Time expressions.					
	Revision	CONSOLIDATION Modules 1 – 7 <u>Grammar</u>: Present simple, Past Simple, Be, Article, There is, There are. <u>Reading and speaking</u>: Snacks around the world. <u>Writing and speaking</u>: Personal Information <u>Listening</u>: Return to Sender.			2	66-67

8. GIÁO TRÌNH:

1. Cunningham, S., Moor, P. & Eales, F. 2005. *New Cutting Edge - Elementary – Student's Book & Workbook*. Longman ELT.
2. Jack C. Richards. 2003. *Basic Tactics for Listening – Second Edition*. Oxford University Press

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

3. Raymond Murphy, William R. Smarter & Joseph Chapple. 2017. *Basic Grammar In Use*. Cambridge University Press.
4. <https://eslflow.com/business-english-lessons.html>
5. <https://www.ego4u.com/>
6. <https://www.EnglishGrammar.org>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2019

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

ThS. ĐỖ THỊ HOA

(Đã ký)

PGS, TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Tiếng Anh cơ bản 2**

Tiếng Anh: **General English 2**

Mã học phần: **NNCS02** Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Ngoại ngữ

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tiếng Anh tổng quát 1

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Chương trình Tiếng Anh tổng quát 2 là chương trình thứ hai trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời quá khứ đơn, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn để miêu tả người trong văn nói và văn viết, kiến thức ngữ pháp về dự định tương lai và phân biệt được sự khác nhau giữa các cấu trúc “be going to” với “be planning to”/ “will”.

Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, thế giới xung quanh, cách mua sắm và những vấn đề thường gặp khi mua sắm, cách giữ liên lạc, bình luận về các thể loại phim và nhận xét về một bộ phim yêu thích, du lịch tới một thành phố mơ ước, việc học tiếng Anh cho nghề nghiệp tương lai...

Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

Ký hiệu	Mục tiêu học phần
G1	<i>Kiến thức:</i> - Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, đi du lịch, đi xem phim, hỏi đường, học tập). - Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc so sánh hơn, so sánh cực cấp một cách chính xác và có thể áp dụng trong việc miêu tả một người thân/ giáo viên/ bạn thân qua việc thuyết trình hay viết một đoạn văn ngắn.
G2	<i>Kỹ năng:</i> - Có thể diễn đạt ngắn gọn những nhu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày cụ thể như thông tin cá nhân, thói quen hằng ngày, mong muốn, nhu cầu, hỏi thông tin. Có thể sử dụng những kiểu câu đơn giản, những đoạn ngữ, cụm từ ngắn được ghi nhớ, những mô thức giao tiếp để diễn đạt về bản thân, về người khác, công việc, địa danh, vật sở hữu v.v... - Có thể giao tiếp trong các tình huống đơn giản như khi đi mua sắm, khi liên lạc với người khác, nói về những dự định trong tương lai, trong cuộc sống, việc học tiếng Anh, mối quan hệ và tương tác xã hội.
G3	<i>Thái độ:</i> - Có thái độ học tập nghiêm túc; - Có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
G1	[1] Ngữ âm <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Phân biệt rõ trọng âm của từ và trọng âm của câu. - Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại.

	- Có thể làm người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn tìm cách diễn đạt lại. - Hạn chế được sự ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ trong tư duy và diễn đạt bằng lời khi thuyết trình. [2] Ngữ pháp <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Sử dụng thành thạo các thời thể cơ bản của tiếng Anh như: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, tương lai đơn, tương lai gần, cấu trúc so sánh... - Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt. - Sử dụng các cấu trúc câu so sánh cơ bản, những cụm từ chỉ dự định trong tương lai gần. [3] Từ vựng: <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những nhu cầu tối giản. - Có khả năng kiểm soát được vốn từ hẹp thuộc các nhu cầu cụ thể hằng ngày. - Chép các câu ngắn về các chủ đề hằng ngày, ví dụ các câu so sánh hay những câu chỉ dự định. Có thể viết chính xác âm tiết của các từ ngắn (không nhất thiết chuẩn mực tuyệt đối) sẵn có trong vốn từ khẩu ngữ của người học. - Có vốn từ để thực hiện những giao dịch đơn giản hằng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc như mua sắm, giữ liên lạc với người thân, bạn bè, gọi đồ trong nhà hàng.
G2	[4] Kỹ năng đọc <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i>

	- Hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày. - Xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như đánh giá về một bộ phim và các bài báo ngắn mô tả việc học tiếng Anh hay những hoạt động cuối tuần. - Tìm được các thông tin cụ thể, dễ đoán trước trong các văn bản đơn giản thường gặp hằng ngày như quảng cáo về một bộ phim, một món ăn, một danh lam thắng cảnh và thời gian biểu. - Hiểu các loại thư từ và văn bản điện tử cơ bản (thư hỏi đáp, đơn đặt hàng, thư xác nhận, v.v...) về các chủ đề quen thuộc. - Hiểu các hướng dẫn sử dụng đơn giản cho các thiết bị trong đời sống hằng ngày như điện thoại công cộng, sử dụng phương tiện truyền thông hiện đại. - Hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như phim ảnh, mua sắm, kỳ nghỉ cuối tuần, giao thông.... [5] Kỹ năng nghe <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...) khi được diễn đạt chậm và rõ ràng. - Hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng. - Làm bài tập nghe theo các dạng bài khác nhau như nghe chi tiết, nghe điền từ, nghe đoán ý. - Xác định được chủ đề của các hội thoại diễn ra chậm và rõ ràng. - Hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản. - Hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản.
--	---

[6] Kỹ năng nói

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi.
- Truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại.
- Thực hiện các đoạn hội thoại ngắn, đơn giản với với tốc độ nói chậm và theo các chủ đề quen thuộc như kỳ nghỉ cuối tuần, bữa tiệc, mua sắm, sức khỏe, giao thông.
- Mô tả những những hoạt động trong cuộc sống thường ngày như tả người, địa điểm, công việc và kinh nghiệm học tập.
- Mô tả các kế hoạch, thói quen hằng ngày, các hoạt động trong quá khứ và kinh nghiệm cá nhân.
- Diễn đạt đơn giản về điều mình thích hay không thích.
- Lấy những thông tin cơ bản về hàng hóa và dịch vụ tại các cửa hàng, bưu điện hoặc ngân hàng.
- Cung cấp và hiểu các thông tin liên quan tới số lượng, con số, giá cả cho các hàng hóa, dịch vụ.
- Giao tiếp về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình.
- Giao tiếp một cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định mà không cần nỗ lực quá mức.

[7] Kỹ năng viết

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Viết các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ như: *và, nhưng, vì*.
- Viết những cụm từ hay những câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại.
- Viết những ghi chú ngắn, sử dụng biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.

	- Viết những thư cá nhân đơn giản để cảm ơn hoặc xin lỗi. - Hiểu và viết được những tin nhắn ngắn, đơn giản liên quan tới những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm. - Viết một đoạn văn hoàn chỉnh theo các chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân, gia đình, một người thân, một địa điểm du lịch, một bộ phim yêu thích, một dự định cho kỳ nghỉ cuối tuần, một bản mô tả lý do và mơ ước trong tương lai...
G3	[8] VỀ KỸ NĂNG KHÁC: <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Thuyết trình theo nhóm về một chủ đề cho sẵn như kỳ nghỉ cuối tuần, bữa tiệc, mua sắm, sức khỏe. - Sử dụng các phương tiện truyền thông cho mục đích học tập bằng cách tìm kiếm, khai thác và chia sẻ thông tin học phần. - Hình thành kỹ năng làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác trong học tập. [9] VỀ THÁI ĐỘ: - Có thái độ học tập nghiêm túc. - Có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến. - Luôn có thái độ, cách cư xử đúng mực với thầy cô cũng như với bạn bè.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

Stt	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Module 8: Fact or fiction? New Cutting Edge	5	3	2	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6], [8],[9]	
2	Module 9: Buying and selling New Cutting Edge	5	3	2	[2]; [3]; [4]	

					[5]; [6]; [7], [8],[9]	
3	Module 10: Street life New Cutting Edge	5	3	2	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6] ; [7], [8],[9]	
4	Module 11: The world around us New Cutting Edge	5	3	2	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6] ; [7], [8],[9]	
5	Module 12: A weekend away New Cutting Edge	5	3	2	[2]; [3]; [4] [5]; [6] ; [7] [8],[9]	
6	Module 13: Learning for the future New Cutting Edge	5	3	2	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6], [8],[9]	
7	Module 14: Keeping in Touch New Cutting Edge	5	3	2	[2]; [3]; [4] [5]; [6] ; [7], [8],[9]	
8	Listening Unit 1: Movies	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
9	Listening Unit 2: Shopping Problems	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
10	Listening Unit 3: Roommates	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
11	Listening Unit 4: Touring a city	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
12	Listening Unit 5: Travel	1		1	[5]; [6]; [8]; [9]	
13	Midterm Presentation	3		3	[6]; [8]; [9]	
14	Revision	2	1	1	[1]; [2]; [3]; [4] [5]; [6] ; [7]	
	Cộng	45	22	23		

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
1	Module 8:		03

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
	Fact or fiction? <u>New Cutting Edge</u>	1. Vocabulary: Describing films 2. Language focus 1: Past simple negative forms 3. Listening: The author behind the legend	
2	Module 8: Fact or fiction? (cont.) <u>New Cutting Edge</u>	4. Language focus 2: Past simple questions 5. Task: Interview other students about arts and entertainment	02
	<u>Listening</u>	Unit 1: Movies	01
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên ôn lại từ vựng Module 8 trang 5, tài liệu (1) về các loại hình phim, các từ vựng miêu tả phim. - Sinh viên làm bài tập bổ trợ Module 8 từ trang 61-66 trong phần Workbook, tài liệu (1). - Sinh viên tham khảo thêm website: https://learnenglish.britishcouncil.org/grammar/beginner-to-pre-intermediate/past-simple để củng cố kiến thức về thì Quá khứ đơn. - Sinh viên làm bài tập bổ trợ liên quan đến thì Quá khứ đơn trong phần Further Practice, từ trang 137-138, tài liệu (1).			
3	Module 9: Buying and selling <u>New Cutting Edge</u>	1. Language focus 1: Comparative adjectives 2. Language focus 2: Superlative adjectives 3. Reading: The world's most famous market 4. Vocabulary: Shops and shopping	03
4	Module 9: Buying and selling (cont.) <u>New Cutting Edge</u>	5. Task: Choose souvenirs from your country 6. Real life: Asking in shops	02
	<u>Listening</u>	Unit 2: Shopping Problems	01
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên ôn lại từ vựng Module 9 trang 14, tài liệu (1) về chủ đề mua sắm.			

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
- Sinh viên làm bài tập về hiện tượng ngữ pháp So sánh trong phần Workbook, từ trang 68-69, tài liệu (1). - Sinh viên làm bài tập bổ trợ Module 9 trong phần Further Practice, từ trang 125-126 và từ trang 138-139, tài liệu (1).			
5	Module 10: Street life <u>New Cutting Edge</u>	1. Language focus 1: Present continuous 2. Vocabulary: Clothes 3. Listening: People who wear uniforms 4. Language focus 2: Present simple or continuous? 5. Vocabulary and writing: Describing people	03
6	Module 10: (Cont.) <u>New Cutting Edge</u>	6. Writing (Work Book), page 62. 7. Improve your writing: Correcting mistakes	02
	<u>Listening</u>	Unit 3: Roommates	01
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên ôn lại từ vựng Module 10 trang 20-23, tài liệu (1) về các loại quần áo và các từ vựng miêu tả người. - Sinh viên làm bài tập nghe số 3 của Unit 3 phần Listening Supplementary, trang 114, tài liệu (1). - Sinh viên làm bài tập bổ trợ Module 10 phần Workbook, từ trang 73-77, tài liệu (1). - Sinh viên tham khảo thêm website: https://learnenglish.britishcouncil.org/english-grammar-reference/present-continuous để củng cố kiến thức về thì Hiện tại tiếp diễn. - Sinh viên làm bài tập bổ trợ Module 10 trong phần Further Practice, từ trang 140-141, 148-149, tài liệu (1). - Sinh viên tự nghiên cứu về các từ để hỏi (Question words) của Module 11 trước khi lên lớp tuần 7.			
7	Module 11: The world around us <u>New Cutting Edge</u>	1. Vocabulary: Animals and natural features 2. Reading: Amazing facts about the natural world 3. Language focus 1: <i>can</i> and <i>can't</i> for ability 4. Language focus 2: Questions words	03
8	Module 11:	5. Listening: Man's best friends?	02

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
	The world around us (Cont.) <u>New Cutting Edge</u>	6. Language focus 3: Use of articles (3) 7. Improve your writing: Punctuation	
	<u>Listening</u>	Unit 4: Touring a city	01
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên ôn lại từ vựng từ Modules 8-11. - Sinh viên làm bài tập bổ trợ Module 11 phần Workbook, từ trang 79-83, tài liệu (1). - Sinh viên tham khảo thêm website: https://learnenglish.britishcouncil.org/grammar/beginner-to-pre-intermediate/question-forms để củng cố kiến thức về cách đặt câu với từ để hỏi. - Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình giữa kỳ.			
9	Midterm		03
10	Module 12: A weekend away <u>New Cutting Edge</u>	1. Language focus 1: Future intentions 2. Vocabulary and speaking: Going out and Staying in 3. Language focus 2: Suggestions and offers 4. Real life: Talk about the weather	03
11	Module 12: A weekend away (cont.) <u>New Cutting Edge</u>	5. Writing (Work Book), page 75. 6. Improve your writing: Write about a holiday place	02
	<u>Listening</u>	Unit 5: Travel	01
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên ôn lại từ vựng Module 12 trang 38, tài liệu (1) về chủ đề Weekend and Holiday. - Sinh viên làm bài tập bổ trợ Module 12 phần Workbook, từ trang 85-90, tài liệu (1). - Sinh viên làm bài tập bổ trợ Module 12 trong phần Further Practice, từ trang 144-146, tài liệu (1). - Sinh viên tham khảo thêm website: https://www.perfect-english-grammar.com/simple-future.html để củng cố kiến thức về thì Tương lai đơn.			

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
- Sinh viên tự nghiên cứu và chuẩn bị trước nội dung về hiện tượng ngữ pháp Might và Will trước khi lên lớp tuần 12.			
12	Module 13: Learning for the future <u>New Cutting Edge</u>	1. Vocabulary and speaking: Education and careers. 2. Listening: My career 3. Language focus 1: Infinitive of purpose 4. Reading: <i>Easy English</i>	03
13	Module 13: Learning for the future (Cont.) <u>New Cutting Edge</u>	5. Language focus 2: <i>might</i> and <i>will</i> 6. Real life: Applying for a course 7. Writing (Work Book), page 81	02
	Module 14: Keeping in Touch <u>New Cutting Edge</u>	1. Reading: Getting in touch through the ages 2. Vocabulary: Ways of communicating	01
14	Module 14: Keeping in Touch (cont.) <u>New Cutting Edge</u>	3. Language focus 1: Present perfect 4. Language focus 2: Time phrases with The 5. Present Perfect and Past Simple	03
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên ôn lại từ vựng và ngữ pháp từ Modules 8-14. - Sinh viên làm bài tập bổ trợ Module 13 và 14 trong phần Workbook, từ trang 94-96, 98-101, tài liệu (1). - Sinh viên tham khảo thêm website: https://learnenglish.britishcouncil.org/grammar/beginner-to-pre-intermediate để củng cố kiến thức về thì Hiện tại hoàn thành, phân biệt Hiện tại hoàn thành và Quá khứ đơn. - Sinh viên làm bài tập bổ trợ ngữ pháp Module 13 và 14 trong phần Further Practice, từ trang 146-148, tài liệu (1).			
15	Module 14: Keeping in touch (cont.)	6. Real life: Telephoning	01

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
	<u>New Cutting Edge</u>		
	REVISION		02

8. GIÁO TRÌNH:

1. Khoa Ngoại ngữ, HVCS&PT, 2018, *General English 2 for Regular Program*.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Jack C. Richards, 2012, *Developing Tactics for Listening* - Third Edition. Oxford University Press.

3. <https://learnenglish.britishcouncil.org/grammar/beginner-to-pre-intermediate>.

4. <https://www.perfect-english-grammar.com>.

5. <https://www.britishcouncil.vn/hoc-tieng-anh/hoc-tieng-anh-truc-tuyen/>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)

4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)
---	-----------------------	-----	--

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN
(Đã ký)

GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

ThS. ĐỖ THỊ HOA

PGS, TS. TRẦN TRỌNG NGUYÊN

HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh cơ bản 3

Tiếng Anh:

General English 3

Mã học phần:

NNCS03

Số tín chỉ:

03**2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Ngoại ngữ****3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Tiếng Anh tổng quát 1, tiếng Anh tổng quát 2**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:**

Chương trình Tiếng Anh tổng quát 3 là chương trình thứ ba trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng từ, tính từ, câu so sánh hơn và so sánh hơn nhất, phân biệt động từ nguyên thể và danh động từ,

- Cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn;

- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch...

- Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế.

- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 - B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương 400 điểm bài thi TOEIC.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	- Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...
G2	- Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. - Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. - Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình. - Có thể nắm rõ cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế.
G3	- Có thái độ học tập nghiêm túc; - Có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]Ngữ âm <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại. - Có thể làm người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn tìm cách diễn đạt lại. [2]Ngữ pháp <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Các thời hiện tại, các thời quá khứ và các thời tương lai,

	- Các động từ khuyết thiếu, các loại câu so sánh và các mẫu câu dùng trong giao tiếp như: like doing, would like to do, used to, ... - Các mạo từ. [3]Từ vựng: <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Có đủ vốn từ để thực hiện những giao dịch đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.
G2	[4]Kỹ năng đọc <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, - Sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày. - Xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện. - Tìm được các thông tin cụ thể, dễ đoán trước trong các văn bản đơn giản thường gặp hằng ngày như quảng cáo, thực đơn, danh mục tham khảo và thời gian biểu. - Định vị thông tin cụ thể trong các danh sách và tìm được thông tin mong muốn (ví dụ: sử dụng danh bạ điện thoại để tìm ra số điện thoại một loại hình dịch vụ nào đó). [5]Kỹ năng nghe <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản. - Nghe và điền thông tin chính trong bài - Xác định được chủ đề của các hội thoại diễn ra chậm và rõ ràng. - Hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày (các thông tin về vui chơi giải trí cuối tuần, các phương tiện giao thông trong thành phố, các cách để giữ sức khỏe, các tình huống khi đi mua sắm, nói về sở thích và thời gian rảnh, hỏi về các dịch vụ trong khách sạn, nhà hàng và rạp chiếu phim).

	[6]Kỹ năng nói <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Xử lý các giao tiếp xã hội ngắn; - Mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn và trả lời lời mời, đề nghị và xin lỗi; - Nói điều mình thích và không thích; - Thuyết trình hoặc tham gia những hội thoại ngắn trong những ngữ cảnh quen thuộc và về những chủ đề quan tâm. [7]Kỹ năng viết <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Viết một đoạn văn miêu tả về một địa điểm nổi tiếng, miêu tả truyền thống gia đình, miêu tả bữa ăn yêu thích, miêu tả tâm trạng, cảm xúc vui buồn, miêu tả người. - Viết đoạn văn bày tỏ ý kiến về một vấn đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày như vận động viên chuyên nghiệp có nên được nhận nhiều tiền thưởng không? Phụ nữ có nên giữ chức vụ trong quân đội, công an không? Khi nào một người được coi là trưởng thành? - Viết đoạn văn nói về một sự kiện đáng nhớ đã xảy ra như một bộ phim, một bữa tiệc, một chuyến đi nghỉ.
G3	[8]VỀ KỸ NĂNG KHÁC: <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Thuyết trình theo nhóm về một chủ đề cho sẵn như một địa danh nổi tiếng, một sự kiện quan trọng của đất nước; - Viết một đoạn văn theo chủ đề về miêu tả truyền thống gia đình, miêu tả món ăn yêu thích, miêu tả niềm vui, miêu tả người, viết về một sự kiện đáng nhớ. [9]VỀ THÁI ĐỘ: - Có thái độ học tập nghiêm túc; - Có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến. - Có thái độ đúng mực với giảng viên và bạn bè

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

S T T	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Module 1 - New Cutting Edge	4	2	2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
2	Module 2 - New Cutting Edge	4	2	2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
3	Module 3 - New Cutting Edge	4	2	2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
4	Module 4 - New Cutting Edge	4	2	2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
5	Lesson 1 - Listening	3	1	2	[1],[2],[3],[5],[8],[9]	
6	Lesson 2 - Listening	3	1	2	[1],[2],[3],[5],[8],[9]	
7	Lesson 3 - Listening	3	1	2	[1],[2],[3],[5],[8],[9]	
8	Lesson 4 - Listening	3	1	2	[1],[2],[3],[5],[8],[9]	
9	Lesson 1 + Lesson 2 - Reading	3	1	2	[1],[2],[3],[4],[8],[9]	
10	Lesson 3 + Lesson 4 - Reading	3	1	2	[1],[2],[3],[4],[8],[9]	
11	Lesson 5 + Lesson 6 - Reading	3	1	2	[1],[2],[3],[4],[8],[9]	
12	Lesson 7 + Lesson 8 - Reading	3	1	2	[1],[2],[3],[4],[8],[9]	

S T T	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
17	Midterm Presentation	2		2	[1],[2],[3],[6],[8],[9]	
18	Revision + Practice Test	3	2	1	[1],[2],[3],[4],[5],[8],[9]	
	Cộng	45	18	27		

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
1	Module 1: Leisure and lifestyle <u>New Cutting Edge</u>	• Language focus1: Revision of question forms • Language focus 2: Present simple • Vocabulary: Leisure and activities • Reading: Unusual ways of keeping fit	03
2	Module 1(cont.) <u>New Cutting Edge</u>	• Improve your writing: Punctuation	01
	Lesson 1: Listening -TOEIC Listening	• Part 1: Look, Observe, Appreciate • Part 2: When - questions • Part 3: Questions about Time	02
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau trong phần Summary, trang 68, tài liệu (1) Present simple (tr.68) Auxiliary Verbs(tr.68) - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên làm bài tập ở phần Workbook (tr.43-49), tài liệu (1)			

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
Module 1: Leisure and lifestyle			
3	Lesson 1 (cont.): Listening -TOEIC Listening	Part 4: Recorded Messages	01
	Module 2: Important firsts <u>New Cutting Edge</u>	- Language focus 1: Past simple - Language focus 2: Time phrases often used in the past: at; on; in; ago.	02
4	Module 2 (cont.) <u>New Cutting Edge</u>	- Vocabulary: Words to describe feelings - Improve your writing: Linker: <i>but, so, because, then</i>	02
	Lesson 1: Reading -TOEIC Reading	Sentence structure	01
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau trong phần Summary , trang 69, tài liệu (1) Past simple (tr.69) Tenses(tr.69) - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên làm bài tập ở phần Workbook (tr 50 – 55), tài liệu (1) Module 2: Important firsts			
5	Lesson 2: Reading -TOEIC Reading	Sentence structure (con't) Nouns and Articles	02
	Module 3: At rest, at work <u>New Cutting Edge</u>	- Vocabulary: Daily routines - Language focus 1: Should; shouldn't	01
6		Language focus 2: can; can't; have to; don't have to.	03

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
		- Vocabulary: Jobs - Improve your writing: Writing a paragraph	
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau trong phần Summary trang 69, tài liệu (1) Should; shouldn't(tr.69) Can; can't; have to; don't have to. (tr.69) Infinitives and Gerunds(tr.69) - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên làm bài tập ở phần Workbook (tr 56 – 61), tài liệu (1) Module 3: At rest, at work			
7	Lesson 2: Listening -TOEIC Listening	- Part 1: Work, Fix, Take care of - Part 2: Who - Questions - Part 3: Why - questions - Part 4: Advertisements	03
8	Module 4: Special Occasion <u>New Cutting Edge</u>	- Vocabulary and speaking: Dates and special occasions. - Language focus 1: Present continuous and present simple. - Listening: New Year in two different cultures. - Language focus 2: Present continuous or future arrangements.	03
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau trong phần Summary trang 70, tài liệu (1) Present continuous and present simple.(tr.70)			

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
Present continuous or future arrangements.(tr.70) Participles and Participle Clauses(tr.70) - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên làm bài tập ở phần Workbook (tr. 62 – 68), tài liệu (1) Module 4: Special Occasion			
9	Module 4 (cont.) <u>New Cutting Edge</u>	• Improve your writing: A letter of invitation	01
	MDTERM PRESENTATION		02
10	Lesson 3 Lesson 4: Reading - TOEIC Reading	• Adjectives • Adverbs	03
11	Lesson 3:Listening -TOEIC Listening	• Part 1: Move, Carry, Transport • Part 2: Where - questions • Part 3: Questions about Speaker's Occupation • Part 4: Office Announcements	03
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau: Adjectives Adverbs - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên tham khảo website http://www.voanews.com/ để bổ trợ kỹ năng Nghe. - Sinh viên tham khảo website: https://www.examenglish.com/TOEIC/ để bổ trợ kỹ năng làm bài thi TOEIC.			
12	Lesson 5 Lesson 6:Reading - TOEIC Reading	• Pronouns and Demonstrative Adjectives • Comparatives and Superlatives	03
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau: Pronouns and Demonstrative Adjectives			

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
Comparatives and Superlatives - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên tham khảo website http://www.voanews.com/ để bổ trợ kỹ năng Nghe. - Sinh viên tham khảo website: https://www.examenglish.com/TOEIC/ để bổ trợ kỹ năng làm bài thi TOEIC.			
13	Lesson 4: Listening - TOEIC Listening	• Part 1: Walk, Hike, March • Part 2: What - questions • Part 3: Questions about Location/ Setting of the Conversation • Part 4: General Announcements	03
14	Lesson 7 Lesson 8: Reading - TOEIC Reading	• To - infinitives • Gerunds	03
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau: To - infinitives Gerunds - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên tham khảo website http://www.voanews.com/ để bổ trợ kỹ năng Nghe. - Sinh viên tham khảo website: https://www.examenglish.com/TOEIC/ để bổ trợ kỹ năng làm bài thi TOEIC.			
15	REVISION AND PRACTICE TEST		03

8. GIÁO TRÌNH:

1. Khoa Ngoại ngữ, HVCS&PT, 2018, *General English 3* for Regular Program

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Jim Lee & Sandy Cho, *TOEIC Academy*. 2014, NXB Nhân Trí Việt.
3. Cunningham, S., Moor, P. & Eales, F. 2005. *New Cutting Edge-Pre-Intermediate- Student's Book & Workbook*. Longman ELT.
4. Long man . *New Real Toeic - Actual Tests For Listening Comprehension LC*. 2012, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Long man . *New Real Toeic - Actual Tests For Reading Comprehension RC*. 2012, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
6. <http://www.voanews.com/>
7. <http://edition.cnn.com/>
8. <https://www.examenglish.com/TOEIC/>
9. <http://www.oxfordlearnersdictionaries.com>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Hoa

PGS. TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt:	Tiếng Anh cơ bản 4
Tiếng Anh:	General English 4
Mã học phần:	NNCS04
Số tín chỉ:	03

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Ngoại ngữ

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tiếng Anh tổng quát 3.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Chương trình tiếng Anh tổng quát 4 dành cho chương trình đại trà là chương trình thứ bốn trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện.

- Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý.

- Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe

- Khóa học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 (B1) trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	- Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...
G2	- Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh. - Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. - Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
G3	- Có thái độ học tập nghiêm túc; - Có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Ngữ âm <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Phát âm rõ ràng, dễ hiểu mặc dù đôi lúc giọng vẫn chưa tự nhiên và thỉnh thoảng còn phát âm sai. - Có thể nói dài mà vẫn có thể hiểu được, mặc dù còn khó khăn diễn đạt lại về cấu trúc và từ vựng, đặc biệt là khi nói dài và tự do. [2] Ngữ pháp <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Giao tiếp được một cách khá chính xác trong những ngữ cảnh quen thuộc; nhìn chung, có khả năng kiểm soát tốt mặc dù còn có sự ảnh hưởng đáng kể của tiếng mẹ đẻ. - Có thể còn mắc lỗi, nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

	- Sử dụng được một cách khá chính xác những mẫu câu thường dùng liên quan tới những tình huống quen thuộc. [3] Từ vựng: <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Có đủ vốn từ để diễn đạt bản thân, tuy còn vòng vo, về hầu hết các chủ đề liên quan đời sống hằng ngày như gia đình, thói quen, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra. - Có đủ vốn từ để có thể miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện những suy nghĩ về các chủ đề mang tính trừu tượng hay văn hóa như âm nhạc, điện ảnh. - Có đủ vốn từ vựng để diễn đạt mong muốn bản thân với một chút do dự hay viết lòng vòng về các chủ đề như gia đình, sở thích, đam mê, công việc, du lịch, các sự kiện đang diễn ra, nhưng do giới hạn về mặt từ vựng nên đôi chỗ viết lặp và thể hiện khó khăn trong cách trình bày.
G2	[4] Kỹ năng đọc <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Sử dụng thành thạo kỹ năng làm bài đọc theo dạng bài thi TOEIC. - Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình. - Có thể xác định các kết luận chính trong các văn bản nghị luận có sử dụng các tín hiệu ngôn ngữ rõ ràng. - Có thể nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc, dù không nhất thiết phải thật chi tiết. - Có thể hiểu các đoạn mô tả sự kiện, cảm xúc và lời chúc trong các thư từ cá nhân đủ để đáp lại cho người viết. - Có thể hiểu các hướng dẫn sử dụng được viết rõ ràng, mạch lạc cho một thiết bị cụ thể. [5] Kỹ năng nghe <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Thành thạo kỹ năng làm bài nghe theo dạng bài thi TOEIC

	- Có thể hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày. - Có thể hiểu được ý chính của các hội thoại mở rộng nếu lời nói được diễn đạt rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn mực. - Có thể theo dõi và hiểu được các bài giảng hay cuộc nói chuyện về đề tài quen thuộc hoặc trong phạm vi chuyên môn của mình nếu được diễn đạt một cách đơn giản với cấu trúc rõ ràng - Có thể hiểu, làm theo được các thông tin kỹ thuật đơn giản như hướng dẫn vận hành các thiết bị thông dụng. - Có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông). - Có thể hiểu các ý chính của các chương trình điểm tin trên đài phát thanh và những nội dung phỏng vấn, phóng sự, phim thời sự có hình ảnh minh họa cho nội dung cốt truyện được diễn đạt rõ ràng và bằng ngôn ngữ đơn giản. - Có thể nắm bắt được các ý chính trong các chương trình phát thanh và truyền hình về các đề tài quen thuộc và được diễn đạt tương đối chậm và rõ ràng. - Có thể hiểu một phần tương đối nội dung các chương trình phát thanh và truyền hình về các chủ điểm mà bản thân quan tâm, ví dụ như các cuộc phỏng vấn, các bài giảng ngắn và các bản tin được diễn đạt tương đối chậm và rõ ràng. [6]Kỹ năng nói <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hằng ngày. - Có thể mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm. - Có thể trình bày, mô tả bằng các diễn ngôn đơn giản về một câu chuyện ngắn có nội dung gắn gũi thuộc các chủ đề quen thuộc.
--	---

	- Có thể kể chi tiết về kinh nghiệm bản thân, cốt truyện của một cuốn sách, bộ phim hay và cảm xúc của mình. - Có thể nói về những ước mơ, hy vọng và ước vọng, các sự kiện có thật hoặc giả tưởng. - Có thể trình bày những bài thuyết trình đơn giản, được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực bản thân quan tâm một cách rõ ràng để người nghe dễ dàng theo dõi vì những điểm chính đã được giải thích với độ chính xác hợp lý. - Có thể trả lời những câu hỏi về bài trình bày tuy nhiên đôi khi vẫn phải hỏi lại khi câu hỏi quá nhanh. - Có thể diễn đạt cảm xúc và ứng xử trước những cảm xúc như ngạc nhiên, vui, buồn, quan tâm và thờ ơ. - Có thể xử lý hầu hết các tình huống phát sinh trong khi đi du lịch, tổ chức cho chuyến du lịch như đặt chỗ, làm giấy tờ với các cơ quan có thẩm quyền khi đi du lịch nước ngoài. - Có thể xử lý những tình huống bất thường ở các cửa hàng, bưu điện, ngân hàng ví dụ như trả lại hàng hoặc khiếu nại về sản phẩm. - Có thể giải thích một vấn đề phát sinh và làm rõ nguyên nhân để nhà cung cấp dịch vụ hoặc khách hàng phải nhượng bộ. [7] Kỹ năng viết <i>Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:</i> - Viết được bưu thiếp và hướng dẫn chỉ đường rõ ràng, chính xác. - Có thể miêu tả chi tiết, dễ hiểu về những chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm. - Có thể viết về các trải nghiệm, miêu tả cảm giác và phản ứng trong một bài viết đơn giản, có tính liên kết. - Có thể viết kể lại một câu chuyện.
G3	[8] VỀ KỸ NĂNG KHÁC: - Thuyết trình theo nhóm về một chủ đề cho sẵn, giới hạn thời gian chuẩn bị; - Làm một bài thi TOEIC hai kỹ năng hoàn chỉnh.

	- Tổ chức và làm việc theo nhóm. - Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet để phục vụ cho học phần. [9] VỀ THÁI ĐỘ: - Có thái độ học tập nghiêm túc; - Có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, cầu tiến. - Có thái độ đúng mực với giảng viên và bạn bè.
--	--

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Module 6 - New Cutting Edge: Time off	4	2	2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
2	Module 7 - New Cutting Edge: Ambitions and dreams	4	2	2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
3	Module 8 - New Cutting Edge: Countries and cultures	4	2	2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
4	Module 9 - New Cutting Edge: Old and new	4	2	2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
5	Listening - Part 1: Photos	3	1	2	[1],[2],[3],[5],[8],[9]	
6	Listening - Part 2: Question and Response	3	2	2	[1],[2],[3],[5],[8],[9]	
7	Listening - Part 3: Conversations	4	1	2	[1],[2],[3],[5],[8],[9]	
8	Listening - Part 4: Talks	3	1	2	[1],[2],[3],[5],[8],[9]	

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
9	Reading- Part 5: Incomplete Sentences	4	2	2	[1],[2],[3],[4],[8],[9]	
10	Reading- Part 6: Text Completion	3	1	2	[1],[2],[3],[4],[8],[9]	
11	Reading- Part 7: Reading Comprehension	3	1	2	[1],[2],[3],[4],[8],[9]	
12	Midterm Presentation	2		2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
13	Revision	2	1	1	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
14	Practice Test	2		2	[1],[2],[3],[6],[7],[8],[9]	
	Cộng	45	18	27		

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
1	- Module 6: Time off <u>New Cutting Edge-Pre-Intermediate (Part 2)</u>	- Language focus 1: Intentions and Wishes, Predictions - Pronunciation: Contractions and weak forms, will and would, intonation - Vocabulary: Holidays - Listening: The holiday from hell	03

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
2	- Module 6: Time off (cont.) <u>New Cutting Edge-Pre-Intermediate (Part 2)</u>	Writing: Write a postcard	01
	- Listening- Part 1: Photos <u>General English 4 - Regular Program</u>	- Walk Through - Get It Right: Tips and Tasks for Answering Correctly	02
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau trong phần Summary, trang 43, tài liệu (1) Intentions and Wishes, Predictions - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên tự làm phần Progressive Practice, trang 83, tài liệu (1). - Sinh viên làm bài tập ở phần Workbook, trang 44 - 49, tài liệu (1). Module 6: Time off - Sinh viên tham khảo website https://www.bbc.com/news để bổ trợ kỹ năng Nghe. - Sinh viên tham khảo website: https://www.ets.org/toeic để bổ trợ kỹ năng làm bài thi TOEIC.			
3	- Listening- Part 1: Photos <u>General English 4 - Regular Program</u>	Progressive Practice: Get Ready	01
	- Reading- Part 5: Incomplete Sentences <u>General English 4 - Regular Program</u>	Walk Through	02
4	- Reading- Part 5: Incomplete Sentences <u>General English 4 - Regular Program</u>	- Get It Right: Tips and Tasks for Answering Correctly - Progressive Practice: Get Ready	02

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
	- Module 7: Ambitions and dreams <u>New Cutting Edge-Pre-Intermediate (Part 2)</u>	- Language focus 1: Present perfect and past simple with for and other time words - Vocabulary: Ambitions and dreams	01
5	- Module 7: Ambitions and dreams (cont.) <u>New Cutting Edge-Pre-Intermediate (Part 2)</u>	- Listening: Before they were famous - Reading and speaking: An interview with Ewan McGregor - Task: Talk about your dreams, ambitions and achievements.	03
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau trong phần Summary trang 84, tài liệu (1) Present perfect and past simple with for and other time words - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên tự làm phần Progressive Practice trang 150, tài liệu (1). - Sinh viên làm bài tập ở phần Workbook, trang 50 -55, tài liệu (1) Module 7: Ambitions and dreams - Sinh viên tham khảo website https://www.bbc.com/news để bổ trợ kỹ năng Nghe. - Sinh viên tham khảo website: https://www.ets.org/toeic để bổ trợ kỹ năng làm bài thi TOEIC.			
6	-Listening - Part 2: Question and Response	Walk Through	03

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
	<u>General English 4 - Regular Program</u>	Get It Right: Tips and Tasks for Answering Correctly	
7	-Reading- Part 6: Text Completion <u>General English 4 - Regular Program</u>	- Walk Through - Get It Right: Tips and Tasks for Answering Correctly - Progressive Practice: Get Ready	03
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp đã học trong trên lớp. - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên tự làm phần Progressive Practice trang 95, 161, tài liệu (1) - Sinh viên tham khảo website https://www.bbc.com/news để bổ trợ kỹ năng Nghe. - Sinh viên tham khảo website: https://www.ets.org/toeic để bổ trợ kỹ năng làm bài thi TOEIC.			
8	- Module 8: Countries and Cultures <u>New Cutting Edge-Pre-Intermediate (Part 2)</u>	- Language focus 1: Using articles, quantities with countable and uncountable nouns - Vocabulary: Geographical features - Reading: Where in the world? - Real life: Asking for and giving directions	03
9	- Module 8: Countries and Cultures (cont.)	Writing: Giving written directions.	01

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
	<u>New Cutting Edge-Pre-Intermediate (Part 2)</u>		
	-Listening - Part 3: Conversations <u>General English 4 - Regular Program</u>	• Walk Through • Get It Right: Tips and Tasks for Answering Correctly	02
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau trong phần Summary trang 85, tài liệu (1) Using articles, quantities with countable and uncountable nouns - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên tự làm phần Progressive Practice trang 112,tài liệu (1) - Sinh viên làm bài tập ở phần Workbook, trang 56 - 61, tài liệu (1) Module 8: Countries and Cultures - Sinh viên tham khảo website https://www.bbc.com/news để bổ trợ kỹ năng Nghe. - Sinh viên tham khảo website: https://www.ets.org/toeic để bổ trợ kỹ năng làm bài thi TOEIC.			
10	REVISION + MIDTERM PRESENTATION		03
11	- Listening - Part 3: Conversations (cont.) <u>General English 4 - Regular Program</u>	• Progressive Practice: Get Ready	02
	- Module 9: Choosing the right person <u>New Cutting Edge-Pre-Intermediate (Part 2)</u>	• Language focus 1: Present perfect continuous with how long, for, and since. • Language focus 2: Present perfect continuous and Present perfect simple	01

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
12	- Module 9: Choosing the right person (cont.) <u>New Cutting Edge-Pre-Intermediate (Part 2)</u>	• Listening: Interview with the manager of Vacation Express • Task: Choose a manager for a pop group • Vocabulary: Personal characteristics • Writing: Completing an application form.	03
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp sau trong phần Summary trang 85, tài liệu (1) Present perfect continuous with how long, for, and since Present perfect continuous and Present perfect simple - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên tự làm phần Progressive Practice trang 112, tài liệu (1) - Sinh viên làm bài tập ở phần Workbook, trang 62 - 67, tài liệu (1) Module 9 :Choosing the right person - Sinh viên tham khảo website https://www.bbc.com/news để bổ trợ kỹ năng Nghe. - Sinh viên tham khảo website: https://www.ets.org/toeic để bổ trợ kỹ năng làm bài thi TOEIC.			
13	- Listening - Part 4: Talks <u>General English 4 - Regular Program</u>	• Walk Through • Get It Right: Tips and Tasks for Answering Correctly • Progressive Practice: Get Ready	03
14	- Reading- Part 7: Reading Comprehension	• Walk Through	03

Tuần	Bài	Nội dung	Số tiết
	<u>General English 4 - Regular Program</u>	• Get It Right: Tips and Tasks for Answering Correctly • Progressive Practice: Get Ready	
Hướng dẫn tự học: - Sinh viên tự nghiên cứu các nội dung ngữ pháp đã học. - Sinh viên tự nghiên cứu và ghi nhớ từ vựng - Sinh viên tự làm phần Progressive Practice trang 125, 181, tài liệu (1) - Sinh viên tham khảo website https://www.bbc.com/news để bổ trợ kỹ năng Nghe. - Sinh viên tham khảo website: https://www.ets.org/toeic để bổ trợ kỹ năng làm bài thi TOEIC.			
15	Revision + Practice Test		03

8. GIÁO TRÌNH:

1. Khoa Ngoại ngữ, HVCS&PT, 2018, *General English 4 for Regular Program*

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Colins - *Skills for the TOEIC test*, 2015, NXB Tổng Hợp TP Hồ Chí Minh
3. Cunningham, S., Moor, P. & Eales, F. 2005. *New Cutting Edge-Pre-Intermediate - Student's Book & Workbook*. Longman ELT.
4. <https://www.bbc.com/news>
5. <http://ebooktienganh.com/>
6. <https://www.ets.org/toeic>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận	- Nghe giảng - Thảo luận	- Phương pháp động tư duy

- Nghiên cứu tình huống	- Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm
-------------------------	--	---

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Hoa

PGS.TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Lập trình căn bản**

Tiếng Anh: **Introduction to Programming**

Mã học phần: **KTKD01**

Số tín chỉ: **3**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên đã được học Tin học đại cương.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần giới thiệu cho sinh viên mới bắt đầu học lập trình về các khái niệm cơ bản trong lập trình, giới thiệu thuật toán và các thuật toán cơ bản, hướng dẫn sinh viên phương pháp tư duy trong lập trình như: tuần tự, chọn lựa, lặp. Ngoài ra, học phần còn trình bày cách tổ chức chương trình thành các hàm, sử dụng mảng một chiều và một số kỹ thuật lập trình cơ bản để áp dụng giải quyết các bài toán đơn giản trong thực tế.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về lập trình. Sử dụng các thành phần cơ bản của ngôn ngữ C#. Có tư duy lập trình: tuần tự, chọn lựa (điều kiện), lặp, hàm.
G2	Vận dụng các kỹ thuật lập trình và kỹ thuật xử lý mảng để giải quyết các bài toán thực tế đơn giản. Tổ chức chương trình thành các hàm.
G3	Sinh viên có ý thức tổ chức kỷ luật, đi học chuyên cần; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các quy định của pháp luật.

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	Kết thúc học phần sinh viên sẽ đạt được những chuẩn sau: [1] Hiểu và vận dụng tốt các khái niệm cơ bản về lập trình. [2] Sử dụng tốt các thành phần cơ bản của ngôn ngữ C#. [3] Có tư duy lập trình: tuần tự, chọn lựa (điều kiện), lặp, hàm.
G2	[4] Vận dụng các kỹ thuật lập trình và kỹ thuật xử lý mảng để giải quyết các bài toán thực tế đơn giản. [5] Tổ chức chương trình thành các hàm.
G3	[6] Sinh viên có ý thức tổ chức kỷ luật, đi học chuyên cần; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các quy định của pháp luật.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành / Thảo luận</i>		
1	Chương 1:	4	3	1	[1], [6]	
2	Chương 2:	4	3	1	[1], [6]	
3	Chương 3:	6	4	2	[1], [2], [4]	
4	Chương 4:	6	4	2	[1], [2], [4]	
5	Chương 5:	6	4	2	[1], [2], [3]	
6	Chương 6:	6	4	2	[1], [2], [3], [4], [5]	
7	Chương 7:	6	4	2	[1], [2], [3], [4], [5]	
8	Chương 8:	7	4	3	[1], [2], [3], [4], [5]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN VỀ LẬP TRÌNH

1.1. *Làm quen việc lập trình qua Block based programming*

1.2. *Một số khái niệm về lập trình*

1.3. *Các cấu trúc lệnh trong lập trình*

CHƯƠNG II – GIỚI THIỆU VỀ THUẬT TOÁN

2.1. *Khái niệm Thuật toán*

2.2. *Các đặc tính quan trọng của thuật toán*

2.3. *Biến và phép gán*

2.4. *Sơ đồ khối trong lập trình*

CHƯƠNG III: BIẾN VÀ CÂU LỆNH TUẦN TỰ

3.1. *Giới thiệu về ngôn ngữ lập trình C#*

3.2. *Môi trường lập trình Visual Studio*

3.3. *Các kiểu cơ bản (Type)*

3.4. *Nhập và xuất dữ liệu*

3.5. *Các phép toán cơ bản*

CHƯƠNG IV: CÂU LỆNH CHỌN LỰA

4.1. *Giới thiệu về câu lệnh chọn lựa*

4.2. *Phép toán so sánh*

4.3. *Kết hợp nhiều câu lệnh chọn lựa*

4.4. *Câu lệnh chọn lựa khác*

CHƯƠNG V: CÂU LỆNH LẶP

5.1. *Giới thiệu về câu lệnh lặp*

5.2. *Các dạng lệnh lặp trong C#*

5.3. *Lặp với câu lệnh while*

5.4. *Lặp với câu lệnh do .. while*

5.5. *Lặp với câu lệnh for*

5.6. *Thoát khỏi lệnh lặp (break) và tiếp tục (continue)*

CHƯƠNG VI: HÀM

- 6.1. Giới thiệu về hàm**
- 6.2. Cấu trúc tổng quát khi định nghĩa hàm**
- 6.3. Lời gọi hàm**
- 6.4. Các tham số của hàm**

CHƯƠNG VII: MẢNG 1 CHIỀU

- 7.1. Khái niệm mảng**
- 7.2. Nhập – Xuất mảng**
- 7.3. Hàm có tham số là mảng**
- 7.4. Các bài toán trên mảng 1 chiều**

CHƯƠNG VIII: MỘT SỐ KỸ THUẬT LẬP TRÌNH CƠ BẢN

- 8.1. Thuật toán tìm kiếm tuyến tính**
- 8.2. Thuật toán tìm min/max**
- 8.3. Thuật toán sắp xếp cơ bản**
- 8.4. Tìm kiếm nâng cao**
- 8.5. Kiểm tra mảng thỏa điều kiện**

8. GIÁO TRÌNH

1. Svetlin Nakov (2013), Fundamentals of Computer Programming with C#, (*free book*: www.introprogramming.info/english-intro-csharp-book/).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Slide bài giảng môn Cơ sở lập trình, Viện Công nghệ thông tin& Kinh tế số, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2012.
- 2. Đặng Bình Phương (2016), Giáo trình nhập môn lập trình, Khoa CNTT – Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG TpHCM.
- 3. Nguyễn Văn Thư (2002), Lập trình hướng đối tượng với C++ - Kỹ thuật và ứng dụng, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Marketing căn bản**

Tiếng Anh: **Marketing Essential**

Mã học phần: **QTMC02**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không yêu cầu

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
----------------	--------------------------

G1	<i>Về kiến thức:</i> Nhận thức và phân biệt được vai trò của Marketing với các hoạt động khác trong doanh nghiệp; Nhận thức được các vấn đề Marketing trong bối cảnh kinh doanh quốc tế.
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Nhận thức được tầm quan trọng và các nội dung của hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing - Nắm được các hoạt động căn bản trong các công cụ Marketing hỗn hợp (7P).
G3	<i>Về thái độ:</i> Xác định được nhu cầu và cầu thị trường đối với một sản phẩm kinh doanh thông qua nghiên cứu dữ liệu thứ cấp và tiếp cận điều tra thị trường; Xây dựng được nội dung cơ bản và tổ chức triển khai các công cụ Marketing

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]Hiểu được các quan điểm khác nhau về Marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. [2]Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu. [3]Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, phân phối và truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược Marketing-mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.
G2	[4]Nắm vững các nguyên lý marketing và các công cụ marketing mix có khả năng vận dụng vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp. [5]Có khả năng tổ chức các hoạt động marketing trong doanh nghiệp như: nghiên cứu thu thập, phân tích các thông tin phục vụ nghiên cứu marketing, lập kế hoạch nghiên cứu marketing, tổ chức hoạt động xúc tiến hỗn hợp cho sản phẩm...
G3	[6]Nhận thức được tầm quan trọng và mối quan hệ logic giữa môn học marketing với các môn học khác trong khối kiến thức chuyên ngành hiện tại và hoàn thành mục tiêu cho tổ chức/doanh nghiệp trong dài hạn.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>	
1	Tổng quan về marketing	6	4	2	[1]; [4]; [6]
2	Môi trường marketing	6	4	2	[1]; [4];[5]
3	Phân đoạn thị trường, thị trường mục tiêu, hành vi của khách hàng	7	4	3	[1];[2];[3];[4]
4	Chiến lược sản phẩm	7	4	3	[1];[3];[4];[5];[6]
5	Giá cả	7	5	2	[1];[4];[5];[6]
6	Chiến lược phân phối	6	4	2	[1];[4];[5];[6]
7	Chiến lược xúc tiến	6	4	2	[1];[4];[5];[6]
	Cộng	45	29	16	

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING CĂN BẢN

1.1 Khái niệm và vai trò của marketing trong hoạt động của doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm

1.1.2 Vai trò của marketing trong hoạt động của doanh nghiệp

1.2 Nghiên cứu marketing

1.2.1 Mục tiêu nghiên cứu marketing

1.2.2. Lập kế hoạch nghiên cứu

1.2.3. Thu thập thông tin

1.2.4. Xử lý phân tích thông tin

1.2.5. Báo cáo kết quả nghiên cứu

1.3 Quản trị marketing

1.3.1. Khái niệm

1.3.2. Nội dung

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 17, tài liệu [1]

1.1.2 Vai trò của marketing trong hoạt động của doanh nghiệp

1.2.1 Mục tiêu nghiên cứu marketing

CHƯƠNG 2: MÔI TRƯỜNG MARKETING

2.1 Môi trường vĩ mô

2.1.1. Dân số

2.1.2. Kinh tế

2.1.3. Tự nhiên

2.1.4. Công nghệ

2.1.5. Pháp luật

2.1.6. Văn hóa

2.2 Môi trường vi mô

2.2.1. Môi trường nội tại doanh nghiệp.

2.2.2. Nhà cung ứng.

2.2.3. Các trung gian.

2.2.4 Khách hàng.

2.2.5 Đối thủ cạnh tranh.

2.2.6. Công chúng.

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 106, tài liệu [1]

2.2.1. Môi trường nội tại doanh nghiệp.

2.2.4 Khách hàng.

CHƯƠNG 3: PHÂN ĐOẠN THỊ TRƯỜNG THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU VÀ HÀNH VI CỦA KHÁCH HÀNG

3.1 Phân đoạn thị trường

3.1.1 Khái niệm

3.1.2 Phân đoạn thị trường

3.2 Thị trường mục tiêu

3.2.1 Khái niệm

3.2.2 Thị trường mục tiêu

3.3 Hành vi của khách hàng

3.3.1 Khái niệm

3.3.2 Hành vi của khách hàng

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 131, tài liệu [1]

3.2.2 Thị trường mục tiêu

3.3.2 Hành vi của khách hàng

CHƯƠNG 4: CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

4.1 Khái niệm sản phẩm

4.1.1 Khái niệm

4.1.2 Phân loại sản phẩm

4.2 Nhãn hiệu và bao bì sản phẩm

4.2.1 Nhãn hiệu sản phẩm

4.2.2 Bao bì sản phẩm

4.3 Chu kỳ sống của sản phẩm

4.3.1 Khái niệm

4.3.2 Các giai đoạn của chu kỳ sống sản phẩm

Bài tập nhóm: Hướng dẫn các nhóm chọn 1 trong các chủ đề nóng ở VN liên quan đến các bài giảng để viết bài tiểu luận và thuyết trình vào tuần thứ 9.

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 266, tài liệu [1]

4.1.2 Phân loại sản phẩm

4.3.2 Các giai đoạn của chu kỳ sống sản phẩm

CHƯƠNG 5 : GIÁ CẢ

5.1 Tổng quát về giá cả

5.1.1 Khái niệm

5.1.2 Chiến lược giá

5.2 Những yếu tố ảnh hưởng đến chính sách giá cả

5.2.1 Những yếu tố bên trong

5.2.2. Những yếu tố bên ngoài

5.3 Những phương pháp định giá

5.3.1. Định giá dựa vào chi phí

5.3.2. Định giá theo thị trường

5.3.3. Định giá trên người mua

5.3.4. Định giá tâm lý

5.3.5. Định giá theo thời vụ

5.4 Xác định mức giá cơ bản

5.4.1. Tiến trình xác định mức giá bán cơ bản

5.4.2. Xác định mục tiêu định giá

5.4.3. Xác định cầu ở thị trường mục tiêu

5.4.4. Xác định chi phí phục vụ cho việc định giá

5.4.5. Phân tích giá sản phẩm của đối thủ cạnh tranh

5.4.6. Lựa chọn phương pháp định giá

5.4.7. Lựa chọn mức giá cụ thể

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 293, tài liệu[1]

5.2.1 Những yếu tố bên trong

5.2.2. Những yếu tố bên ngoài

CHƯƠNG 6: PHÂN PHỐI

6.1 Vai trò của kênh phân phối

6.1.1 Khái niệm

6.1.2 Vai trò của kênh phân phối

6.2 Cấu trúc kênh phân phối

6.2.1 Khái niệm

6.2.2. Tổ chức về hoạt động của kênh

6.2.3. Lựa chọn quản lý kênh

6.3 Các quyết định về phân phối

6.3.1. Bản chất của phân phối hàng hóa vật chất

6.3.2. Mục tiêu của phân phối hàng hóa vật chất

6.3.3. Quyết định phân phối hàng hóa vật chất

6.3.4. Marketing của doanh nghiệp bán buôn và bán lẻ

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 340, tài liệu [1]

6.3.4. Marketing của doanh nghiệp bán buôn và bán lẻ

CHƯƠNG 7: CHIẾN LƯỢC XÚC TIẾN

7.1 Khái quát về xúc tiến và truyền thông Marketing

7.1.1 Bản chất của xúc tiến hỗn hợp và truyền thông marketing

7.1.2. Hệ thống truyền thông marketing

7.2 Xác lập hỗn hợp xúc tiến và ngân sách

7.2.1. Xác lập hệ thống xúc tiến hỗn hợp

7.2.2. Các yếu tố quyết định đến cấu trúc các dạng truyền thông hỗn hợp

7.2.3. Xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông

7.3 Các chiến lược xúc tiến hỗn hợp

7.3.1. Quảng cáo

7.3.2. Xúc tiến bán

7.3.3. Tuyên truyền

7.3.4. Bán hàng cá nhân

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 372, tài liệu [1]
- 7.2.3. Xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông

8.GIÁO TRÌNH:

(1). Giáo trình Marketing căn bản, Chủ biên GS.TS Trần Minh Đạo, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2013.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Quản trị marketing, PGS.TS Trương Đình Chiến, NXB Thống kê, 2009
3. Marketing thương mại của nhà xuất bản KTQD 2008
4. Giáo trình Marketing. Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, Nhà xuất bản Thống kê, 2008.
5. Marketing căn bản. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Giáo dục, 2008.
6. Quản trị Marketing, Philip Kotler. Nhà xuất bản Thống kê, 2006.
7. Những hiểu biết sâu sắc về tiếp thị từ A đến Z của Philip Kotler, Nhà xuất bản Thống kê, 2010.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận trực tiếp - Tự xây dựng những dự án - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng tích cực - Đọc tài liệu và tham khảo qua nhiều nguồn Internet - Nghiên cứu tình huống - Đặt câu hỏi thảo luận - Thảo luận và phản biện đề tài giữa các nhóm học	- Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp làm việc nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (5%) - Đi học đầy đủ (10%) - Tích cực trên Google Class room (5%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Vũ Thị Minh Luận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh**

Tiếng Anh: **Big data for Economics and Business**

Mã học phần: **TODL01**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tin học đại cương.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, các ứng dụng thực tế của dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark, Python, R,... Ngoài ra, học viên sẽ được tiếp cận tư duy phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization), xây dựng mô hình ra quyết định, các công nghệ áp dụng cho hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, các hướng tối ưu dữ liệu cho kinh doanh, phân tích dữ liệu để thực hiện chiến lược chuyển đổi doanh nghiệp,...

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

- + Có sự hiểu biết cơ bản về dữ liệu lớn và các ứng dụng của nó trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh.
- + Biết được xu hướng vận động của dữ liệu lớn trong tương lai.
- + Có thể vận dụng để các công cụ trực quan hóa dữ liệu (Tableau, Power BI) để trực quan hóa và phân tích dữ liệu nhằm phục vụ cho công tác quản lý kinh tế cũng như nhiều yêu cầu khác trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

a) Về kiến thức:

[1]. Sinh viên làm quen với những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, về internet vạn vật và ứng dụng của chúng trong kinh tế và kinh doanh;

[2]. Sinh viên được biết một số công cụ quản trị và phân tích dữ liệu lớn như Hadoop, Spark, Python, R nhằm ứng dụng vào quản lý kinh tế và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

[3]. Sinh viên có thể sử dụng phần mềm Power BI hoặc Tableau để trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization) nhằm khai thác dữ liệu một cách tối ưu.

b) Về kỹ năng:

[4]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

[5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.

c) Về thái độ:

[6]. Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận		
1	Chương 1: Tổng quan về dữ liệu lớn	5	4	1	[1], [4] [6]	
2	Chương 2: Nền tảng công nghệ cho dữ liệu lớn	8	7	1	[1], [2], [5], [6]	
3	Chương 3: Dữ liệu lớn cho Internet vạn vật	8	7	1	[1], [2], [5], [6]	
4	Chương 4: Trực quan hóa dữ liệu và phân tích	16	6	10	[3], [5], [6]	
5	Chương 5: Ra quyết định dựa trên dữ liệu	8	6	2	[4], [5], [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN VỀ DỮ LIỆU LỚN

1.1 Giới thiệu về dữ liệu lớn

1.1.1. Khái niệm về dữ liệu lớn

1.1.2. Lịch sử phát triển của dữ liệu lớn

1.1.3. Nguồn hình thành dữ liệu lớn

1.1.4. Dữ liệu truyền thống và dữ liệu lớn

1.2 Đặc trưng của dữ liệu lớn (5V)

1.2.1. Khối lượng dữ liệu (Volume)

1.2.2. Tốc độ xử lý (Velocity)

1.2.3. Sự đa dạng (Variety)

1.2.4. Độ tin cậy (Veracity)

1.2.5. Giá trị (Value)

1.3. Ứng dụng dữ liệu lớn trong các ngành nghề

1.3.1. Dữ liệu lớn trong nông nghiệp

1.3.2. Dữ liệu lớn trong công nghiệp ô tô

1.3.3. Dữ liệu lớn trong dịch vụ tài chính

1.3.4. Dữ liệu lớn trong chăm sóc sức khỏe

1.3.5. Dữ liệu lớn trong giáo dục

1.3.6. Dữ liệu lớn trong giải trí và truyền thông

1.4. Khoa học dữ liệu

CHƯƠNG II – NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ CHO DỮ LIỆU LỚN

2.1. Các công cụ quản trị dữ liệu lớn

2.1.1. Hệ sinh thái Hadoop (Hadoop Ecosystem)

2.1.2. Apache Spark

2.1.3. Các công cụ khác

2.2. Các ngôn ngữ lập trình cho phân tích dữ liệu lớn

2.2.1. Ngôn ngữ Python

2.2.2. Ngôn ngữ R

2.2.3. Các ngôn ngữ khác (Java, Julia, SQL, Scala)

2.3. Giới thiệu về điện toán đám mây (Cloud computing)

CHƯƠNG III: DỮ LIỆU LỚN CHO INTERNET VẠN VẬT

3.1. Tổng quan về Internet vạn vật (IoT)

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Đặc trưng cơ bản của IoT

3.1.3. Dữ liệu lớn cho vận hành các thiết bị cảm ứng

3.2. Điều kiện triển khai IoT

3.2.1. Thiết bị kết nối và cơ sở hạ tầng cho IoT

3.2.2. Nguồn dữ liệu cho IoT

4.2.3. Mô hình thiết kế tập trung và phân tán

3.3. Ứng dụng IoT trong cuộc sống

- 3.3.1. Ứng dụng trong triển khai quy hoạch đô thị - Thành phố thông minh
- 3.3.2. Ứng dụng trong quản lý năng lượng
- 3.3.3. Ứng dụng trong nông nghiệp
- 3.3.4. Ứng dụng trong các lĩnh vực khác

CHƯƠNG IV: TRỰC QUAN HÓA DỮ LIỆU VÀ PHÂN TÍCH

4.1 Tổng quan về trực quan hóa dữ liệu

- 4.1.1. Khái niệm trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization)
- 4.1.2. Các nguyên tắc trực quan hóa dữ liệu
- 4.1.3. Dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng
- 4.1.4. Những dạng biểu đồ, đồ thị khác nhau trong Data Visualization

4.2 Công cụ phân tích và trực quan hóa dữ liệu

- 4.2.1. Các công cụ có trả phí
- 4.2.2. Các công cụ mã nguồn mở

4.3. Trực quan hóa dữ liệu với phần mềm Power BI

- 4.3.1. Giới thiệu về phần mềm Power BI
- 4.3.2. Kết nối dữ liệu trong Power BI
- 4.3.3. Xây dựng các “data model” trong Power BI
- 4.3.4. Phân tích dữ liệu từ bảng biểu, đồ thị

4.4. Trực quan hóa dữ liệu với phần mềm Tableau Desktop

- 4.4.1. Giới thiệu về phần mềm Tableau Desktop
- 4.4.2. Kết nối dữ liệu trong Tableau Desktop
- 4.4.3. Phân tích dữ liệu từ bảng biểu, đồ thị
- 4.4.4. Các tính năng nâng cao

CHƯƠNG V: RA QUYẾT ĐỊNH DỰA TRÊN DỮ LIỆU (Data-Driven Decision Making)

5.1 Thế nào là ra quyết định dựa trên dữ liệu

5.2 Các phương pháp ra quyết định

5.3. Quy trình ra quyết định dựa trên dữ liệu

5.4. Các nghiên cứu tình huống (case study) về việc ra quyết định dựa trên dữ liệu

8. GIÁO TRÌNH

Rajkuma Bayya, Jodrigio Calheiros (2016), *Big data – Principles and Paradigms*, Elsevier Press.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bart Baesens (2014), *Analytics in a big data world*, Wiley Press.

2. Bernard Marr (2016), *Big Data in Practice_ How 45 Successful Companies Used Big data Analytics to Deliver Extraordinary Results*, Wiley Press.

3. EMC Education Services, *Data Science & Big Data Analytics*, John Wiley & Sons Inc, 2015.

4. Kieran Healy (2018), *Data Visualization – A Practical Introduction*, Princeton University Press, ISBN-10: 0691181624.

5. Mark van Rijmenam (2014), *Think bigger : developing a successful big data strategy for your business*, American Management Association.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

11. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

Chương 1

1.4. Thực hành tìm hiểu các dữ liệu khách hàng của hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc của các bệnh viện có phải là dữ liệu lớn hay không.

Chương 2

2.5. Tìm hiểu hệ thống lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn của IBM, Microsoft, Google.

Chương 3

3.4. Tìm hiểu hệ thống IoT trong quản lý giao thông ở Việt Nam

Chương 4

Thực hành trực quan hóa dữ liệu và tạo các dashboard trên Power BI và Tableau Desktop 2019.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

(đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Kinh tế lượng**

Tiếng Anh: **Econometrics**

Mã học phần: **TOKT05**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA/BM PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Toán

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên đã được học các môn như: Toán cao cấp; Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Tin học đại cương.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Kinh tế lượng là một môn khoa học độc lập, nó là sự kết hợp giữa kinh tế học, toán học và thống kê toán nhằm lượng hóa, kiểm định và dự báo các quan hệ kinh tế. Nhiệm vụ của Kinh tế lượng là: Thiết lập các mô hình toán học để mô tả các mối quan hệ kinh tế, tức là nêu ra các giả thuyết về mối quan hệ giữa các biến số kinh tế; Ước lượng các tham số nhằm nhận được số đo về sự ảnh hưởng của các biến số; Kiểm định sự vững chắc của các giả thuyết đặt ra; Sử dụng các mô hình đã được kiểm định để đưa ra các dự báo và mô phỏng các hiện tượng kinh tế; Đề xuất chính sách dựa trên các phân tích và dự báo.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Với yêu cầu của môn học Kinh tế lượng ở mức cơ sở, sau khi kết thúc học phần này người học có thể nắm được một số vấn đề cơ bản sau:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên hiểu cơ sở lý luận xây dựng mô hình kinh tế lượng; Giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định liên quan; Phát hiện và khắc phục các khuyết tật của các mô hình hồi quy; Sử dụng thành thạo phần mềm Eviews và Excel; Vận dụng các mô hình kinh tế lượng trong việc dự báo, dự đoán một số chính sách cho kinh tế và kinh doanh.

G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; thu thập và xử lý dữ liệu; sử dụng tiếng Anh trong quá trình học.
G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp, kỹ thuật phân tích hồi quy tuyến tính đơn biến và đa biến. [2] Biết cách kiểm định các khuyết tật của mô hình phân tích hồi quy. [3] Nắm được kỹ thuật hồi quy với biến giả (biến định tính).
G2	[4] Kỹ năng làm việc nhóm, nghiên cứu khoa học, thuyết trình, giải quyết, phân tích tình huống kinh tế và kinh doanh. [5] Kỹ năng sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình học; Kỹ năng sử dụng thành thạo Eviews và Excel.
G3	[6] Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		
1	Chương 1	3	3	0	[1]	
2	Chương 2	12	9	3	[1];[2];[4]	
3	Chương 3	6	3	3	[2];[5]; [6]	
4	Chương 4	4	3	1	[2];[3];[5];[6]	
5	Chương 5	15	9	6	[2]; [4];[5];[6]	
6	Chương 6	5	3	2	[2]; [4];[5];[6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 - GIỚI THIỆU VỀ KINH TẾ LƯỢNG

- 1.1 Kinh tế lượng là gì?
- 1.2 Mối quan hệ giữa Kinh tế lượng và các môn học liên quan
- 1.3 Phương pháp luận của kinh tế lượng
- 1.4 Đối tượng nghiên cứu và nội dung môn học
 - 1.4.1 Đối tượng nghiên cứu
 - 1.4.2 Nội dung môn học
- 1.5 Phân tích hồi quy
 - 1.5.1 Bản chất phân tích hồi quy đơn
 - 1.5.2 Phân tích hồi quy và một số mối quan hệ khác
- 1.6 Số liệu trong phân tích hồi quy
 - 1.6.1 Các loại số liệu
 - 1.6.2 Nguồn số liệu
 - 1.6.3 Hạn chế của số liệu

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên xem lại giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập trang 15 tài liệu [1]; trang 7-19 tài liệu [2];

CHƯƠNG 2 - MÔ HÌNH HỒI QUY ĐƠN

- 2.1 Giới thiệu về mô hình hồi quy đơn (hồi quy hai biến)
- 2.2 Phương pháp bình phương nhỏ nhất - OLS
- 2.3 Hệ số xác định R^2 đo độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu
- 2.4 Khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy β_j và σ^2
 - 2.4.1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy β_j
 - 2.4.2 Khoảng tin cậy cho phương sai sai số ngẫu nhiên σ^2
 - 2.4.3 Kiểm định giả thuyết cho hệ số hồi quy β_j
 - 2.4.4 Kiểm định giả thuyết đối với phương sai sai số ngẫu nhiên σ^2
- 2.5 Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy
- 2.6 Phân tích hồi quy và dự báo
- 2.7 Thực hành trên Eviews và Excel

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương 1 (tài liệu [2], trang 61-65) và bài tập 2.1 đến 2.5 (tài liệu [4], trang 8-13).

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình:

Mục 2.4.2. Khoảng tin cậy với phương sai sai số ngẫu nhiên (tài liệu [1] tại trang 64-65)

Mục 2.4.4. Kiểm định giả thuyết với phương sai sai số ngẫu nhiên (tài liệu [1] tại trang 66)

Mục 2.5. Phân tích hồi quy và dự báo (tài liệu [1], trang 70)

Mục 2.6. Trình bày kết quả phân tích hồi quy (tài liệu [1] trang 72-73)

CHƯƠNG 3 - MÔ HÌNH HỒI QUY BỘI

3.1 Mô hình hồi quy k biến

3.1.1 Phương pháp OLS trong mô hình hồi quy k biến

3.1.2 Giả thiết OLS

3.1.3 Phương sai và độ lệch chuẩn của các ước lượng OLS

3.1.4 Các tính chất của các ước lượng OLS

3.2 Hệ số xác định bội trong mô hình hồi quy k biến

3.2.1 Hệ số xác định bội R^2

3.2.2 Hệ số xác định bội $\bar{R}^2$

3.3 Khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy

3.3.1 Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy β_j

3.3.2 Kiểm định giả thuyết cho hệ số hồi quy β_j

3.4 Khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết cho phương sai sai số σ^2

3.4.1 Khoảng tin cậy cho phương sai sai số ngẫu nhiên σ^2

3.4.2 Kiểm định giả thuyết đối với phương sai sai số ngẫu nhiên σ^2

3.5 Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy

3.6 Một số dạng hàm hồi quy

3.7 Dự báo với mô hình hồi quy bội

3.8 Thực hành trên Eviews và Excel

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương 2 (tài liệu [2], trang 119-122) và bài tập 3.1 đến 3.5 (tài liệu [4], trang 16-23).

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình:

Mục 3.4.2. Khoảng tin cậy với phương sai sai số ngẫu nhiên (tài liệu [1], trang 91)

Mục 3.5.1. Tiếp cận ma trận đối với mô hình hồi quy có k biến (tài liệu [1], trang 95)

Mục 3.6 Một số dạng hàm hồi quy (tài liệu [1], trang 102-103)

Mục 3.7 Dự báo với mô hình hồi quy bội (tài liệu [1], trang 103-104)

CHƯƠNG 4 - HỒI QUY VỚI BIẾN GIẢ

4.1 Khái niệm và bản chất biến giả

4.2 Mô hình hồi quy với biến giả thích là biến giả

4.3 Hồi quy với một biến lượng và một biến chất

- 4.3.1 Biến chất chỉ có hai phạm trù
- 4.3.2 Biến chất có nhiều hơn hai phạm trù
- 4.4 Hồi quy với một biến lượng và nhiều biến chất
- 4.5 So sánh hai hồi quy
 - 4.5.1 Đặt vấn đề
 - 4.5.2 Kiểm định Chow so sánh hai hồi quy
 - 4.5.3 Thủ tục biến giả so sánh hai hồi quy
- 4.6 Hồi quy tuyến tính từng khúc
- 4.7 Thực hành trên Eviews và Excel

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương 4 (tài liệu [2], trang 194-194) và bài tập 4.1 đến 4.5 (tài liệu [4], trang 29-34).
- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình:
 - Mục 4.5 So sánh hai hồi quy (tài liệu [1], trang 119-123)
 - Mục 4.6. Hồi quy tuyến tính từng khúc (tài liệu [1], trang 123-125)

CHƯƠNG 5 - CÁC KHUYẾT TẬT CỦA MÔ HÌNH

- 5.1 Đa cộng tuyến
 - 5.1.1 Khái niệm của hiện tượng đa cộng tuyến
 - 5.1.2 Hậu quả của hiện tượng đa cộng tuyến
 - 5.1.3 Phát hiện hiện tượng đa cộng tuyến
 - 5.1.4 Các biện pháp khắc phục hiện tượng đa cộng tuyến
- 5.2 Phương sai sai số thay đổi
 - 5.2.1 Khái niệm, bản chất và nguyên nhân của hiện tượng phương sai sai số thay đổi
 - 5.2.2 Hậu quả của hiện tượng phương sai sai số thay đổi
 - 5.2.3 Phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất tổng quát
 - 5.2.4 Phát hiện phương sai sai số thay đổi
 - 5.2.5 Biện pháp khắc phục khi có hiện tượng phương sai sai số thay đổi
- 5.3 Tự tương quan
 - 5.3.1 Khái niệm, bản chất và nguyên nhân của vấn đề tự tương quan
 - 5.3.2 Hậu quả của hiện tượng tự tương quan
 - 5.3.3 Phát hiện tự tương quan
 - 5.3.4 Biện pháp khắc phục khi có tự tương quan
- 5.4 Thực hành Eviews và Excel

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương 5 (tài liệu [2], trang 246-249) và bài tập 5.2, 5.3, 6.2, 6.3, 7.2, 7.3 (tài liệu [4], trang 38-50).

CHƯƠNG 6- CHỌN MÔ HÌNH VÀ KIỂM ĐỊNH VIỆC CHỈ ĐỊNH MÔ HÌNH

6.1 Các thuộc tính của một mô hình tốt

6.2 Các loại sai lầm khi chỉ định mô hình

6.2.1 Mô hình bỏ sót biến thích hợp

6.2.2 Mô hình đưa thêm biến không thích hợp

6.2.3 Mô hình xác định dạng hàm không đúng

6.2.4 Một số sai lầm khác khi lập mô hình

6.3 Hậu quả của việc chọn mô hình không đúng

6.3.1 Bỏ sót biến cần thiết

6.3.2 Đưa vào mô hình biến không cần thiết

6.4 Phát hiện các sai lầm chỉ định mô hình

6.4.1 Phát hiện mô hình chứa biến không phù hợp

6.4.2 Kiểm định các biến bị bỏ sót

6.4.3 Kiểm định tính phân phối chuẩn của sai số ngẫu nhiên

6.5 Thực hành Eviews và Excel

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên ôn tập các dạng bài tập đã chữa và làm bổ sung thêm các bài 8.2 đến 8.5 (tài liệu [4], trang 53-56).

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình:

Mục 6.4.3. Kiểm định tính phân bố chuẩn của sai số ngẫu nhiên (tài liệu [1], trang 224-225)

8. GIÁO TRÌNH:

[1]. Nguyễn Thị Thắng (2009), *Giáo trình Kinh tế lượng*, Học viện Tài Chính, NXB Tài Chính, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (2012), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Đại học KTQD.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[3]. Nguyễn Cao Văn, Bùi Dương Hải (2009), *Kinh tế lượng-hướng dẫn trả lời lý thuyết và giải bài tập*, NXB ĐHKQTĐ.

[4]. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh (2017), *Bài tập Kinh tế lượng*, NXB Tài chính.

[5]. Huỳnh Đạt Hùng, Nguyễn Khánh Bình (2013), *Kinh tế lượng*, NXB KHK.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TM. BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

Phó trưởng Bộ môn

(Đã ký)

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Văn Tuấn

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ**

Tiếng Anh: **Financial & Monetary Theory**

Mã học phần: TCTT23

Số tín chỉ: 3 (2, 1)

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Tài chính – Tiền tệ

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Sinh viên đã được học các môn như Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, về hệ thống tài chính quốc gia cũng như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu những môn học chuyên ngành sau này.

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương, Quản lý tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế,

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

Ký hiệu	Mục tiêu học phần
G1	Về kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính ngân hàng, về chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho việc nghiên cứu và học tập các môn chuyên ngành.

G2	Về kỹ năng: Giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được thực trạng tình hình tài chính ngân hàng của thế giới cũng như tại Việt Nam.
	Sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể nghiên cứu hiệu quả các học phần chuyên ngành sau này.
G3	Về thái độ: Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế.

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	(1) Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực tài chính tiền tệ.
G2	(2) Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành tài chính ngân hàng trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực tài chính năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền; (3) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

G3	(4) Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình..
-----------	--

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Chương 1: Tổng quan về tài chính tiền tệ	4	3	1	(1), (2), (3), (4)	
2	Chương 2: Thị trường tài chính	4	3	1	(1), (2), (3), (4)	
3	Chương 3: Tổ chức tài chính trung gian	4	3	1	(1), (2), (3), (4)	
4	Chương 4: Ngân hàng thương mại	4	3	1	(1), (2), (3), (4)	
5	Chương 5: Tín dụng và lãi suất	4	3	1	(1), (2), (3), (4)	
6	Chương 6: Cung cầu tiền tệ	4	3	1	(1), (2), (3), (4)	
7	Chương 7: Lạm phát	4	3	1	(1), (2), (3), (4)	
8	Chương 8: Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ	4	3	1	(1), (2), (3), (4)	
9	Chương 9: Tài chính công và chính sách tài khoá	4	3	1	(1), (2), (3), (4)	
10	Chương 10: Tài chính quốc tế	3	2	1	(1), (2), (3), (4)	
11	Chương 11: Tài chính doanh nghiệp	3	2	1	(1), (2), (3), (4)	
12	Chương 12: Tài chính hộ gia đình	3	2	1	(1), (2), (3), (4)	
	Tổng	45	33	12		

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

1.1. Những vấn đề cơ bản về tiền tệ

- 1.1.1. Sự ra đời của tiền tệ
- 1.1.2. Chức năng của tiền tệ
- 1.1.3. Các chế độ tiền tệ

1.2. Những vấn đề cơ bản về tài chính

- 1.2.1. Bản chất của tài chính
- 1.2.2. Chức năng của tài chính
- 1.2.3. Hệ thống tài chính quốc gia

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 1 từ trang 15 đến trang 62.
- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 1 từ trang 48 đến trang 67.

CHƯƠNG 2

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

2.1. Tổng quan về thị trường tài chính

- 2.1.1. Khái niệm thị trường tài chính
- 2.1.2. Vai trò của thị trường tài chính
- 2.1.3. Chức năng của thị trường tài chính
- 2.1.4. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính
- 2.1.5. Phân loại thị trường tài chính
- 2.1.6. Các loại hàng hóa trên thị trường tài chính

2.2. Vai trò của Chính phủ đối với thị trường tài chính

2.3. Giới thiệu thị trường tài chính quốc tế và Việt Nam

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 2 từ trang 63 đến trang 95.
- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 2 từ trang 68 đến trang 94.

CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TRUNG GIAN

3.1. Tổng quan về tổ chức tài chính trung gian

- 3.1.1. Khái niệm tổ chức tài chính trung gian

- 3.1.2. Vai trò của tổ chức tài chính trung gian
- 3.1.3. Chức năng của tổ chức tài chính trung gian
- 3.1.4. Phân loại các tổ chức trung gian tài chính

3.2. Giới thiệu các tổ chức tài chính trung gian trên thế giới và Việt Nam

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 3 từ trang 96 đến trang 129.
- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 7 từ trang 186 đến trang 207.

CHƯƠNG 4

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

4.1. Tổng quan về ngân hàng thương mại

- 4.1.1. Khái niệm ngân hàng thương mại
- 4.1.2. Vai trò của ngân hàng thương mại
- 4.1.3. Chức năng của ngân hàng thương mại
- 4.1.4. Phân loại ngân hàng thương mại
- 4.1.5. Các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại

4.2. Giới thiệu hệ thống ngân hàng thương mại trên thế giới và Việt Nam

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 4 từ trang 130 đến trang 169.
- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 9 từ trang 232 đến trang 260.

CHƯƠNG 5

TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT

5.1. Tổng quan về tín dụng

- 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm của tín dụng
- 5.1.2. Vai trò của tín dụng
- 5.1.3. Nguyên tắc của tín dụng
- 5.1.4. Phân loại tín dụng

5.2. Tổng quan về lãi suất

- 5.2.1. Khái niệm lãi suất
- 5.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất
- 5.2.3. Phân loại lãi suất
- 5.2.4. Phương pháp đo lường lãi suất

5.3. Giới thiệu về tín dụng và lãi suất trên thế giới và Việt Nam

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 5 từ trang 170 đến trang 203.

- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 4-5-6 từ trang 110 đến trang 185.

CHƯƠNG 6

CUNG CẦU TIỀN TỆ

6.1. Cung tiền tệ

6.1.1. Khái niệm cung tiền tệ

6.1.2. Các khối tiền tệ trong lưu thông

6.1.3. Các chủ thể tham gia cung ứng tiền tệ

6.2. Cầu tiền tệ

6.2.1. Khái niệm cầu tiền tệ

6.2.2. Các học thuyết về cầu tiền tệ

6.2.3. Các nhân tố tác động đến cầu tiền tệ

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 6 từ trang 204 đến trang 261.

- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 15 từ trang 386 đến trang 410, chương 20 từ trang 526 đến trang 543, chương 21 từ trang 544 đến trang 578, chương 23 từ trang 579 đến trang 623.

CHƯƠNG 7

LẠM PHÁT

7.1. Tổng quan về lạm phát

7.1.1. Khái niệm lạm phát

7.1.2. Nguyên nhân gây lạm phát

7.1.3. Tác động của lạm phát

7.1.4. Cách đo lường lạm phát

7.1.5. Các biện pháp kiểm soát lạm phát

7.2. Giảm phát trong nền kinh tế suy thoái

7.2.1. Khái niệm giảm phát

7.2.2. Nguyên nhân gây giảm phát

7.2.3. Tác động của giảm phát

7.2.4. Các biện pháp thoát khỏi giảm phát

7.3. *Mối quan hệ giữa lạm phát, lãi suất, thất nghiệp và tăng trưởng kinh tế*

7.3.1. Mối quan hệ giữa lạm phát và lãi suất

7.3.2. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

7.3.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 7 từ trang 261 đến trang 298.

- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 20 trang 529..

CHƯƠNG 8: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

8.1. *Tổng quan về ngân hàng trung ương*

8.1.1. Khái niệm ngân hàng trung ương

8.1.2. Vai trò của ngân hàng trung ương

8.1.3. Chức năng của ngân hàng trung ương

8.1.4. Các mô hình ngân hàng trung ương

8.2. *Chính sách tiền tệ*

8.2.1. Khái niệm chính sách tiền tệ

8.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ

8.2.3. Các công cụ của chính sách tiền tệ

8.3. *Giới thiệu các mô hình ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ trên thế giới và Việt Nam*

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 8 từ trang 297 đến trang 330.

- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 14 từ trang 360 đến trang 385.

CHƯƠNG 9: TÀI CHÍNH CÔNG VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

9.1. *Tổng quan về tài chính công*

9.1.1. Khái niệm tài chính công

9.1.2. Vai trò của tài chính công

9.1.3. Ngân sách nhà nước

9.1.4. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước

9.1.5. Tài sản công

9.2. *Chính sách tài khóa*

9.2.1. Khái niệm chính sách tài khóa

9.2.2. Mục tiêu chính sách tài khóa

9.2.3. Các công cụ của chính sách tài khóa

9.3. *Mối liên hệ giữa tài chính công và chính sách tài khóa*

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 9 từ trang 331 đến trang 384.

- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 8 từ trang 208 đến trang 231.

CHƯƠNG 10: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

10.1. *Tổng quan về tài chính quốc tế*

10.1.1. Khái niệm, đặc điểm tài chính quốc tế

10.1.2. Vai trò của tài chính quốc tế

10.1.3. Nội dung tài chính quốc tế

10.2. *Thị trường ngoại hối*

10.2.1. Khái niệm, đặc điểm TTNH

10.2.2. Vai trò của thị trường ngoại hối

10.2.3. Các chủ thể tham gia TTNH

10.2.4. Tỷ giá hối đoái

10.2. *Cán cân thanh toán quốc tế*

10.2.1. Khái niệm cán cân thanh toán quốc tế

10.2.2. Cấu trúc cán cân thanh toán quốc tế

10.2.3. Những nhân tố ảnh hưởng tới cán cân thanh toán quốc tế

10.3. *Giới thiệu các tổ chức tài chính quốc tế*

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 11 từ trang 423 đến trang 455.

- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 19 từ trang 497 đến trang 543.

CHƯƠNG 11: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

11.1. *Tổng quan về tài chính doanh nghiệp*

11.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp

11.1.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp

11.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới tài chính doanh nghiệp

11.2. *Nội dung cơ bản của tài chính doanh nghiệp*

- 11.2.1. Huy động nguồn vốn kinh doanh cho doanh nghiệp
- 11.2.2. Quản trị tài sản của doanh nghiệp
- 11.2.3. Chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp
- 11.2.4. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 12 từ trang 456 đến trang 492.
- Sinh viên đọc tài liệu tham khảo (2) chương 8 từ trang 208 đến trang 231.

CHƯƠNG 12: TÀI CHÍNH HỘ GIA ĐÌNH

12.1. Tổng quan về tài chính hộ gia đình

- 12.1.1. Khái niệm tài chính hộ gia đình
- 12.1.2. Vai trò của tài chính hộ gia đình
- 12.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới tài chính hộ gia đình

12.2. Nội dung cơ bản của tài chính hộ gia đình

- 12.2.1. Hoạt động huy động tài chính
- 12.2.2. Hoạt động phân bổ, sử dụng nguồn tài chính

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình (1), tự trả lời các câu hỏi ôn tập ở cuối chương 12 từ trang 493 đến trang 516.

8. GIÁO TRÌNH:

1. Giáo trình "*Nguyên lý Tài chính Tiền tệ*", Học viện Chính sách và Phát triển, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, 2016. (1)

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Fredic S. Miskin, The Economics of Money, Banking and Financial markets, Eleventh edition, Pearson, Global edition. (2)
- Website của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Thế giới

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ
- Thuyết trình - Thảo luận - Bài tập lớn	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp làm việc nhóm

- Bài tập tình huống - Đi thực tế	- Tự nghiên cứu	- Phương pháp trao đổi từng cặp
--------------------------------------	-----------------	---------------------------------

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

TRƯỞNG KHOA

(đã ký)

TS. Phạm Mỹ Hằng Phương

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

- Tiếng Việt: **Nguyên lý kế toán**
- Tiếng Anh: **Principles of accounting**
- Mã học phần: **TCTK01** Tổng số tín chỉ: **03** (2,1)

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: KHOA TÀI CHÍNH- TIỀN TỆ

3. MÔN HỌC TIỀN QUYẾT: Kinh tế vi mô, triết học

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

- Học phần bao gồm 08 chương, với các nội dung cơ bản về lý thuyết hạch toán kế toán, Đối tượng kế toán; phương pháp chứng từ kế toán; phương pháp tính giá; phương pháp tài khoản; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; phương pháp tổng hợp cân đối kế toán; Bộ máy kế toán và hình thức kế toán. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập thực hành.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Nắm được những kiến thức căn bản về lý thuyết kế toán, về các nguyên tắc, các phương pháp cơ bản của kế toán, nguyên tắc ghi sổ kép (định khoản), cách hạch toán các quá trình kinh doanh và lập được báo cáo tài chính cơ bản.
G2	Kỹ năng lập chứng từ kế toán để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; kỹ năng định khoản kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản; kỹ năng lập báo cáo tài chính; kỹ năng đọc hiểu một số thông tin nhất định trên báo cáo tài chính.

G3	Sinh viên có được phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan và có đạo đức nghề nghiệp.
-----------	--

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán. [2] Sinh viên hiểu và vận dụng được các quy định pháp lý liên quan đến lĩnh vực kế toán. [3] Hiểu và thực hành quy trình hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.
G2	[4] Sinh viên học xong môn Nguyên lý kế toán được trang bị những kỹ năng để có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp để tạo hiệu suất làm việc cao. [5] Sinh viên tốt nghiệp phải có kỹ năng tổ chức công việc, quản lý nhóm làm việc theo chương trình đã được hoạch định.
G3	[6] Sinh viên có được phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan và có đạo đức nghề nghiệp.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		
1	Chương 1	6	4	2	[1]; [4]; [6]	
2	Chương 2	3	2	1	[1]; [4]; [5]	
3	Chương 3	6	4	2	[2]; [3]; [4];	
4	Chương 4	9	6	3	[2]; [3]; [6]	

5	Chương 5	12	8	4	[2]; [3]; [5]; [6]	
6	Chương 6	6	4	2	[2]; [3]; [4];	
7	Chương 7	2	2	0	[3]; [5]; [6]	
8	Chương 8	1	1	0	[3]; [5]; [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN

1.1. Khái niệm về hạch toán kế toán (HTKT)

1.1.1. Sự ra đời và phát triển của HTKT

1.1.2. Khái niệm về hạch toán kế toán.

1.2. Các loại hạch toán

1.2.1. Các loại hạch toán

1.2.2. Mối quan hệ giữa các loại hạch toán

1.3. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán

1.3.1. Vai trò của kế toán

1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán

1.4. Các nguyên tắc và yêu cầu của kế toán

1.4.1. Các nguyên tắc

1.4.2. Yêu cầu của kế toán

1.5. Đối tượng của hạch toán kế toán.

1.5.1. Khái quát chung về đối tượng hạch toán kế toán

1.5.2. Đối tượng cụ thể của hạch toán kế toán.

1.6. Phương pháp hạch toán kế toán

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, trang 9-57
- Sinh viên đọc Slide bài giảng và làm bài tập giảng viên đã gửi

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ KẾ TOÁN VÀ KIỂM KÊ TÀI SẢN

2.1. Phương pháp chứng từ kế toán

2.1.1. Nội dung phương pháp chứng từ kế toán

2.1.2. Chứng từ kế toán

2.1.3. Phân loại chứng từ kế toán

2.1.4. Trình tự xử lý và luân chuyển chứng từ kế toán

2.2. Kiểm kê tài sản

2.2.1. Khái niệm, mục đích của kiểm kê

2.2.2. Phân loại kiểm kê

2.2.3. Phương pháp kiểm kê

2.2.4. Vai trò của kế toán trong phương pháp kiểm kê

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, trang 61-88
- Sinh viên đọc Slide bài giảng và làm bài tập giảng viên đã gửi
- Đọc thêm Luật kế toán, chế độ kế toán hiện hành

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

3.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương pháp tính giá

3.1.1. Khái niệm về phương pháp tính giá

3.1.2. ý nghĩa của phương pháp tính giá

3.2. Yêu cầu và nguyên tắc của việc tính giá

3.2.1. Yêu cầu của việc tính giá

3.2.2. Nguyên tắc của việc tính giá

3.3. Trình tự tính giá

3.3.1. Nội dung và trình tự tính giá của tài sản mua vào

3.3.2. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất

3.3.3. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm hàng hoá khi xuất kho

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, trang 91-114
- Sinh viên đọc Slide bài giảng và làm bài tập giảng viên đã gửi
- Đọc thêm Luật kế toán, chế độ kế toán hiện hành

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

4.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán

4.1.1. Khái niệm của phương pháp tài khoản kế toán

4.1.2. ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán

4.2. Tài khoản kế toán

4.2.1. Khái niệm tài khoản

4.2.2. Kết cấu tài khoản

4.3. Phân loại tài khoản kế toán

4.3. 1. Các phương pháp phân loại tài khoản kế toán

4.3. 2. Hệ thống tài khoản kế toán.

4.4. Quan hệ đối ứng và phương pháp ghi sổ kép

4.4.1. Các quan hệ đối ứng tài khoản

4.4.2. Phương pháp ghi sổ kép (ghi vào tài khoản kế toán)

4.4.3. Hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết

4.5. Kiểm tra số liệu ghi trên tài khoản kế toán

4.5.1. Kiểm tra số liệu ghi chép trên tài khoản kế toán tổng hợp

4.5.2. Kiểm tra số liệu ghi chép trên tài khoản kế toán chi tiết

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, trang 145-177
- Sinh viên đọc Slide bài giảng và làm bài tập giảng viên đã gửi
- Đọc thêm Luật kế toán, chế độ kế toán hiện hành

CHƯƠNG 5: HẠCH TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU

5.1. Khái quát về quá trình kinh doanh và nhiệm vụ của hạch toán

5.1.1. Khái quát về quá trình kinh doanh

5.1.2. Nhiệm vụ hạch toán quá trình kinh doanh

5.2. Hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu

5.2.1. Hạch toán quá trình mua hàng

5.2.2. Hạch toán quá trình sản xuất

5.2.3. Hạch toán quá trình tiêu thụ sản phẩm và xác định kết

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, trang 203-252
- Sinh viên đọc Slide bài giảng và làm bài tập giảng viên đã gửi
- Đọc thêm Luật kế toán, chế độ kế toán hiện hành

Kiểm tra giữa kỳ

CHƯƠNG 6: PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6.1. Nội dung và ý nghĩa của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán

6.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán

- 6.1.2. Hệ thống bảng tổng hợp cân đối kế toán (Báo cáo kế toán)
- 6.1.3. Những công việc chuẩn bị trước khi lập bảng tổng hợp cân đối kế toán

6.2. Bảng cân đối kế toán (BCĐKT)

- 6.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của BCĐKT
- 6.2.2. Nội dung và kết cấu của BCĐKT
- 6.2.3. Tính chất cân đối của BCĐKT
- 6.2.4. Nguyên tắc và phương pháp chung lập bảng cân đối kế toán
- 6.2.5. Mối quan hệ giữa BCĐKT với TKKT

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, trang 181-199
- Sinh viên đọc Slide bài giảng và làm bài tập giảng viên đã gửi
- Đọc thêm Luật kế toán, chế độ kế toán hiện hành

CHƯƠNG 7: SỔ KẾ TOÁN – HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN

7.1. Sổ kế toán

- 7.1.1. Khái niệm, tác dụng của sổ kế toán
- 7.1.2. Các loại sổ kế toán
- 7.1.3. Nguyên tắc ghi sổ kế toán
- 7.1.4. Phương pháp sửa chữa sai sót trong kế toán

7.2. Hình thức kế toán

- 7.2.1. Hình thức nhật ký sổ cái
- 7.2.2. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- 7.2.3. Hình thức nhật ký chung
- 7.3.4. Hình thức nhật ký chứng từ

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, 265-291
- Sinh viên đọc Slide bài giảng và làm bài tập giảng viên đã gửi
- Đọc thêm Luật kế toán, chế độ kế toán hiện hành

CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ BỘ MÁY KẾ TOÁN

8.1. Tổ chức công tác kế toán

- 8.1.1. ý nghĩa của tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp
- 8.1.2. Nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp
- 8.1.3. Nội dung chủ yếu của việc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

8.2. Tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp

8.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung

8.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức phân tán

8.2.3. Tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức hỗn hợp (vừa tập trung vừa phân tán)

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương, trang 265-291
- Sinh viên đọc Slide bài giảng và làm bài tập giảng viên đã gửi
- Đọc thêm chế độ kế toán hiện hành

8. GIÁO TRÌNH

1. Giáo trình: Nguyên lý kế toán – Đại học Kinh tế quốc dân, chủ biên TS. Trần Quý Liên, Trần Văn Thuận, Phạm Thành Long- NXB Đại học KTQD (2012)

- Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp cho sinh viên

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo tiếng Việt

- Giáo trình nguyên lý kế toán của các trường khác
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (26 chuẩn mực)
- Hệ thống tài khoản kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Thông tư số 200/2014/TT-BTC
- Luật kế toán số 88/2015-QH13 có hiệu lực 1/1/2017 thay thế Luật số 03/2003
- Hệ thống câu hỏi và bài tập môn nguyên lý kế toán do giáo viên biên soạn
- Các website: www.mof.gov.vn; www.gdt.gov.vn;
www.tapchiketoan.com; www.webketoan.com...

Tài liệu tham khảo nước ngoài

- Principles of accounting, D. Leiw, University of London, AC1025, 2015
- International Accounting Standards (IAS)
- International Financial Reporting Standards (IFRS)
- <http://accountingstudy.com/accounting-courses/principles-of-accounting/principles-of-accounting-index.htm>
- <http://www.accountingcoach.com/blog/accounting-principles>
- <http://www.accountingtools.com/basic-accounting-principles>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Vận dụng hóa đơn chứng từ thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Làm bài tập - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Phạm Mỹ Hằng Phương

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Kinh tế quốc tế 1**

Tiếng Anh: **International Economics 1**

Mã học phần: **ĐNQT13**

Số tín chỉ: **02**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Kinh tế đối ngoại

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên đã được học các môn: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Kinh tế quốc tế 01 cung cấp cho người học kiến thức căn bản về khái niệm, cơ sở hình thành, các đặc điểm, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế thế giới. Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức sâu về các chủ thể kinh tế quốc tế, về vị trí vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thế giới. Ngoài ra, học phần còn đi sâu phân tích các quan hệ kinh tế quốc tế như di chuyển vốn và chuyển giao công nghệ quốc tế.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Trang bị và nâng cao sự hiểu biết của người học về các công cụ chính sách, công cụ phân tích là các khái niệm, các khối lượng kiến thức cơ bản xung quanh sự tương tác giữa các nền kinh tế của các nước thể hiện ở các quan hệ kinh tế quốc tế.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; phân tích các vấn đề kinh tế thế giới; sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình đọc, nghiên cứu các tình huống thực tế.

G3	Người học có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, hợp tác và giúp đỡ các thành viên khác trong tập thể.
-----------	--

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Nắm vững kiến thức lý luận về cơ sở hình thành, đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế thế giới, các chủ thể của nền kinh tế thế giới. [2] Nắm vững kiến thức về di chuyển vốn bao gồm khái niệm và tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư gián tiếp nước ngoài và xuất nhập khẩu lao động; về mối liên hệ giữa di chuyển vốn và lao động quốc tế với sự phát triển kinh tế của các quốc gia và toàn thế giới. [3] Nắm vững kiến thức về vị trí của các nhóm nước trong nền kinh tế thế giới, chính sách kinh tế và chính sách đối ngoại của các nhóm nước.
G2	[4] Kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; giải quyết và phân tích các vấn đề trong nền kinh tế thế giới. [5] Kỹ năng sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình đọc, nghiên cứu các tình huống thực tế.
G3	[6] Người học có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, hợp tác và giúp đỡ các thành viên khác trong tập thể.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		
1	Chương 1	6	4	2	[1]; [4]; [5]	
2	Chương 2	2	1	1	[1]; [4]; [5] [1];	
3	Chương 3	6	4	2	[2]; [6]	
4	Chương 4	2	1	1	[1]; [4]; [6]	
5	Chương 5	2	1	1	[1]; [2]; [6]	

6	Chương 6	4	3	1	[1]; [2]; [6]	
7	Chương 7	4	3	1	[3]; [4]; [6]	
8	Chương 8	4	3	1	[3]; [4]; [6]	
	Cộng	30	20	10		

CHƯƠNG 1 – NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

1.1. Khái niệm nền kinh tế thế giới

1.2. Cơ sở hình thành và các đặc điểm của nền kinh tế thế giới

1.2.1. Cơ sở hình thành nền kinh tế thế giới

1.2.2. Đặc điểm hình thành nền kinh tế thế giới

1.3. Các giai đoạn phát triển của nền kinh tế thế giới

1.3.1. Giai đoạn trước Cách mạng công nghiệp lần thứ I

1.3.2. Giai đoạn từ sau Cách mạng công nghiệp lần thứ I đến Cách mạng công nghiệp lần thứ II

1.3.3. Giai đoạn từ sau Cách mạng công nghiệp lần thứ II đến trước chiến tranh thế giới lần thứ II

1.3.4. Giai đoạn từ sau chiến tranh thế giới lần thứ II đến nay

1.4. Xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới

1.4.1. Nhất thể hóa các nền kinh tế trên thế giới

1.4.2. Tăng cường các biện pháp bảo hộ ngày càng tinh vi, đa dạng theo hướng có lợi cho các nước phát triển

1.4.3. Sự phát triển tăng cao của các nước ở khu vực châu Á Thái Bình Dương

1.4.4. Xu hướng mở cửa nền kinh tế trong nước diễn ra ở hầu hết các quốc gia trên thế giới

1.4.5. Phát triển nền kinh tế xanh toàn cầu

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới

1.5.1. Các bất ổn chính trị ở các quốc gia

1.5.2. Các cuộc khủng hoảng tài chính

1.5.3. Ý thức tham gia vào nền kinh tế thế giới của các quốc gia

1.5.4. Sự khan hiếm của các nguồn lực

1.5.5. Các vấn đề toàn cầu

1.6. Chủ thể và quan hệ kinh tế thế giới

1.6.1. Các chủ thể trong nền kinh tế thế giới

1.6.2. Các quan hệ kinh tế thế giới

1.7. Các vấn đề có tính toàn cầu

- 1.7.1. Thảm họa môi trường
- 1.7.2. Biến đổi khí hậu toàn cầu
- 1.7.3. Vấn đề an ninh lương thực
- 1.7.4. Đói nghèo
- 1.7.5. Xung đột sắc tộc, tôn giáo
- 1.7.6. Khủng hoảng tài chính toàn cầu
- 1.8. Đối tượng, phương pháp học tập môn học
 - 1.8.1. Đối tượng môn học
 - 1.8.2. Phương pháp học tập

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình *trang 8-19, trang 25-32*; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu: *tài liệu [2]*

1.3. Các giai đoạn phát triển của nền kinh tế thế giới

1.7.4. Đói nghèo

1.7.5. Xung đột sắc tộc, tôn giáo

1.7.6. Khủng hoảng tài chính toàn cầu

CHƯƠNG II – PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

- 2.1. Bản chất và hình thức phân công lao động quốc tế
 - 2.1.1. Khái niệm phân công lao động quốc tế
 - 2.1.2. Các hình thức phân công lao động quốc tế
- 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển phân công lao động quốc tế
 - 2.2.1. Các yếu tố quốc gia
 - 2.2.2. Các yếu tố quốc tế
- 2.3. Các giai đoạn phát triển của phân công lao động quốc tế
 - 2.3.1. Giai đoạn trước Cách mạng công nghiệp
 - 2.3.2. Giai đoạn sau Cách mạng công nghiệp
- 2.4. Những xu hướng mới trong sự phát triển của phân công lao động quốc tế
 - 2.4.1. Xu hướng toàn cầu hóa
 - 2.4.2. Vai trò của các công ty đa quốc gia
- 2.5. Các chỉ số, mức độ đặc thù của các quốc gia tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế
 - 2.5.1. Các chỉ số tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế
 - 2.5.2. Mức độ tham gia của các quốc gia vào phân công lao động quốc tế

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình *trang 43-45*; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

2.3. Các giai đoạn phát triển của phân công lao động quốc tế

2.5. Các chỉ số, mức độ đặc thù của các quốc gia tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế

CHƯƠNG 3 – DI CHUYỂN VỐN VÀ LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

3.1. Di chuyển quốc tế về vốn

3.1.1. Khái niệm di chuyển vốn quốc tế

3.1.2. Hình thức di chuyển vốn quốc tế

3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.2.1. Khái niệm và hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.2.2. Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.2.3. Tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.2.4. Xu hướng của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.3. Đầu tư gián tiếp nước ngoài

3.2.1. Khái niệm và hình thức đầu tư gián tiếp nước ngoài

3.2.2. Vai trò đầu tư gián tiếp nước ngoài

3.2.3. Tác động của vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài

3.2.4. Xu hướng của dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài

3.4. Di chuyển quốc tế về lao động

3.4.1. Khái niệm và hình thức di chuyển lao động

3.4.2. Tác động của di chuyển lao động quốc tế

3.4.3. Quản lý nhà nước và quốc tế về di chuyển lao động

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình *trang 318-322*; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương:

3.4.3. Quản lý nhà nước và quốc tế về di chuyển lao động

CHƯƠNG 4 – CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ

4.1. Tài nguyên công nghệ

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Phân loại

4.2. Thị trường công nghệ quốc tế

4.2.1. Chủ thể tham gia thị trường công nghệ quốc tế

4.2.2. Đặc điểm thị trường công nghệ quốc tế

4.3. Chuyển giao công nghệ quốc tế

4.3.1. Khái niệm

4.3.2. Hình thức chuyển giao công nghệ

4.4. Quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ quốc tế

4.4.1. Pháp luật quốc gia

4.4.2. Pháp luật quốc tế

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình *trang 332-334*; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương:

4.3.2. Phương thức chuyển giao công nghệ

CHƯƠNG 5 – CÁC CÔNG TY XUYÊN QUỐC GIA

5.1. Khái niệm các công ty xuyên quốc gia (TNC)

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Phân loại

5.2. Đặc điểm của các công ty xuyên quốc gia

5.2.1. Đặc điểm về tổ chức quản lý

5.2.2. Đặc điểm về hình thức sở hữu

5.3. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia

5.3.1. Thúc đẩy thương mại quốc tế

5.3.2. Thúc đẩy đầu tư nước ngoài

5.3.3. Phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm

5.3.4. Tăng cường nghiên cứu phát triển

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình *trang 79-81*; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.

CHƯƠNG 6 - CHỦ THỂ CẤP ĐỘ SIÊU QUỐC GIA

6.1. Khái niệm và đặc điểm của chủ thể cấp độ siêu quốc gia

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Đặc điểm

6.2. Phân loại chủ thể cấp độ siêu quốc gia

6.2.1. Theo phạm vi hình thành

6.2.2. Theo lĩnh vực hoạt động

6.2.3. Theo tư cách thành viên

6.3. Vai trò của các chủ thể cấp độ siêu quốc gia với sự phát triển kinh tế thế giới

6.3.1. Hỗ trợ sự phát triển của các nước thành viên

6.3.2. Hình thành quy tắc ứng xử chung giữa các thành viên

6.3.3. Hình thành quy tắc ứng xử chung với các nước không phải là thành viên

6.4. Một số chủ thể ở cấp độ siêu quốc gia

6.4.1. Tổ chức thương mại thế giới (WTO)

6.4.2. Liên hiệp quốc (UN)

6.4.3. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

6.4.4. Liên minh châu Âu (EU)

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình *trang 124-158*; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương:

6.4.1. Tổ chức thương mại thế giới (WTO)

6.4.3. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

6.4.4. Liên minh châu Âu (EU)

CHƯƠNG 7 – KINH TẾ CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN

7.1. Đặc điểm tăng trưởng kinh tế của các nước phát triển

7.1.1. Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng

7.1.2. Các yếu tố kìm hãm tăng trưởng

7.2. Vai trò của các nước phát triển trong nền kinh tế thế giới

7.2.1. Thương mại

7.2.2. Công nghiệp

7.2.3. Dịch vụ

7.3. Vai trò của các nước phát triển trong thương mại và đầu tư quốc tế

7.3.1. Vai trò của các nước phát triển trong thương mại quốc tế

7.3.2. Vai trò của các nước phát triển trong đầu tư quốc tế

7.4. Chính sách kinh tế của các nước phát triển

7.4.1. Chính sách kinh tế trong nước

7.4.2. Chính sách kinh tế đối ngoại

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tài liệu [3]*

CHƯƠNG 8 – KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

8.1. Đặc điểm tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển

8.1.1. Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng

8.1.2. Các yếu tố kìm hãm tăng trưởng

8.2. Vai trò của các nước đang phát triển trong nền kinh tế thế giới

8.2.1. Thương mại

8.2.2. Công nghiệp

8.2.3. Dịch vụ

8.3. Vai trò của các nước đang phát triển trong thương mại và đầu tư quốc tế

8.3.1. Vai trò của các nước đang phát triển trong thương mại quốc tế

8.3.2. Vai trò của các nước đang phát triển trong đầu tư quốc tế

8.4. Chính sách kinh tế của các nước đang phát triển

8.4.1. Chiến lược nền kinh tế đóng

8.4.2. Chiến lược nền kinh tế mở

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: tài liệu [3]

8. GIÁO TRÌNH

1. Đào Văn Hùng, Bùi Thúy Vân (2015), Giáo trình *Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên Hiệp Quốc tại địa chỉ:

<https://sustainabledevelopment.un.org/?menu=1300>

3. Chỉ số kinh tế xã hội của các quốc gia trên trang web của World Bank tại địa chỉ:

<http://datatopics.worldbank.org/world-development-indicators/>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập nhóm - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Tiểu luận/Thuyết trình nhóm	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

(đã ký)

TS. Bùi Thúy Vân

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Quản trị học**

Tiếng Anh: *Essentials of Management*

Mã học phần: **QTHO06**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần “Quản trị học” là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất mà một nhà quản trị, dù trên cương vị nào, trong bất cứ tổ chức nào cũng phải có được.

Học phần “Quản trị học” gồm những nội dung cơ bản sau:

- Tổng quan về quản trị: trong đó giới thiệu về hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị hệ thống xã hội; quá trình quản trị và nhà quản trị; sự phát triển các tư tưởng quản trị.
- Phân tích môi trường quản trị; đạo đức và trách nhiệm xã hội của quản trị; quản trị trong môi trường toàn cầu hóa.
- Quá trình ra quyết định và đảm bảo thông tin cho quyết định quản trị.
- Nội dung cơ bản của quá trình quản trị bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
----------------	--------------------------

G1	<i>Về kiến thức:</i> Hiểu được cách tiếp cận chiến lược, hệ thống, hội nhập và tình huống đối với các hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị.
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Nắm vững các yếu tố môi trường mà nhà quản trị phải đối mặt trong công việc;tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội và đạo đức trong quản trị.
G3	<i>Về thái độ:</i> Hiểu được các chức năng quản trị theo quá trình, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]Nắm vững lý thuyết chung về quản trị, bao gồm những khái niệm về quản trị và nhà quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức, ra quyết định và lãnh đạo động viên nhân viên ... trong môi trường hội nhập và đổi mới sáng tạo.. [2]Nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định, quy trình ra quyết định quản trị. [3]Nắm được kiến thức lý thuyết và thực tiễn về các chức năng của quản trị bao gồm chức năng hoạch định, tổ chức, điều khiển và giám sát.
G2	[4]Hình thành các kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn thông qua sự trải nghiệm các tình huống (case study) thực tế, qua đó hình thành tư duy quản trị hiện đại. [5]Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thảo luận và thuyết trình.
G3	[6]Có tác phong làm việc năng động, bản lĩnh, hiệu quả.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành		

1	Chương 1	6	4	2	[1], [4], [5], [6]	
2	Chương 2	6	4	2	[1], [4], [3] [5], [6]	
3	Chương 3	6	4	2	[2], [4], [3] [5], [6]	
4	Chương 4	7	5	2	[3], [4], [5], [6]	
5	Chương 5	6	4	2	[3], [4], [5], [6]	
6	Chương 6	8	5	3	[3], [4], [5], [6]	
7	Chương 7	6	4	2	[3], [4], [5], [6]	
	Tổng	45	30	15	[3], [4], [5], [6]	

CHƯƠNG I-TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ

1.1. Quản trị và nhà quản trị

1.1.1. Hệ thống xã hội và tổ chức- đối tượng của quản trị

1.1.2. Quản trị

1.1.3. Nhà quản trị

1.2. Sự phát triển các tư tưởng quản trị

1.2.1. Các tư tưởng quản trị cổ đại

1.2.2. Các tư tưởng quản trị cổ điển

1.2.3. Các tư tưởng quản trị thuộc trường phái hành vi

1.2.4. Các tư tưởng quản trị hiện đại

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 20, tài liệu [1], trang 22 tài liệu [2]

1.2.1. Các tư tưởng quản trị cổ đại

1.2.2. Các tư tưởng quản trị cổ điển

1.2.3. Các tư tưởng quản trị thuộc trường phái hành vi

1.2.4. Các tư tưởng quản trị hiện đại

CHƯƠNG II- MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ

2.1. Môi trường quản trị

2.1.1 Tổng quan về môi trường quản trị

2.1.2 Quy trình phân tích môi trường quản trị

2.1.3. Một số kỹ thuật phân tích môi trường quản trị

2.2. Đạo đức quản trị, trách nhiệm xã hội và văn hóa tổ chức

2.2.1. Đạo đức quản trị

2.2.2. Trách nhiệm xã hội trong quản trị

2.2.3. Văn hóa tổ chức

2.3. Toàn cầu hóa và quản trị

2.3.1. Toàn cầu hóa

2.3.2. Quản trị trong môi trường toàn cầu

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 37, tài liệu [1], trang 41 tài liệu [2]

2.2.1. Đạo đức quản trị

2.2.2. Trách nhiệm xã hội trong quản trị

2.2.3. Văn hóa tổ chức

CHƯƠNG III- QUYẾT ĐỊNH VÀ THÔNG TIN TRONG QUẢN TRỊ

3.1. Quyết định quản trị

3.1.1. Tổng quan về quyết định quản trị

3.1.2. Quy trình quyết định quản trị

3.1.3. Phương pháp và kỹ thuật ra quyết định quản trị

3.2. Đảm bảo thông tin cho quản trị

3.2.1. Khái niệm và yêu cầu đối với thông tin trong quản trị

3.2.2. Hệ thống thông tin quản trị

3.2.3. Một số công cụ và kỹ thuật đảm bảo thông tin trong quản trị

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 54, tài liệu [2], trang 18 tài liệu [3]

3.1.3. Phương pháp và kỹ thuật ra quyết định quản trị

3.2.3. Một số công cụ và kỹ thuật đảm bảo thông tin trong quản trị

CHƯƠNG IV- LẬP KẾ HOẠCH

4.1. Kế hoạch và lập kế hoạch

- 4.1.1. Các khái niệm
- 4.1.2. Các loại hình kế hoạch
- 4.1.3. Vai trò của lập kế hoạch
- 4.1.4. Quy trình lập kế hoạch

4.2. Lập kế hoạch chiến lược

- 4.2.1. Chiến lược và các cấp độ chiến lược của tổ chức
- 4.2.2. Quy trình lập kế hoạch chiến lược
- 4.2.3. Một số mô hình phân tích chiến lược

4.3. Lập kế hoạch tác nghiệp

- 4.3.1. Các loại kế hoạch tác nghiệp
- 4.3.2. Quy trình lập kế hoạch tác nghiệp

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 68, tài liệu [1], trang 52 tài liệu [2]

4.2.3. Một số mô hình phân tích chiến lược

4.3.1. Các loại kế hoạch tác nghiệp

CHƯƠNG V- TỔ CHỨC

5.1. Chức năng tổ chức và cơ cấu tổ chức

- 5.1.1. Nội dung cơ bản của chức năng tổ chức
- 5.1.2. Cơ cấu tổ chức và các thuộc tính cơ bản của cơ cấu tổ chức
- 5.1.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức

5.2. Thiết kế cơ cấu tổ chức

- 5.2.1. Nguyên tắc thiết kế cơ cấu tổ chức
- 5.2.2. Quá trình thiết kế cơ cấu tổ chức mới
- 5.2.3. Quá trình hoàn thiện cơ cấu tổ chức

5.3. Quản trị sự thay đổi và đổi mới

- 5.3.1. Tổng quan về thay đổi

5.3.2. Quản trị sự thay đổi

5.3.3. Đổi mới

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 78, tài liệu [1], trang 67 tài liệu [2]

5.3.1. Tổng quan về thay đổi

5.3.2. Quản trị sự thay đổi

5.3.3. Đổi mới

CHƯƠNG VI- LÃNH ĐẠO

6.1. Tổng quan về lãnh đạo

6.1.1. Khái niệm lãnh đạo và người lãnh đạo

6.1.2. Lãnh đạo với tư cách một chức năng của nhà quản trị

6.2. Các nội dung cơ bản của chức năng lãnh đạo

6.2.1. Tạo động lực

6.2.2. Lãnh đạo nhóm

6.2.3. Truyền thông

6.2.4. Giải quyết xung đột

6.2.5. Đàm phán

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 134, tài liệu [1], trang 78 tài liệu [2]

6.2.1. Tạo động lực

6.2.4. Giải quyết xung đột

8. GIÁO TRÌNH

1. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), Khoa Khoa học Quản trị, *Giáo trình Quản trị học*, NXB KTQD.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. John R. Schermerhorn (2012), *Exploring Management*, 3th edn, John Wiley & Sons, Inc.
3. [Harold Koontz](#), [Heinz Weihrich](#) (2009), *Essentials of Management*, 8th edn, Mc Graw

Hill Companies.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Khảo sát thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Vũ Thị Minh Luận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Quan hệ công chúng**

Tiếng Anh: **PUBLIC RELATIONS**

Mã học phần: **QTCC01**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: MARKETING CĂN BẢN

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về quan hệ công chúng (PR). Trong tâm của môn học, nhấn mạnh vai trò của quan hệ công chúng trong tổ chức và lịch sử phát triển cũng như những quan niệm, các học thuyết, thực tiễn cũng như khía cạnh quản trị của PR. Ngoài ra, môn học xem xét quan hệ công chúng là một chức năng quản trị chiến lược và quá trình lập kế hoạch, phát triển, thực hiện và đánh giá hiệu quả của chương trình quan hệ công chúng. Những nguyên lý thu được từ các học thuyết về

truyền thông và quan hệ công chúng sẽ được kiểm tra và xem xét làm thế nào chúng có thể được ứng dụng bởi các chuyên gia quan hệ công chúng trong việc lập kế hoạch và thực hiện thành công các chương trình trong công ty, tổ chức phi lợi nhuận và cả các cơ

quan của chúng phủ. Trong môn học này cũng xem xét vai trò của quan hệ công chúng như là một phần của một chương trình truyền thông marketing tích hợp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	<i>Về kiến thức:</i> Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về PR trong chương trình truyền thông marketing tích hợp.
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hình thành ý tưởng và tổ chức một chương trình PR chuyên nghiệp.

G3	<i>Về thái độ:</i> Có thái độ đúng với nghề PR.
-----------	---

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Sinh viên có sự hiểu biết về khái niệm và những nguyên tắc cơ bản trong công việc Quan hệ công chúng; Những điều cần lưu ý khi thực hiện một kế hoạch QHCC như thế nào. [2] Có kiến thức tổng quan về việc triển khai và Quản lý một chương trình QHCC.. [3] Phân tích, hoạch định được những vấn đề liên quan, những mối quan hệ và cách xử lý những rủi ro phát sinh để một chương trình PR diễn ra thành công.
G2	[4] Biết triển khai và thực hiện một kế hoạch PR, biết khai thác thông tin, thảo luận, tranh luận, thuyết trình, viết báo cáo, cập nhật kiến thức về PR để phục vụ công việc. Biết sử dụng các công cụ truyền thông để hoàn thành kế hoạch PR. [5] Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt, kỹ năng làm việc đội nhóm, ra quyết định, quản lý công việc và làm việc dưới áp lực cao.
G3	[6] Chấp hành kỷ luật, hiểu và tôn trọng các quy định, có tác phong công nghiệp, thực hiện tốt tôn chỉ hoạt động của nơi làm việc.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành		
1	Chương 1	6	4	2	[1], [4], [5], [6]	
2	Chương 2	6	4	2	[1], [4], [3] [5], [6]	
3	Chương 3	6	4	2	[2], [4], [3] [5], [6]	
4	Chương 4	6	5	1	[3], [4], [5], [6]	
5	Chương 5	6	4	2	[3], [4], [5], [6]	
6	Chương 6	5	3	2	[3], [4], [5], [6]	
7	Chương 7	5	3	2	[3], [4], [5], [6]	
8	Chương 8	5	3	2	[3], [4], [5], [6]	

	Tổng	45	30	15	[3], [4], [5], [6]	
--	-------------	-----------	-----------	-----------	--------------------	--

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

1.1 Bản chất của quan hệ công chúng

1.1.1 Quá trình phát triển của quan hệ công chúng

1.1.2 Các khái niệm về quan hệ công chúng

1.1.3 Vai trò của quan hệ công chúng

1.2. Các công cụ của quan hệ công chúng

1.2.1. Các công cụ của PR

1.2.2. Phân biệt hoạt động quan hệ công chúng với các hoạt động truyền thông khác

1.3. Những vấn đề đạo đức và pháp lý trong hoạt động PR

1.3.1 Tính chuyên nghiệp và đạo đức trong hoạt động PR

1.3.2 Những vấn đề pháp lý trong hoạt động PR

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (2009), Quản trị quan hệ công chúng, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. TS. Đinh Thị Thúy Hằng (2010), PR lý luận & ứng dụng, NXB Lao động xã hội.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 19 – tài liệu [1]

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

2.1 Các thành phần tham gia vào hoạt động quan hệ công chúng

2.1.1 Khách hàng (chủ thể PR)

2.1.2 Các công ty cung ứng dịch vụ PR

2.1.3 Các tổ chức phương tiện truyền thông và các tổ chức chuyên biệt khác

2.1.4 Công chúng mục tiêu.

2.2 Tổ chức hoạt động quan hệ công chúng

2.2.1. Môi trường hoạt động quan hệ công chúng

2.2.2. Tổ chức hoạt động PR trong nội bộ doanh nghiệp

2.2.3. Tổ chức hoạt động của các công ty cung ứng dịch vụ PR

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (2009), Quản trị quan hệ công chúng, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. TS. Đinh Thị Thúy Hằng (2010), PR lý luận & ứng dụng, NXB Lao động xã hội.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 35 – tài liệu [1]

CHƯƠNG 3: QUẢN TRỊ QUÁ TRÌNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

3.1 Quy trình quan hệ công chúng

3.1.1 Khái quát về quy trình

3.1.2 Mô hình quy trình

3.2 . Xác định vấn đề hay cơ hội PR

3.1.1 Tầm quan trọng của xác định vấn đề hay cơ hội PR

3.1.2 Các phương pháp xác định vấn đề hay cơ hội PR

3.3 Lập kế hoạch chương trình quan hệ công chúng

3.3.1 Tầm quan trọng của lập kế hoạch

3.3.2 Các phương pháp tiếp cận để lập kế hoạch

3.3.3 Các yếu tố của một kế hoạch chương trình PR

3.4 Thực hiện và truyền thông chương trình quan hệ công chúng

3.4.1 Các mục tiêu của hành động và truyền thông PR

3.4.2 Chương trình hành động

3.4.3 Chương trình truyền thông

3.4.4 Phối hợp hành động và truyền thông trong PR

3.5 Đánh giá chương trình quan hệ công chúng

3.5.1 Tầm quan trọng của việc đánh giá chương trìnhPR

3.5.2 Đánh giá chương trình PR

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Lưu Văn Nghiê (2009), Quản trị quan hệ công chúng, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. TS. Đinh Thị Thúy Hằng (2010), PR lý luận & ứng dụng, NXB Lao động xã hội.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 80 – tài liệu[1]

CHƯƠNG 4: HOẠT ĐỘNG PR TRONG QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT

4.1 Khái quát về xung đột và hoạt động PR trong quản trị xung đột

4.1.1 Khái niệm xung đột và quản trị xung đột

4.1.2 Dư luận trong PR

4.1.3 Thuyết phục trong PR

4.1.4 Vai trò của PR trong quản trị xung đột

4.2 Vòng đời của quản trị xung đột

4.2.1 Quản trị vấn đề

4.2.2 Quản trị khủng hoảng

4.2.3 Quản trị danh tiếng

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (2009), Quản trị quan hệ công chúng, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
2. TS. Đinh Thị Thúy Hằng (2010), PR lý luận & ứng dụng, NXB Lao động xã hội.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 122 – tài liệu [1]

CHƯƠNG 5: ĐỐI TƯỢNG CỦA QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

5.1. Quan hệ và truyền thông trong nội bộ doanh nghiệp

- 5.1.1. Tầm quan trọng của quan hệ và truyền thông nội bộ
- 5.1.2. Các hoạt động quan hệ và truyền thông trong nội bộ doanh nghiệp

5.2. Quan hệ với giới truyền thông

- 5.2.1. Tầm quan trọng của quan hệ với giới truyền thông
- 5.2.2. Hoạt động quan hệ với giới truyền thông truyền thống

5.3. Quan hệ với cộng đồng

- 5.3.1. Tầm quan trọng của quan hệ với cộng đồng
- 5.3.2. Quy trình quan hệ với cộng đồng

5.4. Quan hệ với nhà đầu tư

- 5.4.1. Tầm quan trọng của quan hệ với nhà đầu tư
- 5.4.2. Hoạt động quan hệ với nhà đầu tư

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (2009), Quản trị quan hệ công chúng, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
2. TS. Đinh Thị Thúy Hằng (2010), PR lý luận & ứng dụng, NXB Lao động xã hội.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 146 – tài liệu [1]

CHƯƠNG 6: BẢN CHẤT VÀ QUY TRÌNH TỔ CHỨC SỰ KIỆN

6.1. Bản chất của tổ chức sự kiện

- 6.1.1. Khái niệm tổ chức sự kiện
- 6.1.2. Đặc điểm hoạt động tổ chức sự kiện
- 6.1.3. Các loại hình tổ chức sự kiện

6.2. Quy trình tổ chức sự kiện

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (2009), Quản trị quan hệ công chúng, NXB ĐH Kinh tế

quốc dân.

2. TS. Đinh Thị Thúy Hằng (2010), PR lý luận & ứng dụng, NXB Lao động xã hội.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 209 – tài liệu [1]

CHƯƠNG 7: LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC SỰ KIỆN

7.1. Phân tích và hình thành mục tiêu sự kiện

- 7.1.1. Phân tích môi trường
- 7.1.2. Yêu cầu mục tiêu sự kiện
- 7.1.3. Một số mục tiêu sự kiện thông thường

7.2. Hình thành ý tưởng sự kiện

- 7.2.1. Những căn cứ tiền đề của ý tưởng sự kiện
- 7.2.2. Chia sẻ các cách nhìn nhận khác nhau về sự kiện
- 7.2.3. Xác định động cơ của người lãnh đạo
- 7.2.4. Tính hiện thực của dự án
- 7.2.5. Xác định những vấn đề trọng yếu
- 7.2.6. Lựa chọn ý tưởng

7.3. Lập kế hoạch sự kiện

- 7.3.1. Các bước lập kế hoạch sự kiện
- 7.3.2. Lập kế hoạch công việc và nhân lực
- 7.3.3. Lập kế hoạch ngân sách tài chính
- 7.3.4. Lập kế hoạch truyền thông sự kiện
- 7.3.5. Lập kế hoạch quản trị rủi ro và khủng hoảng

7.4. Tổ chức thực hiện

- 7.4.1. Chuẩn bị sự kiện
- 7.4.2. Tổng duyệt sự kiện
- 7.4.3. Theo sát sự kiện diễn ra
- 7.4.4. Tổng kết và thu dọn sau sự kiện

7.5. Kiểm tra đánh giá

- 7.5.1. Tầm quan trọng của hoạt động đánh giá
- 7.5.2. Các tiêu chí đánh giá sự kiện

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (2009), Quản trị quan hệ công chúng, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. TS. Đinh Thị Thúy Hằng (2010), PR lý luận & ứng dụng, NXB Lao động xã hội.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 253 – tài liệu [1]

CHƯƠNG 8: CÁC QUYẾT ĐỊNH TỔ CHỨC SỰ KIỆN

8.1 . Xác định khách mời

8.1.1 Danh sách khách mời

8.1.2 Thiếp mời

8.1.3 Tổ chức đưa đón khách

8.2 Lựa chọn thời gian

8.2.1 Căn cứ lựa chọn thời điểm tổ chức sự kiện

8.2.2 Lựa chọn thời gian trong năm

8.2.3 Lựa chọn thời gian trong tuần

8.2.4 Lựa chọn thời gian trong ngày

8.2.5 Những ngày lễ đặc biệt

8.3 Lựa chọn địa điểm tổ chức sự kiện

8.3.1 Căn cứ lựa chọn địa điểm

8.3.2 Chú ý khi lựa chọn địa điểm

8.3.3 Đặc điểm của một số loại địa điểm thông dụng

8.4 Không gian sự kiện

8.4.1 Bầu không khí sự kiện

8.4.2 Những căn cứ xây dựng không gian sự kiện

8.4.3 Những yếu tố hình thành không gian

8.5 Các hoạt động chuyên biệt khác của sự kiện

8.5.1 Hoạt động vui chơi giải trí

8.5.2 Quay phim chụp ảnh

8.5.3 Tổ chức tiệc trong sự kiện

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (2009), Quản trị quan hệ công chúng, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. TS. Đinh Thị Thúy Hằng (2010), PR lý luận & ứng dụng, NXB Lao động xã hội.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 280 – tài liệu [1]

8. GIÁO TRÌNH:

1. PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (2009), Quản trị quan hệ công chúng, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. TS. Đinh Thị Thúy Hằng (2010), PR lý luận & ứng dụng, NXB Lao động xã hội.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

3. PGS.TS Lưu Văn Nghiêm (2008), Tổ chức sự kiện, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4. Glen M. Broom (2009), Cutlip and Center's Egective Public relation, tái bản lần thứ 10, NXB Prentice Hall.
5. Dennis L. Wilcox và Glen T. Cameron (2009); Public relations: Strategies and tactics; tái bản lần thứ 9; NXB Pearson International Edition.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Khoả sát thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp 10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

- Điều kiện được dự thi cuối kỳ: sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết của học phần.

- Hình thức thi viết. Đề thi có thể bao gồm: các câu hỏi trắc nghiệm (đúng/sai, lựa chọn), câu hỏi tự luận, phân tích tình huống thực tế hoặc giả định.

- Lưu ý: Sinh viên không được sử dụng tài liệu khi làm bài.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Vũ Thị Minh Luận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Cơ sở của khoa học dữ liệu**

Tiếng Anh: **Foundations of Data Science**

Mã học phần: **PTDL02**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tin học đại cương; Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với R/Python.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản là nền tảng cho việc phân tích dữ liệu lớn ở các học phần sau. Cụ thể trong học phần này, học viên sẽ được tiếp cận về lý thuyết đồ thị, đồ thị ngẫu nhiên, không gian nhiều chiều, các quá trình ngẫu nhiên Gauss nhiều chiều, chuỗi Markov và quá trình Poisson, bước ngẫu nhiên, mô phỏng Monte-Carlo của các số ngẫu nhiên,... Những kết quả nghiên cứu về quá trình ngẫu nhiên, về lý thuyết đồ thị ở học phần này sẽ là cơ sở để phát triển các thuật toán cho xử lý dữ liệu phục vụ quá trình ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học viên sau khi học xong học phần này sẽ có sự hiểu biết các bài toán thực tế có thể được biểu diễn bằng đồ thị và sự phát triển của các thuật toán xử lý đồ thị. Hơn nữa, với việc hiểu biết về quá trình ngẫu nhiên cũng như các thuật toán xử lý dữ liệu lớn giúp người học hiểu được nhiều ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế và tài chính của các biến đổi ngẫu nhiên này nhằm mô hình các thành phần của các biến số kinh tế, bị ảnh hưởng bởi sự không chắc chắn. Với những kiến thức được trang bị trong học phần cơ sở này, học viên có có những sự chuẩn bị tốt cho việc học các môn về phân tích dữ liệu lớn phục vụ cho công tác quản lý kinh tế cũng như nhiều yêu cầu khác trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong các học phần chuyên ngành sau đó.

6. CHUẨN ĐẦU RA

- Về kiến thức:

[1]. Sinh viên hiểu biết về lý thuyết đồ thị, đồ thị ngẫu nhiên, không gian nhiều chiều, các quá trình ngẫu nhiên Gauss nhiều chiều, chuỗi Markov và quá trình Poisson, bước ngẫu nhiên, mô phỏng Monte-Carlo của các số ngẫu nhiên.

[2]. Sinh viên sẽ có thể mô hình các thành phần của các biến số kinh tế, bị ảnh hưởng bởi sự không chắc chắn hoặc xây dựng một số thuật toán xử lý dữ liệu lớn nhằm phục vụ công tác phân tích dữ liệu cho các vấn đề liên quan đến kinh tế và kinh doanh.

[3]. Có khả năng kiểm soát sự phức tạp của dữ liệu lớn; nâng cao kỹ năng lập trình bằng ngôn ngữ R/Python;

- Về kỹ năng:

[4]. Kỹ năng nhận định và phán đoán giả quyết vấn đề từ tập dữ liệu.

[5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.

- Về thái độ:

[6]. Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận		
1	Chương 1	8	5	3	[1], [4]	
2	Chương 2	8	5	3	[1], [2], [5], [6]	
3	Chương 3	10	7	3	[1], [2], [5], [6]	
4	Chương 4	10	7	3	[3], [5], [6]	
5	Chương 5	9	6	3	[4], [5], [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1. LÝ THUYẾT ĐỒ THỊ

1.1. Khái niệm cơ bản

1.2. Thuật toán cho kết nối

1.3. Đường dẫn ngắn nhất

1.4. Cây lấy mẫu tối thiểu

CHƯƠNG 2. KHÔNG GIAN NHIỀU CHIỀU

- 2.1. Đặc điểm của không gian nhiều chiều**
- 2.2. Hình cầu và khối lập phương nhiều chiều**
- 2.3. Tạo các điểm trên bề mặt của một hình cầu**
- 2.4. Quá trình Gauss nhiều chiều**
- 2.5. Phép chiếu ngẫu nhiên**

CHƯƠNG 3. ĐỒ THỊ NGẪU NHIÊN

- 3.1. Đồ thị lớn**
- 3.2. Mô hình $G(n, p)$**
- 3.3. Thành phần khổng lồ**
- 3.4. Kết nối**
- 3.5. Chu kỳ**
- 3.6. Mô hình không đồng nhất**

CHƯƠNG 4. QUÁ TRÌNH NGẪU NHIÊN

- 4.1. Quá trình ngẫu nhiên**
 - 4.1.1. Chuỗi Markov
 - 4.1.2. Phân loại trạng thái
 - 4.1.3. Phân phối dừng
 - 4.1.4. Các định lý giới hạn
 - 4.1.5. Quá trình Poisson
 - 4.1.6. Minh họa và ứng dụng
- 4.2. Bước ngẫu nhiên**
 - 4.2.1. Nguyên tắc phản ánh
 - 4.2.2. Dẫn dài
 - 4.2.3. Thay đổi dấu hiệu
 - 4.2.4. Minh họa
- 4.3. Mô phỏng ngẫu nhiên**
 - 4.3.1. Khái niệm
 - 4.3.2. Mô phỏng Monte-Carlo của các số ngẫu nhiên và các phương pháp thống kê khác nhau
 - 4.3.3. Chiến lược xử lý bộ nhớ cho dữ liệu lớn

CHƯƠNG 5. THUẬT TOÁN CHO XỬ LÝ DỮ LIỆU LỚN

- 5.1. Tần số của các luồng dữ liệu (Frequency Moments of Data Streams)**
 - 5.1.1. Số phần tử khác biệt trong luồng dữ liệu

5.1.2. Đếm số lần xuất hiện của một phần tử đã cho

5.1.3. Đếm các phần tử thường xuyên

5.2. Thuật toán ma trận

5.2.1. Phép nhân ma trận bằng cách lấy mẫu

5.2.2. Phân định một ma trận lớn

5.3. Phân định tài liệu (Sketches of Documents)

8. GIÁO TRÌNH

1. Slide bài giảng của giáo viên giảng dạy.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. John Hopcroft, Ravindran Kannan (2014), *Foundations of Data Science*, Springer Press (website: <https://www.researchgate.net/publication/265013479>).

2. David Aldous and James Fill, *Reversible Markov Chains and Random Walks on Graphs* (website: <http://www.stat.berkeley.edu/~aldous/RWG/book.html>).

3. Béla Bollobás (2001), *Random Graphs*, Cambridge University Press.

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

11. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

Chương 2

2.6. Ứng dụng không gian nhiều chiều

Chương 3

3.7. Ứng dụng đồ thị ngẫu nhiên

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với R và Python**

Tiếng Anh: **Introduction to data analysis programming with R and Python**

Mã học phần: **PTDL05**

Số tín chỉ: **3**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Toán cao cấp; Tin học đại cương.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Ngôn ngữ lập trình R/Python là trụ cột của các nhiệm vụ liên quan đến lập trình chung như phát triển các ứng dụng web hay máy tính để bàn, do đó R/Python trở thành một lựa chọn hấp dẫn cho các nhà khoa học dữ liệu là khả năng đọc và năng suất tuyệt vời của nó. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình R/PyThon như các bước để cài đặt trên hệ điều hành Windows/Mac và sử dụng R/PyThon để xử lý phân tích dữ liệu ở mức độ cơ bản.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về một trong các công cụ mạnh cho việc phân tích dữ liệu lớn là R/PyThon, cách xử lý số liệu từ các nguồn khác nhau và việc xây dựng, xử lý số liệu có cấu trúc. Với những kiến thức được trang bị sẽ là nền tảng cơ sở để học viên có thể lĩnh hội kiến thức của các môn học khác cũng như ứng dụng kiến thức được cung cấp vào lĩnh vực phân tích dữ liệu lớn trong các lĩnh vực.

6. CHUẨN ĐẦU RA

- Về kiến thức:

[1]. Sinh viên có những hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ lập trình; biết cách cài đặt, sử dụng R và PyThon,

[2]. Nắm được các kiểu dữ liệu và các câu lệnh lập trình cơ bản trong R và PyThon.

- *Về kỹ năng:*

[3]. Sử dụng ngôn ngữ R/PyThon để khai thác và phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh.

[4]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- *Về thái độ:*

[5]. Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận		
1	Chương 1: Tổng quan về ngôn ngữ lập trình R/Python	9	6	3	[1], [5]	
2	Chương 2: Xử lý dữ liệu trong R/Python	12	8	4	[2], [4], [5]	
3	Chương 3: Kiểu dữ liệu trong R/Python	12	8	4	[2], [4], [5]	
4	Chương 4: Điều kiện, vòng lặp và hàm trong R/PyThon	12	8	4	[2], [3], [4], [5]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN VỀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH R/PYTHON

1.1. Giới thiệu về ngôn ngữ R/Python

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của R/PyThon

1.1.2. Tại sao lại sử dụng R/PyThon?

1.2. Cài đặt R/PyThon

- 1.2.1. Cài đặt cho Windows
- 1.2.2. Cài đặt cho Mac
- 1.2.3. Cài đặt các gói
- 1.2.4. Cập nhật phiên bản mới

1.3. Giới thiệu các khái niệm cơ bản trong R/PyThon

- 1.3.1. Biến và kiểu biến
- 1.3.2. Toán tử và biểu thức điều kiện

1.4. Các vấn đề khác khi sử dụng R/PyThon

- 1.4.1. Các quy ước khi sử dụng ngôn ngữ R/Python
- 1.4.2. Sử dụng trợ giúp
- 1.4.3. Cấu trúc một chương trình đơn giản

CHƯƠNG II – XỬ LÝ DỮ LIỆU TRONG R/PYTHON

2.1. Tạo dữ liệu trực tiếp trong R/PyThon

2.2. Đọc dữ liệu từ các nguồn có sẵn

- 2.2.1. Đọc dữ liệu từ file excel
- 2.2.2. Đọc dữ liệu từ file Eviews, Stata, SPSS, Matlab, ...
- 2.2.3. Đọc đồng thời nhiều file dữ liệu
- 2.2.4. Đọc dữ liệu từ Internet

2.3. Xử lý số liệu với R/PyThon

- 2.3.1. Hiệu chỉnh số liệu
- 2.3.2. Trích, ghép số liệu

2.4. Một số thống kê mô tả và đồ thị đơn giản

CHƯƠNG III: KIỂU DỮ LIỆU TRONG R/PYTHON

3.1. Kiểu dữ liệu trong R

- 3.1.1. Vectors
- 3.1.2. Scalars
- 3.1.3. Matrices
- 3.1.4. Arrays
- 3.1.5. Data Frames
- 3.1.6. Lists

3.2. Kiểu dữ liệu trong PyThon

- 3.2.1. Numbers
- 3.2.2. Strings

- 3.2.3. Lists
- 3.2.4. Dictionaries
- 3.2.5. Tuples
- 3.2.6. Files
- 3.2.7. Sets

3.3. Thực hành làm việc với các kiểu dữ liệu

3.4. Vẽ biểu đồ trực quan hóa dữ liệu trong R và Python

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KIỆN, VÒNG LẶP VÀ HÀM TRONG R/PYTHON

4.1. Điều kiện và vòng lặp trong R

- 4.1.1. Vòng lặp trong R
- 4.1.2. Câu lệnh If-else
- 4.1.3. Hàm và giá trị trả về

4.2. Điều kiện và vòng lặp trong PyThon

- 4.2.1. Vòng lặp trong PyThon
- 4.2.2. Câu lệnh If-else
- 4.2.3. Hàm và giá trị trả về

4.3. Thực hành

8. GIÁO TRÌNH

1. Slide bài giảng của giáo viên giảng dạy.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mark Lutz, *Learning Python*, 5th Edition, O'Reilly, 2013.
2. Zed A.Shaw, *Learn python hard way*, 3th Edition, Addison Wesley, 2014.
3. Simon Walkowiak, *Big Data Analytics with R*, Packt Publishing, 2016.
4. Norman Matloff, *The Art of R Programming*, No Starch Press, 2011.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

11. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

Chương 1:

1.5. Thực hành cài đặt R/PyThon trên các hệ điều hành.

Chương 2:

2.5. Thực hành tạo file dữ liệu và xử lý dữ liệu cơ bản với R/PyThon.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Thương mại quốc tế**

Tiếng Anh: **International trade**

Mã học phần: **ĐNTM08**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Kinh tế đối ngoại

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế quốc tế

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học Thương mại quốc tế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại.

Học phần giới thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Tiếp đến học phần đi sâu giới thiệu các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại, chính sách thương mại quốc tế và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế. Ngoài ra, học phần giới thiệu cơ bản về các vấn đề thương mại quốc tế đang diễn ra như hiệp định thương mại tự do và các vấn đề liên quan, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên được trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế, công cụ của chính sách thương mại quốc tế

	tế, tại sao các quốc gia tham gia thương mại quốc tế, những lợi ích và bất lợi của các quốc gia khi thực hiện hoạt động mua bán với các quốc gia khác.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, tư nghiên cứu, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề; có kỹ năng hiểu và phân tích cơ bản hoạt động thương mại quốc tế của một quốc gia với phần còn lại của thế giới hoặc giữa 2 hay nhiều quốc gia, khu vực
G3	Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề thương mại quốc tế, thể hiện sự quan tâm tìm hiểu những vấn đề liên quan đến môn học.

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Nắm vững kiến thức lý luận về thương mại quốc tế, các lý thuyết về thương mại quốc tế. [2] Nắm vững kiến thức lý luận và thực tế về chính sách thương mại quốc tế, công cụ thuế quan và phi thuế quan trong chính sách thương mại quốc tế. [3] Nắm vững kiến thức lý luận và thực tế về chính sách thương mại quốc tế và hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam, tình hình ký kết FTA của Việt Nam.
G2	[4] Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; đặt vấn đề và giải quyết vấn đề. [5] Kỹ năng sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình đọc, nghiên cứu, tìm số liệu từ các website, tài liệu tiếng Anh.
G3	[6] Nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế và thể hiện sự quan tâm tìm hiểu những vấn đề liên quan đến môn học.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Chương 1	5	3	2	[1]; [4]; [6]	
2	Chương 2	8	6	2	[1]; [4]; [5]; [6]	
3	Chương 3	8	6	2	[1]; [4]; [5]; [6]	
4	Chương 4	8	5	3	[2]; [4]; [5]; [6]	
6	Chương 5	8	5	3	[3]; [4]; [5]; [6]	
7	Chương 6	8	5	3	[3]; [4]; [5]; [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 - VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- 1.1. Khái niệm Thương mại quốc tế**
- 1.2. Chức năng của thương mại quốc tế**
- 1.3. Đặc điểm của thương mại quốc tế**
- 1.4. Các nguyên tắc của thương mại quốc tế**
- 1.5. Vai trò của thương mại quốc tế với tăng trưởng kinh tế và đầu tư**
- 1.6. Xu hướng phát triển của thương mại quốc tế**
 - 1.6.1. Vấn đề xuất nhập khẩu bền vững
 - 1.6.2. Thương mại điện tử

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: Chương 7- Thương mại quốc tế (trang 215-272 tài liệu [2])

CHƯƠNG 2 - LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI CỔ ĐIỂN

- 2.1. Lý thuyết thương mại và công nghệ: mô hình Ricardo**
 - 2.1.1. Nguyên nhân dẫn đến thương mại
 - 2.1.2. Mô hình Ricardo
 - 2.1.3. Quyết định xu thế thương mại quốc tế
 - 2.1.4. Cơ chế quyết định giá cả trên thị trường quốc tế
- 2.2. Lợi ích và thiệt hại từ thương mại trong mô hình nhân tố sản xuất**
 - 2.2.1. Mô hình nhân tố sản xuất

2.2.2. Lợi ích thu được đối với lao động

2.2.3. Lợi ích thu được đối với vốn và lao động

2.3. Thương mại và nguồn lực: mô hình H-O

2.3.1. Mô hình H-O

2.3.2. Kiểm tra mô hình H-O

2.3.3. Tác động của thương mại tới giá cả của các nhân tố sản xuất

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: Chương 2- Lý thuyết thương mại quốc tế từ cổ điển đến tân cổ điển (trang 69-118 tài liệu [1]), Chương 3- Lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế (trang 119 – 166 tài liệu [1])

CHƯƠNG 3 – THƯƠNG MẠI NỘI NGÀNH

3.1. Thương mại nội ngành

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Phân loại

3.2. Lý thuyết lợi thế nhờ quy mô

3.2.1. Khái niệm lợi thế nhờ quy mô

3.2.2. Lợi thế bên trong và lợi thế bên ngoài

3.2.3. Giải thích thương mại nội ngành thông qua lý thuyết lợi thế nhờ quy mô

3.3. Lý thuyết vòng đời quốc tế của sản phẩm

3.3.1. Nội dung lý thuyết

3.3.2. Giải thích thương mại nội ngành thông qua lý thuyết vòng đời quốc tế của sản phẩm.

3.4. Thị hiếu người tiêu dùng

3.4.1. Khái niệm

3.4.2. Các nhân tố tác động tới thị hiếu người tiêu dùng

3.4.3. Giải thích thương mại nội ngành thông qua thị hiếu người tiêu dùng

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

CHƯƠNG 4 - CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ CÁC CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

4.1. Chính sách thương mại quốc tế

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Mục tiêu, vai trò

4.1.3. Các loại hình chính sách thương mại quốc tế

4.1.4. Các công cụ của chính sách thương mại quốc tế

4.2. Các biện pháp thuế quan

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Phân loại thuế quan

4.2.3. Tác động của thuế quan

4.3. Các biện pháp phi thuế quan

4.3.1. Khái niệm

4.3.2. Phân loại

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: Chương 4- Các biện pháp phòng vệ trong thương mại (trang 139-180 tài liệu [3]), Chương 6- Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế (trang 209-252 tài liệu [3]);

CHƯƠNG 5 - HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

5.1. Khái niệm Hiệp định thương mại tự do (FTA)

5.1.1 Khái niệm

5.1.2. Phân loại

5.1.3. Tác động của Hiệp định thương mại tự do

5.2. Những nội dung chính trong FTA

5.2.1. Các nội dung liên quan đến thương mại

5.2.2. Các nội dung liên quan đến đầu tư

5.2.3. Các nội dung khác

5.3. Quy tắc xuất xứ

5.3.1. Khái niệm

5.3.2. Mục đích sử dụng quy tắc xuất xứ

5.3.3. Các tiêu chí xác định xuất xứ hàng hoá

Case study: Cộng đồng kinh tế AEC

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: Chương 6- Liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế (trang 161-195, tài liệu [2]);

CHƯƠNG 6 – NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

6.1. Khái quát về hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam

- 6.1.1 Kim ngạch xuất, nhập khẩu
- 6.1.2. Các mặt hàng xuất khẩu chính
- 6.1.3. Đối tác thương mại chính của Việt Nam

6.2. Chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam

- 6.2.1. Giai đoạn trước “Đổi mới”
- 6.2.2. Giai đoạn sau “Đổi mới”
- 6.2.3. Giai đoạn hiện nay

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu: Truy cập website của Tổng cục Thống kê (gso.gov.vn) để tìm hiểu về kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam, truy cập website của Trung tâm WTO (trungtamwto.vn) để tìm hiểu về tình hình ký kết FTA của Việt Nam.

8. GIÁO TRÌNH

1. Nguyễn Xuân Thiên (2015), *Giáo trình Thương mại quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Đào Văn Hùng, Bùi Thuý Vân (2015), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Trần Văn Nam (2015), *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tự duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp kiểm tra/đánh giá

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Điểm đánh giá	20%	- Đi học đầy đủ (10%) - Tích cực trên lớp (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ/Bài tập cá nhân/Bài tập nhóm	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

TRƯỞNG KHOA

(đã ký)

TS. Bùi Thúy Vân

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Tài chính Doanh nghiệp**

Tiếng Anh: **Corporate Finance**

Mã học phần: **TCDN03**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Tài chính – Đầu tư

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên đã được học các môn như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, Lý thuyết Tài chính – tiền tệ.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức nền tảng về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp như: tổ chức tài chính doanh nghiệp, doanh thu, chi phí, lợi nhuận; các vấn đề về tài sản, nguồn vốn ... nhằm giúp cho sinh viên có thể xem xét, đánh giá và vận dụng xử lý những vấn đề về tài chính doanh nghiệp trong thực tế. Đồng thời là nền tảng để sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn những vấn đề quản lý tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường nói chung và thực tiễn ở Việt Nam.

G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế.
G3	Sinh viên có được phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Nắm vững kiến thức mô tả các nguyên tắc hiện đại về tài chính doanh nghiệp. [2] Nắm vững kiến thức phân tích các dạng các báo cáo tài chính. [3] Nắm vững kiến thức phân tích các quyết định đầu tư dự án, trái phiếu, cổ phiếu và tài sản lưu động của các doanh nghiệp. [4] Nắm vững kiến thức phân tích cấu trúc vốn và những tác động của nó đối với doanh nghiệp.
G2	[5] Kỹ năng thực hiện các phép tính về các tỷ số phổ biến trong các báo cáo tài chính. [6] Kỹ năng sử dụng thực hành việc định giá các dự án, trái phiếu và cổ phiếu. [7] Kỹ năng đo lường lợi nhuận và rủi ro của các dự án, trái phiếu và cổ phiếu [8] Kỹ năng thực hành việc tính toán chi phí tồn quỹ và chi phí sử dụng vốn
G3	[9] Có phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		
1	Chương 1	3	2	1	[1]; [9]	
2	Chương 2	4	3	1	[1]; [2]; [9]	
3	Chương 3	5	3	2	[1]; [2];[5]; [9]	

4	Chương 4	5	3	2	[1]; [5]; [9]	
5	Chương 5	5	4	1	[1]; [3];[6]; [9]	
6	Chương 6	5	3	2	[1]; [3];[5]; [9]	
7	Chương 7	5	4	1	[1]; [3];[7]; [9]	
8	Chương 8	5	3	2	[1]; [3];[8]; [9]	
9	Chương 9	5	3	2	[1]; [4]; [9]	
10	Chương 10	3	2	1	[1]; [4]; [9]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm doanh nghiệp,

1.1.2 Các loại hình doanh nghiệp

1.1.3 Ưu, nhược điểm các loại hình doanh nghiệp

1.2 Tài chính doanh nghiệp và Quản trị tài chính doanh nghiệp

1.2.1 Khái niệm tài chính doanh nghiệp

1.2.2 Các quan hệ tài chính chủ yếu

1.2.3 Mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp

1.2.4 Các quyết định tài chính chủ yếu của doanh nghiệp

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 7, tài liệu [1]*

1.2.5 Vai trò của tài chính doanh nghiệp

1.3 Hệ thống tài chính và tài chính doanh nghiệp

1.3.1 Môi trường hoạt động của doanh nghiệp

1.3.2 Hệ thống tài chính và chức năng của hệ thống tài chính

CHƯƠNG 2 – GIỚI THIỆU HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Giới thiệu về hệ thống báo cáo tài chính

2.1.1 Báo cáo nội bộ

2.1.2 Báo cáo kiểm toán

2.1.3 Vai trò và ý nghĩa của hệ thống báo cáo tài chính

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 89, tài liệu [1]*

2.2 Bảng cân đối kế toán

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Tài sản

2.2.3 Nguồn vốn

2.3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.3.1 Khái niệm

2.3.2 Doanh thu

2.3.3 Chi phí

2.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.4.1 Khái niệm

2.4.2 Các dòng tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.4.3 Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Phương pháp trực tiếp

2.4.4 Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Phương pháp gián tiếp

2.5 Thuyết minh báo cáo tài chính

2.5.1 Khái niệm

2.5.2 Nội dung của thuyết minh báo cáo tài chính

CHƯƠNG 3 – PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3.1 Tổng quan phân tích báo cáo tài chính

3.1.1 Mục tiêu phân tích báo cáo tài chính

3.1.2 Các bước phân tích báo cáo tài chính

3.1.3 Các thông tin sử dụng phân tích báo cáo tài chính

3.2 Giới thiệu các phương pháp phân tích báo cáo tài chính thông dụng

2.2.1 Phương pháp so sánh

2.2.2 Phương pháp phân tích chỉ số

2.2.3 Phương pháp dupont

3.3 Sử dụng phương pháp so sánh trong phân tích báo cáo tài chính

3.3.1 Phân tích theo xu hướng

3.3.2 Phân tích theo cơ cấu

3.4 Sử dụng phương pháp phân tích chỉ số trong phân tích báo cáo tài chính

3.4.1 Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời

3.4.2 Nhóm chỉ số hoạt động

3.4.3 Nhóm chỉ số thanh khoản

3.4.4 Nhóm chỉ số khả năng thanh toán dài hạn

3.4.5 Nhóm chỉ số tăng trưởng

3.4.6 Nhóm chỉ số giá trị thị trường

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 105, tài liệu [1]*

3.5 Sử dụng phương pháp dupont trong phân tích báo cáo tài chính

3.5.1 Giới thiệu về phương pháp

3.5.2 Ví dụ minh họa

CHƯƠNG 4 – GIÁ TRỊ THỜI GIAN CỦA TIỀN TỆ VÀ MÔ HÌNH CHIẾT KHẤU DÒNG TIỀN

4.1 Giá trị thời gian của tiền tệ, lãi đơn và lãi kép

4.1.1 Khái niệm giá trị thời gian của tiền tệ

4.1.2 Lãi đơn

4.1.3 Lãi kép

4.2 Giá trị tương lai của một khoản tiền

4.2.1 Khái niệm

4.2.2 Công thức xác định

4.3 Giá trị hiện tại của một khoản tiền

4.3.1 Khái niệm

4.3.2 Công thức xác định

4.4 Ghép lãi và chiết khấu dòng tiền

4.4.1 Khái niệm và phân loại dòng tiền

4.4.2 Thời giá tiền tệ của dòng tiền đều cuối kỳ

4.4.3 Thời giá tiền tệ của dòng tiền đều vô tận

4.4.4 Thời giá tiền tệ của dòng tiền không đều

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 55, tài liệu [1]*

4.5 Lãi suất danh nghĩa và lãi suất hiệu dụng

4.5.1 Khái niệm

4.5.2 Ví dụ minh họa

CHƯƠNG 5 – ĐỊNH GIÁ - ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NỢ VÀ CHỨNG KHOÁN VỐN

5.1 Đầu tư chứng khoán nợ ngắn hạn

5.1.1 Khái niệm

- 5.1.2 Định giá tín phiếu kho bạc trên thị trường sơ cấp
- 5.1.3 Định giá tín phiếu kho bạc trên thị trường thứ cấp
- 5.1.4 Quyết định đầu tư
- 5.2 Đầu tư chứng khoán nợ dài hạn
 - 5.2.1 Khái niệm trái phiếu
 - 5.2.2 Định giá các loại trái phiếu
 - 5.2.3 Lợi nhuận đầu tư trái phiếu đáo hạn
 - 5.2.4 Lợi nhuận đầu tư trái phiếu có thể thu hồi
 - 5.2.5 Quyết định đầu tư
- 5.3 Đầu tư chứng khoán vốn
 - 4.3.1 Khái niệm
 - 4.3.2 Định giá các loại chứng khoán vốn
 - 5.3.3 Quyết định đầu tư

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 254, tài liệu [1]*

CHƯƠNG 6 – PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- 6.1 Các phương pháp phân tích hiệu quả tài chính dự án
 - 6.1.1 Giá trị hiện tại ròng NPV
 - 6.1.2 Tỷ suất hoàn vốn nội bộ IRR
 - 6.1.3 Chỉ số khả năng sinh lợi PI
 - 6.1.4 Thời gian hoàn vốn không chiết khấu PP và có chiết khấu DPP

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 185, tài liệu [1]*

- 6.2 Xác định dòng tiền dự án
 - 6.2.1 Các dòng tiền liên quan đến dự án
 - 6.2.2 Các nguyên tắc xác định dòng tiền
 - 6.2.3 Xác định dòng tiền theo các nguyên tắc
- 6.3 Vận dụng phân tích và quyết định đầu tư dự án

CHƯƠNG 7 – RỦI RO VÀ LỢI NHUẬN

- 7.1 Lợi nhuận, tỷ suất sinh lợi, lợi nhuận kỳ vọng
 - 7.1.1 Khái niệm lợi nhuận và tỷ suất sinh lợi

- 7.1.2 Xác định suất sinh lợi kỳ vọng
- 7.2 Đo lường rủi ro: Phương sai, độ lệch chuẩn, hệ số biến thiên
 - 7.2.1 Khái niệm rủi ro
 - 7.2.2 Phương sai
 - 7.2.3 Độ lệch chuẩn
 - 7.2.4 Hệ số biến thiên
- Hướng dẫn tự học:*
 - Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
 - Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 69, tài liệu [1]*
- 7.3 Lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư
 - 7.3.1 Khái niệm danh mục đầu tư
 - 7.3.2 Lợi nhuận của danh mục đầu tư
 - 7.3.3. Rủi ro của danh mục đầu tư
- 7.4 Đa dạng hoá danh mục đầu tư
- 7.5 Hệ số Beta và mô hình CAPM
 - 7.5.1 Xác định hệ số beta
 - 7.5.2 Mô hình CAPM

CHƯƠNG 8 – CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN

- 8.1 Chi phí vốn
 - 8.1.1 Khái niệm
 - 8.1.2 Phân loại
- 8.2 Xác định các loại chi phí vốn
 - 8.2.1 Chi phí sử dụng vốn vay
 - 8.2.2 Chi phí sử dụng vốn cổ phần ưu tiên
 - 8.2.3 Chi phí sử dụng vốn cổ phần thường

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
 - Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 327, tài liệu [1]*
- 8.3 Chi phí bình quân gia quyền của vốn WACC

CHƯƠNG 9 – QUYẾT ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ CƠ CẤU VỐN

- 9.1 Cơ cấu vốn và đòn bẩy tài chính
 - 9.1.1 Khái niệm cơ cấu vốn
 - 9.1.2 Đòn bẩy tài chính

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 377, tài liệu [1]*

9.2 Lý thuyết M&M trong trường hợp không thuế

9.2.1 Mệnh đề I

9.2.2 Mệnh đề II

9.3 Lý thuyết M&M trong trường hợp có thuế

9.3.1 Mệnh đề I

9.3.2 Mệnh đề II

CHƯƠNG 10 – CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

10.1 Khái niệm chính sách cổ tức

10.2 Quy trình chi trả cổ tức thông thường

10.2.1 Ngày công bố cổ tức

10.2.2 Ngày giao dịch không hưởng cổ tức

10.2.3 Ngày ghi nhận

10.2.4 Ngày thanh toán

10.3 Các quan điểm về chính sách cổ tức

10.3.1 Cổ tức không quan trọng

10.3.2 Cổ tức càng cao càng tốt

10.3.3 Cổ tức càng thấp càng tốt

10.4 Trả cổ tức bằng cổ phiếu và chia tách

10.4.1 Trả cổ tức bằng cổ phiếu

10.4.2 Chia tách cổ phiếu

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 424, tài liệu [1]*

10.5 Mua lại cổ phiếu

8. GIÁO TRÌNH:

1. TS. Bùi Văn Vân và TS. Vũ Văn Ninh, Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính năm 2013.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Đỗ Quang Trị, Tài chính doanh nghiệp căn bản: T.1, NXB Lao Động, 2012.

3. Lưu Thị Hương, Giáo trình: Tài chính doanh nghiệp - Trường ĐH KTQD, Nhà xuất bản giáo dục, 2002

4. Bùi Hữu Phước, Tài Chính Doanh Nghiệp, NXB Kinh Tế TPHCM, 2014
5. Nguyễn Minh Kiều, Tài Chính Doanh Nghiệp Căn Bản, NXB Thống Kê, 2015.
6. Ross, Westterfield and Jordan, Fundamentals of Corporate Finance, McGraw-Hill Irwin, 2010
7. Ross, Westterfield and Jaffe, Corporate Finance, McGraw-Hill Irwin, 2010

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

10.1 Phương pháp dạy – học:

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2 Phương thức kiểm tra/ đánh giá:

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

TRƯỞNG KHOA

(đã ký)

TS. Phạm Mỹ Hằng Phương

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu**

Tiếng Anh: **Database Management System**

Mã học phần: **PTDL04**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Bộ môn Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tin học đại cương.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu (CSDL) và hệ quản trị CSDL, các thành phần cơ bản trong phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server, ngôn ngữ T-SQL và các đối tượng CSDL, các tác vụ quản trị hệ thống, những ứng dụng thực tế với các hoạt động của các tổ chức và doanh nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Giúp học viên có được những kiến thức cơ bản về hệ quản trị cơ sở dữ liệu, vai trò và chức năng của hệ quản trị cơ sở dữ liệu cũng như quá trình tương tác giữa hệ quản trị CSDL với các phần mềm ứng dụng CSDL, giúp người học tiếp cận được với nền tảng hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server và liên hệ thực tế với các hoạt động của các tổ chức và doanh nghiệp.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

- *Về kiến thức:*

[1]. Sinh viên làm quen với những kiến thức cơ bản về hệ quản trị CSDL

[2]. Sử dụng tốt phần mềm quản trị CSDL MS SQL Server để đáp ứng được yêu cầu trong quản lý kinh tế và kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng:*

[3]. Có khả năng tư duy logic về cách tiếp cận các kiến thức của quản trị cơ sở dữ liệu, phần mềm MS SQL Server và các bài toán lập trình thực tế liên quan.

[4]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Về thái độ:

[5]. Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành/Thảo luận		
1	Chương 1: Giới thiệu	6	5	1	[1], [4], [5]	
2	Chương 2: Làm việc với CSDL và Bảng	9	8	2	[1], [4], [5]	
3	Chương 3: Truy vấn dữ liệu và bảng ảo view	9	6	3	[2], [3], [4], [5]	
4	Chương 4: Thủ tục thường trú và hàm người dùng	9	6	3	[2], [3], [4], [5]	
5	Chương 5: Trigger và Transaction	6	3	3	[2], [3], [4]	
6	Chương 6: Các tác vụ quản trị hệ thống	6	3	3	[1], [2], [3], [4], [5]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG I – GIỚI THIỆU HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.2. Giới thiệu về SQL Server và mô hình Client/Server

1.3. Cài đặt và cấu hình SQL Server

1.4. Các thành phần cơ bản trong SQL Server

CHƯƠNG II – LÀM VIỆC VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ BẢNG

2.1 Làm việc với CSDL

2.1.1. Tổ chức tệp tin trong CSDL SQL Server

2.1.2. Định nghĩa CSDL

2.1.3. Sửa đổi CSDL

2.1.4. Xóa CSDL

2.2 Làm việc với bảng dữ liệu

- 2.2.1. Các kiểu dữ liệu cơ bản
- 2.2.2. Ràng buộc và các thuộc tính cột
- 2.2.3. Định nghĩa bảng dữ liệu
- 2.2.4. Xóa bảng dữ liệu

2.3 Làm việc với các bản ghi

- 2.3.1. Thêm bản ghi mới (Insert)
- 2.3.2. Cập nhật bản ghi (Update)
- 2.3.3. Xóa bản ghi (Delete)

CHƯƠNG III: TRUY VẤN DỮ LIỆU VÀ BẢNG ẢO (VIEW)

- 3.1. *Cấu trúc truy vấn cơ bản*
- 3.2. *Truy vấn dữ liệu từ nhiều bảng*
- 3.3. *Truy vấn dữ liệu lồng nhau (Subquery)*
- 3.4. *Bảng ảo (View)*
 - 3.4.1. Định nghĩa View
 - 3.4.2. Sửa đổi View
 - 3.4.3. Xóa View

CHƯƠNG IV: THỦ TỤC THƯỜNG TRÚ VÀ HÀM NGƯỜI DÙNG

- 4.1. *Lập trình với T-SQL*
- 4.2. *Thủ tục thường trú (Stored Procedure)*
- 4.3. *Hàm người dùng định nghĩa (User Defined Function)*

CHƯƠNG V: TRIGGER VÀ TRANSACTION

- 5.1. *Trigger và ứng dụng của Trigger*
- 5.2. *Các loại Transaction và ứng dụng*
 - 5.2.1. Transaction tự động
 - 5.2.2. Transaction tường minh
 - 5.2.3. Transaction ẩn
 - 5.2.4. Transaction lồng nhau

CHƯƠNG VI: BẢNG BẮM

- 6.1. *Quản lý đăng ký SQL Server (Server Registration)*
- 6.2. *Bảo mật và phân quyền người dùng*
- 6.3. *Sao lưu (Backup) và phục hồi (Restore) dữ liệu*
- 6.4. *Hoạch định tác vụ quản trị*

8. GIÁO TRÌNH

1. Trần Công Uẩn (2005), *Giáo trình Cơ sở dữ liệu 2*, NXB Thống kê.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Quang Thiện, SQL Server 2000: Lập trình T - SQL, NXB Văn hóa Sài Gòn, 2007.
2. Paul Turley & Dan Wood, Beginning Transact-SQL with SQL Server 2000 and 2005, Wrox Press, 2006.
3. Brian Knightet, Professional SQL Server 2005 Administration, Wrox Press.
4. Ray Rankins, Paul Bertucci, Chris Gallelli, Alex T.Silverstein, Microsoft SQL Server 2005 Unleashed, Sams Publishing, 2007.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Lý thuyết Kinh tế số**

Tiếng Anh: **Theory of Digital Economics**

Mã học phần: **KTKD03**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của kinh tế số và các vấn đề liên quan đến nó, các ứng dụng của kinh tế thông tin trong các lĩnh vực số khác nhau, các thành phần cốt lõi của kinh tế số là kinh tế đổi mới, quyền sở hữu trí tuệ và công nghệ chuỗi khối. Sinh viên sẽ nghiên cứu các đặc trưng nền tảng kinh tế và thị trường song song phát sinh trong lĩnh vực số, nghiên cứu cơ bản về bán hàng trực tuyến và thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ trong kinh tế đổi mới và công nghệ mới chuỗi khối.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	- Hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh tế số, đo lường kinh tế số, nền tảng của kinh tế số, cơ sở và tầm quan trọng của Công nghệ thông tin và truyền thông trong nền kinh tế số. - Nắm được kiến thức cơ bản về thị trường số và thương mại điện tử. Vận dụng kiến thức về kinh tế số để phân tích mô hình kinh doanh số và mô hình hóa thị trường số.

	- Kiến thức cơ bản về kinh tế đổi mới, kinh tế thông tin và quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số. - Kiến thức về thực trạng và định hướng phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong tương lai.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực thanh toán.
G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]. Hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh tế số, cách đo lường kinh tế số của mỗi quốc gia, nền tảng của kinh tế số, cơ sở và tầm quan trọng của công nghệ thông tin và truyền thông trong nền kinh tế số. [2]. Nắm được kiến thức cơ bản về kinh tế số: thị trường số và thương mại điện tử. Có thể phân tích mô hình kinh doanh số và mô hình hóa thị trường số. [3]. Kiến thức cơ bản về kinh tế đổi mới, kinh tế thông tin và quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số [4] Có kiến thức về thực trạng và định hướng phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong tương lai
G2	[5]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. [6]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.
G3	[7]. Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Thực hành/ Thảo luận</i>		
1	Chương 1: Tổng quan về kinh tế số	9	6	3	[1], [6]	

2	Chương 2: Các xu thế chủ đạo của kinh tế số	9	6	3	[2], [5], [6]	
	Chương 3: Thị trường trong nền kinh tế số	9	6	3	[2], [5], [6]	
3	Chương 4: Kinh tế đổi mới và quyền sở hữu trí tuệ	9	6	3	[3], [5], [6], [7]	
4	Chương 5: Phát triển kinh tế số ở Việt Nam	9	6	3	[4], [5], [6], [7]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ SỐ

1.1 Khái niệm kinh tế số

- 1.1.1 Khái niệm cơ bản
- 1.1.2 Các loại hình kinh tế số
- 1.1.3 Đo lường kinh tế số

1.2 Nền tảng kinh tế số

- 1.2.1 Nền tảng nhiều mặt
- 1.2.2 Chiến lược nền tảng
- 1.2.3 Cạnh tranh nền tảng
- 1.2.4 Mô hình kinh doanh
- 1.2.5 Quy định và chính sách trong thị trường nền tảng

1.3 Cơ sở hạ tầng

- 1.3.1 Hạ tầng mạng, viễn thông
- 1.3.2 Vai trò của công nghệ thông tin truyền thông
- 1.3.3 Điện toán phân tán, đám mây, mạng xã hội và chuỗi cung ứng
- 1.3.4 Quản trị công nghệ thông tin trong nền kinh tế
- 1.3.5 An ninh mạng trong nền kinh tế số

1.4 Những thuận lợi và thách thức phát triển kinh tế số ở mỗi quốc gia

- 1.4.1 Những thuận lợi
- 1.4.2 Thách thức

CHƯƠNG 2: CÁC XU THẾ CHỦ ĐẠO CỦA KINH TẾ SỐ

2.1 Một thế giới nhỏ hơn nhờ quốc tế hóa

2.2 Nhu cầu đảm bảo an ninh mạng và bảo mật cá nhân

2.3 Sự phát triển của thành phố thông minh

2.4 Doanh nghiệp số và nền kinh tế việc làm tự do

2.5 Hành vi người tiêu dùng thay đổi

CHƯƠNG 3 – THỊ TRƯỜNG TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

2.1 Thị trường số

2.1.1 Hàng hóa thông tin

2.1.2 Định giá hàng hóa thông tin

2.1.3 Trị trường song song

2.2 Thị trường trực tuyến và ngoại tuyến

2.2.1 Giá trên thị trường ngoại tuyến so với thị trường trực tuyến

2.2.2 Thương mại điện tử

2.2.3 Kênh trực tuyến và ngoại tuyến

2.2.4 Chu kỳ giao dịch điện tử

CHƯƠNG 3: KINH TẾ ĐỔI MỚI VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

3.1. Bằng sáng chế, bản quyền và nhãn hiệu

3.1.1 Bằng sáng chế

3.1.2 Bản quyền

3.1.3 Nhãn hiệu

3.2. Sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực CNTT và TT

3.2.1. Sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực CNTT

3.2.2. Sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực truyền thông

3.2.3. Sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực thương mại điện tử

3.3. Giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số

CHƯƠNG 5: PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM

5.1. Các xu hướng kinh tế của Việt Nam từ thời kỳ đổi mới đến nay

5.2. Các chính sách hỗ trợ kinh tế số tại Việt Nam

5.3. Thực trạng phát triển kinh tế số tại Việt Nam

5.4. Một số định hướng để phát triển kinh tế số tại Việt Nam

8. GIÁO TRÌNH

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brynjolfsson, E. / Kahin, B. (eds.) (2000), Understanding the Digital Economy. Cambridge Mass.: The MIT Press.

2. Shapiro, C. / Varian, H. (1998), Information Rules. A Strategic Guide to the Network Economy. Boston: Harvard Business School Press.
3. Molho, I. (1997), The Economics of Information. Oxford: Blackwell. Economides, N. (1996), "The economics of networks". International Journal of Industrial Organization, Vol. 14, N. 6, pp 670-699.
4. Powell, W.W. / Smith-Doerr, L. (1994), "Networks and Economic Life". In: Smelser, N.J. / Swedberg, R. (eds.), Handbook of Economic Sociology. Princeton: Princeton University Press, pp. 368-402.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Hệ thống thông tin quản lý**

Tiếng Anh: **Management Information Systems**

Mã học phần: **KTKD02**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tin học đại cương, Hệ quản trị CSDL.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về hệ thống thông tin quản lý bao gồm: Khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, Các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin quản lý, Phát triển hệ thống thông tin quản lý, Quản lý nguồn lực hệ thống thông tin và Các hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể phát triển các hệ thống thông tin cơ bản cũng như quản trị nguồn lực hệ thống thông tin và lựa chọn hệ thống thông tin phù hợp với doanh nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	- Hiểu được các khái niệm cơ bản về thông tin, thông tin doanh nghiệp, quản lý thông tin doanh nghiệp và hệ thống thông tin doanh nghiệp. - Nắm được các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin quản lý. - Kiến thức chuyên sâu về các hệ thống thông tin quản lý ứng dụng trong doanh nghiệp và quy trình phát triển hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc lựa chọn hệ thống thông tin quản lý ứng dụng trong doanh nghiệp.
G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]. Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản và chuyên sâu của hệ thống thông tin quản lý; [2]. Biết được các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin, quy trình phát triển hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp và quản lý nguồn lực hệ thống thông tin quản lý. [3]. Hiểu được các loại hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp và lựa chọn hệ thống thông tin quản lý phù hợp cho doanh nghiệp.
G2	[4]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. [5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.
G3	[6] Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Thực hành/ Thảo luận</i>		
1	Chương 1: Khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý.	9	6	3	[1], [5], [6]	
2	Chương 2: Các thành phần cơ bản.	9	6	3	[2], [5], [6]	
3	Chương 3: Phát triển hệ thống thông tin quản lý.	9	6	3	[2], [3], [5], [6]	
4	Chương 4: Quản lý nguồn lực hệ thống thông tin.	6	4	2	[2], [5], [6]	
5	Chương 5: Hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp.	12	8	4	[2], [3], [4], [5], [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 – KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

1.1 Thông tin và hệ thống thông tin

1.1.1. Khái niệm

- 1.1.2. Vai trò của thông tin
- 1.1.3. Phân loại thông tin
- 1.2 Thông tin quản lý trong doanh nghiệp**
 - 1.2.1. Thông tin quản lý
 - 1.2.2. Vai trò của thông tin quản lý trong doanh nghiệp
- 1.3. Hệ thống thông tin quản lý**
 - 1.3.1. Khái niệm
 - 1.3.2. Vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp
- 1.4. Phân loại hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp**
 - 1.3.1. Transaction Processing Systems
 - 1.3.2. Management Information Systems
 - 1.3.3. Decision Support Systems

CHƯƠNG 2 – CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN CỦA HTTH QUẢN LÝ

- 2.1. Phần cứng**
 - 2.1.1. Khái niệm phần cứng
 - 2.1.2. Hệ thống máy tính
 - 2.1.3. Đánh giá phần cứng
- 2.2. Phần mềm**
 - 2.2.1. Khái niệm và phân loại
 - 2.2.2. Phần mềm ứng dụng
 - 2.2.3. Đánh giá phần mềm
- 2.3. Quản trị cơ sở dữ liệu (DBM)**
 - 2.3.1. Cơ sở dữ liệu
 - 2.3.2. Phát triển cơ sở dữ liệu
 - 2.3.3. Quản trị cơ sở dữ liệu
- 2.4. Mạng máy tính và truyền thông**
 - 2.4.1. Chức năng của truyền thông
 - 2.4.2. Mạng máy tính
 - 2.4.3. Internet.
- 2.5. Nguồn nhân lực**

CHƯƠNG 3: PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

- 3.1. Cấu trúc tổng quát phát triển hệ thống thông tin quản lý**
 - 3.1.1. Tổng quan cấu trúc tổng quát
 - 3.1.2. Cấu trúc vòng đời
- 3.2. Quy trình phát triển hệ thống thông tin quản lý**
 - 3.2.1. Phân tích

- 3.2.2. Thiết kế
- 3.2.3. Cài đặt
- 3.2.4. Vận hành và bảo trì

3.3. Thách thức trong phát triển hệ thống

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ NGUỒN LỰC HỆ THỐNG THÔNG TIN

4.1. Quản lý nguồn lực hệ thống thông tin doanh nghiệp

- 4.1.1. Khái niệm tổng quan quản lý nguồn lực hệ thống thông tin
- 4.1.2. Quản lý nguồn lực hệ thống thông tin
- 4.1.3. Hệ thống quản lý tri thức

4.2. Bảo mật hệ thống thông tin quản lý

- 4.2.1. Bảo mật hệ thống thông tin
- 4.2.2. Quy định pháp lý về bảo mật hệ thống thông tin

CHƯƠNG 5: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ TRONG DOANH NGHIỆP

5.1 Hệ thống thông tin tài chính

- 5.1.1. Tổng quan
- 5.1.2. Phân lớp
- 5.1.2. Phần mềm quản lý tài chính

5.2 Hệ thống thông tin Marketing

- 5.2.1. Tổng quan
- 5.2.2. Phân lớp
- 5.2.3. Phần mềm quản lý Marketing

5.3. Hệ thống thông tin sản xuất

- 5.3.1. Tổng quan
- 5.3.2. Phân lớp
- 5.3.3. Phần mềm quản lý sản xuất

5.4. Hệ thống thông tin nguồn nhân lực

- 5.4.1. Tổng quan
- 5.4.2. Phân lớp
- 5.4.3. Phần mềm quản lý nguồn nhân lực

5.5. Hệ thống thương mại điện tử

- 5.5.1. Khái niệm thương mại điện tử
- 5.5.2. Lợi ích của hệ thống thương mại điện tử
- 5.5.3. Vai trò của Internet trong thương mại điện tử và kinh doanh điện tử

5.6. Hệ thống văn phòng điện tử

- 5.6.1. Tổng quan

5.6.2. Các công nghệ văn phòng điện tử

8. GIÁO TRÌNH

Trần Thị Song Minh – Chủ biên (2011), Hệ thống thông tin quản lý, NXB Đại Học Kinh tế Quốc dân.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Thanh Hồng – Chủ biên (2007), Giáo trình thương mại điện tử căn bản, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.

2. Đinh Thế Hiển – Chủ biên (2003), Phân tích thiết kế hệ thống thông tin, Nhà Xuất Bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Laudon, K C and Laudon, J.P. (2006), Management Information Systems, Prentice Hall, New Jersey.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Thương mại điện tử**

Tiếng Anh: **E - Commerce**

Mã học phần: **QTKD14**

Tổng số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Quản trị doanh nghiệp

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Quản trị học, Marketing

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	<i>Về kiến thức:</i> Sinh viên được trang bị kiến thức về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử., cơ sở hạ tầng thương mại điện tử: Internet và World wide web, các vấn đề luật pháp, đạo đức và thuế trong TMĐT.
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hình thành ý tưởng và thiết kế các hệ thống thương mại điện tử.

G3	<i>Về thái độ:</i> Có thái độ đúng với nghề nghiệp và kinh doanh điện tử.
-----------	---

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]Nắm được các kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, nắm vững các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các cơ hội và bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Trình bày được vai trò và sự tác động của thương mại điện tử trong xã hội. [2]Nắm được kiến thức về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, nắm vững các phương thức bán hàng, maketing trên web; đấu giá, cộng đồng ảo và web portal. [3] Phân tích, hoạch định được mô hình thương mại điện tử tích hợp cho một loại hình doanh nghiệp cụ thể, tư vấn được cho doanh nghiệp sử dụng các hệ thống ERP, SCM, CRM thích hợp.
G2	[4]Phân tích, nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, tư duy sáng tạo, không phiến diện hay tư duy theo lối mòn. [5] Thể hiện sự cẩn thận, tỉ mỉ khi làm việc, có tinh thần, trách nhiệm, luôn cập nhật thông tin mới.
G3	[6] Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động thương mại điện tử, có ý thức, trách nhiệm và đạo đức trong công việc.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành		
1	Chương 1	6	4	2	[1] [2][4][5][6]	
2	Chương 2	7	4	3	[1] [2][3][4][5][6]	
3	Chương 3	8	6	2	[2][3][4][5][6]	
4	Chương 4	8	6	2	[2][3][4][5][6]	
5	Chương 5	8	5	3	[2][3][4][5][6]	

6	Chương 6	8	5	3	[2][3][4][5][6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1.1. Khái niệm Thương mại điện tử

1.2. Các giai đoạn phát triển thương mại điện tử

1.2.1 Thương mại thông tin

1.2.2 Thương mại giao dịch

1.2.3 Thương mại cộng tác

1.3 Phân loại thương mại điện tử

1.3.1 TMĐT đơn thuần, TMĐT một phần

1.3.2 Phân loại theo đối tượng giao dịch

1.4 Mô hình khung cho thương mại điện tử

1.5 Đặc trưng của thương mại điện tử

1.6 Mô hình kinh doanh của thương mại điện tử

1.7 Lợi ích của Thương mại điện tử

1.7.1 Lợi ích đối với xã hội

1.7.2 Lợi ích đối với khách hàng

1.7.3 Lợi ích đối với tổ chức

1.8 Thách thức trong ứng dụng thương mại điện tử

1.9 Tình hình phát triển thương mại điện tử trên thế giới và một số quốc gia

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 12 – tài liệu [1], trang 21 tài liệu [2].

CHƯƠNG 2 – MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ CỦA HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

2.1. Cơ sở pháp lý thương mại

2.2 . Môi trường văn hóa, xã hội

2.3. Hạ tầng kỹ thuật thương mại điện tử

- 2.4. Hạ tầng thanh toán
- 2.5. Hạ tầng an ninh mạng
- 2.6. Nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng đối với thương mại điện tử

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 36 – tài liệu [2], trang 41 tài liệu [3].

CHƯƠNG 3 – MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

3.1 Mạng máy tính

- 3.1.1 Khái niệm
- 3.1.2 Các loại mạng máy tính
- 3.1.3 Ứng dụng của mạng máy tính

3.2 Mạng Internet

- 3.2.1 Khái niệm
- 3.2.2 Cấu hình mạng Internet trong kinh doanh
- 3.2.3 Ứng dụng Internet trong kinh doanh

3.3 Mạng Extranet

- 3.3.1 Khái niệm
- 3.3.2 Cấu hình mạng Extranet
- 3.3.3 Ứng dụng của mạng Extranet trong kinh doanh

3.4 Mạng Intranet

- 3.4.1 Khái niệm
- 3.4.2 Cấu hình mạng Intranet
- 3.4.3 Ứng dụng của mạng Extranet trong kinh doanh

3.5 Các thiết bị mạng

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 70 – tài liệu [1].

CHƯƠNG 4. XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

4.1 Công nghệ Website

- 4.1.1 Khái niệm và đặc điểm Website

- 4.1.2 Phương pháp tiếp cận
- 4.1.3 Giới thiệu một số công nghệ và ngôn ngữ lập trình web
- 4.1.4 Các dịch vụ phổ biến trên mạng Internet
- 4.1.5 Nghiên cứu đặc điểm Website áp dụng trong kinh doanh

4.2 Cơ sở dữ liệu (database)

- 4.2.1 Khái niệm cơ sở dữ liệu
- 4.2.2 Các loại cơ sở dữ liệu
- 4.2.3 Định hướng thiết kế cơ sở dữ liệu

4.3 Xây dựng website TMĐT

- 4.3.1 Nghiên cứu thị trường TMĐT
- 4.3.2 Các bước xây dựng một website TMĐT
- 4.3.3 Xác định mục tiêu kinh doanh và chức năng của hệ thống
- 4.3.4 Lựa chọn kiến trúc hệ thống của website TMĐT
- 4.3.5 Thiết kế hệ thống website TMĐT

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 57 – tài liệu [2]

CHƯƠNG 5. AN NINH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

5.1 Khái niệm rủi ro trong TMĐT

- 5.1.1 Nhóm rủi ro về dữ liệu
- 5.1.2 Nhóm rủi ro về công nghệ
- 5.1.3 Nhóm rủi ro về thủ tục và quy trình giao dịch
- 5.1.4 Nhóm rủi ro về luật pháp và các tiêu chuẩn công nghiệp
- 5.1.5 Ảnh hưởng của rủi ro tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

5.2 Yêu cầu về an ninh mạng

5.3 Bảo mật trong giao dịch điện tử

- 5.3.1 Mã hóa dữ liệu
- 5.3.2 Lớp ổ cắm an toàn
- 5.3.3 Các giao dịch điện tử an toàn
- 5.3.4 Chữ ký điện tử
- 5.3.5. Chứng chỉ số hóa
- 5.3.6 Tường lửa

5.4 Hợp đồng điện tử

5.5 Các tổ chức an ninh mạng của Việt nam

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 183 – tài liệu [2], trang 83 tài liệu [3].

CHƯƠNG 6. MARKETING TRỰC TUYẾN

6.1 Khái niệm về marketing trực tuyến

6.1.1 Khái niệm

6.1.2 Đặc điểm

6.1.3 Điều kiện áp dụng

6.2 Nghiên cứu thị trường trực tuyến

6.3 Phân đoạn thị trường trực tuyến

6.4 Chiến lược marketing điện tử

6.4.1 Chiến lược giá

6.4.2 Chiến lược sản phẩm

6.4.3 Chiến lược khuyến khích trưng

6.4.4 Chiến lược phân phối

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 221 – tài liệu [3], trang 105 tài liệu [4].

8. GIÁO TRÌNH:

(1). Nguyễn Văn Minh và các tác giả (2011), Giáo trình Thương mại điện tử căn bản, Nhà Xuất bản Thống kê, Hà Nội.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

(2). Trần Văn Hòe, 2006, Thương mại điện tử, NXB Thống kê

(3). David King/Dennis Viehland/Jae Lee; 2006; Electronic Commerce: A Managerial Perspective; Publisher: Prentice Hall

(4). Báo cáo TMDT các năm, Bộ Công Thương.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Khoả sát thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Vũ Thị Minh Luận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Kinh doanh quốc tế**

Tiếng Anh: **International Business**

Mã học phần: **ĐNQT11**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:Khoa Kinh tế đối ngoại

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên đã được học các môn:Kinh tế quốc tế.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Môn học giới thiệu về môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu và rộng như hiện nay. Các kiến thức cơ bản mà nhà quản trị lĩnh vực kinh doanh quốc tế, các doanh nghiệp có hoạt động đầu tư trực tiếp sang nước ngoài, các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu cần nắm được bao gồm các xu hướng kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia, môi trường đầu tư quốc tế, các chính sách của các chính phủ điều tiết các hoạt động kinh doanh quốc tế, cạnh tranh toàn cầu.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Nhận thức được bối cảnh toàn cầu hóa và tác động của nó đến kinh tế các chủ thể kinh tế quốc tế. Cung cấp các kiến thức cơ bản, sâu hơn về môi trường kinh doanh quốc tế và cạnh tranh toàn cầu.
G2	Cung cấp các kiến thức liên quan đến hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh quốc tế, hiệu quả kinh doanh quốc tế. Các kiến thức đánh giá được những ưu điểm, thế mạnh và các bất lợi, cơ hội thách thức trong kinh doanh quốc tế và đề ra các giải pháp.

G3	Các kỹ năng viết, trình bày; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin; Kỹ năng truyền thông ; Kỹ năng phản biện; Kỹ năng phát hiện vấn đề và lên ý tưởng, sáng tạo.
-----------	---

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Nắm vững kiến thức chuyên sâu về kinh doanh quốc tế, như các lý thuyết kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế; biết phân tích, đánh giá và vận dụng giải quyết các vấn đề kinh doanh với quốc tế của các doanh nghiệp.
G2	[2] Nắm được các kiến thức về hoạch định chiến lược kinh doanh quốc tế Biết phân tích, đánh giá, các tình huống nảy sinh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế. [3] Hiểu và nắm bắt được môi trường toàn cầu hóa và ảnh hưởng đến kinh doanh quốc tế của chủ thể doanh nghiệp.
G3	[4] Có các kỹ năng viết, trình bày một ý tưởng kinh doanh; Kỹ năng làm việc nhóm; Làm việc độc lập; Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin; Kỹ năng truyền thông ; Kỹ năng phản biện; Kỹ năng phát hiện vấn đề và lên ý tưởng, sáng tạo.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		
1	Chương 1	6	4	2	[1] [2] [4]	
2	Chương 2	10	6	4	[1] [4]	
3	Chương 3	7	4	3	[1] [2] [3] [4]	
4	Chương 4	7	4	3	[2] [4]	
5	Chương 5	10	6	4	[3] [4]	

6	Chuyên đề thực tiễn	5		5	[1] [2] [3]	
	Cộng	45	24	21		

Chương 1: VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH DOANH QUỐC TẾ

- 1.1 Các khái niệm cơ bản
- 1.2. Vai trò kinh doanh quốc tế
- 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kinh doanh quốc tế
 - 1.3.1 Yếu tố của một quốc gia
 - 1.3.2 Yếu tố quốc tế
- 1.4 Bối cảnh mới của kinh doanh quốc tế.
- 1.5 Xu hướng của kinh doanh quốc tế
- 1.6 Đối tượng môn học

Hướng dẫn tự học thêm:

Sinh viên đọc thêm nội dung the benefits of international Business and the concept of Comparative, tài liệu [3] <https://www.internationalrelationsedu.org/what-is-international-business/>

Chương 2: LÝ THUYẾT KINH DOANH QUỐC TẾ

- 2.1 Vấn đề chung về lý thuyết kinh doanh quốc tế
- 2.2 Các lý thuyết kinh doanh quốc tế
 - 2.2.1 Lý thuyết hiện đại về mậu dịch của Michael Porter
 - 2.2.2 Lý thuyết hiện đại về đầu tư quốc tế
 - 2.2.3 Lý thuyết kinh doanh quốc tế hiện đại
- 2.3 Vận dụng lý thuyết kinh doanh quốc tế trong thực tiễn

Hướng dẫn tự học thêm:

Sinh viên đọc Chương: Tổng quan chung về đầu tư quốc tế, phần các lý thuyết về đầu tư trực tiếp nước ngoài, Tài liệu [2]

Chương 3: MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA VỚI KINH DOANH QUỐC TẾ

- 3.1 Khái niệm, vai trò
 - 3.1.1 Khái niệm
 - 3.1.2 Vai trò của môi trường toàn cầu đối với kinh doanh quốc tế
- 3.2 Môi trường toàn cầu với kinh doanh quốc tế
 - 3.2.1 Môi trường đầu tư trực tiếp
 - 3.2.2 Môi trường văn hóa
 - 3.2.3 Môi trường luật pháp quốc tế

3.2.4 Môi trường tài chính-tiền tệ quốc tế

Chương 4: CHIẾN LƯỢC KINH DOANH QUỐC TẾ

4.1 Các khái niệm cơ bản

4.2 Phân loại chiến lược kinh doanh quốc tế

4.2.1 Chiến lược lựa chọn thị trường

4.2.2 Chiến lược về giá cả

4.2.3 Chiến lược về nhân sự quốc tế

4.3 Vai trò chiến lược kinh doanh quốc tế và phân loại

4.4 Xây dựng chiến lược kinh doanh quốc tế

Hướng dẫn tự học thêm:

Sinh viên đọc thêm nội dung **International Business Strategy, tài liệu [4]**

https://www.researchgate.net/publication/322789850_International_Business_Strategy

Chương 5: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH DOANH QUỐC TẾ

5.1 Các khái niệm và sự cần thiết của đánh giá hiệu quả kinh doanh quốc tế

5.1.1 Các khái niệm

5.1.2 Sự cần thiết

5.2 Triển khai kinh doanh quốc tế

5.3 Hiệu quả kinh doanh quốc tế

5.4 Đánh giá hiệu quả kinh doanh quốc tế

Hướng dẫn tự học thêm:

Sinh viên đọc thêm nội dung chương Hiệu quả đầu tư, tài liệu [3], tập trung cho các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả góc độ doanh nghiệp tiến hành hoạt động đầu tư kinh doanh quốc tế.

8. GIÁO TRÌNH

1. Tạ Lợi, Nguyễn Thị Hương (2016), Giáo trình *Kinh doanh quốc tế*, NXB ĐHKQTĐ.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Bùi Thúy Vân (2017), *Giáo trình nội bộ đầu tư quốc tế*, Học viện Chính sách và Phát triển.

3. <https://www.internationalrelationsedu.org/what-is-international-business/>

4. https://www.researchgate.net/publication/322789850_International_Business_Strategy

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
-----------------------	-----------------	---

-Phát vấn -Thuyết trình	- Nghe giảng - Thảo luận - Tự nghiên cứu tài liệu và trao đổi trên lớp hoặc ngoài giờ giảng với giảng viên giảng môn học và các giảng viên khác nếu cần.	-Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm - Nghe chuyên đề thực tiễn từ các chuyên gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, một số các CEO từ các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh quốc tế đến chia sẻ, hoặc trực tiếp trao đổi tại các chuyến đi thực tiễn ở công ty Samsung, cảng Hải Phòng.v.v.
----------------------------	--	--

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

Stt	Nội dung	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Kiểm tra chuyên cần	20%	+ Điểm danh và trao đổi, thảo luận nhóm trên lớp theo yêu cầu của giảng viên.
2	+Bài tập nhóm: Làm bài ở nhà và nộp, thảo luận trên lớp +Bài kiểm tra nhỏ	20%	+ Sinh viên sẽ được chia thành các nhóm, mỗi nhóm gồm 05-8 sinh viên tùy theo quy mô thực tế lớp học phần và bài thảo luận theo các chủ đề, sử dụng hình thức bốc thăm các chủ đề cho các nhóm. + Điểm bài tập nhóm được lấy làm điểm giữa kỳ.
4	Thi hết môn	60%	Cơ cấu bài thi sẽ được thông báo trước cho sinh viên. Lịch thi theo quy định của TT TTKT sau khi kết thúc học kỳ
	Tổng cộng	100%	

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA
(đã ký)

GIÁM ĐỐC
(đã ký)

TS. Bùi Thúy Vân

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Pháp luật kinh tế**

Tiếng Anh: **Economic Law**

Mã học phần: **LUKT02**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Luật Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Pháp luật đại cương.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Môn học sẽ trình bày các nội dung Tổng quan về Pháp luật Kinh tế, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	<i>Về kiến thức:</i> kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh: các loại hình doanh nghiệp, hợp đồng thương mại, cơ chế giải quyết tranh chấp và về các vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh.
G2	<i>Về kỹ năng:</i> kỹ năng giải quyết các tình huống về tổ chức, hoạt động doanh nghiệp, ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại, giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp

G3	<i>Về thái độ:</i> có được phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các nguyên tắc trong tổ chức Nhà nước và bảo đảm quyền con người, quyền công dân
-----------	--

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Nắm vững kiến thức lý luận về pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, đầu tư, hợp đồng trong kinh doanh, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, phá sản, giải thể doanh nghiệp. [2] Tiếp cận các vấn đề kinh tế dưới góc độ pháp luật, dựa trên việc phân tích các văn bản pháp luật trong nước và quốc tế như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật Thương mại, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Cạnh tranh, Luật Trọng tài Thương mại, Luật Phá sản và Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980 [3] Vận dụng các kiến thức giải quyết tình huống thực tiễn phát sinh.
G2	[4] Kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; giải quyết và phân tích tình huống vi phạm pháp luật. [5] Kỹ năng tìm tài liệu, nghiên cứu tài liệu, văn bản pháp luật của nhà nước; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng soạn thảo hợp đồng.
G3	[6] Có phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các nguyên tắc trong tổ chức Nhà nước và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		
1	Chương 1	3	3	0	[1]; [4]; [6]	
2	Chương 2	6	3	3	[1]; [4]; [5]; [6]	
3	Chương 3	8	6	2	[1]; [3]; [6]	
4	Chương 4	3	3	0	[1]; [2]; [6]	
5	Chương 5	6	4	2	[1]; [2]; [6]	
6	Chương 6	8	6	2	[1]; [4]; [6]	

7	Chương 7	6	4	2	[1]; [4]; [5]; [6]	
8	Chương 8	5	2	3	[1]; [3]; [6]	
	Cộng	45	26	19		

Chương 1 - TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT KINH TẾ

1.1 Quan niệm về luật kinh tế, luật thương mại, luật kinh doanh

- 1.1.1. Quan niệm về Luật Kinh tế
- 1.1.2. Quan niệm về Luật Thương mại
- 1.1.3. Quan niệm về Luật Kinh doanh

1.2. Sơ lược lịch sử phát triển pháp luật kinh tế việt nam

- 1.2.1. Khái niệm Pháp luật kinh tế
- 1.2.2. Luật Thương mại Việt Nam dưới chế độ cũ
- 1.2.3. Pháp luật Kinh tế sau Cách mạng Tháng Tám và trong nền kinh tế kế hoạch

hóa tập trung

- 1.2.4. Pháp luật Kinh tế trong nền kinh tế thị trường

1.3. Ngành luật kinh tế

- 1.3.1. Khái niệm ngành luật kinh tế
- 1.3.2. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật kinh tế
- 1.3.3. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật kinh tế
- 1.3.4. Chủ thể của ngành luật Kinh tế

1.4. Nguồn của pháp luật kinh tế

- 1.4.1. Văn bản quy phạm pháp luật
- 1.4.2. Tập quán thương mại

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 23-27 tài liệu [2]*

1.2. Sơ lược lịch sử phát triển pháp luật kinh tế việt nam

- 1.2.1. Khái niệm Pháp luật kinh tế
- 1.2.2. Luật Thương mại Việt Nam dưới chế độ cũ
- 1.2.3. Pháp luật Kinh tế sau Cách mạng Tháng Tám và trong nền kinh tế kế hoạch

hóa tập trung

- 1.2.4. Pháp luật Kinh tế trong nền kinh tế thị trường

Chương 2 - PHÁP LUẬT VỀ THÀNH LẬP, TỔ CHỨC QUẢN LÝ, HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI VÀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP

2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp

- 2.1.1. Khái niệm chủ thể kinh doanh
- 2.1.2. Định nghĩa doanh nghiệp và những đặc điểm pháp lý của doanh nghiệp
- 2.2. Điều kiện và thủ tục cơ bản để thành lập doanh nghiệp
 - 2.2.1. Những điều kiện cơ bản thành lập doanh nghiệp
 - 2.2.2. Thủ tục thành lập doanh nghiệp
- 2.3. Đăng ký những thay đổi của doanh nghiệp
 - 2.3.1. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
 - 2.3.2. Tạm ngừng kinh doanh
 - 2.3.3. Tổ chức lại doanh nghiệp
 - 2.3.4. Giải thể doanh nghiệp
- 2.4. Những quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp trong kinh doanh
 - 2.4.1. Quyền của doanh nghiệp trong kinh doanh
 - 2.4.2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp trong kinh doanh
 - 2.4.3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích
 - 2.4.4. Tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 45-48 tài liệu [2]*
- 2.2. Điều kiện và thủ tục cơ bản để thành lập doanh nghiệp
 - 2.2.1. Những điều kiện cơ bản thành lập doanh nghiệp
 - 2.2.2. Thủ tục thành lập doanh nghiệp

Chương 3 - CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

- 3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
 - 3.1.1. Định nghĩa và đặc điểm
 - 3.1.2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn
 - 3.1.3. Tổ chức quản lý, hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
- 3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
 - 3.2.1. Định nghĩa và đặc điểm
 - 3.2.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty
 - 3.2.3. Tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- 3.3. Công ty cổ phần
 - 3.3.1. Định nghĩa
 - 3.3.2. Đặc điểm

- 3.3.3. Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông
- 3.3.4. Tổ chức quản lý hoạt động công ty cổ phần
- 3.4. Công ty hợp danh
 - 3.4.1. Định nghĩa và đặc điểm công ty hợp danh
 - 3.4.2. Tổ chức quản lý hoạt động công ty hợp danh
- 3.5. Doanh nghiệp tư nhân
 - 3.5.1. Định nghĩa
 - 3.5.2. Đặc điểm
 - 3.5.3. Quản lý doanh nghiệp
 - 3.5.4. Cho thuê doanh nghiệp
 - 3.5.5. Bán doanh nghiệp
- 3.6. Nhóm công ty
 - 3.6.1 Khái niệm
 - 3.6.2. Công ty mẹ - công ty con

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 54-57 tài liệu [2]*

- 3.6. Nhóm công ty
 - 3.6.1 Khái niệm
 - 3.6.2. Công ty mẹ - công ty con

Chương 4 - PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

- 4.1Doanh nghiệpnhà nước
 - 4.1.1. Định nghĩa, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp nhà nước
 - 4.1.2.Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp nhà nước
- 4.2Doanh nghiệpcó vốnđầutư nướcngoài
 - 4.2.1. Khái niệm
 - 4.2.2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 121-130 tài liệu [2]*
- 4.2.2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Chương 5 - LUẬT ĐẦU TƯ

- 5.1. Khái niệm, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và chính sách về đầu tư

- 5.1.1. Khái niệm đầu tư
- 5.1.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- 5.1.3. Chính sách về đầu tư kinh doanh và bảo đảm về đầu tư
- 5.2. Các hình thức đầu tư
 - 5.2.1. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế
 - 5.2.2. Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế
 - 5.2.3. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng PPP)
 - 5.2.4. Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)
- 5.3. Ngành nghề, địa bàn đầu tư, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư
 - 5.3.1. Ngành nghề, địa bàn đầu tư
 - 5.3.2. Hình thức và đối tượng ưu đãi đầu tư
 - 5.3.3. Hỗ trợ đầu tư
- 5.4. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư
 - 5.4.1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội
 - 5.4.2. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
 - 5.4.3. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- 5.5. Đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.1. Nguyên tắc thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.2. Hình thức và nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.3. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.4. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.5. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 143-150 tài liệu [2]*

- 5.5. Đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.1. Nguyên tắc thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.2. Hình thức và nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.3. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.4. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài
 - 5.5.5. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

Chương 6 - PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

- 6.1. Những quy định chung về hợp đồng trong hoạt động thương mại
 - 6.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng trong hoạt động thương mại

- 6.1.2. Phân loại hợp đồng thương mại
- 6.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa
 - 6.2.1. Hàng hóa trong hợp đồng mua bán hàng hóa
 - 6.2.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa
- 6.3. Mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa
 - 6.3.1. Khái niệm
 - 6.3.2. Hợp đồng
- 6.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
 - 6.4.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Luật Thương mại Việt Nam năm 2005
 - 6.4.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước Viên 1980 (CISG)
 - 6.4.3. Quyền và nghĩa vụ của bên bán trong hợp đồng theo Công ước Viên
 - 6.4.4. Quyền và nghĩa vụ của bên mua trong hợp đồng theo Công ước Viên
- 6.5. Hợp đồng dịch vụ
 - 6.5.1. Khái niệm hợp đồng dịch vụ
 - 6.5.2. Phân loại hợp đồng dịch vụ
 - 6.5.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng dịch vụ
- 6.6. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại
 - 6.6.1. Vi phạm hợp đồng
 - 6.6.2. Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm
 - 6.6.3. Hình thức trách nhiệm pháp lý

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 222-229 tài liệu [2]*
- 6.3. Mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa
- 6.5. Hợp đồng dịch vụ

Chương 7 - PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH VÀ VỤ VIỆC CẠNH TRANH

- 7.1. Tranh chấp trong kinh doanh và việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh
 - 7.1.1. Khái niệm về tranh chấp trong kinh doanh
 - 7.1.2. Phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh
- 7.2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng trọng tài thương mại

- 7.2.1. Khái niệm trọng tài thương mại
- 7.2.2. Quá trình hình thành và phát triển trọng tài thương mại ở Việt Nam
- 7.2.3. Tranh chấp trong kinh doanh do Trọng tài thương mại giải quyết
- 7.2.4. Trung tâm trọng tài thương mại Việt Nam
- 7.2.5. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại
- 7.2.6. Thẩm quyền của trọng tài thương mại liên quan với Tòa án
- 7.2.7. Những giai đoạn cơ bản của tổ tụng trọng tài
- 7.3. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh tại tòa án nhân dân
 - 7.3.1. Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án
 - 7.3.2. Thi hành bản án, quyết định giải quyết các vụ việc kinh doanh, thương mại của Tòa án
- 7.4. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh có yếu tố nước ngoài
 - 7.4.1. Nguyên tắc xác định pháp luật trong giải quyết tranh chấp kinh doanh có yếu tố nước ngoài
 - 7.4.2. Một số quy tắc trọng tài quốc tế thông dụng
 - 7.4.3. Vấn đề công nhận và thi hành tại Việt Nam các phán quyết của Tòa án và trọng tài nước ngoài
- 7.5. Giải quyết các vụ việc cạnh tranh
 - 7.5.1. Khái niệm vụ việc cạnh tranh
 - 7.5.2. Cơ quan giải quyết cạnh tranh
 - 7.5.3. Tổ tụng cạnh tranh
 - 7.5.4. Xử lý vụ việc cạnh tranh

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.
- Sinh viên nghiên cứu: *trang 254-257 tài liệu [2]*
- 7.4. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh có yếu tố nước ngoài

Chương 8 - PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN

- 8.1. Khái niệm về phá sản và pháp luật về phá sản
 - 8.1.1. Khái niệm về phá sản
 - 8.1.2. Phân biệt phá sản với giải thể
 - 8.1.3. Vấn đề phá sản liên quốc gia
 - 8.1.4. Pháp luật về phá sản
- 8.2. Những quy định chung của luật phá sản Việt Nam
 - 8.2.1. Đối tượng áp dụng của Luật phá sản 2014
 - 8.2.2. Dấu hiệu xác định doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

8.2.3. Thẩm quyền giải quyết việc phá sản

8.2.4. Các biện pháp bảo toàn tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán

8.3. Thủ tục phá sản doanh nghiệp

8.3.1. Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

8.3.2. Tổ chức hội nghị chủ nợ và các thủ tục phục hồi kinh doanh

8.3.3. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản

8.3.4. Thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương.

- Sinh viên nghiên cứu: *trang 321-327 tài liệu [2]*

8.1.3. Vấn đề phá sản liên quốc gia

8. GIÁO TRÌNH:

1. Giáo trình nội bộ Pháp luật Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển, 2014.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. TS. Nguyễn Hợp Toàn, Giáo trình Pháp luật kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân, 2015.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)

4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)
---	-----------------------	-----	--

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Nguyễn Như Hà

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

PGS. TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

- Tiếng Việt: **Kế toán tài chính**
- Tiếng Anh: **Financial accounting**
- Mã học phần: **TCKH04**

Tổng số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Tài chính – Đầu tư

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp, Lý thuyết tài chính tiền tệ

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phần hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành, với các nội dung cơ bản về Kế toán tài chính, Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, Kế toán TSCĐ, Kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, Kế toán tiền lương, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, Kế toán đầu tư tài chính, Kế toán vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả, Kế toán báo cáo tài chính. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên nắm được những nguyên tắc hạch toán chi tiết về các đối tượng kế toán theo chế độ kế toán quy định hiện hành như: nguyên tắc hạch toán tiền, vật tư, TSCĐ, tiền lương, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, các khoản phải thu, phải trả, thuế và các khoản phải nộp nhà nước; nắm được hệ thống danh mục các mẫu chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, mẫu sổ sách kế toán có liên quan đến từng đối tượng

	kế toán, cách vào sổ sách kế toán; Nắm được quy trình và nguyên tắc lập báo cáo tài chính
G2	Kỹ năng lập chứng từ kế toán để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; kỹ năng định khoản kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản; kỹ năng lập báo cáo tài chính; kỹ năng đọc hiểu và phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính.
G3	Sinh viên có được phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan và có đạo đức nghề nghiệp.

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính. [2] Sinh viên hiểu và vận dụng được các quy định pháp lý liên quan đến lĩnh vực kế toán. [3] Hiểu và vận dụng thực hiện công tác kế toán kế toán trong doanh nghiệp.
G2	[4] Sinh viên học xong môn kế toán tài chính được trang bị những kỹ năng để có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp để tạo hiệu suất làm việc cao. [5] Được trang bị kỹ năng hạch toán kế toán và kỹ năng kế toán tổng hợp; kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp.
G3	[6] Sinh viên có được phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan và có đạo đức nghề nghiệp.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		

1	Chương 1	3	2	1	[1]; [4]; [6]	
2	Chương 2	6	4	2	[2]; [3]; [5]; [6]	
3	Chương 3	6	4	2	[2]; [3]; [4];	
4	Chương 4	3	2	1	[2]; [3]; [6]	
5	Chương 5	6	4	2	[2]; [3]; [5]; [6]	
6	Chương 6	3	2	1	[2]; [3]; [4];	
7	Chương 7	6	4	2	[2]; [3]	
8	Chương 8	3	2	1	[2]; [3]; [5]	
9	Chương 9	3	2	1	[2]; [3]; [5]; [6]	
10	Chương 10	6	4	2	[2]; [3]; [5]; [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại kế toán

1.1.1. Khái niệm kế toán

1.1.2. Đặc điểm kế toán

1.1.3. Phân loại kế toán

1.2. Phạm vi, nội dung của KTTC

1.2.1. Phạm vi của KTTC

1.2.2. Nội dung của KTTC

1.3. Nguyên tắc, yêu cầu đối với KTTC

1.3.1. Nguyên tắc

1.3.2. Yêu cầu

1.4. Tổ chức công tác kế toán tài chính trong DN

1.4.1. Tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán

1.4.2. Tổ chức bộ máy kế toán

Hướng dẫn tự học

Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN TIỀN, TIỀN VAY VÀ CÁC NGHIỆP VỤ THANH TOÁN

2.1. Kế toán tài sản bằng tiền

2.1.1. Kế toán tiền mặt

2.1.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng

2.1.3. Kế toán tiền đang chuyển

2.2. Kế toán tiền vay

2.2.1. Kế toán tiền vay từ các tổ chức tín dụng

2.2.1. Kế toán các khoản vay khác

2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán

2.3.1. Kế toán các khoản phải thu

2.3.1. Kế toán các khoản phải trả

Hướng dẫn tự học

- Đọc giáo trình, trang 165-217

- Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

3.1. Kế toán nguyên vật liệu

3.1.1 Phương pháp tính giá xuất kho nguyên vật liệu

3.1.2 Hạch toán tổng hợp nhập, xuất nguyên vật liệu

3.2. Kế toán công cụ, dụng cụ

3.2.1. Kế toán nhập kho công cụ, dụng cụ

3.2.2. Kế toán xuất kho công cụ, dụng cụ

Hướng dẫn tự học:

- Đọc giáo trình, trang 35-58

- Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp

- Chuẩn mực kế toán VAS 02.

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

4.1. Tổng quan về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

4.1.1. Tổng quan về kế toán tiền lương

4.1.2. Tổng quan về kế toán các khoản trích theo lương

4.2. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

4.2.1. Kế toán tiền lương

4.2.2. Kế toán các khoản trích theo lương

Hướng dẫn tự học

- Đọc giáo trình, trang 65-78

- Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp

CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN TSCĐ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

5.1. Tổng quan về kế toán TSCĐ và BĐS đầu tư

5.1.1. Tổng quan về kế toán TSCĐ

5.1.2. Tổng quan về kế toán BĐS đầu tư

5.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ

5.2.1. Kế toán TSCĐ HH

5.2.2. Kế toán TSCĐ thuê ngoài và cho thuê

5.2.3. Kế toán TSCĐ vô hình

5.3. Kế toán BĐS đầu tư

5.4. Kế toán khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư

5.4.1. Kế toán khấu hao TSCĐ

5.4.2. Kế toán khấu hao BĐS đầu tư

5.5. Kế toán sửa chữa TSCĐ

5.5.1. Kế toán sửa chữa TSCĐ

5.5.2. Kế toán nâng cấp TSCĐ

Hướng dẫn tự học

Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, trang 5-29

- Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp

- Chế độ kế toán theo thông tư 200/2014 BTC

- Chuẩn mực kế toán số 03, 04, 05, 06

CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

6.1. Tổng quan về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

6.1.1. Tổng quan về kế toán chi phí sản xuất

6.1.2. Tổng quan về kế toán tính giá thành sản phẩm

6.2. Kế toán chi phí sản xuất

6.2.1. Kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

6.2.2. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ

6.3. Phương pháp tính giá thành sản phẩm áp dụng trong một số loại hình DN chủ yếu

Hướng dẫn tự học

Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, trang 85-120

Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp

- Chế độ kế toán theo thông tư 200/2014 BTC

CHƯƠNG 7: KẾ TOÁN THÀNH PHẨM, TIÊU THỤ SẢN PHẨM VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

7.1. Kế toán thành phẩm

7.1.3. Đánh giá thành phẩm

7.1.4. Tài khoản sử dụng

7.1.5. Kế toán thành phẩm

7.2. Kế toán quá trình tiêu thụ thành phẩm

7.2.2. Tài khoản sử dụng

7.2.3. Kế toán quá trình tiêu thụ sản phẩm

7.3. Kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

7.3.1. Kế toán chiết khấu thương mại

7.3.2. Kế toán chiết khấu thanh toán

7.3.3. Kế toán hàng bán bị trả lại

7.3.4. Kế toán giảm giá hàng bán

7.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

7.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

7.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

7.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

7.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

7.5.2. Kế toán chi phí tài chính

7.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

7.6.1. Kế toán thu nhập khác

7.6.2. Kế toán chi phí khác

7.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

7.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Hướng dẫn tự học

- Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, trang 126-153

- Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp

- Chuẩn mực kế toán số 14

CHƯƠNG 8: KẾ TOÁN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ DỰ PHÒNG

8.1. Tổng quan về kế toán đầu tư tài chính và các khoản dự phòng

8.1.1. Tổng quan về kế toán các khoản đầu tư tài chính

8.1.2. Tổng quan về kế toán các khoản trích lập dự phòng

8.2. Kế toán các nghiệp vụ đầu tư tài chính

8.2.1. Kế toán các nghiệp vụ đầu tư tài chính dài hạn

8.2.2. Kế toán các nghiệp vụ đầu tư tài chính ngắn hạn

8.3. Kế toán trích lập và sử dụng dự phòng

8.3.1. Kế toán trích lập dự phòng

8.3.2. Kế toán sử dụng các khoản dự phòng

Hướng dẫn tự học

- Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, trang 225-265
- Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp
- Chuẩn mực kế toán số 18

CHƯƠNG 9: KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ CÁC NGHIỆP VỤ KHÁC

9.1. Kế toán vốn chủ sở hữu

9.1.1. Kế toán nguồn vốn kinh doanh

9.1.2. Kế toán các quỹ và nguồn vốn khác

9.2. Kế toán nghiệp vụ cầm cố, ký quỹ, ký cược và tài sản thuế thu nhập hoãn lại

9.2.1. Kế toán các nghiệp vụ cầm cố, ký quỹ, ký cược

9.2.2. Kế toán tài sản thuế TNDN hoãn lại

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, trang 291-293
- Sinh viên đọc Slide bài giảng và làm bài tập giảng viên đã gửi
- Đọc thêm Luật kế toán, chế độ kế toán hiện hành

CHƯƠNG 10: BÁO CÁO TÀI CHÍNH - LẬP BCTC

10.1 . Tổng quan về BCTC

10.1.1. Khái niệm BCTC

10.1.2. Nguyên tắc lập BCTC

10.2. Cách lập BCTC

10.2.1. Bảng cân đối kế toán

10.2.2. Báo cáo KQHĐ kinh doanh

10.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

10.2.4. Thuyết minh BCTC

Hướng dẫn tự học:

- Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, trang 319-356
- Slide bài giảng và bài tập do giáo viên cung cấp
- Chế độ kế toán theo thông tư 200/2014-BTC
- Chuẩn mực kế toán số 21, 17, 24

8. GIÁO TRÌNH

1. Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp- Trường Đại học kinh tế quốc dân. Chủ biên. GS, TS. Đặng Thị Loan, NXB ĐH KTQD (2013)

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo tiếng Việt

- Một số giáo trình kế toán tài chính khác.
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (26 chuẩn mực)
- Hệ thống tài khoản kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Thông tư số 200/2014/TT-BTC
- Luật kế toán số 88/2015-QH13 có hiệu lực 1/1/2017 thay thế Luật số 03/2003
- Luật quản lý thuế, các luật thuế hiện hành
- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan
- Hệ thống câu hỏi và bài tập môn Kế toán tài chính do giáo viên biên soạn
- Các website: www.mof.gov.vn; www.gdt.gov.vn;
www.tapchiketoan.com; www.webketoan.com...

Tài liệu tham khảo nước ngoài

- International Accounting Standards (IAS)
- International Financial Reporting Standards (IFRS)
- <http://accountingstudy.com/accounting-courses/principles-of-accounting/principles-of-accounting-index.htm>
- <http://www.accountingtools.com/basic-accounting-principles>

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Vận dụng trên Hóa đơn chứng từ thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Làm bài tập lớn - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)

2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

(đã ký)

TS. Phạm Mỹ Hằng Phương

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Phân tích Báo cáo tài chính**

Tiếng Anh: **Financial Statement Analysis**

Mã học phần: **TCPT08**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Tài chính – Đầu tư

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên đã được học các môn như: Nguyên lý kế toán; Kinh tế vĩ mô; Kinh tế vi mô, Tài chính doanh nghiệp.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản về Phân tích TCDN như đọc các BCTC; vận dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích trong thực tiễn. Biết kết hợp giữa phân tích tài chính cơ bản và khối kiến thức chuyên sâu về phân tích tài chính với các kiến thức bổ trợ từ các chuyên ngành đào tạo của Học Viện để hình thành các kỹ năng phát hiện, đánh giá và giải quyết các vấn đề cốt lõi về quản trị tài chính phát sinh ở mỗi đơn vị như: phân tích cơ bản, phân tích báo cáo tài chính, phân tích rủi ro, sử dụng thành thạo, có hiệu quả các công cụ phân tích tài chính vào quản trị tài chính trong từng bối cảnh cụ thể.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp như: tổ chức tài chính doanh nghiệp, doanh thu, chi phí, lợi nhuận; các vấn đề về tài sản, nguồn vốn ... nhằm giúp cho sinh viên có thể xem xét, đánh

	giá và vận dụng xử lý những vấn đề về tài chính doanh nghiệp trong thực tế. Đồng thời là nền tảng để sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn những vấn đề quản lý tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường nói chung và thực tiễn ở Việt Nam.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế.
G3	Sinh viên có được phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Nắm vững kiến thức cơ bản về các chủ đề của CFA. [2] Nắm vững kiến thức về các mục tiêu, phương pháp phân tích, trang bị cách thức đọc, hiểu các báo cáo tài chính, lựa chọn quy trình và bộ máy phân tích. [3] Nắm vững kiến thức chuyên sâu về phân tích tài chính doanh nghiệp, phân tích chính sách tài chính, phân tích tiềm lực tài chính, phân tích hiệu quả hoạt động. [4] Nắm vững kiến thức đánh giá tăng trưởng và xác định giá trị doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin thích hợp để các chủ thể có liên quan ra các quyết định quản lý tài chính một cách hiệu quả.
G2	[5] Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đề xuất giải pháp và kiến nghị...; Kỹ năng khám phá kiến thức, tư duy hệ thống, nhận biết và phân tích tình hình, phân tích các nhân tố tác động đến tài chính của DN, phân tích các nhân tố bên trong và bên ngoài đơn vị ảnh hưởng trọng yếu, lâu dài đến sự phát triển của đơn vị, ngành..., dự báo được tài chính của đơn vị.

	[6] Kỹ năng vận dụng thành thạo lý luận vào thực tiễn quản lý tài chính, khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin, ngôn ngữ quốc tế để phát hiện kịp thời và giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong ngành tài chính, doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay; dự báo được xu hướng thay đổi và nguy cơ rủi ro để chủ động phòng ngừa.
G3	[7] Có phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội. Có ý thức tự giác tham gia đầy đủ, tích cực các giờ thảo luận, chữa bài tập ở trên lớp, cũng như phải chịu khó nghiên cứu tham khảo tài liệu, thảo luận nhóm. Hoàn thành đầy đủ các bài tập được giao về nhà. Chủ động tự nghiên cứu các nội dung được giao và tìm hiểu các nội dung tự nghiên cứu theo quy định.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		
1	Chương 1.	9	6	3	[1]; [5]; [7]	
2	Chương 2.	9	6	3	[2]; [5]; [7]	
3	Chương 3.	9	5	4	[3]; [4]; [6]; [7]	
4	Chương 4.	9	5	4	[3]; [4]; [6]; [7]	
5	Chương 5.	9	5	4	[3]; [4]; [6]; [7]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1. Mục tiêu, chức năng

1.1.1 Sự ra đời và phát triển của phân tích TCDN

1.1.2 Mục tiêu phân tích TCDN

1.1.3 Chức năng của phân tích TCDN

1.2. Đối tượng, nội dung

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của PTTCDN

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 19, tài liệu [1]*

1.2.2. Nội dung phân tích TCDN

1.3 Phương pháp phân tích

1.3.1 Phương pháp đánh giá

1.3.2 Phương pháp phân tích nhân tố

1.3.3 Phương pháp dự báo

1.3.4 Các phương pháp khác

1.4 Tổ chức phân tích

1.4.1. Bộ máy, phương tiện, tài liệu

1.4.2. Quy trình phân tích

1.4.3. Các loại phân tích

1.5 Tài liệu phân tích

1.5.1 Thông tin liên quan đến doanh nghiệp

1.5.2 Lựa chọn tài liệu

1.5.3 Kiểm tra, đối chiếu tài liệu

CHƯƠNG 2 – PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

2.1. Phân tích khái quát quy mô

2.1.1 Mục đích phân tích

2.1.2 Các chỉ tiêu phân tích

2.1.3 Phương pháp phân tích

2.2. Phân tích khái quát cấu trúc tài chính

2.2.1 Mục đích phân tích

2.2.2 Các chỉ tiêu phân tích

2.2.3 Phương pháp phân tích

2.3. Phân tích khái quát Khả năng sinh lời

2.3.1 Mục đích phân tích

2.3.2 Các chỉ tiêu phân tích

2.3.3 Phương pháp phân tích

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 97, tài liệu [1]*

CHƯƠNG 3 – PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

3.1. Phân tích chính sách huy động vốn của doanh nghiệp

3.1.1. Phân tích tình hình nguồn vốn của Doanh nghiệp

3.1.2. Phân tích hoạt động tài trợ của Doanh nghiệp

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 92, tài liệu [1]*

3.2. Phân tích chính sách đầu tư của doanh nghiệp

3.2.1. Tổng quan về phân tích chính sách đầu tư của DN

3.2.2. Phân tích khái quát tình hình đầu tư của DN

3.2.3. Phân tích tình hình phân bổ, sử dụng vốn của DN

3.3. Phân tích chính sách tín dụng của doanh nghiệp

3.3.1 Mục đích phân tích

3.3.2 Các chỉ tiêu phân tích

3.3.3 Phương pháp phân tích

3.4. Phân tích chính sách phân phối kết quả kinh doanh

3.4.1 Mục đích phân tích

3.4.2 Các chỉ tiêu phân tích

3.4.3 Phương pháp phân tích

CHƯƠNG 4 - PHÂN TÍCH TIỀM LỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

4.1. Phân tích tình hình và kết quả kinh doanh

4.1.1 Mục đích phân tích

4.1.2 Các chỉ tiêu phân tích

4.1.3 Phương pháp phân tích

4.2. Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ

4.2.1. Phân tích khả năng tạo tiền

4.2.2. Phân tích tình hình lưu chuyển tiền

4.3. Phân tích khả năng thanh toán

4.3.1 Mục đích phân tích

4.3.2 Các chỉ tiêu phân tích

4.3.3 Phương pháp phân tích

4.4. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn

4.4.1. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn kinh doanh

4.4.2. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn lưu động

- 4.4.3. Phân tích tốc độ luân chuyển hàng tồn kho
- 4.4.4. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn thanh toán
- 4.4.5. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn bằng tiền

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 99, tài liệu [1]*

4.5. Phân tích khả năng sinh lời

- 4.5.1 Mục đích phân tích
- 4.5.2 Các chỉ tiêu phân tích
- 4.5.3 Phương pháp phân tích

CHƯƠNG 5 – PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG VÀ DỰ BÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

5.1. Phân tích tình hình tăng trưởng

- 5.1.1 Mục đích phân tích
- 5.1.2 Các chỉ tiêu phân tích
- 5.1.3 Phương pháp phân tích

5.2. Phân tích đòn bẩy tài chính

- 5.2.1 Mục đích phân tích
- 5.2.2 Các chỉ tiêu phân tích
- 5.2.3 Phương pháp phân tích

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: *tại trang 187, tài liệu [1]*

5.3. Dự báo tài chính

- 5.3.1 Mục đích dự báo
- 5.3.2 Các chỉ tiêu dự báo
- 5.3.3 Phương pháp dự báo

8. GIÁO TRÌNH:

1. Phân tích báo cáo tài chính, PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang (2013), Nhà xuất bản Tài chính.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Phân tích báo cáo tài chính, PGS, TS Nguyễn Năng Phúc (2011), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.

3. Phân tích Báo cáo tài chính (hướng dẫn thực hành), Martin Fridson & Fernando Alvarez, Wiley – Sách dịch (2013) - Nhà xuất bản Kinh tế TP Hồ Chí Minh.
4. Báo cáo tài chính – Phân tích, dự báo và định giá, TS. Phạm Thị Thủy & Ths. Nguyễn Thị Lan Anh (2013), NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.
5. Phân tích tài chính doanh nghiệp, Ths. Nguyễn Kim Phụng (chủ biên) (2013), NXB Lao động.
6. Phân tích báo cáo tài chính, GS, TS. Nguyễn Văn Công (chủ biên) (2017), NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

10.1 Phương pháp dạy – học:

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương thức kiểm tra/ đánh giá:

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN

(đã ký)

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

TS. Phạm Mỹ Hằng Phương

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo**

Tiếng Anh: **Entrepreneuership**

Mã học phần: **QTKS07**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Quản trị doanh nghiệp

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên đã được học các môn như: Pháp luật đại cương, Kinh tế vi mô 1, Quản trị học

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu vận hành một công việc kinh doanh mới, có thể theo hướng khởi nghiệp dựa vào từ việc khai thác thị trường có sẵn hoặc khởi nghiệp dựa vào những năng lực vượt trội về công nghệ, về mô hình kinh doanh mới và có thể tăng trưởng nhanh.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	<i>Về kiến thức:</i> Người học được trang bị kiến thức về các phương thức, mô hình kinh doanh trong khởi nghiệp; biết các phương pháp mô tả và đánh giá ý tưởng kinh doanh; có sự am hiểu nhất định về các thành tố của hệ sinh thái khởi nghiệp, các giai đoạn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các hình thức hỗ trợ khởi nghiệp của Chính phủ
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Người học được trang bị kỹ năng phân tích thị trường, đối thủ cạnh tranh và có khả năng thực hành thiết kế mô hình kinh doanh

	khởi nghiệp; cũng như được hướng dẫn phương thức lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý từ tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp đến tìm kiếm nguồn tài chính và thuyết phục nhà đầu tư
G3	<i>Về thái độ:</i> Người học phải trung thực, cạnh tranh lành mạnh, chủ động và sáng tạo trong khuôn khổ luật pháp và các quy định của chính quyền trung ương và địa phương để tìm kiếm lợi nhuận chính đáng

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Hiểu về các cách tiếp cận, phương pháp và phương thức khởi sự kinh doanh [2] Biết cách mô tả và đánh giá ý tưởng kinh doanh [3] Hiểu về các thành tố của hệ sinh thái khởi nghiệp, các giai đoạn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các hình thức hỗ trợ khởi nghiệp của Chính phủ
G2	[4] Có khả năng phân tích thị trường và đối thủ cạnh tranh và dựa vào đó để lập phương án thực thi ý tưởng kinh doanh [5] Áp dụng các phương pháp để tìm ra ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp, tìm kiếm nguồn tài chính và thuyết phục nhà đầu tư
G3	[6] Trung thực, cạnh tranh lành mạnh, chủ động và sáng tạo trong khuôn khổ luật pháp và các quy định của chính quyền trung ương và địa phương để tìm kiếm lợi nhuận chính đáng

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1	8	5	3	[1], [4], [6]

2	Chương 2	8	5	3	[2], [5], [6]
3	Chương 3	10	6	4	[3], [5], [6]
4	Chương 4	10	6	4	[4], [5], [6]
5	Chương 5	9	6	3	[3], [4], [5], [6]
	CỘNG	45	28	17	

CHƯƠNG 1: TƯ DUY TRONG KHỞI SỰ KINH DOANH

1.1. Một số cách tư duy trong kinh doanh và khởi sự kinh doanh

1.1.1. Tư duy phát triển sự nghiệp của Bud Caddle

1.1.2. Tư duy hướng hiệu quả của Saras Sarasvathy

1.2. Một số cách tiếp cận và phương pháp khởi sự kinh doanh

1.2.1. Khởi nghiệp tinh gọn

1.2.2. Tư duy thiết kế

1.3. Các phương thức khởi sự kinh doanh

1.3.1. Thành lập doanh nghiệp mới

1.3.2. Nhượng quyền thương hiệu

1.3.3. Mua lại một doanh nghiệp đang hoạt động

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự đọc tài liệu trên Google Classroom gửi trước mỗi buổi học gồm có: Tình huống thực tế, đặt câu hỏi thảo luận
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 22, tài liệu [1], trang 14 tài liệu [2].

CHƯƠNG 2: HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH

2.1. Xác định các điều kiện ban đầu

2.1.1. Tổ chức nghiệp chủ

2.1.2. Động cơ khởi nghiệp

2.2. Ý tưởng kinh doanh và đánh giá ý tưởng kinh doanh

2.2.1. Khái niệm ý tưởng kinh doanh

2.2.2. Phương pháp tìm kiếm sáng tạo ý tưởng kinh doanh

2.2.3. Đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh

2.3. Mô tả ý tưởng kinh doanh

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự đọc tài liệu trên Google Classroom gửi trước mỗi buổi học gồm có: Tình huống thực tế, đặt câu hỏi thảo luận
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 42, tài liệu [1], trang 24 tài liệu [2].

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH KINH DOANH VÀ THIẾT KẾ MÔ HÌNH KINH DOANH

- 3.1. Khái niệm mô hình kinh doanh
- 3.2. Giới thiệu khái quát một số mô hình kinh doanh kinh điển
 - 3.2.1. Mô hình kim tự tháp
 - 3.2.2. Mô hình đa phương
 - 3.2.3. Mô hình trải nghiệm
 - 3.2.4. Mô hình hệ sinh thái
 - 3.2.5. Mô hình thuê bao
 - 3.2.6. Mô hình sàn thương mại điện tử
 - 3.2.7. Mô hình đại siêu thị
 - 3.2.8. Mô hình miễn phí/miễn phí kết hợp cao cấp
- 3.3. Giới thiệu mô hình canvas và các thành tố
- 3.4. Thực hành thiết kế mô hình kinh doanh

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự đọc tài liệu trên Google Classroom gửi trước mỗi buổi học gồm có: Tình huống thực tế, đặt câu hỏi thảo luận
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 56, tài liệu [1], trang 36 tài liệu [2].

CHƯƠNG 4: SOẠN THẢO KẾ HOẠCH KINH DOANH

- 4.1. Khái quát về kế hoạch kinh doanh
 - 4.1.1. Khái niệm
 - 4.1.2. Các loại kế hoạch kinh doanh
 - 4.1.3. Kết cấu điển hình của một bản kế hoạch kinh doanh
- 4.2. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh
 - 4.1.1. Nghiên cứu các căn cứ
 - 4.1.2. Phương pháp lập kế hoạch kinh doanh
- 4.3. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh
 - 4.3.1. Phân tích ngành, khách hàng và đối thủ cạnh tranh
 - 4.3.2. Mô tả công ty và sản phẩm
 - 4.3.3. Kế hoạch marketing
 - 4.3.4. Kế hoạch sản xuất/tác nghiệp
 - 4.3.5. Kế hoạch phát triển doanh nghiệp
 - 4.3.6. Mô tả nhóm đồng sáng lập và điều hành doanh nghiệp
 - 4.3.7. Các rủi ro cơ bản và biện pháp đối phó
 - 4.3.8. Kế hoạch tài chính

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự đọc tài liệu trên Google Classroom gửi trước mỗi buổi học gồm có: Tình huống thực tế, đặt câu hỏi thảo luận
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 72, tài liệu [1], trang 43 tài liệu [2].

CHƯƠNG 5: CÁC HÌNH THỨC HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

5.1. Hệ sinh thái khởi nghiệp

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp

5.2. Các giai đoạn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

5.2.1. Ý tưởng khởi nghiệp

5.2.2. Kêu gọi người đồng sáng lập, gọi vốn đầu tư từ các mối quan hệ xã hội

5.2.3. Thành lập doanh nghiệp

5.2.4. Giai đoạn ươm mầm

5.2.5. Vòng đầu tư mạo hiểm

5.2.6. IPO của doanh nghiệp

5.3. Các hình thức hỗ trợ khởi nghiệp

5.3.1. Ươm tạo doanh nghiệp

5.3.2. Gọi vốn cộng đồng

5.3.3. Đầu tư mạo hiểm

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự đọc tài liệu trên Google Classroom gửi trước mỗi buổi học gồm có: Tình huống thực tế, đặt câu hỏi thảo luận
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 102, tài liệu [1], trang 76 tài liệu [2].

8. GIÁO TRÌNH

1. Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên), *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2016.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. VCCI - ILO (1998), *Khởi sự doanh nghiệp*, Hà Nội

3. Dungnung P., S., (Nguyễn Hoàng Bảo dịch) (2008), *Khởi sự và phát triển doanh nghiệp*, NXB. Tổng hợp TP. HCM.

4. Robert D., H., Michael P., P., Dean A., S., *Entrepreneurship*, seventh edition.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
-Thuyết trình (chính) -Thảo luận trực tiếp -Nghiên cứu tình huống -Mời chuyên gia về khởi nghiệp ở các tổ chức của Chính phủ và các doanh nhân khởi nghiệp thành công chia sẻ tình huống thực tế	-Nghe giảng tích cực -Thảo luận -Đọc tài liệu, xem video -Nghiên cứu tình huống -Đặt câu hỏi thảo luận	- Thảo luận qua Google Class room - Phương pháp trao đổi từng cặp -Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	-Tích cực trên lớp (5%) -Đi học đầy đủ (10%) -Tích cực trên Google Class room (5%)
2	Bài tập cá nhân	20%	-Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) -Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		
4	Thi kết thúc học phần	60%	-Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) -Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Vũ Thị Minh Luận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Thị trường Chứng khoán**

Tiếng Anh: **Stock market**

Mã học phần: **TCCK25**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: TÀI CHÍNH – ĐẦU TƯ

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tài chính doanh nghiệp, Kinh tế vĩ mô 1.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần gồm 10 chủ đề với các nội dung cơ bản về: Giới thiệu tổng quát về thị trường chứng khoán; phân loại chứng khoán; hoạt động của sở giao dịch chứng khoán; thị trường chứng khoán phi tập trung(OTC); các thành viên tham gia thị trường chứng khoán; các nghiệp vụ chủ yếu của thị trường chứng khoán; hệ thống thông tin chứng khoán; phân tích chứng khoán; quản lý và giám sát thị trường chứng khoán.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên được trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về thị trường chứng khoán, những tài sản trên thị trường chứng khoán chủ cổ phiếu, trái phiếu, các hình thức giao dịch trên thị trường cũng như các phương pháp định giá cơ bản.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; giải quyết và phân tích tình huống liên quan tới các lĩnh vực chứng khoán; sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình đọc, nghiên cứu các bản liên quan tới môn học.

G3	Sinh viên có được phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các nguyên tắc trong tổ chức Nhà nước và bảo đảm quyền con người, quyền công dân
-----------	---

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Trang bị kiến thức cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, các cơ chế giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, các mô hình tổ chức quản lý, giám sát và kinh doanh chứng khoán trong nền kinh tế thị trường. [2] Tổ chức, quản lý, giám sát hoạt động của thị trường chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ cơ bản về hoạt động kinh doanh chứng khoán của các công ty chứng khoán. [3] Các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá về hoạt động của thị trường chứng khoán; phân tích và đầu tư chứng khoán.
G2	[4] Kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; giải quyết và phân tích tình huống về chứng khoán. [5] Kỹ năng sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình đọc, nghiên cứu tài liệu.
G3	[6] Có phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các nguyên tắc trong tổ chức Nhà nước và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Số giờ thực hành</i>		
1	Chương 1	6	3	0	[1]; [2]; [5]	
2	Chương 2	3	2	1	[1]; [3]; [5]; [6]	
3	Chương 3	3	2	1	[1]; [3]; [4]; [5]; [6]	
4	Chương 4	3	3	0	[1]; [2]; [4]; [6]	

5	Chương 5	6	3	3	[1]; [2]; [5]; [6]	
6	Chương 6	6	3	3	[1]; [3]; [4]; [6]	
7	Chương 7	6	3	3	[1]; [2]; [5]; [6]	
8	Chương 8	3	3	0	[1]; [3]; [4]; [6]	
9	Chương 9	3	3	0	[1]; [2]; [4]; [6]	
10	Chương 10	3	3	0	[1]; [3]; [5]; [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1.1. Đại cương về thị trường tài chính

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Chức năng

1.1.3. Cấu trúc

1.1.4. Mối quan hệ giữa các thị trường bộ phận cấu thành thị trường tài chính

1.1.5. Các công cụ của thị trường tài chính

Hướng dẫn tự học: Sinh viên nghiên cứu các công cụ trên thị trường tiền tệ, bao gồm: Tín phiếu kho bạc, giấy chứng nhận tiền gửi, thương phiếu.. tại trang 11 của tài liệu tham khảo: Giáo trình thị trường chứng khoán, PGS.TS Đặng Trần Khâm, ĐHKQTĐ

1.2. Tổng quan về thị trường chứng khoán

1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển TTCK

1.2.2. Khái niệm và bản chất của TTCK

1.2.3. Vị trí và cấu trúc của TTCK

1.2.4. Các chủ thể của TTCK

1.2.5. Vai trò của TTCK

1.2.6. Các TTCK trên thế giới

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên nghiên cứu các trang tin về thị trường tài chính như *cafef.vn*, *vneconomy.vn* và *vnexpress.net*.

CHƯƠNG 2. CHỨNG KHOÁN VÀ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

2.1. Chứng khoán và phân loại chứng khoán

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của CK

2.1.2. Phân loại CK

Hướng dẫn tự học: Sinh viên nghiên cứu kỹ về lợi tức của cổ phiếu tại trang 32, tài liệu tham khảo. Giáo trình thị trường chứng khoán, PGS.TS Đặng Trần Khâm, ĐHKQTĐ

2.2. Phát hành Chứng khoán

2.2.1. Các chủ thể phát hành

2.2.2. Các phương thức phát hành

2.2.3. Phát hành CK lần đầu ra công chúng

2.2.4. Quản lý Nhà nước về phát hành CK

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
 - Sinh viên nghiên cứu case study về phát hành với chứng khoán của công ty cổ phần Bambooairways.

CHƯƠNG 3. SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

3.1. Khái niệm, chức năng của SGD CK

3.2. Tổ chức và hoạt động của SGD CK

3.3. Thành viên của SGD CK

Hướng dẫn tự học: Sinh viên nghiên cứu các tiêu chuẩn thành viên của SGD chứng khoán tại Việt Nam tại trang 82, tài liệu tham khảo: Giáo trình thị trường chứng khoán, PGS.TS Đặng Trần Khâm, ĐHKQTĐ

3.4. Niêm yết CK

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
 - Sinh viên nghiên cứu lịch sử hình thành và quá trình phát triển của hai sàn giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.

CHƯƠNG 4. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHI TẬP TRUNG

4.1. Những vấn đề chung về TTCK phi tập trung (OTC)

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Đặc điểm

4.1.3. Phân biệt TTCK OTC với các TTCK khác

4.1.4. Vị trí và vai trò của TTCK OTC

4.2. Một số thị trường Chứng khoán OTC trên thế giới

4.2.1. Thị trường OTC của Mỹ (NASDAQ)

4.2.2. Thị trường OTC Châu Á

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
 - Sinh viên nghiên cứu case study về mã chứng khoán của ngân hàng techcombank khi còn đang lưu hành trên OTC.

CHƯƠNG 5. CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

5.1. Mô hình các công ty CK

- 5.1.1. Mô hình CTCK đa năng
- 5.1.2. Mô hình CTCK chuyên doanh

5.2. Những vấn đề chung về công ty Chứng khoán

- 5.2.1 Khái niệm và phân loại
- 5.2.2 Các loại hình tổ chức của CTCK
- 5.2.3 Điều kiện và thủ tục thành lập CTCK
- 5.2.4 Nguyên tắc hoạt động của CTCK

Hướng dẫn tự học: Sinh viên nghiên cứu mục 3. Quản lý tài khoản của công ty chứng khoán tại trang 101, tài liệu tham khảo. Giáo trình thị trường chứng khoán, PGS.TS Đặng Trần Khâm, ĐHKQTĐ

- 5.2.5 Cơ cấu tổ chức của CTCK
- 5.2.6 Vai trò, chức năng của CTCK

5.3 Các nghiệp vụ của CTCK

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
 - Sinh viên nghiên cứu case study sự tăng trưởng phi mã về số lượng các công ty chứng khoán tại Việt Nam giai đoạn 2009 – 2013.

CHƯƠNG 6. CÁC GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

6.1. Hệ thống giao dịch Chứng khoán

- 6.1.1 Hệ thống giao dịch đấu giá theo lệnh và đấu giá theo giá
- 6.1.2 Khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục
- 6.1.3 Thời gian giao dịch
- 6.1.4 Loại giao dịch
- 6.1.5 Nguyên tắc khớp lệnh
- 6.1.6 Lệnh giao dịch và định chuẩn lệnh
- 6.1.7 Đơn vị giao dịch
- 6.1.8 Đơn vị yết giá
- 6.1.9 Biên độ giao động giá
- 6.1.10 Giá tham chiếu

6.2. Giao dịch mua bán chứng khoán trên sở giao dịch chứng khoán

6.2.1 Giao dịch mua bán thủ công tại sàn giao dịch

6.2.2 Giao dịch mua bán qua máy tính điện tử

Hướng dẫn tự học: Sinh viên nghiên cứu một số trường hợp giao dịch chứng khoán đặc biệt tại mục IV, chương V, Trang 104 tài liệu tham khảo. Giáo trình thị trường chứng khoán, PGS.TS Đặng Trần Khâm, ĐHKQTĐ

6.3. Giao dịch mua bán chứng khoán trên thị trường OTC

6.3.1 Giao dịch mua bán dưới hình thức môi giới

6.3.2 Giao dịch tự doanh

6.4. Các giao dịch đặc biệt

6.4.1 Giao dịch khối

6.4.2 Giao dịch lô lẻ

6.4.3 Giao dịch cổ phiếu mới đưa vào niêm yết

6.4.4. Tách, gộp cổ phiếu.

6.4.5 Giao dịch không được hưởng cổ tức và quyền kèm theo

6.4.6 Giao dịch cổ phiếu quỹ

6.4.7 Giao dịch bảo chứng

6.4.8 Giao dịch thầu tóm công ty

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;

- Sinh viên nghiên cứu case study các phương thức đặt lệnh trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

CHƯƠNG 7. LƯU KÝ, ĐĂNG KÝ VÀ THANH TOÁN BÙ TRỪ

7.1 Những vấn đề cơ bản về lưu ký, đăng ký và thanh toán bù trừ

7.1.1. Khái niệm

7.1.2. Vai trò, chức năng của hệ thống lưu ký, đăng ký và TTBT

7.2 Hoạt động lưu ký chứng khoán

7.2.1. Các nguyên tắc

7.2.2. Các hình thức

7.2.3. Hoạt động lưu ký chứng khoán

7.3 Hoạt động đăng ký chứng khoán

7.3.1 Nguyên tắc đăng ký chứng khoán

7.3.2 Hoạt động đăng ký chứng khoán

7.4. Hoạt động thanh toán bù trừ chứng khoán

7.4.1. Nguyên tắc

7.4.2. Quy trình

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
 - Sinh viên nghiên cứu thêm văn bản hướng dẫn hoạt động lưu ký của công ty lưu ký Việt Nam.

CHƯƠNG 8: HỆ THỐNG THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

8.1. Giới thiệu về hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán

8.2. Các nguồn thông tin trên thị trường chứng khoán

8.2.1. Thông tin từ tổ chức niêm yết

8.2.2 Thông tin từ SGDCK

8.2.3 Thông tin từ các tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng khoán

8.2.4 Thông tin về giao dịch chứng khoán

Hướng dẫn tự học: Sinh viên nghiên cứu mục II, chương XI, trang 343 Hiểu một số thông tin thị trường quan trọng nhất, áp dụng trong phân tích cổ phiếu. Tài liệu tham khảo: Giáo trình thị trường chứng khoán, PGS.TS Đặng Trần Khâm, ĐHKQTĐ

8.3. Chỉ số giao dịch chứng khoán.

8.3.1. Chỉ số giá cổ phiếu

8.3.2. Chỉ số giá chứng khoán quốc tế

8.3.3. Chỉ số giá trái phiếu

8.4. Hệ thống thông tin và chỉ số cổ phiếu trên TTCK Việt nam

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
 - Sinh viên nghiên cứu case study về việc các doanh nghiệp chứng khoán bị phạt do chậm công bố thông tin.

CHƯƠNG 9: PHÂN TÍCH CHỨNG KHOÁN

9.1. Giới thiệu chung về phân tích và đầu tư chứng khoán

9.1.1. Khái niệm

9.1.2. Phân loại đầu tư CK

9.1.3. Mức sinh lời và rủi ro trong đầu tư CK

9.1.4. Xác định mức sinh lời và rủi ro dự kiến trong đầu tư chứng khoán

Hướng dẫn tự học: Sinh viên nghiên cứu mục II, chương XI, trang 343 Hiểu một số thông tin thị trường quan trọng nhất, từ đó chỉ ra những yếu tố quan trọng nhất có tác động tới giá cổ phiếu. Tài liệu tham khảo: Giáo trình thị trường chứng khoán, PGS.TS Đặng Trần Khâm, ĐHKQTĐ

9.2. Mục tiêu và quy trình trong phân tích đầu tư chứng khoán

9.2.1. Mục tiêu phân tích chứng khoán

9.2.2. Quy trình phân tích chứng khoán

9.3. Nội dung phân tích chứng khoán

9.3.1. Phân tích vĩ mô và thị trường chứng khoán

9.3.2. Phân tích ngành

9.3.3. Phân tích công ty

9.4. Phân tích và quản lý danh mục đầu tư

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên nghiên cứu case study về công ty cổ phần gỗ trường thành TTF.

CHƯƠNG 10: QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

10.1. Sự cần thiết phải có sự quản lý và giám sát TTCK

10.2. Quản lý thị trường chứng khoán

10.2.1 Mục tiêu

10.2.2 Các cơ quan quản lý TTCK

10.2.3 Các hình thức quản lý TTCK

10.2.4 Nội dung quản lý TTCK

Hướng dẫn tự học: Sinh viên nghiên cứu việc Lập hồ sơ giám sát các tổ chức niêm yết tại chương XII, trang 352. Tài liệu tham khảo: Giáo trình thị trường chứng khoán, PGS.TS Đặng Trần Khâm, ĐHKQTĐ

10.3. Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán Việt nam

Hướng dẫn tự học toàn chương:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên nghiên cứu case study về vai trò của UBCK Nhà nước Việt Nam.

8. GIÁO TRÌNH:

1. Giáo trình: “Thị trường chứng khoán” – PGS. TS. Lê Hoàng Nga. NXB Tài Chính. 2011.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo tiếng việt

1. Giáo trình thị trường chứng khoán, PGS. TS. Đinh Văn Khâm, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009.
2. Trang thông tin của sở giao dịch chứng khoán Hà Nội HNX.VN, Thành phố Hồ Chí Minh HOSE.VN

Tài liệu tham khảo tiếng Anh

3. Trang thông tin điện tử: bloomberg.com

4. Trang thông tin theo dõi chỉ số chứng khoán Mỹ DownJones và Nasdaq

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

10.1 Phương pháp dạy – học:

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2 Phương thức kiểm tra/ đánh giá:

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

(đã ký)

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

TS. Phạm Mỹ Hằng Phương

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Thanh toán điện tử**

Tiếng Anh: **Electronic Payment**

Mã học phần: **KTKD03**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Thương mại điện tử.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi vào các loại hình thanh toán thông qua môi trường Internet bao gồm: Thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử. Ngoài ra, học phần này còn phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, các cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong thương mại điện tử.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

Ký hiệu	Mục tiêu học phần
G1	- Hiểu được sự khác biệt và tương đồng giữa thanh toán điện tử với thanh toán truyền thống, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác. - Biết được xu hướng vận động của thương mại điện tử và các loại hình thanh toán trong tương lai. - Cung cấp những kiến thức chuyên sâu từ đặc điểm, xây dựng và thực hiện quy trình đến các cách thức vận hành của những hệ thống thanh toán điện tử phổ biến nhất hiện nay trên thế giới cho sinh viên ngành Kinh tế số.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực thanh toán.

G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.
-----------	--

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]. Sinh viên biết được các yếu tố cấu thành và lợi ích của việc thanh toán điện tử so với các loại hình thanh toán truyền thống; [2]. Hiểu được quy trình và cách thức đảm bảo an toàn cho hệ thống thanh toán thẻ, thanh toán ví điện tử, séc điện tử, hệ thống vi thanh toán. [3]. Hiểu được các loại hình và quy trình chuyển khoản điện tử và hệ thống bù trừ tự động.
G2	[4]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. [5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.
G3	[6] Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Thực hành/ Thảo luận</i>		
1	Chương 1: Tổng quan về Thanh toán điện tử	5	4	1	[1], [5] [6]	
2	Chương 2: Các hệ thống thanh toán thẻ	8	5	3	[2], [5], [6]	
3	Chương 3: Hệ thống thanh toán ví điện tử	8	5	3	[2], [5], [6]	
4	Chương 4: Hệ thống thanh toán séc điện tử	8	6	2	[2], [5], [6]	
5	Chương 5: Hệ thống vi thanh toán điện tử	8	5	3	[2], [5], [6]	
	Chương 6: Hệ thống chuyển khoản điện tử và thanh toán hóa đơn điện tử	8	5	3	[3], [4], [5], [6]	

	Cộng	45	30	15		
--	-------------	-----------	-----------	-----------	--	--

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ THANH TOÁN ĐIỆN TỬ

1.1 Sự hình thành và phát triển của TTĐT

- 1.1.1. Sự hình thành của các hình thức thanh toán
- 1.1.2. Quá trình phát triển của TTĐT
- 1.1.3. Sự khác biệt của TTĐT với thanh toán truyền thống

1.2 Một số khái niệm và các yếu tố cấu thành TTĐT

- 1.2.1. Một số khái niệm
- 1.2.2. Các yếu tố cấu thành TTĐT

1.3. Những lợi ích và hạn chế của TTĐT

- 1.3.1. Những lợi ích
- 1.3.2. Các hạn chế

1.4. Phân loại các hình thức TTĐT

- 1.3.1. Phân chia theo thời gian thực
- 1.3.2. Phân chia theo bản chất giao dịch
- 1.3.3. Phân chia theo cách thức tiếp cận phương tiện thanh toán
- 1.3.4. Phân chia theo

CHƯƠNG 2 – CÁC HỆ THỐNG THANH TOÁN THẺ

2.1. Khái niệm thẻ thanh toán và các yêu cầu của hệ thống thẻ thanh toán

- 2.1.1. Khái niệm thẻ thanh toán
- 2.1.2. Các yêu cầu của hệ thống thẻ thanh toán
- 2.1.3. Sự khác biệt của thẻ thanh toán trong TMĐT với thanh toán truyền thống

2.2. Các loại thẻ được sử dụng trong thanh toán điện tử

- 2.2.1. Thẻ tín dụng (Credit card)
- 2.2.2. Thẻ ghi nợ (Debit card)
- 2.2.3. Thẻ thông minh (Smart card)

2.3. Quy trình của thanh toán sử dụng thẻ

- 2.3.1. Sơ đồ thanh toán
- 2.3.2. Các bước tiến hành thanh toán sử dụng thẻ

CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG THANH TOÁN VÍ ĐIỆN TỬ

3.1. Khái niệm và đặc trưng của ví điện tử

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Đặc trưng của ví điện tử

3.2. Phân loại ví điện tử

- 3.2.1. Tiền xu điện tử

3.2.2. Ví điện tử dưới dạng mã (e-cash coin)

3.2.3. Ví điện tử trên mạng (Netcash wallet)

3.3. Các yêu cầu an toàn của ví điện tử

3.3.1. Chứng chỉ an toàn của ví điện tử

3.3.2. Cách thức đảm bảo an ninh trong thanh toán ví điện tử

3.3.3. Quy trình thanh toán ví điện tử

CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG THANH TOÁN SÉC ĐIỆN TỬ

4.1. Khái niệm và đặc trưng của séc điện tử

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Đặc trưng của séc điện tử

4.2. Các hệ thống thanh toán séc điện tử

4.2.1. Hệ thống Authorize.net

4.2.2. Hệ thống FSTC

4.2.3. Hệ thống NACH

4.3. Quy trình thanh toán séc điện tử

4.3.1. Sơ đồ của thanh toán séc điện tử

4.3.2. Các bước tiến hành thanh toán séc điện tử

CHƯƠNG 5: HỆ THỐNG VI THANH TOÁN ĐIỆN TỬ

5.1 Khái niệm và các đặc điểm của vi thanh toán

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Các đặc điểm của vi thanh toán

5.2 Các loại hình vi thanh toán hiện nay

5.2.1. Millicent

5.2.2. Subscrip

5.2.3. Payword

5.2.4. Micromint

5.2.5. Vi thanh toán dựa trên xác suất

5.3. Giao thức vi thanh toán i-KP

5.4. Quy trình vi thanh toán điện tử

5.4.1. Sơ đồ của vi thanh toán điện tử

5.4.2. Các bước tiến hành vi thanh toán điện tử

CHƯƠNG 6: HỆ THỐNG CHUYỂN KHOẢN ĐIỆN TỬ VÀ THANH TOÁN HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

6.1 Khái niệm và các đặc điểm của vi chuyển khoản điện tử

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Các đặc điểm của chuyển khoản điện tử

6.2 Các loại hình và quy trình chuyển khoản điện tử

6.2.1. Chuyển khoản cùng hệ thống

6.2.2. Chuyển khoản khác hệ thống

6.3. Hệ thống thanh toán bù trừ tự động (ACH)

6.3.1. Chức năng của ACH

6.3.2. Cách thức vận hành hệ thống ACH

6.4. Khái niệm và đặc điểm của thanh toán hóa đơn điện tử

6.4.1. Khái niệm thanh toán hóa đơn điện tử

6.4.2. Đặc điểm của thanh toán hóa đơn điện tử

6.4.3. Các loại hình của thanh toán hóa đơn điện tử

6.4.4. Quy trình của thanh toán hóa đơn điện tử

8. GIÁO TRÌNH

Nguyễn Văn Thanh – Chủ biên (2011), *Giáo trình Thanh toán trong thương mại điện tử*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Hòe – Chủ biên (2015), *Giáo trình thương mại điện tử căn bản*, NXB Đại Học Kinh tế Quốc dân.

2. Nguyễn Văn Minh – Chủ biên (2011), *Giáo trình thương mại điện tử căn bản*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Hùng – Chủ biên (2013), *Thương mại điện tử*, Nhà xuất bản Kinh Tế TPHCM.

4. O'Mahony D. & Peirce M. & Tewari H. (2010), *Electronic Payment system for E-commerce*, Artech House Press, London.

5. Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, *Báo cáo chỉ số thương mại điện tử Việt Nam các năm 2017, 2018, 2019*.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%)

			- Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BM. TOÁN KINH TẾ

(Đã ký)

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Mạng máy tính và Truyền thông số**

Tiếng Anh: **Computer Networking and Digital Communication**

Mã học phần: **KTKD07**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tin học đại cương

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mạng máy tính và truyền thông số. Nội dung môn học bao hàm: tổng quan về mạng máy tính, các thiết bị mạng thông dụng và các loại môi trường truyền thông, các kiến thức về mạng LAN, quy trình thiết kế mạng LAN và việc quản trị mạng. Tiếp đó, trình bày các kiến thức về Internet; các phương thức chính để nhận tin từ Internet và truy xuất thông tin trên Internet; nguyên lý hoạt động trên Internet; hoạt động thương mại điện tử. Cuối cùng là các kiến thức về truyền thông, các phương pháp điều khiển truy cập, phương pháp kiểm tra lỗi, điều khiển luồng và kiến thức cơ bản về quản trị mạng máy tính.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	+ Có sự hiểu biết cơ bản về mạng máy tính và truyền thông số, các mô hình mạng, các thiết bị mạng và môi trường truyền thông. + Hiểu về mạng cục bộ LAN và ứng dụng trong truyền thông + Nắm được kiến thức về Internet, các dịch vụ và ứng dụng của Internet + Nắm được kiến thức về truyền thông, mạng viễn thông + Biết cài đặt và quản trị mạng máy tính trên Windows Server.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh và có khả năng vận dụng các kiến thức đã học, làm chủ các mô hình mạng trong thực tế.

G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.
-----------	--

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]. Sinh viên có hiểu biết cơ bản về mạng máy tính và truyền thông số, các mô hình mạng, các thiết bị mạng và môi trường truyền thông. [2]. Sinh viên nắm được các kiến thức về mạng cục bộ LAN, mạng Internet, mạng viễn thông và ứng dụng trong thực tế. [3]. Sinh viên có thể cài đặt, quản trị mạng máy tính trên Windows Server, làm chủ các mô hình mạng.
G2	[4]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. [5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.
G3	[6] Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Thực hành/ Thảo luận</i>		
1	Chương 1: Tổng quan về mạng máy tính	9	8	1	[1][5][6]	
2	Chương 2: Các thiết bị mạng thông dụng và các loại môi trường truyền thông	6	5	1	[1][5][6]	
3	Chương 3: Mạng cục bộ LAN và một số phương thức điều khiển truy cập	8	6	2	[2][5][6]	
4	Chương 4: Mạng Internet	8	6	2	[2][4] [5][6]	
5	Chương 5: Truyền thông	6	5	1	[2][4] [5][6]	
6	Chương 6: Quản trị mạng máy tính	8	5	3	[3][4] [5][6]	

	Cộng	45	35	10		
--	-------------	-----------	-----------	-----------	--	--

Chương 1. Tổng quan về Mạng máy tính

- 1.1. Giới thiệu về mạng máy tính
- 1.2. Khái niệm về mạng máy tính
- 1.3. Các dịch vụ mạng máy tính
- 1.4. Phân loại mạng máy tính
- 1.5. Các mạng máy tính điển hình
- 1.6. Một số giao thức tiêu chuẩn
 - 1.6.1. Khái niệm về giao thức
 - 1.6.1. Nhu cầu về chuẩn hóa mạng
 - 1.6.3. Mô hình tham chiếu OSI
 - 1.6.4. Giao thức TCP/IP và đánh địa chỉ IP
 - 1.6.5. Giao thức NETBEUI
 - 1.6.6. Giao thức IPX/SPX
 - 1.6.7. Giao thức chuyển mạch gói X25
 - 1.6.8. Giao thức Frame Relay
 - 1.6.9. Giao thức ATM
 - 1.6.10. Chuẩn IEEE802

Chương 2. Các thiết bị mạng thông dụng và các loại môi trường truyền thông

- 2.1. Các thiết bị mạng máy tính thông dụng
 - 2.1.1. Cạc mạng NIC
 - 2.1.2. Bộ phát lặp Repeater
 - 2.1.3. Hub
 - 2.1.4. Bộ cầu nối Bridge
 - 2.1.5. Switch
 - 2.1.6. Bộ định tuyến Router
- 2.2. Các loại môi trường truyền thông

- 2.2.1. Cáp đồng trục
- 2.2.2. Cáp xoắn cặp STP
- 2.2.3. Cáp UTP
- 2.2.4. Cáp Quang
- 2.2.5. Truyền vô tuyến

Chương 3. Mạng cục bộ LAN và một số phương thức điều khiển truy cập

- 3.1. Tổng quan về mạng cục bộ
 - 3.1.1. Tậpô vật lý
 - 3.1.2. Tậpô logic
- 3.2. Các phương pháp điều khiển truy cập
 - 3.2.1. Phương pháp tranh chấp
 - 3.2.2. Phương pháp chuyển thẻ bài
 - 3.2.3. Phương pháp truy nhập ưu tiên theo yêu cầu
- 3.3. Mạng Ethernet
 - 3.3.1. Tổng quan về Ethernet
 - 3.3.2. Các kiểu khung của Ethernet
 - 3.3.3. Các quy tắc đặt tên của mạng Ethernet
 - 3.3.4. Một số chuẩn của mạng Ethernet
- 3.4. Ứng dụng mạng LAN trong truyền thông
 - 3.4.1. Mạng LAN cho gia đình
 - 3.4.2. Mạng LAN cho doanh nghiệp
 - 3.4.3. Chia sẻ tài nguyên trong mạng LAN
 - 3.4.4. Trao đổi thông tin trực tuyến

Chương 4. Mạng Internet

- 4.1. Mạng Internet và quá trình phát triển của Internet
- 4.2. Cấu trúc của Internet
 - 4.2.1. Nhà cung cấp dịch vụ truy cập IAP
 - 4.2.2. Nhà cung cấp dịch vụ thông tin Internet ISP
 - 4.2.3. Nhà cung cấp nội dung thông tin ICP

- 4.2.4. Người sử dụng Internet và phương thức truy cập
- 4.2.5. Các tổ chức quản lý sự vận hành của Internet
- 4.3. Công nghệ Internet
 - 4.3.1. Công nghệ triển khai áp dụng của IAP
 - 4.3.2. Công nghệ triển khai áp dụng của ICP
 - 4.3.3. Tổ chức hệ thống thư điện tử và các chuẩn giao thức liên quan
 - 4.3.4. Công nghệ triển khai áp dụng của ISP
 - 4.3.5. Các ví dụ minh họa thiết kế một số mạng
- 4.4. Hệ thống các máy chủ
 - 4.4.1. Hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ Internet
 - 4.4.2. Hệ thống máy chủ quản lý người dùng trong mạng
 - 4.4.3. Hệ thống máy chủ hỗ trợ chất lượng dịch vụ
 - 4.4.4. Hệ thống máy chủ đảm bảo an ninh và an toàn dữ liệu
 - 4.4.5. Hệ thống máy chủ giám sát và quản lý truy cập
 - 4.4.6. Hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ từ xa
 - 4.4.7. Hệ thống máy chủ cung cấp các ứng dụng cơ sở dữ liệu
 - 4.4.8. Hệ thống máy chủ phục vụ in ấn
 - 4.4.9. Lựa chọn máy tính làm máy chủ
- 4.5. Các dịch vụ chính của Internet
 - 4.5.1. Thư điện tử
 - 4.5.2. Diễn đàn thông tin
 - 4.5.3. Dịch vụ truyền tệp FTP
 - 4.5.4. Dịch vụ truy nhập máy chủ
 - 4.5.5. World Wide Web (WWW)
- 4.6. Ứng dụng Internet trong truyền thông thương mại điện tử

Chương 5. Truyền thông số

- 5.1. Truyền thông số
 - 5.1.1. Những khái niệm cơ bản trong truyền thông số
 - 5.1.2. Tín hiệu trên đường truyền

- 5.1.3. Ghép kênh và phân kênh
- 5.2. Nguyên tắc kiểm tra lỗi và điều khiển luồng
 - 5.2.1. Nguyên tắc kiểm tra lỗi
 - 5.2.2. Nguyên tắc điều khiển luồng
- 5.3. Giới thiệu về mạng viễn thông thế hệ mới
 - 5.3.1. Mạng viễn thông hiện tại ở Việt nam
 - 5.3.2. Mạng viễn thông thế hệ mới NGN
 - 5.3.3. Các dịch vụ trong mạng NGN
 - 5.3.4. Chiến lược phát triển mạng NGN trong ngành bưu chính viễn thông

Chương 6. Quản trị mạng máy tính

- 6.1. Mô hình quản trị mạng máy tính
 - 6.1.1. Giới thiệu chung
 - 6.1.2. Mô hình quản trị mạng
- 6.2. Quản trị mạng bằng Windows
 - 6.2.1. Cài đặt Windows Server
 - 6.2.2. Tạo và quản lý tài khoản người dùng
 - 6.2.3. Cài đặt và quản trị DHCP và WINS
 - 6.2.4. Dịch vụ truy nhập từ xa

8. GIÁO TRÌNH

1. Nguyễn Ngọc Cương, Phạm Ngọc Lăng (2014), *Giáo trình Mạng và Truyền dữ liệu*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng gốc *Mạng máy tính và Truyền thông*, Học viện Tài chính.
2. Bài giảng gốc *Mạng máy tính và Truyền thông*, Đại học Thương mại.
3. Andrew S.Tanenbeau (2011), *Computer Networks*, Fifth Edition, Prentice Hall Inc.
4. <https://quantrimang.com/>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính**

Tiếng Anh: **Time series analysis in finance**

Mã học phần: **PTDL06**

Số tín chỉ: **02**

2. KHOA/BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Bộ môn Toán Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này bao gồm ba nội dung cơ bản: Nội dung thứ nhất trình bày mô hình, định dạng mô hình, phương pháp ước lượng, dự báo chuỗi thời gian không dừng với các mô hình AR, MA, ARIMA. Với các mô hình này có thể phân tích, dự báo một chuỗi thời gian. Nội dung thứ hai trình bày mô hình tự hồi quy theo véc tơ (VAR), mô hình hiệu chỉnh sai số (ECM). Với các mô hình này có thể phân tích, dự báo các chỉ tiêu kinh tế trong ngắn hạn và các quan hệ cân bằng trong dài hạn. Nội dung cuối cùng trình bày lớp mô hình phương sai có điều kiện của sai số thay đổi (GARCH) trong phân tích lợi suất của tài sản tài chính. Lớp mô hình này là một công cụ sắc bén trong định giá tài sản tài chính.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Cung cấp các kiến thức lý thuyết nâng cao về phân tích chuỗi thời gian và các kỹ thuật cần thiết để phân tích thực nghiệm các chuỗi thời gian trong tài chính.

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN:

a) Về kiến thức:

[1]. Sinh viên hiểu được các lý thuyết cơ bản, cách mô hình hóa, định dạng, ước lượng chuỗi thời gian trong tài chính;

[2]. Sinh viên sử dụng được các phần mềm EVIEWS, R để tính toán, phân tích và dự báo chuỗi thời gian.

b) Về kỹ năng:

[3]. Sinh viên có được kỹ năng mô hình hóa, ước lượng, kiểm định một số lớp mô hình cụ thể (AR, MA, ARIMA, VAR, ECM, GARCH);

[4]. Sinh viên có được kỹ năng vận dụng các kỹ thuật dự báo cho chuỗi thời gian ứng dụng trong tài chính.

Về thái độ:

[5]. Sinh viên cần cầu thị, nghiêm túc và trung thực trong học tập và kiểm tra.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận		
1	Chương 1	15	10	5	[1], [5]	
2	Chương 2	15	10	5	[2], [3], [4], [5]	
3	Chương 3	15	10	5	[2], [3], [4], [5]	
	Cộng	45	30	15		

Chương 1: CHUỖI THỜI GIAN KHÔNG DỪNG VÀ MÔ HÌNH ARIMA

Chương này sẽ đề cập đến những khái niệm cơ bản nhất về phân tích động thái của chuỗi thời gian: các khái niệm về chuỗi dừng, các kiểm định về chuỗi dừng và cách xây dựng mô hình ARIMA. Việc phát triển, ứng dụng chuỗi dừng, chuỗi không dừng trong nghiên cứu, phân tích kinh tế là một trong các phát triển đột phá của kinh tế học hiện đại vào những năm 30 năm cuối thế kỷ 20. Nhiều nghiên cứu của Robert F Engle và Clive W J Granger và nhiều tác giả khác như D.A. Dickey, W.A. Fuller, G.E.P Box, G.M. Jenkins, Soren Johansen, ... đều khởi nguồn khi nghiên cứu các chuỗi không dừng trong kinh tế. Chương này cũng đặt cơ sở lý thuyết cho chương 3 và chương 4.

1.1. Kỳ vọng, tính dừng và Ergodicity

1.1.1 Kỳ vọng, hiệp phương sai, hệ số tự tương quan

1.1.2 Quá trình ergodic

1.2. Nhiễu trắng

1.3. Bước ngẫu nhiên

1.4. Quá trình trung bình trượt

1.4.2. Quá trình trung bình trượt bậc q – MA(q)

- 1.4.3. Quá trình trung bình trượt vô hạn – $MA(\infty)$
- 1.5. Quá trình tự hồi quy(AR)
 - 1.5.1. Quá trình AR(1) không có hệ số chặn
 - 1.5.2. Quá trình AR(1) có hệ số chặn
 - 1.5.3. Quá trình AR(2) không có hệ số chặn
 - 1.5.4. Quá trình AR(2) có hệ số chặn
 - 1.5.5. Quá trình AR(1) có hệ số chặn
 - 1.5.6. Quá trình trung bình trượt tự hồi quy (ARMA)
- 1.6. Dự báo
 - 1.6.1. Dự báo quá trình AR(p)
 - 1.6.2. Dự báo quá trình MA(q)
 - 1.6.3. Dự báo quá trình ARMA(1,1)
 - 1.6.4. Dự báo quá trình ARMA(p,q)
 - 1.6.5. Dự báo quá trình ARIMA(p,d,q)
- 1.7. Kiểm định nghiệm đơn vị
 - 1.7.1. Kiểm định Dickey-Fuller
 - 1.7.2. Kiểm định Phillips và Perron (PP)
 - 1.7.3. Kiểm định nghiệm đơn vị và sự thay đổi cấu trúc
- 1.8. Hàm tự tương quan
 - 1.8.1. Hàm hiệp phương sai và tự tương quan
 - 1.8.2. Hàm tương quan riêng
 - 1.8.3. Ước lượng ACF và PACF
 - 1.8.3.1. Ước lượng ACF
 - 1.8.3.2. Ước lượng PACF
- 1.9. Các phương pháp định dạng, ước lượng mô hình ARIMA và dự báo
 - 1.9.1 Phương pháp Box-Jenkins
 - 1.9.2. Tiêu chuẩn Akaike, Schwarz
 - 1.9.3. Kiểm định nhân tử Lagrange(LM).
 - 1.9.4. Ước lượng mô hình
 - 1.9.5. Kiểm định tính thích hợp của mô hình
 - 1.9.6. Dự báo và sai số dự báo
- 1.10. Mô hình ARIMA có yếu tố thời vụ

Chương 2: MÔ HÌNH VAR VÀ ĐỒNG TÍCH HỢP

Chương này trình bày hai nội dung cơ bản: mô hình tự hồi quy theo véc tơ (VAR) và đồng tích hợp. Mô hình VAR là một mô hình kinh tế lượng dùng để xem xét động thái

và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa một số biến theo thời gian. Trong mô hình VAR, mỗi một biến số được giải thích bằng một phương trình chứa các giá trị trễ của chính biến số và các giá trị trễ của các biến số khác. Khi xem xét quan hệ của một biến số kinh tế theo thời gian, các nhà kinh tế muốn tìm các quan hệ cân bằng trong dài hạn. Vấn đề này có ý nghĩa ở chỗ nếu biết được số quan hệ đó, người ta sẽ duy trì các quan hệ này ở trạng thái cân bằng. Khi đó quan hệ của các biến số khác sẽ được thỏa mãn. Đó là nội dung của đồng tích hợp. Kiểm định Jonhansen, mô hình hiệu chỉnh hiệu chỉnh sai số (ECM) là các công cụ để nghiên cứu đồng tích hợp.

2.1. Mô hình VAR

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Lời giải của mô hình VAR(p)

2.1.3. Mô hình VAR(p) và VAR(1)

2.1.4. Giải quá trình VAR(1) ổn định

2.1.5. Giải quá trình ổn định và không ổn định với giá trị ban đầu

2.1.6. Mô hình VAR trễ phân phối dừng tự hồi quy

2.1.7. Mô hình VAR trung bình trượt tự hồi quy theo véc tơ

2.1.8. Xu thế ngẫu nhiên và tất định

2.1.9. Dự báo

2.2. Ước lượng mô hình VAR

2.2.1. Ước lượng mô hình VAR ổn định

2.2.1.1 Phương pháp bình phương nhỏ nhất

2.2.1.2. Phân bố tiệm cận của các ước lượng OLS

2.2.1.3. Phương pháp ước lượng hợp lý cực đại (ML)

2.2.2. Ước lượng độ dài của trễ

2.2.3. Dự báo

2.2.4. Hàm phản ứng

2.3. Đồng tích hợp

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Mô hình hiệu chỉnh sai số

2.3.3. Ước lượng mô hình VAR đồng tích hợp bằng phương pháp LS không điều kiện ràng buộc

2.3.4. Ước lượng hợp lý tối đa các ma trận A_i

2.4. Kiểm định số quan hệ đồng tích hợp

2.4.1. Kiểm định Trace

2.4.2. Kiểm định bằng tỷ số hàm hợp lý

Chương 3: CÁC MÔ HÌNH PHƯƠNG SAI CÓ ĐIỀU KIỆN THAY ĐỔI

Phần này sẽ giới thiệu một số mô hình về độ rủi ro (volatility) của lợi suất một loại tài sản. Các mô hình này thuộc vào lớp các mô hình có phương sai của sai số thay đổi.

3.1. Mô hình phương sai có điều kiện của sai số thay đổi tự hồi quy (ARCH)

3.1.1. Mô hình

3.1.2. Tính chất của mô hình ARCH

3.1.3. Những nhược điểm của mô hình ARCH

3.1.4. Ước lượng mô hình ARCH

3.2. Mô hình GARCH

3.2.1. Mô hình

3.2.2. Dự báo phương sai

3.2.3. Mô hình GARCH tích hợp

3.2.4. Mô hình GARCH-M

3.2.5. Mô hình TGARCH

3.2.6. Mô hình GARCH dạng mũ

3.2.7. Mô hình GARCH hợp phần

3.2.8. Mô hình CHARMA

3.2.9. Mô hình tự hồi quy với các hệ số là ngẫu nhiên

3.2.10. Mô hình độ biến động ngẫu nhiên

8. GIÁO TRÌNH:

- 1) Nguyễn Quang Dong, Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính, NXB. Khoa học và Kỹ thuật, 2010.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 2) Johansen Soren, Cointegration and Hypothesis Testing of Cointegration Vectors in Gaussian Vector Autoregressive Models, *Econometrica*, Vol,59, No,6 , p. 1551–1580, 1991.
- 3) John Y. Campbell, Andrew W. Lo, A. Craig MacKinlay, *The Econometrics of Finance Markets*, Published by Princeton University Press, 1997.
- 4) Ruey S. Tsay, *Analysis of Finance Time Series*, Second Edition University of Chicago, Graduate School of Business, 2005.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính)	- Nghe giảng	- Phương pháp động tư duy

- Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm
---	---	---

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Thiết kế web thương mại điện tử**

Tiếng Anh: **E-commerce web design**

Mã học phần: **KTKD04**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tin học đại cương, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về web tĩnh, web động, ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML, ngôn ngữ kịch bản DHTML, ngôn ngữ lập trình web động PHP. Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức về Phân tích thiết kế hệ thống, An toàn bảo mật thông tin, Mạng máy tính để có thể xây dựng một ứng dụng website trên mạng. Môn học cũng tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao thêm về kỹ thuật lập trình web giúp sinh viên có khả năng đi sâu thêm vào các môn học chuyên ngành như Thương mại điện tử.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	- Củng cố các kiến thức cơ bản về lập trình Web. - Bổ sung những kiến thức lập trình Web và những kiến thức hữu ích khác trong việc xây dựng một ứng dụng Web. - Phối hợp các kiến thức đã học để tạo một ứng dụng Web động hoàn chỉnh.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ và lập trình vào việc tạo trang Web tĩnh/động.
G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

6. CHUẨN ĐẦU RA

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
G1	[1]. Sinh viên biết được các kiến thức căn bản về website tĩnh, website động; [2]. Hiểu được cơ bản về ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML, DHTML. [3]. Hiểu được căn bản về hệ quản trị CSDL SQL Server, MySQL.
G2	[4]. Tìm hiểu về ngôn ngữ lập trình web động PHP và phương pháp kết nối CSDL với web. Áp dụng xây dựng một ứng dụng cụ thể về các website trên mạng. [5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.
G3	[6] Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận		
1	Chương 1: Giới thiệu về Web và HTML	12	8	4	[1], [5] [6]	
2	Chương 2: Ngôn ngữ kịch bản Javascript	12	7	5	[2], [5], [6]	
3	Chương 3: Web động với PHP	21	15	6	[3], [4], [5], [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG I – GIỚI THIỆU VỀ WEB VÀ HTML

1.1 Web tĩnh

- 1.1.1. Khái niệm về web
- 1.1.2. Giới thiệu web tĩnh

1.2 Các thẻ cơ bản HTML

- 1.2.1. Các thẻ định dạng văn bản
- 1.2.2. Thẻ tạo bảng
- 1.2.3. Tạo liên kết và anchor

1.2.4. Thêm hiệu ứng âm thanh và hình ảnh

1.2.5. Tạo form trong HTML

CHƯƠNG II – NGÔN NGỮ KỊCH BẢN JAVASCRIPT

2.1. Khái niệm về Script và kịch bản JavaScript

2.1.1. Khái niệm và vấn đề cơ bản của JavaScript

2.1.2. Giới hạn của JavaScript và bảo mật

2.2. Làm việc với các Javascript độc lập

2.2.1. Khởi động một Javascript

2.2.2. Khai báo và sử dụng trong

2.2.3. Cấu trúc điều khiển của Javascript

2.2.4. Xây dựng hàm trong Javascript

2.2.5. Javascript với Form trong HTML

CHƯƠNG III – WEB ĐỘNG VỚI PHP

3.1. Định nghĩa và đặc điểm của Web động

3.2. Tổ chức Web động trên Web Server

3.3. Khái niệm PHP. Môi trường sử dụng, cài đặt và cách thức hoạt động PHP

3.4. Một số thao tác cơ bản trên PHP

3.4.1. Câu lệnh và các khai báo: hằng, biến, mảng

3.4.2. Cấu trúc điều khiển

3.4.3. Tương tác với server bằng form HTML

3.4.4. Hàm và thủ tục của PHP

3.5. Kết nối cơ sở dữ liệu

3.6. Truy vấn dữ liệu

3.7. Quản lý phiên làm việc

3.8. Quản lý người dùng cho website

8. GIÁO TRÌNH

Phạm Hữu Khang, Phương Lan (2010), *Lập trình web với PHP 5.3 và cơ sở dữ liệu My SQL 5.1*, NXB Phương Đông.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hữu Khang, *Xây dựng ứng dụng web bằng PHP và MySQL (2003)*, NXB Mũi Cà Mau.

2. Đỗ Thanh Nghị, Trần Công Ân, Hà Duy An, Lâm Chí Nguyên, *Giáo trình lập trình Web*, NXB Đại học Cần Thơ.

3. Jeffrey C. Jackson (2007), *Web Technologies – A computer science perspective*, NXB Pearson Prentice Hall.

4. Website: <https://www.w3schools.com>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Các mô hình kinh doanh số**

Tiếng Anh: **Digital Business Models**

Mã học phần: **KTKD06**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Thương mại điện tử

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức ban đầu về các mô hình kinh doanh số trong thời kỳ 4.0, cụ thể là các mô hình kinh doanh số B2C, B2B, C2C,... Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học kiến thức mở rộng về các mô hình kinh doanh số.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	- Cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh doanh số cho sinh viên ngành Kinh tế số. - Hiểu được sự khác biệt và tương đồng giữa các mô hình kinh doanh truyền thống và các mô hình kinh doanh số. - Biết được xu hướng vận động của các mô hình kinh doanh số.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực kinh doanh số.
G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

5. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
------------------------	----------------------------

G1	[1]. Sinh viên nắm được các kiến thức về kinh doanh số và lợi ích của các mô hình kinh doanh số so với các mô hình kinh doanh truyền thống; [2]. Hiểu được quy trình và cách thức thực hiện các mô hình kinh doanh số. [3]. Hiểu được và áp dụng các mô hình kinh doanh số vào thực tiễn.
G2	[4]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. [5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.
G3	[6] Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Thực hành/ Thảo luận</i>		
1	Chương 1: Các mô hình kinh doanh trong thời kỳ 4.0	9	6	3	[1], [5] [6]	
2	Chương 2: Tổng quan về Các mô hình kinh doanh số	9	6	3	[2], [5], [6]	
3	Chương 3: Mô hình B2C	9	6	3	[2], [5], [6]	
4	Chương 4: Mô hình B2B	9	6	3	[2], [5], [6]	
5	Chương 5: Mở rộng các mô hình kinh doanh số	9	6	3	[2], [5], [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 – CÁC MÔ HÌNH KINH DOANH TRONG THỜI KỲ 4.0

1.1 Mở rộng khái niệm mô hình kinh doanh

- 1.1.1. Phát triển khái niệm mô hình kinh doanh
- 1.1.2. Bản chất của các hoạt động đổi mới trong mô hình kinh doanh
- 1.1.3. Phân loại các hoạt động đổi mới trong mô hình kinh doanh

1.2 Khung mô hình kinh doanh số

- 1.2.1. Mô hình kinh doanh Canvas
- 1.2.2. Điều hướng mô hình kinh doanh: Tam giác ma thuật
- 1.2.3. Mô hình thiết kế giá trị
- 1.2.4. Mô hình DNA

- 1.2.5. Loại BM cho Mô hình IoT
- 1.2.6. Khung mô hình kinh doanh IoT

CHƯƠNG 2 – TỔNG QUAN VỀ CÁC MÔ HÌNH KINH DOANH SỐ

- 2.1. Sự phát triển của kinh doanh số**
- 2.2. Lực lượng phát triển kỹ thuật số**
- 2.3. Các mô hình kinh doanh trong thị trường số**

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH B2C

- 3.1. Mô hình kinh doanh nội dung**
 - 3.1.1. Mô tả mô hình
 - 3.1.2. Các loại mô hình kinh doanh nội dung
 - 3.1.3. Chuỗi giá trị, tài sản cốt lõi và năng lực
 - 3.1.4. Nghiên cứu điển hình: Wikipedia
- 3.2. Mô hình kinh doanh thương mại**
 - 3.2.1. Mô tả mô hình
 - 3.2.2. Các loại mô hình kinh doanh thương mại
 - 3.2.3. Chuỗi giá trị, tài sản cốt lõi và năng lực
 - 3.2.4. Nghiên cứu điển hình: eBay
- 3.3. Mô hình kinh doanh bối cảnh**
 - 3.3.1. Mô tả mô hình
 - 3.3.2. Các loại mô hình kinh doanh bối cảnh
 - 3.3.3. Chuỗi giá trị, tài sản cốt lõi và năng lực
 - 3.3.4. Nghiên cứu điển hình: BING
- 3.4. Mô hình kinh doanh kết nối**
 - 3.4.1. Mô tả mô hình
 - 3.4.2. Các loại mô hình kinh doanh kết nối
 - 3.4.3. Chuỗi giá trị, tài sản cốt lõi và năng lực
 - 3.4.4. Nghiên cứu điển hình: LinkedIn

CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH B2B

- 4.1. Mô hình kinh doanh tìm nguồn cung ứng**
- 4.2. Mô hình kinh doanh bán lẻ**
- 4.3. Mô hình kinh doanh hợp tác hỗ trợ**
- 4.4. Mô hình kinh doanh của nhà môi giới dịch vụ**

CHƯƠNG 5: ĐỔI MỚI CÁC MÔ HÌNH KINH DOANH SỐ

- 5.1 Giới thiệu về đổi mới mô hình kinh doanh số**

5.2 Phân định sự đổi mới mô hình kinh doanh số

5.3. Các loại và quy trình đổi mới mô hình kinh doanh số

5.4. Cách tiếp cận tích hợp để quản lý mô hình kinh doanh số

8. GIÁO TRÌNH

Bernd W. Wirtz (2019), *Digital Business Models Concepts, Models, and the Alphabet Case Study*, Springer.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Iwona Otolá and Marlena Grabowska (2020), *Business Models Innovation, Digital Transformation, and Analytics*, CRC Press.
2. Annabeth Aagaard (2019), *Digital Business Models Driving Transformation and Innovation*, Palgrave Macmillan.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Chuyển đổi số**

Tiếng Anh: **Digital transformation**

Mã học phần: **KTKD05**

Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tin học đại cương, Thương mại điện tử.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về sự cần thiết và quá trình chuyển đổi số, đặc biệt là chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Thông qua 5 chương với thời lượng giảng dạy là 45 tiết học, học phần này sẽ giúp người học hiểu được cách xây dựng năng lực chuyển đổi số cho doanh nghiệp thông qua việc xây dựng trải nghiệm khách hàng trong kỷ nguyên số; khai phá tiềm năng nhờ đổi mới khâu vận hành và tái tổ chức mô hình kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần này cũng giúp học viên biết cách xây dựng năng lực lãnh đạo trong quá trình chuyển đổi số thông qua việc xây dựng tầm nhìn, dẫn dắt công cuộc số hóa, kết nối khối công nghệ với khối kinh doanh và quản trị các hoạt động chuyển đổi số. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp cho người học biết cách xây dựng chiến lược đầu tư, huy động nguồn lực và duy trì động lực trong hành trình chuyển đổi số của doanh nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	- Học viên hiểu được khái niệm về chuyển đổi số, lợi ích và xu hướng chuyển đổi số trong các tổ chức, đặc biệt là trong các doanh nghiệp. - Học viên biết được cách xây dựng năng lực chuyển đổi số cho doanh nghiệp thông qua việc xây dựng trải nghiệm khách hàng trong kỷ nguyên số; khai phá tiềm năng nhờ đổi mới khâu vận hành và tái tổ chức mô hình kinh doanh.

	- Học viên hiểu cách xây dựng năng lực lãnh đạo trong quá trình chuyển đổi số thông qua việc xây dựng tầm nhìn, dẫn dắt công cuộc số hóa, kết nối khối công nghệ với khối kinh doanh và quản trị các hoạt động chuyển đổi số. - Học viên hiểu cách xây dựng chiến lược đầu tư, huy động nguồn lực và duy trì động lực trong hành trình chuyển đổi số của doanh nghiệp.
G2	Học viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực thanh toán.
G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp đại học.

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]. Học viên hiểu được khái niệm về chuyển đổi số, lợi ích và xu hướng chuyển đổi số trong các tổ chức, đặc biệt là trong các doanh nghiệp. [2]. Học viên biết được cách xây dựng năng lực chuyển đổi số cho doanh nghiệp. [3]. Học viên hiểu cách xây dựng năng lực lãnh đạo trong quá trình chuyển đổi số; hiểu cách xây dựng chiến lược đầu tư, huy động nguồn lực và duy trì động lực trong hành trình chuyển đổi số của doanh nghiệp.
G2	[4]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. [5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.
G3	[6] Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Thực hành/ Thảo luận</i>		
1	Chương 1: Tổng quan về chuyển đổi số	5	4	1	[1], [5] [6]	

2	Chương 2: Xây dựng năng lực chuyển đổi số	10	7	3	[2], [5], [6]	
	Chương 3: Xây dựng năng lực lãnh đạo	10	7	3	[3], [5], [6]	
	Chương 4: Bắt đầu hành trình chuyển đổi số	10	8	2	[3], [4], [6]	
	Chương 5: Duy trì động lực trong hành trình chuyển đổi số	10	7	3	[3], [4], [5], [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1.1. Khái niệm và lợi ích của chuyển đổi số

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Lợi ích của chuyển đổi số

1.2. Các xu hướng chuyển đổi số

1.2.1. Chuyển đổi số cơ quan nhà nước

1.2.2. Chuyển đổi số xã hội

1.2.3. Chuyển đổi số nền kinh tế

1.2.4. Phát triển lực lượng lao động số

1.2.5. Phát triển hạ tầng số

1.1.6. Phát triển các công nghệ mới

1.3. Các sai lầm về trong quá trình chuyển đổi số

1.3.1. Nhầm lẫn giữa chuyển đổi số và số hóa

1.3.2. Chuyển đổi số là nhiệm vụ của bộ phận công nghệ thông tin

1.3.3. Chuyển đổi số chỉ dành riêng cho các công ty lớn

1.3.4. Chuyển đổi số là một dự án công nghệ

1.3.5. Đã hoàn thành quá trình chuyển đổi số

CHƯƠNG 2 – XÂY DỰNG NĂNG LỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ

2.1. Xây dựng trải nghiệm khách hàng trong kỷ nguyên số

2.1.1. Xây dựng trải nghiệm khách hàng dựa trên dữ liệu khách hàng

2.1.2. Nâng cao khả năng tiếp cận và tương tác khách hàng

2.1.3. Coi dữ liệu khách hàng là trọng tâm của trải nghiệm

2.1.4. Hợp nhất khách hàng truyền thống và công nghệ số

2.2. Khai phá tiềm năng khi chuyển đổi sang mô hình vận hành số

2.2.1. Sức mạnh của công nghệ số vào vận hành

2.2.2. Nghịch lý khâu vận hành trong thời đại tiền số hóa

2.2.3. Số hóa nhằm xóa bỏ các mâu thuẫn trong vận hành truyền thống

2.2.4. Xây dựng lợi thế vận hành của doanh nghiệp

2.3. Tái tổ chức mô hình kinh doanh

2.3.1. Các nguyên mẫu trong mô hình tái tổ chức kinh doanh

2.3.2. Tái thiết lập lĩnh vực kinh doanh

2.3.3. Tái thiết lập các sản phẩm và dịch vụ

2.3.4. Xây dựng mô hình kinh doanh mới

2.3.5. Thấu hiểu sự chuyển đổi mô hình kinh doanh

CHƯƠNG 3 - XÂY DỰNG NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO

3.1. Xây dựng tầm nhìn trong kỷ nguyên số

3.1.1. Tầm quan trọng của tầm nhìn cải cách số hóa

3.1.2. Quy trình xây dựng tầm nhìn cải cách số hóa

3.1.3. Cải cách để bắt đầu

3.2. Dẫn dắt công cuộc chuyển đổi số

3.2.1. Tạo động lực trong nội bộ tổ chức

3.2.2. Sử dụng công nghệ số để tạo điều kiện cho nguồn nhân lực ở quy mô lớn

3.2.3. Kết nối tổ chức và thực hiện đối thoại

3.2.4. Chung tay góp sức để hiện thực hóa tầm nhìn

3.3. Kết nối khối công nghệ và khối kinh doanh

3.3.1. Tầm quan trọng của mối quan hệ giữa khối kinh doanh và khối công nghệ

3.3.2. Xây dựng kỹ năng chuyển đổi số

3.4. Quản trị hoạt động chuyển đổi số

3.4.1. Các cơ chế quản trị hoạt động chuyển đổi số

3.4.2. Xây dựng cơ chế quản trị phù hợp

CHƯƠNG 4 - BẮT ĐẦU HÀNH TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

4.1. Xác định các thử thách

4.1.1. Xây dựng nhận thức

4.1.2. Tìm hiểu xuất phát điểm của doanh nghiệp

4.1.3. Đồng bộ đội ngũ quản lý với tầm nhìn chuyển đổi số của doanh nghiệp

4.2. Đầu tư cho hành trình chuyển đổi số

4.2.1. Xây dựng mô hình đầu tư cho bước số hóa

4.2.2. Xây dựng mô hình quản trị

4.2.3. Đầu tư cho khâu chuyển đổi

4.3. Huy động nguồn lực

4.3.1. Đề doanh nghiệp hiểu rõ tham vọng chuyển đổi số

4.3.2. Tạo động lực trong nội bộ doanh nghiệp

4.3.3. Xây dựng thói quen mới trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 5 – DUY TRÌ ĐỘNG LỰC TRONG HÀNH TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

5.1. Xây dựng năng lực nền tảng

5.1.1. Các phương pháp để phát triển năng lực số hóa

5.1.2. Xây dựng nền tảng công nghệ số

5.1.3. Xây dựng mối quan hệ bền vững giữa bộ phận CNTT với bộ phận kinh doanh

5.2. Đồng bộ cơ chế khen thưởng với các mục tiêu trong quá trình chuyển đổi số

5.2.1. Đảm bảo sự trơn tru trong khâu vận hành

5.2.2. Đảm bảo phần thưởng đa dạng

5.2.3. Không để vi phạm của tổ chức giới hạn cơ chế khen thưởng

5.3. Xem xét và đánh giá quá trình chuyển đổi số

5.3.1. Quản trị bản đồ chiến lược

5.3.2. Xây dựng hệ thống KPI cần thiết

5.3.3. Kết nối mục tiêu chung của doanh nghiệp với các mục tiêu KPI

5.3.4. Xây dựng quy trình đánh giá

8. GIÁO TRÌNH

Geoger Westerman, Didier Bonnet, Andrew McAfee (2019), *Số hóa doanh nghiệp: Từ chiến lược đến thực thi (Sách dịch)*, Nhà xuất bản công thương, Hà Nội.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Caroline Carruthers, Peter Jackson (2015), *Chuyển đổi số doanh nghiệp theo định hướng dữ liệu*, (Sách dịch bởi Huỳnh Hữu Tài).

2. David Rogers (2019), *Cải tổ doanh nghiệp trong thời đại số (sách dịch bởi Phạm Anh Tuấn)*, Nhà xuất bản Tổng hợp TPHCM.

3. Global Center for Digital Business Transformation (2016), *Digital Business Transformation - A Conceptual Framework*, retrieved from: www.imd.org

4. Thủ tướng chính phủ (2020), *Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.

5. Vittorio Aronica& et al. (2018), *Digital Transformation - Leading our customers towards a new economy of digital ecosystems*, Engineering Press, retrieved from: www.eng.it.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp bổ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **An toàn và bảo mật trong thương mại điện tử**

Tiếng Anh: **E-Commerce Security**

Mã học phần: **KTKD08**

Số tín chỉ: 3

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tin học đại cương, Thương mại điện tử

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử gồm: kiến thức tổng quan về thương mại điện tử và an toàn thông tin, các nguy cơ về gian lận và mất an toàn thông tin trong thương mại điện tử, các hình thức tấn công mạng trong thương mại điện tử, các giải pháp để đảm bảo an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được học kiến thức cơ bản về mã hóa thông tin và ứng dụng chữ ký số trong giao dịch thương mại điện tử để đảm bảo an toàn thông tin. Ngoài ra, sinh viên sẽ được giới thiệu một số cách cài đặt cơ bản về bảo mật cho Website thương mại điện tử.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	+ Có sự hiểu biết cơ bản về thương mại điện tử và an toàn thông tin. + Nắm được những nguy cơ về mất an toàn thông tin, các hình thức tấn công mạng trong thương mại điện tử. + Hiểu về phương pháp mã hóa thông tin và ứng dụng chữ ký số trong giao dịch thương mại điện tử. + Nắm được các phương pháp cơ bản để đảm bảo an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử.

G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc đảm bảo an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử.
G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]. Sinh viên hiểu biết về các nguy cơ về gian lận và mất an toàn thông tin trong thương mại điện tử; các hình thức tấn công mạng đối với Website thương mại điện tử. [2]. Sinh viên nắm được các phương pháp cơ bản để đảm bảo an toàn toàn thông tin trong thương mại điện tử, biết cách thức mã hóa thông tin và ứng dụng chữ ký số. [3]. Sinh viên hiểu biết về các phương pháp để bảo mật Website thương mại điện tử và có thể cài đặt một số ứng dụng cơ bản để bảo mật Website.
G2	[4]. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. [5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.
G3	[6] Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Thực hành/ Thảo luận</i>		
1	Chương 1: Tổng quan về an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử	10	8	2	[1][5][6]	
2	Chương 2: Các hình thức tấn công mạng trong thương mại điện tử	10	6	4	[2][5][6]	
3	Chương 3: Mã hóa thông tin và chữ ký số	10	6	4	[2][4] [5][6]	

4	Chương 4: Đảm bảo an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử	15	10	5	[3][4] [5][6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ AN TOÀN VÀ BẢO MẬT TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

- 1.1. Tổng quan về thương mại điện tử
- 1.2. Tổng quan về an toàn và bảo mật thông tin
- 1.3. Các vấn đề cơ bản về an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử
 - 1.3.1. Gian lận trong thương mại điện tử
 - 1.3.2. Xây dựng chính sách bảo mật
 - 1.3.3. Bảo mật thông tin
 - 1.3.4. An toàn và bảo mật trong thanh toán điện tử
 - 1.3.5. Một số cuộc tấn công mạng vào các website thương mại điện tử

CHƯƠNG 2. CÁC HÌNH THỨC TẤN CÔNG MẠNG TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

- 2.1. Cơ sở hạ tầng của thương mại điện tử
- 2.2. Tấn công bằng kỹ thuật mã độc
 - 2.2.1. Virus
 - 2.2.2. Sâu máy tính (Worms)
 - 2.2.3. Tồn tặc và các chương trình phá hoại
 - 2.2.4. Kẻ trộm trên mạng (Sniffer)
 - 2.2.5. Tấn công từ chối dịch vụ DOS
 - 2.2.6. Tấn công SQL Injection
- 2.3. Tấn công phi kỹ thuật (Social engineering)
 - 2.3.1. Tấn công phi kỹ thuật là gì
 - 2.3.2. Phishing và Spear Phishing
 - 2.3.3. Pharming
 - 2.3.4. Email Scam

2.3.5. Baiting và Quid Pro Quo

CHƯƠNG 3. MÃ HÓA THÔNG TIN VÀ CHỮ KÝ SỐ

3.1. Hệ mật mã

3.2. Các phương pháp mã hóa thông tin

3.2.1. Mã hóa khóa bí mật

3.2.2. Mã hóa khóa công khai

3.3. Chữ ký số

3.3.1. Tổng quan về chữ ký số

3.3.2. Thuật toán chữ ký số

3.3.3. Chứng chỉ số

3.3.4. Các phương pháp tấn công chữ ký điện tử

3.3.5. Ứng dụng chữ ký số trong thương mại điện tử

3.3.6. Tính pháp lý của chữ ký số

CHƯƠNG 4. ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ BẢO MẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

4.1. Mô hình đảm bảo an toàn thông tin và chiến lược phòng thủ

4.2. Giải pháp bảo mật trong thương mại điện tử

4.2.1. Kiểm soát truy cập và mã hóa thông tin

4.2.2. Bảo vệ hệ thống mạng thương mại điện tử

4.2.3. Bảo mật trong thanh toán thương mại điện tử

4.2.4. Các giải pháp phòng chống tấn công phi kỹ thuật

4.3. Cài đặt một số tính năng bảo mật cho website thương mại điện tử

8. GIÁO TRÌNH

1. Trần Văn Hòe – Chủ biên (2015), *Giáo trình Thương mại điện tử căn bản*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Lê Đắc Như – Chủ biên (2017), *Giáo trình An toàn dữ liệu*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. E. Turban et al., (2015), *E-Commerce Security and Fraud Issues and Protections*, Springer.

2. Lê Văn Phùng – Chủ biên (2018), *An toàn thông tin*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

3. Thái Thanh Tùng – Chủ biên (2011), *Giáo trình Mật mã học và Hệ thống thông tin an toàn*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

4. Trang Web Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam: <https://www.vecom.vn/>

5. Cộng đồng nghiên cứu An ninh mạng: <https://whitehat.vn/>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Marketing số**

Tiếng Anh: DIGITAL MARKETING

Mã học phần: QTDM01

Tổng số tín chỉ: 03

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: QUẢN TRỊ KINH DOANH

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Marketing căn bản

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần môn học Digital Marketing giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong thời đại kỹ thuật số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Marketing số

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

Ký hiệu	Mục tiêu học phần
G1	<i>Về kiến thức:</i> Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cách vận dụng các công cụ truyền thông trên Digital để hỗ trợ quá trình tìm kiếm và phân tích các thông tin trên Internet; Phân tch được hoạt động marketing trên các công cụ truyền thông digital và ứng dụng được các công cụ truyền thông trong quá trình lập kế hoạch digital marketing;

	Đánh giá được hiệu quả hoạt động của các công cụ truyền thông trên internet
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Phát triển được kỹ năng thuyết trình trong việc trình bày kế hoạch Digital marketing, kỹ năng tư duy sáng tạo và làm việc độc lập
G3	<i>Về thái độ:</i> Có ý thức nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, tư duy logic trong việc đánh giá những vấn đề digital marketing.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1] Hiểu về thiệu các lý thuyết khoa học về truyền thông kỹ thuật số [2] Nắm được vai trò của truyền thông kỹ thuật số [3] Nắm được quá trình ra quyết định về các chính sách và công cụ truyền thông kỹ thuật số trong thực tiễn
G2	[4] Biết cách sử dụng công cụ truyền thông kỹ thuật số [5] Biết lập kế hoạch marketing truyền thông kỹ thuật số
G3	[6] Người học cần chủ động sáng tạo, tích cực ứng dụng công cụ truyền thông kỹ thuật số

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN, PHÂN BỐ THỜI GIAN

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ DIGITAL MARKETING

Chương 1 tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề về digital marketing bao gồm các kiến thức liên quan đến khái niệm, đặc điểm, hành vi người tiêu dùng điện tử và sự khác biệt giữa marketing truyền thống và marketing điện tử.

1.1. Khái niệm Digital Marketing áp dụng trong doanh nghiệp

1.2. Đặc điểm và Mô hình Digital Marketing

1.3. Hành vi người dùng trên Internet

1.4. Xu hướng phát triển của Digital Marketing

1.5. Sự khác biệt với các hình thức Marketing truyền thống và Digital Marketing

Tài liệu tham khảo của chương:

- Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM

- Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

CHƯƠNG 2 - MÔI TRƯỜNG DIGITAL MARKETING

Hoạt động digital marketing diễn ra trong bối cảnh khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng, do đó cần phải xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc kinh doanh, quảng bá sản trong thời đại số. Làm rõ mối liên hệ giữa các yếu tố.

2.1 Khái niệm

2.2 Môi trường vĩ mô

2.3 Môi trường vi mô

2.4 Môi trường nội vi

Tài liệu tham khảo của chương:

- Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM
- Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

CHƯƠNG 3 – HOẠT ĐỘNG MARKETING TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ

Chương 3 giới thiệu tổng quát về các yếu tố marketing trong môi trường kỹ thuật số. Chương này tập trung làm rõ các ảnh hưởng của môi trường kỹ thuật số đến các sản phẩm, giá, phân phối và truyền thông marketing.

3.1 Nghiên cứu thị trường

3.2 Chiến lược STP

3.3 Sản phẩm

3.4 Giá

3.5 Phân phối

3.5 Truyền thông

Tài liệu tham khảo của chương:

- Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM
- Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

CHƯƠNG 4 – WEBSITE

Chương này làm rõ các nội dung liên quan đến website và các nội dung thiết kế website và các yêu cầu khi thiết kế website cần cho quá trình tối ưu hóa công cụ tìm kiếm trực tuyến (SEO)

4.1 Khái niệm

4.2 Phân loại

4.3 Thiết kế website

4.4 Tăng lượng truy cập vào website

Tài liệu tham khảo của chương:

- Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM
- Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

CHƯƠNG 5 – TIẾP THỊ BẰNG CÁC CÔNG CỤ TÌM KIẾM (SEARCH ENGINE MANAGEMENT)

Chương 5 đề cập đến phương pháp marketing bằng các công cụ tìm kiếm nhằm tối ưu hóa các nội dung marketing để đạt hiệu quả cao nhất.

5.1. Cơ chế hoạt động của công cụ tìm kiếm

5.2. Từ khóa và các phương pháp lựa chọn từ khóa hiệu quả

5.3. Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm SEO cho website

5.4 Các công cụ hỗ trợ SEO

Tài liệu tham khảo của chương:

- Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.
- Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

CHƯƠNG 6 – TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI (SOCIAL MEDIA MARKETING)

Chương 6 đề cập các cách thức truyền thông qua mạng xã hội, hiệu quả, quy trình và phương pháp truyền thông.

6.1. Khái niệm về mạng xã hội

6.2. Vai trò của mạng xã hội trong các hoạt động marketing

6.3. Các công cụ truyền thông xã hội

6.4. Mô hình hiệu ứng chuôn chuôn

Tài liệu tham khảo của chương:

- Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.

- Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

CHƯƠNG 7 – QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN

Chương 7 đề cập đến phương pháp truyền thông bằng quảng cáo: khái niệm, các hình thức quảng cáo trực tuyến; quy trình, nội dung quảng cáo hiệu quả và tiết kiệm.

7.1. Lập kế hoạch truyền thông kỹ thuật số

7.2. Các hình thức quảng cáo trực tuyến

7.4. Lựa chọn kênh quảng cáo

7.5. Lựa chọn vị trí và hình thức hiển thị quảng cáo (Display ad)

7.6. Web banner trên các trang thông tin online

7.7. Quảng cáo google ads

7.8 Quảng cáo Marketing lặp lại

Tài liệu tham khảo của chương:

- Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.

- Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

CHƯƠNG 8 – TIẾP THỊ QUA EMAIL

Chương 8 đề cập đến phương pháp truyền thông qua email, bao gồm các nội dung liên quan đến hình thức email, phương pháp và cách thức truyền thông qua email.

8.1. Các hình thức tiếp thị qua email

8.2. Chọn lọc cơ sở dữ liệu khách hàng

8.3. Thiết kế nội dung Email marketing hiệu quả

8.4. Các công cụ thực hiện một chương trình tiếp thị qua email

Tài liệu tham khảo của chương:

- Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.

- Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

CHƯƠNG 9 – LẬP KẾ HOẠCH DIGITAL MARKETING

Chương 9 đề cập đến phương pháp lập, thực hiện một kế hoạch marketing truyền thông kỹ thuật số thông qua nội dung, quy trình, thang đo hiệu quả của kế hoạch digital marketing.

9.1. Phân tích thị trường

9.2. Xác định đúng thị trường mục tiêu

9.3. Xác định mục tiêu SMART của chiến dịch

9.4. Sáng tạo chiến dịch Digital Marketing

9.5. Lập kế hoạch Digital Marketing

9.6. Cách thức triển khai kế hoạch

Tài liệu tham khảo của chương:

- Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.
- Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

8. GIÁO TRÌNH:

1. Brian Halligan - Dharmesh Shah, Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới, năm 2011, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.
2. Kent Wettime - Ian Fenwick, Tiếp thị số - Hướng dẫn thiết yếu cho truyền thông mới và Digital marketing, năm 2009, nhà xuất bản Tri thức.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

3. Dave Chaffey & Fiona Ellis-Chadwick, Digital marketing strategy implementation and practice, Pearson, 2016,
4. Andreas Meire & Henrik Stormer, eBusiness & eCommerce quản trị theo chuỗi giá trị số, NXB alphabook, 2011.
5. Nguyễn Trọng Thơ, SEO master – bí quyết được website lên hạng 1 của Google, NXB Lao động, 2015.
6. Trung Đức, Facebook marketing, NXB Thống Kê 2014.
7. Trung Đức, Quảng cáo Facebook, NXB Thống Kê, 2015.
8. Simms Jenkins, Email marketing, NXB LĐXH, 2012.
9. Vũ Hoàng Tâm, Tiếp thị di động, NXB Trẻ, 2015.
10. William M.Luther, Chiến lược marketing hoàn hảo, NXB LĐXH, 2013.

11. Lisa Arthur, Marketing theo dữ liệu lớn, NXB Trẻ, 2016.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận trực tiếp - Nghiên cứu tình huống - Mời chuyên gia thuyết trình tình huống thực tế	- Nghe giảng tích cực - Thảo luận - Đọc tài liệu, xem video - Nghiên cứu tình huống - Đặt câu hỏi thảo luận	- Thảo luận qua Google Class room - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (5%) - Đi học đầy đủ (10%) - Tích cực trên Google Class room (5%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Vũ Thị Minh Luận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Công nghệ tài chính**

Tiếng Anh: **Finacial Tecnology**

Mã học phần: **TCCN01**

Số tín chỉ: **3**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Tài chính – Đầu tư

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ, Dữ liệu lớn trong Kinh tế và Kinh doanh.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về Công nghệ tài chính, các sản phẩm công nghệ, dịch vụ và các định chế tài chính để có thể thực hiện phân tích, đánh giá cơ bản về các sự kiện liên quan đến lĩnh vực Ngân hàng và tài chính. Các sản phẩm và dịch vụ Công nghệ tài chính mới dựa trên Công nghệ thông tin như thanh toán di động, tài chính đám đông, ngân hàng ảo, hợp đồng thông minh, tiền kỹ thuật số và bitcoin đang phát triển nhanh hiện nay sẽ là xu hướng trong tương lai khi công nghệ phát triển giúp các định chế tài chính điều tiết nguồn lực tài chính. Các sản phẩm và dịch vụ Công nghệ tài chính này làm thay đổi tư duy và hành động của xã hội trong hiện tại và tương lai.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể:

- 1- Kiến thức cơ bản về Công nghệ tài chính và các sản phẩm, dịch vụ và quy định về Công nghệ tài chính.
- 2- Kiến thức nâng cao về các vấn đề tiên tiến trong lĩnh vực ngân hàng, thị trường tài chính và doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai.
- 3- Kiến thức cơ bản về các sản phẩm mới của công nghệ tài chính như hợp đồng thông minh và tiền kỹ thuật số.

4- Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc lựa chọn hệ thống thông tin quản lý ứng dụng trong doanh nghiệp.

5- Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

6. CHUẨN ĐẦU RA

- Về kiến thức:

1. Kiến thức cơ bản về Công nghệ tài chính và các sản phẩm, dịch vụ và quy định về Công nghệ tài chính.

2. Kiến thức nâng cao về các vấn đề tiên tiến trong lĩnh vực ngân hàng, thị trường tài chính và doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai.

3. Kiến thức cơ bản về các sản phẩm mới của công nghệ tài chính như hợp đồng thông minh và tiền kỹ thuật số.

- Về kỹ năng:

4. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.

- Về thái độ:

6. Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận		
1	Chương 1: Tổng quan về công nghệ tài chính	5	3	2	[1], [4], [5], [6]	
2	Chương 2: Đổi mới của công nghệ tài chính	5	3	2	[2], [4], [5], [6]	
3	Chương 3: Rủi ro của công nghệ tài chính	5	3	2	[2], [4], [5], [6]	
4	Chương 4: Hợp đồng thông minh	5	3	2	[2], [4], [5], [6]	

5	Chương 5: Tiền kỹ thuật số	5	3	2	[2], [3], [4], [5], [6]	
6	Chương 6: Công nghệ tài chính trong hệ thống ngân hàng	5	3	2	[3], [4], [5], [6]	
7	Chương 7: Công nghệ tài chính trong quản lý đầu tư	5	4	1	[3], [4], [5], [6]	
8	Chương 8: Công nghệ tài chính và ảnh hưởng xã hội	5	4	1	[3], [4], [5], [6]	
9	Chương 9: Dữ liệu quy mô lớn và đổi mới công nghệ toàn cầu	5	4	1	[3], [4], [5], [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

1.1 Một số khái niệm

- 1.1.1 Hệ thống tài chính và thương mại
- 1.1.2 Hệ thống tài chính và cá cược
- 1.1.3 Hệ thống tài chính, quân sự và giao hàng vật lý

1.2 Lịch sử phát triển Công nghệ tài chính

- 1.2.1 Các giai đoạn Công nghệ tài chính
- 1.2.2 Tổng quan lịch sử Công nghệ tài chính thế giới
- 1.2.3 Hệ sinh thái Công nghệ tài chính

1.3 Một số Trung tâm Công nghệ tài chính (Fintech hubs)

- 1.3.1 Cộng đồng tài chính mới
- 1.3.2 Kết nối Công nghệ tài chính
- 1.3.3 Hệ sinh thái Công nghệ tài chính tích hợp Hà Lan
- 1.3.4 Trung tâm tài chính mới Luxembourg
- 1.3.5 Trung tâm tài chính và thanh toán di động Áo
- 1.3.6 Hệ sinh thái Công nghệ tài chính Ấn Độ
- 1.3.7 Trung tâm Công nghệ tài chính Singapore

CHƯƠNG 2: ĐỔI MỚI CỦA CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

2.1. Khái niệm đổi mới Công nghệ tài chính

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Nội dung

2.2. Phân loại đổi mới

- 2.2.1. Sản phẩm
- 2.2.2. Tiến trình
- 2.2.3. Tổ chức
- 2.2.4. Mô hình kinh doanh

2.3. Ví dụ đổi mới

- 2.3.1. Sản phẩm
- 2.3.2. Tiến trình
- 2.3.3. Tổ chức
- 2.3.4. Mô hình kinh doanh

CHƯƠNG 3: RỦI RO CỦA CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

3.1. *Rủi ro thường gặp trong hệ thống tài chính*

- 3.1.1. Khái niệm rủi ro
- 3.1.2. Đặc điểm rủi ro trong hệ thống tài chính

3.2. *Danh mục rủi ro*

- 3.2.1. Lãi suất và Phái sinh Tài chính
- 3.2.2. Nội dung danh mục rủi ro

3.3. *Rủi ro và phòng ngừa rủi ro*

- 3.3.1. Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro
- 3.3.2. Nguyên tắc đo lường rủi ro
- 3.3.3. Mô hình đa biến

CHƯƠNG 4: HỢP ĐỒNG THÔNG MINH

4.1. *Giới thiệu về hợp đồng thông minh*

- 1.1.1. Khái niệm hợp đồng thông minh
- 4.1.2. Ưu và nhược điểm của hợp đồng thông minh
- 4.1.3. Cơ chế hoạt động của hợp đồng thông minh
- 4.1.4. Lợi ích của việc sử dụng hợp đồng thông minh

4.2. *Cách thành phần của hợp đồng thông minh*

- 4.2.1. Chủ thể hợp đồng
- 4.2.2. Điều khoản hợp đồng
- 4.2.3. Chữ ký điện tử
- 4.2.4. Nền tảng phân quyền

4.3. *Một số ứng dụng thực tế của hợp đồng thông minh*

- 4.3.1. Hợp đồng thông minh với hoạt động kinh doanh của DN
- 4.3.2. Hợp đồng thông minh với dịch vụ y tế
- 4.3.3. Hợp đồng thông minh với các cuộc bầu cử

4.3.4. Hợp đồng thông minh với các dịch vụ ngân hàng

CHƯƠNG 5: TIỀN KỸ THUẬT SỐ

5.1. Giới thiệu về tiền kỹ thuật số

5.1.1. Lịch sử hình thành của tiền kỹ thuật số

5.1.2. Độ an toàn của tiền kỹ thuật số

5.2. Một số loại tiền kỹ thuật số phổ biến

5.2.1. Bitcoin

5.2.2. Ethereum

5.2.3. Các đồng tiền kỹ thuật số khác (Litecoin, Aureus, Ripple, Dash)

5.3. Xu hướng phát triển và thách thức của tiền kỹ thuật số

5.3.1. Xu hướng phát triển của tiền kỹ thuật số

5.3.2. Những thách thức về tính pháp lý của tiền kỹ thuật số

5.3.3. Rủi ro thanh toán của tiền kỹ thuật số

CHƯƠNG 6: CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

6.1. Hệ thống thanh toán

6.1.1. Cơ sở hạ tầng hệ thống thanh toán và công nghệ chuyển tiền

6.1.2. Quy định và tuân thủ Thanh toán

6.1.3. Quy chế Blockchain trên toàn thế giới

6.2. Ví thông minh

6.2.1. Giới thiệu về ví thông minh

6.2.2. Đặc điểm ví thông minh

6.3. Phân tích tín nhiệm

6.3.1. Cấu trúc Báo cáo kết quả kinh doanh ngân hàng

6.3.2. Cấu trúc Bảng cân đối kế toán của ngân hàng

6.3.3. Quản lý rủi ro và Hiệp định Basel

6.3.4. Giải quyết khủng hoảng ngân hàng

CHƯƠNG 7: CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH TRONG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

7.1. Quản lý tài sản và tư vấn tự động (robo – advisors)

7.1.1. Giới thiệu về quản lý tài sản và tư vấn tự động

7.1.2. Khái niệm về quản lý tài sản và tư vấn tự động

7.1.3. Quản lý đầu tư thụ động với ETFs

7.1.4. Các thuật toán tái cân bằng danh mục đầu tư tự động

7.1.5 Nguyên tắc chống thất thu thuế

7.2. Quản lý danh mục đầu tư và phân tích tự động (robo analysts)

- 7.2.1. Giới thiệu về quản lý danh mục đầu tư và phân tích tự động
- 7.2.2. Khái niệm về quản lý danh mục đầu tư và phân tích tự động
- 7.2.3. Thiết kế hệ thống quản lý danh mục đầu tư sử dụng các kỹ thuật tối ưu hóa toàn cầu
- 7.2.4. Phân tích tự động bằng thông tin không chắc chắn

CHƯƠNG 8: CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH VÀ ẢNH HƯỞNG XÃ HỘI

8.1. Crowdfunding và P2P

- 8.1.1. Khái niệm Crowdfunding
- 8.1.2. Khái niệm P2P
- 8.1.2. Phân loại các mô hình

8.2. Cho vay và phân tích tín nhiệm

- 8.2.1. Mối quan hệ giữa cho vay và phân tích tín nhiệm
- 8.2.2. Chế độ quản lý ngân hàng

CHƯƠNG 9: DỮ LIỆU QUY MÔ LỚN VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TOÀN CẦU

9.1 Công nghệ dữ liệu quy mô lớn

- 9.1.1. Sự xuất hiện của Dữ liệu lớn
- 9.1.2. Đặc điểm của công nghệ dữ liệu quy mô lớn

9.2 Đổi mới công nghệ trong thị trường tài chính

- 9.2.1. Công cụ đổi mới công nghệ trong thị trường tài chính
- 9.2.2. Đặc điểm của đổi mới công nghệ trong thị trường tài chính

9.3 Công nghệ tài chính toàn cầu

- 9.2.1. Chuyển giao công nghệ
- 9.2.2. Dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ

8. GIÁO TRÌNH

1. Susanne Chishti và Janos Barberis (biên soạn), Nguyễn Khắc Quốc Bảo, Trần Hoài Nam, Lê Đạt Chí (biên dịch), *The Fintech book – Công nghệ tài chính dành cho người nhìn ra trông rộng*, Nhà xuất bản TT&TT, 2019.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernadi Nicoletti (2017). *Palgrave Studies in Financial Services Technology*. Springer Nature.
2. John Hill (2018). *Fintech and the Remaking of Financial Institutions*. 1st edition, Elsevier.
3. Susanne Chishti and Janos Barberis (2016). *The financial technology handbook*

for investors, entrepreneurs and visionaries. First edition, John Wiley & Sons Ltd.

4. Frederic S. Mishkin (2011). *Economics of Money, Banking, and Financial Markets*. 4th Canadian edition, Pearson Canada.
5. Roy S. Freedman (2006). *Introduction to financial technology*. Elsevier.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA TÀI CHÍNH – ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Phạm Mỹ Hằng Phương

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Blockchain trong quản lý**

Tiếng Anh: **Applied blockchain technology in management**

Mã học phần: **PTDL14**

Số tín chỉ: 2

2. **KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:** BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. **ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần gồm 3 chương nói về công nghệ blockchain, nguyên lý hoạt động của blockchain, quy trình triển khai công nghệ blockchain, lợi ích của công nghệ blockchain và những ứng dụng của công nghệ blockchain trong việc xây dựng chính phủ số cũng như quản lý chuỗi cung ứng (Logistics).

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ blockchain trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Qua đó, người học sẽ hiểu được những tác động tích cực của công nghệ này đến các ngành kinh tế trên phạm vi toàn cầu và có thể áp dụng vào thực tiễn công việc sau khi ra trường.

6. CHUẨN ĐẦU RA

a) Về kiến thức:

[1]. Học viên hiểu được khái niệm công nghệ blockchain và nền kinh tế số.

[2]. Học viên biết được những công nghệ nền tảng và ứng dụng cơ bản của blockchain trong hoạt động Logistics và xây dựng chính phủ điện tử ở Việt Nam.

b) Về kỹ năng:

[3]. Vận dụng kiến thức đã học để ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực kinh tế;

[4]. Có kỹ năng khai thác, phân tích, ứng dụng công nghệ blockchain vào trong các hoạt động Logistics và quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế.

c) Về thái độ:

[5]. Tích cực học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận		
1	Chương 1: Tổng quan về công nghệ blockchain	8	5	3	[1], [3], [5]	
2	Chương 2: Blockchain với việc xây dựng Chính phủ số	10	7	3	[2], [3], [4], [5]	
3	Chương 3: Blockchain trong quản lý chuỗi cung ứng	12	8	4	[2], [3], [4], [5]	
	Cộng	30	20	10		

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN VỀ CÔNG NGHỆ BLOCKCHAIN

Trong chương này, người học sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản về một công nghệ cho phép truyền tải dữ liệu một cách an toàn dựa vào hệ thống mã hoá vô cùng phức tạp là Blockchain. Ngoài ra, người học sẽ biết được các loại hệ thống blockchain hiện nay cũng như những lợi ích của việc sử dụng công nghệ này trong cuộc sống.

1.1. Giới thiệu về công nghệ Blockchain

- 1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển công nghệ Blockchain
- 1.1.2. Nguyên lý hoạt động của Blockchain
- 1.1.3. Quy trình triển khai công nghệ Blockchain

1.2. Phân loại hệ thống Blockchain

- 1.2.1. Blockchain công khai
- 1.2.2. Blockchain bí mật
- 1.2.3. Blockchain liên kết (Permissioned)

1.4. Lợi ích của công nghệ Blockchain

- 1.3.1. Minh bạch
- 1.3.2. Tiết kiệm chi phí
- 1.3.3. Tốc độ giao dịch
- 1.3.4. Bảo mật

CHƯƠNG II – BLOCKCHAIN VỚI VIỆC XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ SỐ

Trong chương 2, người học sẽ được làm quen với một khái niệm mà các quốc gia hiện nay đang hướng tới đó là “Chính phủ số”, được giới thiệu những lĩnh vực cụ thể của việc ứng dụng công nghệ Blockchain trong chính phủ số như quản lý nhân khẩu, hồ sơ y tế và chăm sóc sức khỏe, quản lý tài sản, chứng nhận học thuật, bầu cử,... Ngoài ra, trong chương này sẽ trình bày tình hình triển khai việc ứng dụng blockchain vào chính phủ số của Việt Nam.

2.1. Giới thiệu về chính phủ số

- 2.1.1. Khái niệm chính phủ số
- 2.1.2. Đặc điểm chính phủ số
- 2.1.3. Lợi thế Blockchain trong thực thi chính phủ số

2.2. Các lĩnh vực áp dụng công nghệ Blockchain trong Chính phủ số

- 2.2.1. Quản lý nhận dạng và nhận diện kỹ thuật số
- 2.2.2. Bầu cử kỹ thuật số
- 2.2.3. Lập hồ sơ y tế và chăm sóc sức khỏe
- 2.2.4. Chứng nhận học thuật
- 2.2.5. Quản lý tài sản

2.3. Ứng dụng công nghệ Blockchain vào xây dựng chính phủ số tại Việt Nam

- 2.3.1. Thực trạng của việc xây dựng chính phủ số tại Việt Nam
- 2.3.2. Áp dụng công nghệ Blockchain cho các lĩnh vực công tại Việt Nam

CHƯƠNG III: BLOCKCHAIN TRONG QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Chương 3 tiếp tục giới thiệu một ứng dụng quan trọng của công nghệ blockchain trong cuộc sống là việc quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu (logistics). Học viên sẽ hiểu thế nào là dịch vụ logistics và cách để có một dịch vụ logistics tốt khi sử dụng công nghệ blockchain cho việc tự động hóa hoạt động thương mại. Ngoài ra, người học sẽ tìm hiểu ứng dụng blockchain vào Logistics tại Việt Nam hiện nay.

3.1. Giới thiệu về ngành quản lý chuỗi cung ứng (Logistics)

- 3.1.1. Khái niệm Logistics
- 3.1.2. Quy trình cơ bản Logistics
- 3.1.3. Các cấp độ của Logistics (1PL, 2PL, 3PL, 4 PL)

3.2. Công nghệ Blockchain trong Logistics

- 3.2.1. Một số tồn tại của ngành Logistics hiện nay
- 3.2.2. Tính minh bạch và khả năng truy vết cho chuỗi cung ứng
- 3.2.3. Tự động hóa hoạt động thương mại trong Logistics

3.3. Thực tiễn ứng dụng Blockchain vào Logistics tại Việt Nam

8. GIÁO TRÌNH

1. Slide bài giảng của giáo viên giảng dạy.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Don Tapscott, Alex Tapscott, *Cuộc cách mạng Blockchain (Sách dịch)*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2018.
2. Melanie Swan, *Blockchain – Khởi nguồn cho một nền kinh tế mới*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2009.
3. List of blockchain startups, <https://angel.co/blockchains>.
4. Ye Guo, Chen Liang, *Blockchain application and outlook in the banking industry*, Financial Innovation, 2016.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

Đã ký

Đã ký

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Khoa học quản lý**

Tiếng Anh: **Management Science**

Mã học phần: **KTKD11**

Số tín chỉ: **2**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý chung, những hiểu biết cơ bản về khoa học quản lý. Nắm được vai trò, chức năng quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý, phương pháp, nguyên tắc quản lý một cách khoa học, kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý, tổ chức khoa học lao động quản lý và người cán bộ quản lý. Trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng học phần cung cấp cho người học những kiến thức mới về công nghệ và kỹ thuật quản lý.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	Sinh viên nắm được vai trò, chức năng quản lý, phương pháp, nguyên tắc quản lý và việc vận dụng quy luật trong quản lý một cách khoa học. Sinh viên có kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý, tổ chức khoa học lao động quản lý và người cán bộ quản lý.
G2	Sinh viên biết vận dụng những quy luật và nguyên tắc, phương pháp quản lý vào hoạt động thực tiễn, vào hoạt động quản trị nhân sự ở các ngành, các cấp, các tổ chức cơ sở.

	Sau khi tốt nghiệp đại học để đi làm, sinh viên biết ra các quyết định quản lý và tổ chức thực hiện các quyết định một cách hiệu quả, có khả năng xử lý những tình huống xảy ra trong quản trị nhân sự.
G3	Sinh viên có ý thức tổ chức kỷ luật, đi học chuyên cần; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các quy định của pháp luật.

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	Kết thúc học phần sinh viên sẽ đạt được những chuẩn sau: [1] Nắm được vai trò, chức năng quản lý, phương pháp, nguyên tắc quản lý và việc vận dụng quy luật trong quản lý một cách khoa học. [2] Có sự hiểu biết về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý, tổ chức khoa học lao động và người cán bộ quản lý.
G2	[3] Biết vận dụng những quy luật và nguyên tắc, phương pháp quản lý vào hoạt động thực tiễn. [4] Có khả năng đưa ra các quyết định quản lý và tổ chức thực hiện các quyết định một cách hiệu quả.
G3	[5] Sinh viên có ý thức tổ chức kỷ luật, đi học chuyên cần; có trách nhiệm xã hội; hiểu và tuân thủ các quy định của pháp luật.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành / Thảo luận</i>		
1	Chương 1:	3	2	1	[1], [5]	
2	Chương 2:	3	2	1	[1], [5]	
3	Chương 3:	3	2	1	[1], [5]	
4	Chương 4:	3	2	1	[1], [2], [3]	
5	Chương 5:	3	2	1	[1], [2], [3]	
6	Chương 6:	5	4	1	[1], [2], [3]	
7	Chương 7:	4	2	2	[1], [4], [5]	
8	Chương 8:	6	4	2	[1], [4], [5]	
	Cộng	30	20	10		

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KHOA HỌC QUẢN LÝ

- 1.1. Vai trò của quản lý trong đời sống xã hội
- 1.2. Khái niệm quản lý
- 1.3. Đối tượng của khoa học quản lý
- 1.4. Đặc điểm của khoa học quản lý
- 1.5. Phương pháp của khoa học quản lý

CHƯƠNG 2: CHỨC NĂNG CỦA QUẢN LÝ

- 2.1. Khái quát chung về chức năng quản lý
 - 1.1. Khái niệm về chức năng quản lý
 - 1.2. Ý nghĩa
- 2.2. Chức năng cơ bản của quản lý
 - 2.2.1. Dự báo
 - 2.2.2. Kế hoạch hoá
 - 2.2.3. Tổ chức
 - 2.2.4. Động viên
 - 2.2.5. Điều chỉnh
 - 2.2.6. Kiểm tra
 - 2.2.7. Đánh giá

CHƯƠNG 3. MỤC TIÊU VÀ ĐỘNG LỰC TRONG QUẢN LÝ

- 3.1. Khái quát chung về mục tiêu và động lực trong quản lý.
 - 3.1.1. Mục tiêu quản lý
 - 3.1.2. Động lực trong quản lý
 - 3.1.3. Quan hệ giữa mục tiêu và động lực trong quản lý
- 3.2. Phát huy nhân tố con người trong quản lý
 - 3.2.1. Quản lý suy đến cùng là quản lý con người để phục vụ cho con người
 - 3.2.2. Quan hệ giữa con người và hệ thống quản lý
- 3.3. Mục tiêu và động lực kinh tế

CHƯƠNG 4. CÁC PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ

- 4.1. Lý luận chung về phương pháp quản lý
 - 4.1.1. Khái niệm
 - 4.1.2. Những đặc trưng cơ bản của phương pháp quản lý
 - 4.1.3. Vai trò của phương pháp quản lý
- 4.2. Các phương pháp quản lý chủ yếu

- 4.2.1. Phương pháp tổ chức- hành chính
- 4.2.2. Phương pháp kinh tế
- 4.2.3. Phương pháp tâm lý- giáo dục
- 4.3. Công nghệ và kỹ thuật quản lý
- 4.4. Vận dụng các phương pháp quản lý vào thực tiễn.
 - 4.4.1. Một số yêu cầu vận dụng các phương pháp quản lý
 - 4.4.2. Vận dụng các phương pháp quản lý ở nước ta hiện nay

CHƯƠNG 5. CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ

- 5.1. Vai trò, đặc điểm và phân loại công cụ quản lý
 - 5.1.1. Vai trò của công cụ quản lý
 - 5.1.2. Đặc điểm chủ yếu của các công cụ quản lý
 - 5.1.3. Phân loại các công cụ quản lý
- 5.2. Hoạch định và vận hành công cụ quản lý trong hoạt động kinh tế - xã hội
 - 5.2.1. Hoạch định và yêu cầu đối với hệ thống công cụ quản lý
 - 5.2.2. Vận hành hệ thống công cụ quản lý trong thực tế
- 5.3. Đổi mới và nâng cao năng lực xây dựng và vận hành hệ thống công cụ quản lý trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường ở Việt Nam

CHƯƠNG 6. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

- 6.1. Cơ sở khoa học hình thành cơ cấu tổ chức quản lý
 - 6.1.1. Khái niệm cơ cấu tổ chức quản lý
 - 6.1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức quản lý
 - 6.1.3. Những yêu cầu đối với cơ cấu tổ chức quản lý
- 6.2. Các loại cơ cấu tổ chức quản lý cơ bản
 - 6.2.1. Cơ cấu trực tuyến
 - 6.2.2. Cơ cấu chức năng
 - 6.2.3. Cơ cấu kết hợp
 - 6.2.4. Cơ cấu chương trình mục tiêu
 - 6.2.5. Cơ cấu ma trận
- 6.3. Các giai đoạn và phương pháp xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý
 - 6.3.1. Các giai đoạn hình thành cơ cấu tổ chức quản lý
 - 6.3.2. Các phương pháp xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý

CHƯƠNG 7. THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ

- 7.1. Khái niệm và phân loại thông tin quản lý
 - 7.1.1. Khái niệm thông tin quản lý
 - 7.1.2. Phân loại thông tin quản lý

- 7.2. Hệ thống bảo đảm thông tin trong quản lý
 - 7.2.1. Khái niệm và nội dung của hệ thống bảo đảm thông tin quản lý
 - 7.2.2. Những nguyên lý tổ chức hệ thống bảo đảm thông tin quản lý
- 7.3. Những trở ngại trong đảm bảo thông tin và cách khắc phục

CHƯƠNG 8. QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ

- 8.1. Một số vấn đề chung về quyết định quản lý
 - 8.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của quyết định quản lý
 - 8.1.2. Yêu cầu cơ bản đối với quyết định quản lý
- 8.2. Quá trình xây dựng và ra quyết định quản lý
 - 8.2.1. Những cơ sở để ra quyết định quản lý
 - 8.2.2. Các bước ra quyết định quản lý
 - 8.2.3. Các phương pháp ra quyết định
- 8.3. Quá trình tổ chức thực hiện quyết định
 - 8.3.1. Truyền đạt quyết định
 - 8.3.2. Lập kế hoạch thực hiện quyết định
 - 8.3.3. Bố trí nguồn lực thực hiện quyết định
 - 8.3.4. Kiểm tra việc thực hiện quyết định
 - 8.3.5. Điều chỉnh quyết định
 - 8.3.6. Tổng kết việc thực hiện quyết định

8. GIÁO TRÌNH

1. Hồ Văn Vĩnh (chủ biên), *Giáo trình khoa học quản lý*, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Quản lý kinh tế, NXB Lý luận chính trị, 2006.
2. Nguyễn Đức Lợi (chủ biên). *Giáo trình Khoa học quản lý*. NXB Tài chính, Hà Nội 2008.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

3. Nguyễn Thị Ngọc Huyền (chủ biên), *Giáo trình quản lý học*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012.
4. Harold Koontz. *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*. NXB Khoa học và kỹ thuật, 2004.
5. Đoàn Thị Thu Hà. *Giáo trình khoa học quản lý, tập 2*. NXB Khoa học và kỹ thuật, 2008.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Truyền thông đa phương tiện**

Tiếng Anh: **Multimedia Communications**

Mã học phần: **KTKD10**

Số tín chỉ: 2

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Tin học đại cương, Mạng máy tính và truyền thông số.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức tiếp cận quá trình giao tiếp giữa các đối tượng trong các môi trường đa phương tiện ứng dụng tích hợp âm thanh, hình ảnh, phim, ...; biết cách thu nhận, lưu trữ, xử lý, biểu diễn và truyền tải các dữ liệu đa phương tiện, xây dựng kiến trúc hệ thống truyền thông đa phương tiện, tích hợp các mạng truyền thông đa phương tiện tốc độ cao. Đồng thời cung cấp sinh viên những hiểu biết và triển khai các ứng dụng đa phương tiện trên nền Internet, phục vụ đa dạng công tác truyền thông cho đơn vị mình đang công tác.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được cần đạt được:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	- Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý thuyết và hoạt động của các công nghệ xử lý đa phương tiện (văn bản, âm thanh, hình ảnh, phim, ...). - Giới thiệu, phân tích về các hệ thống truyền thông đa phương tiện và các ứng dụng cơ bản của chúng trong cuộc sống như VoIP, VoD, thư điện tử đa phương tiện, truyền hình tương tác (livestream), ... - Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thu nhận, xử lý, biểu diễn, lưu trữ và truyền thông trên các dữ liệu đa phương tiện.
G2	Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng

	dụng đa phương tiện vào việc truyền thông cho mục tiêu, đối tượng hoặc một tổ chức xác định.
G3	Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

6. CHUẨN ĐẦU RA

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]. Sinh viên biết được trang bị các kiến thức về mỹ thuật, công cụ thiết kế đồ họa căn bản, biên tập audio/video căn bản. [2]. Hiểu được cơ bản về quảng cáo, xử lý kỹ xảo đa phương tiện trong truyền thông. [3]. Hiểu được cơ bản về kỹ thuật chụp hình, quay phim, biên tập các nội dung do mình tạo ra.
G2	[4]. Ứng dụng truyền thông đa phương tiện trong các lĩnh vực giáo dục, dịch vụ, công nghiệp, du lịch, y học, ... [5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.
G3	[6] Có lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Chuẩn đầu ra</i>	<i>Ghi chú</i>
			<i>Số giờ lý thuyết</i>	<i>Thực hành/ Thảo luận</i>		
1	Chương 1: Tổng quan về đa phương tiện	6	4	2	[1], [5] [6]	
2	Chương 3: Nghệ thuật chụp ảnh với hoạt động truyền thông	9	4	5	2], [5], [6]	
3	Chương 3: Nghệ thuật quay phim và dựng clip cho hoạt động truyền thông	9	4	5	[2], [5], [6]	
4	Chương 4: Mạng xã hội và truyền hình tương tác livestream	6	3	3	[3], [4], [5], [6]	
	Cộng	30	15	15		

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN VỀ ĐA PHƯƠNG TIỆN

1.1 Giới thiệu chung

1.2 Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Khái niệm phương tiện

1.2.2. Khái niệm đa phương tiện

1.2.3. Khái niệm truyền thông đa phương tiện (multimedia)

1.3 Các chuẩn multimedia thông dụng

1.4.1. Định nghĩa về chuẩn

1.4.2. Vai trò của chuẩn

1.4.3. Giới thiệu một số chuẩn

1.4 Các vấn đề bản quyền đối với các tác phẩm đa phương tiện

1.5.1. Bản quyền

1.5.2. Vi phạm bản quyền

1.5 Các yêu cầu của hệ thống đa phương tiện

1.8.1. Giới thiệu hệ thống chụp hình, quay phim, hậu kỳ phim ảnh

1.8.2. Thiết bị lưu trữ và quản lý dữ liệu multimedia

1.6 Ứng dụng của truyền thông đa phương tiện

1.6.1 Ứng dụng trong Giáo dục và đào tạo

1.6.2 Ứng dụng trong bán hàng

1.6.3 Ứng dụng trong Hội thảo trực tuyến (hoạt động truyền thông, livestream, ...)

1.6.4 Ứng dụng trong Giải trí

CHƯƠNG 2: NGHỆ THUẬT CHỤP ẢNH VỚI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.2. Lĩnh vực ứng dụng kỹ thuật xử lý ảnh

2.3. Làm quen với máy ảnh và các cách thức chụp ảnh cơ bản

2.4. Các giai đoạn chính trong xử lý ảnh

2.5. Giới thiệu một số phần mềm xử lý ảnh và ứng dụng thực tế

CHƯƠNG 3: NGHỆ THUẬT QUAY PHIM VÀ DỰNG CLIP CHO HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG

3.1. Một số khái niệm cơ bản

3.2. Nén video và một số kỹ thuật nén video

3.3. Giới thiệu máy quay phim và một số cách quay phim cơ bản

3.4. Xử lý video và một số phần mềm biên tập/dựng phim và ứng dụng

CHƯƠNG 4: MẠNG XÃ HỘI VÀ TRUYỀN HÌNH TƯƠNG TÁC LIVESTREAM

4.1. Giới thiệu về mạng xã hội và các mạng xã hội thông dụng

4.2. Giới thiệu về truyền hình tương tác livestream

4.3. Một số phần mềm livestream cơ bản và ứng dụng

8. GIÁO TRÌNH

PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang (2017), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng *Nhập môn đa phương tiện*, Trường Đại học CNTT và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên.

2. Trần Hữu Luyện, Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái.H. Đại học Quốc gia Hà Nội, (2015), *Mạng xã hội với sinh viên (Sách chuyên khảo)*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Megan Knight , Clare Cook (2015), *Social Media for Journalists: Principles and Practice (1st Edition)*, SAGE Publications, Washington DC.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)

2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh**

Tiếng Anh: **Data mining for business analytics**

Mã học phần: **PTDL10**

Số tín chỉ: **3**

2. KHOA/BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu; Nhập môn lập trình phân tích dữ với R và Python.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học này nhằm giới thiệu quá trình khám phá tri thức, các khái niệm, công nghệ, và ứng dụng của khai phá dữ liệu. Ngoài ra, môn học này cũng trình bày các vấn đề tiền xử lý dữ liệu, các tác vụ khai phá dữ liệu, các giải thuật và công cụ khai phá dữ liệu mà có thể được dùng hỗ trợ nhà phân tích dữ liệu và nhà phát triển ứng dụng khai phá dữ liệu. Các chủ đề cụ thể của môn học bao gồm: tổng quan về khai phá dữ liệu, các vấn đề về dữ liệu được khai phá, các vấn đề tiền xử lý dữ liệu, phân loại dữ liệu, gom cụm dữ liệu, khai phá luật kết hợp, phát triển ứng dụng khai phá dữ liệu,...

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học đạt môn học này, sinh viên có thể:

- ✓ Minh họa được các bước trong quá trình khám phá tri thức
- ✓ Mô tả các khái niệm cơ bản, công nghệ và ứng dụng của khai phá dữ liệu trong phân tích kinh doanh
- ✓ Nhận dạng được các vấn đề về dữ liệu trong giai đoạn tiền xử lý cho các tác vụ khai phá dữ liệu
- ✓ Sử dụng các giải thuật và công cụ khai phá dữ liệu để phát triển ứng dụng khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh

6. CHUẨN ĐẦU RA

a) Về kiến thức:

[1]. Mô tả các khái niệm cơ bản, công nghệ và ứng dụng của khai phá dữ liệu;

[2]. Nhận dạng được các vấn đề về dữ liệu trong giai đoạn tiền xử lý cho các tác vụ khai phá dữ liệu;

[3]. Sử dụng các giải thuật và công cụ khai phá dữ liệu để phát triển ứng dụng khai phá dữ liệu cho mục đích phân tích kinh doanh;

[4]. Hiểu được cấu trúc của mạng nơron, phân tích khác biệt và ứng dụng trong phân tích kinh doanh.

b) Về kỹ năng:

[5]. Khả năng hiểu ý nghĩa và vai trò của khai phá dữ liệu trong giải quyết các bài toán thực tế trong kinh tế và kinh doanh ngày nay

[6]. Nhận dạng được các vấn đề về dữ liệu trong giai đoạn tiền xử lý cho các tác vụ khai phá dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu, giảm thiểu kích thước dữ liệu;

[7]. Sử dụng các giải thuật và công cụ khai phá dữ liệu để phát triển ứng dụng khai phá dữ liệu phục vụ phân tích kinh doanh;

c) Về thái độ:

[8]. Chủ động, tích cực, sáng tạo trong quá trình học tập.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
1	Chương 1	8	5	3	[1], [8]	
2	Chương 2	8	5	3	[2], [8]	
3	Chương 3	6	4	2	[2], [5], [6], [8]	
4	Chương 4	8	5	3	[3], [5], [6], [8]	
5	Chương 5	8	6	2	[4], [6], [7], [8]	
6	Chương 6	7	5	2	[5], [7], [8]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KHAI PHÁ DỮ LIỆU

Chương này cũng cấp những bước đầu tiên và quan trọng về khai phá dữ liệu, ý tưởng và quy trình khai phá dữ liệu. Ngoài ra, chương 1 cũng sẽ giới thiệu cho người học sử dụng ngôn ngữ lập trình R để khai thác dữ liệu trên máy cục bộ và tự động hóa giải pháp khai thác dữ liệu.

- 1.1. Phân tích kinh doanh là gì?
- 1.2. Khai phá dữ liệu là gì?
- 1.3. Khai phá dữ liệu và các vấn đề liên quan

- 1.4. Ý tưởng cốt lõi trong khai phá dữ liệu
 - 1.4.1. Phân loại
 - 1.4.2. Dự đoán
 - 1.4.3. Quy tắc và hệ thống khuyến nghị
 - 1.4.4. Phân tích dự đoán
 - 1.4.5. Giảm dữ liệu và giảm kích thước
 - 1.4.6. Khám phá dữ liệu và trực quan hóa
 - 1.4.7. Học tập có giám sát và không giám sát
- 1.5. Tổng quan về quy trình khai thác dữ liệu
- 1.6. Các bước sơ bộ
 - 1.6.1. Tổ chức dữ liệu
 - 1.6.2. Tải và xem dữ liệu trong R
 - 1.6.3. Lấy mẫu từ cơ sở dữ liệu
 - 1.6.4. Tiền xử lý và làm sạch dữ liệu
- 1.7. Dự báo sức mạnh và quá mức
 - 1.7.1. Quá mức
 - 1.7.2. Tạo và sử dụng phân vùng dữ liệu
- 1.8. Xây dựng mô hình dự đoán
- 1.9. Sử dụng R để khai thác dữ liệu trên máy cục bộ
- 1.10. Tự động hóa giải pháp khai thác dữ liệu

CHƯƠNG 2. TRỰC QUAN HÓA DỮ LIỆU

Trong chương 2, học viên sẽ được tiếp cận công cụ để trực quan hóa dữ liệu như trực quan đa chiều, trực quan chuyên biệt. Ngoài ra, thông qua các ví dụ minh họa thực tế ở chương này sẽ giúp người học hiểu rõ hơn các lý thuyết đã giới thiệu trước đó.

- 2.1. Công dụng của trực quan hóa dữ liệu
- 2.2. Ví dụ về dữ liệu
 - 2.2.1. Ví dụ 1: Dữ liệu nhà ở Boston
 - 2.2.2. Ví dụ 2: Hành khách trên xe lửa Amtrak
- 2.3. Biểu đồ cơ bản: Biểu đồ thanh, biểu đồ đường và sơ đồ phân tán
 - 2.3.1. Vẽ biểu đồ phân phối: Boxplots và Histograms
 - 2.3.2. Heatmap: Trực quan hóa các mối tương quan và các giá trị bị thiếu
- 2.4. Trực quan đa chiều
 - 2.4.1. Thêm biến: Màu sắc, kích thước, hình dạng, nhiều bảng và hoạt hình
 - 2.4.2. Thao tác: Thay đổi kích thước, Tập hợp và phân cấp, Thu phóng, Lọc
 - 2.4.3. Tham khảo: Đường xu hướng và Nhân
 - 2.4.4. Mở rộng lên đến bộ dữ liệu lớn
 - 2.4.5. Vẽ biểu đồ đa biến: Tọa độ song song
 - 2.4.6. Trực quan tương tác
- 2.5. Trực quan chuyên biệt
 - 2.5.1. Trực quan hóa dữ liệu nối mạng
 - 2.5.2. Trực quan hóa dữ liệu phân cấp: Treemaps
 - 2.5.3. Trực quan hóa dữ liệu địa lý: Biểu đồ bản đồ

- 2.6. Tóm tắt: Trực quan hóa và Hoạt động chính, theo mục tiêu khai thác dữ liệu
 - 2.6.1. Dự đoán
 - 2.6.2. Phân loại
 - 2.6.3. Dự báo chuỗi thời gian
 - 2.6.4. Học tập không giám sát

CHƯƠNG 3. GIẢM CHIỀU DỮ LIỆU (DIMENSIONALITY REDUCTION)

Khi đối mặt với các bài toán cụ thể ngoài thực tế, có khả năng số lượng chiều rất lớn, điều này gây nhiều trở ngại về tốc độ tính toán và khả năng dự đoán của mô hình. Do đó, chương 3 sẽ giới thiệu các cách thức để giảm thiểu chiều dữ liệu thông qua mô hình hồi quy và cây phân loại. Ngoài ra chương này còn giới thiệu về sự hạn chế của số chiều dữ liệu, cách thức phân tích tương quan và phân tích thành phần chính.

- 3.1. Sự không chế của số chiều dữ liệu
- 3.2. Ví dụ 1: Giá nhà ở Boston
- 3.3. Tóm tắt dữ liệu
 - 3.3.1. Tóm tắt thống kê
 - 3.3.2. Bảng tổng hợp và Pivot
- 3.4. Phân tích tương quan
- 3.5. Phân tích thành phần chính
 - 3.5.1. Ví dụ 2: Ngũ cốc ăn sáng
 - 3.5.2. Thành phần chính
 - 3.5.3. Chuẩn hóa dữ liệu
 - 3.5.4. Sử dụng các thành phần chính để phân loại và dự đoán
- 3.6. Giảm chiều dữ liệu bằng mô hình hồi quy
- 3.7. Giảm chiều dữ liệu bằng cách sử dụng cây phân loại và hồi quy

CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ HIỆU SUẤT DỰ ĐOÁN

Trong chương 4 sẽ cung cấp cho người học những kiến thức để đánh giá hiệu suất dự đoán thông qua phân loại đánh giá quy tắc ngây thơ (Naive), tách lớn, ma trận nhầm lẫn, chi phí phân loại sai đối xứng, hiệu suất trong trường hợp các lớp không đồng đều, ... Ngoài ra, người học sẽ được tiếp cận đánh giá hiệu suất xếp hạng, đánh giá hiệu suất mô hình bằng cách sử dụng bộ xác thực không chồng chéo và chồng chéo.

- 4.1. Đánh giá hiệu suất dự đoán
 - 4.1.1. Điểm chuẩn Naive: Trung bình.
 - 4.1.2. Đo lường độ chính xác dự đoán
 - 4.1.3. So sánh hiệu suất đào tạo và xác nhận
 - 4.1.4. Biểu đồ thang máy
- 4.2. Hiệu suất phân loại đánh giá
 - 4.2.1. Điểm chuẩn: Quy tắc Naive
 - 4.2.2. Tách lớp

- 4.2.3. Ma trận nhầm lẫn (phân loại)
- 4.2.4. Sử dụng dữ liệu xác nhận
- 4.2.5. Đo lường chính xác
- 4.2.6. Hiệu suất trong trường hợp các lớp không đồng đều
- 4.2.7. Chi phí phân loại sai đối xứng
- 4.2.8. Tổng quát hóa cho nhiều hơn hai lớp
- 4.3. Đánh giá hiệu suất xếp hạng
 - 4.3.1. Biểu đồ thang máy cho dữ liệu nhị phân
 - 4.3.2. Biểu đồ thang máy Decile
 - 4.3.3. Ngoài hai lớp
 - 4.3.4. Biểu đồ thang máy kết hợp chi phí và lợi ích
 - 4.3.5. Thang máy như là một hàm của Cutoff
- 4.4. Mẫu quá khổ
 - 4.4.1. Tập huấn mẫu quá khổ
 - 4.4.2. Đánh giá hiệu suất mô hình bằng cách sử dụng bộ xác thực không chồng chéo
 - 4.4.3. Đánh giá hiệu suất mô hình nếu chỉ tồn tại bộ xác thực chồng chéo

CHƯƠNG 5. MẠNG NƠRON

Chương 5 là một chương quan trọng của môn học cung cấp cho người học khái niệm và cấu trúc mạng nơ-ron là các công cụ mô hình hóa dữ liệu thống kê phi tuyến, chúng có thể được dùng để mô hình hóa các mối quan hệ phức tạp giữa dữ liệu vào và kết quả hoặc để tìm kiếm các dạng/mẫu trong dữ liệu. Từ kết quả nghiên cứu ở chương này sẽ là tiền đề để có thể ứng dụng tập dữ liệu lớn ở các môn học sau.

- 5.1. Khái niệm và cấu trúc của mạng nơron
- 5.2. Dữ liệu mạng nơron
 - 5.2.1. Ví dụ 1: Bộ dữ liệu nhỏ
 - 5.2.2. Tính toán đầu ra của các nút
 - 5.2.3. Tiền xử lý dữ liệu
 - 5.2.4. Mô hình đào tạo
 - 5.2.5. Ví dụ 2: Phân loại mức độ nghiêm trọng của tai nạn
 - 5.2.6. Sử dụng đầu ra để dự đoán và phân loại
- 5.3. Yêu cầu nhập liệu với người dùng
- 5.4. Khám phá mối quan hệ giữa Người dự đoán và Kết quả
- 5.5. Ưu điểm và nhược điểm của mạng nơron

CHƯƠNG 6. PHÂN CỤM DỮ LIỆU (DATA CLUSTERING)

Trong chương này người học sẽ thuật toán phân cụm dữ liệu, kỹ thuật phân hạch thông qua các thuật toán. Đây là kỹ thuật sẽ rất hữu ích trong việc đánh giá và chia dữ liệu thành các nhóm người dùng khác nhau, rồi từ đó ta có thể đưa ra những chiến lược kinh doanh phù hợp trên từng nhóm người dùng đó.

- 6.1. Bài toán phân cụm dữ liệu

- 6.1.1. Phát biểu bài toán
- 6.1.2. Ứng dụng của bài toán
- 6.1.3. Đánh giá kết quả phân cụm
- 6.1.4. Các yêu cầu khi thực hiện phân cụm
- 6.1.5. Các tiếp cận chính giải bài toán phân cụm
- 6.2. Kỹ thuật phân hoạch
 - 6.2.1. Thuật toán K-Mean
 - 6.2.2. Đánh giá ưu nhược điểm của thuật toán
 - 6.2.3. Các cải tiến của K-Mean
 - 6.2.4. Thuật toán FCM
- 6.3. Một số tiếp cận phân cụm khác
 - 6.3.1. Các tiếp cận theo cấp bậc (cây)
 - 6.3.2. Phân cụm dựa theo lưới (grid)
- 6.4. Triển khai ứng dụng khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh

8. GIÁO TRÌNH

1. Nguyễn Hà Nam, Nguyễn Trí Thành, Hà Quang Thụy (2013), *Giáo trình khai phá dữ liệu*, NXB ĐHQGHN.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Galit Shmueli, Peter C. Bruce, Inbal Yahav, Nitin R. Patel, Kenneth C. Lichtendahl Jr. (2018), *Data mining for business analytics: Concepts, Techniques and Applications in R*, John Wiley & Sons Inc.
2. Michael J. A. Berry, Gordon S. Linoff (2004), *Data Mining Techniques For Marketing, Sales, and Customer Relationship Management*, Wiley Computer Publishing.
3. Megan Squire (2016), *Mastering Data Mining with Python*, Packt Publishing - ebooks Account.
4. Da Ruan, Guoqing Chen, Etienne E. Kerre, Geert Wets (2005), *Intelligent data mining techniques and applications*, Springer, Studies in Computational Intelligence, Volume 5.
5. Jiawei Han, Micheline Kamber, Jian Pei (2012), *Data Mining: Concepts and Techniques*, Third Edition, Morgan Kaufmann Publishers.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

- Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Tự nghiên cứu	
--	-----------------	--

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Phân tích dữ liệu lớn với R**

Tiếng Anh: **Big Data Analytics with R**

Mã học phần: **PTDL12**

Số tín chỉ: **3**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: BM. Toán Kinh tế - Khoa Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh, Nhập môn lập trình với R và Python.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này cung cấp cho người học các phương pháp xử lý dữ liệu, tổng hợp, kiểm định thống kê và thuật toán máy học trên phần mềm R với cú pháp dễ dàng thao tác và thân thiện với người dùng. Trong học phần này, người học sẽ được tiếp xúc với nhiều hàm R cốt lõi và một loạt các gói lệnh của bên thứ ba được duy trì một cách tích cực cho phép người dùng R được hưởng lợi từ hầu hết các công nghệ và khung dữ liệu lớn tiên tiến gần đây, như Hadoop, Spark, H2O, các cơ sở dữ liệu dựa trên SQL truyền thống, chẳng hạn như SQLite, MariaDB và PostgreSQL. Bằng cách thực hành theo các bài tập với dữ liệu thực tế, người học sẽ trải nghiệm trực tiếp cách tất cả các công cụ này được tích hợp với R thông qua tất cả các bước của Big Data Product Cycle, từ việc nhập dữ liệu và quản lý dữ liệu đến các kỹ thuật phân tích nâng cao và mô hình dự báo.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Cung cấp cho người học các nền tảng ban đầu về phân tích và xử lý dữ liệu lớn với các công cụ MapReduce, Apache Hadoop, Hadoop Ecosystem và NoSQL và các nền tảng nâng cao về phân tích và xử lý dữ liệu lớn với các công cụ MongoDB, Hbase và Apache Spark.

6. CHUẨN ĐẦU RA

a) Về kiến thức:

[1]. Sinh viên nắm được các phương pháp xử lý dữ liệu, kiểm định thống kê, thuật toán trên phần mềm R;

[2]. Sinh viên nắm được kỹ thuật cơ bản để xử lý dữ liệu với R/Python và các gói lệnh của bên thứ ba như Hadoop, Spark, H2O, các cơ sở dữ liệu dựa trên SQL truyền thống, chẳng hạn như SQLite, MariaDB và PostgreSQL.

[3]. Sinh viên hiểu được các công nghệ để đánh giá và giải quyết các vấn đề cốt lõi khi phân tích dữ liệu lớn trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh của tổ chức/đơn vị.

b) Về kỹ năng:

[4]. Kỹ năng quản lý dữ liệu và các kỹ thuật phân tích cơ bản trên các bộ dữ liệu thực tiễn qua tất cả các bước của Big Data Product Cycle.

[5]. Kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng Anh.

c) Về thái độ:

[6]. Sinh viên cần cầu thị, nghiêm túc và trung thực trong học tập và kiểm tra; chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện bài tập nhóm.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận		
1	Chương 1:	5	3	2	[1], [5]	
2	Chương 2:	8	6	2	[2], [5], [6]	
3	Chương 3:	8	6	2	[2], [3], [5]	
4	Chương 4:	8	5	3	[2], [3], [4], [5]	
5	Chương 5:	8	5	3	[3], [4], [5], [6]	
6	Chương 6:	8	5	3	[3], [3], [5], [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU LỚN

Chương đầu tiên giới thiệu tổng quan về phân tích dữ liệu lớn, miễn của Dữ liệu lớn, trình điều khiển cho các phân tích và vai trò của nhà phân tích dữ liệu. Chương này cũng trình bày vòng đời dự án phân tích được thiết kế cho các đặc điểm và thách thức cụ thể của phân tích dựa trên giả thuyết với Dữ liệu lớn.

1.1 Tổng quan về dữ liệu lớn

- 1.1.1 Cấu trúc dữ liệu
- 1.1.2 Quan điểm của nhà phân tích về kho dữ liệu
- 1.1.3 Vai trò chính cho hệ sinh thái dữ liệu lớn mới
- 1.1.4 Ví dụ về Phân tích dữ liệu lớn

1.2 Trạng thái thực hành trong phân tích

- 1.2.1 Kinh doanh thông minh và khoa học dữ liệu
- 1.2.2 Kiến trúc phân tích hiện tại
- 1.2.3 Trình điều khiển dữ liệu lớn
- 1.2.4 Hệ sinh thái dữ liệu lớn mới nổi và cách tiếp cận mới đối với phân tích

1.3 Vòng đời phân tích dữ liệu

- 1.3.1 Tổng quan về vòng đời phân tích dữ liệu
- 1.3.2 Giai đoạn 1: Khám phá
- 1.3.3 Giai đoạn 2: Chuẩn bị dữ liệu
- 1.3.4 Giai đoạn 3: Lập kế hoạch mô hình
- 1.3.5 Giai đoạn 4: Xây dựng mô hình
- 1.3.6 Giai đoạn 5: Truyền đạt kết quả
- 1.3.7 Giai đoạn 6: Vận hành
- 1.3.8 Nghiên cứu điển hình: Phân tích và mạng lưới đổi mới toàn cầu (GINA)

CHƯƠNG 2. R VỚI CÁC HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ

Chương này hướng dẫn bạn thông qua quá trình thiết lập và triển khai cơ sở dữ liệu SQL truyền thống, ví dụ, SQLite, PostgreSQL và MariaDB/MySQL, có thể dễ dàng tích hợp với dữ liệu dựa trên quy trình công việc phân tích dữ liệu với R hiện hành. Chương này cũng cung cấp thông tin chi tiết về cách xây dựng và khai thác từ một máy chủ cơ sở dữ liệu quan hệ có khả năng mở rộng cao của Amazon và truy vấn các bản ghi của nó một cách trực tiếp từ R.

2.1 Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quan hệ (RDBMSs)

- 2.1.1 Tổng quan về hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ đã được sử dụng
- 2.1.2 Cấu trúc ngôn ngữ truy vấn (SQL)

2.2 SQLite với R

- 2.2.1 Chuẩn bị và nhập dữ liệu vào một cơ sở dữ liệu SQLite đại phương
- 2.2.2 Kết nối với SQLite từ RStudio

2.3 MariaDB với R trên một trường hợp Amazon EC

- 2.3.1 Chuẩn bị trường hợp EC2 và máy chủ RStudio để sử dụng
- 2.3.2 Chuẩn bị MariaDB và dữ liệu để sử dụng
- 2.3.3 Làm việc với MariaDB từ RStudio

2.4 PostgreSQL với R trên Amazon RD

- 2.4.1 Ra mắt một trường hợp cơ sở dữ liệu Amazon RDS
- 2.4.2 Chuẩn bị và tải dữ liệu đến Amazon RDS
- 2.4.3 Truy vấn từ xa PostgreSQL trên Amazon RDS từ RStudio

2.5. Bài tập thực hành

CHƯƠNG 3. R VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÔNG CÓ QUAN HỆ (NoSQL)

Chương này xây dựng các kỹ năng có được trong các chương trước và cho phép bạn kết nối R với hai cơ sở dữ liệu không có quan hệ phổ biến là: a.) MongoDB nhanh và thân thiện với người dùng được cài đặt trên máy ảo chạy Linux và b.) Cơ sở dữ liệu HBase hoạt động trên cụm Hadoop chạy như một phần của dịch vụ Azure HDInsight.

3.1 Giới thiệu về cơ sở dữ liệu NoSQL

3.2 MongoDB với R

- 3.2.1 Giới thiệu về MongoDB
- 3.2.2 Cài đặt MongoDB với R trên Amazon EC2.
- 3.2.3 Xử lý Dữ liệu lớn sử dụng MongoDB với R.

3.3 HBase với R

- 3.3.1 Azure HDInsight với HBase và máy chủ RStudio
- 3.3.2 Nhập dữ liệu vào HDFS và HBase
- 3.3.3 Đọc và truy vấn HBase sử dụng gói lệnh rhbase

Tài liệu tham khảo chương:

1. Simon Walkowiak (2016), *Big Data Analytics with R*, Packt Publishing Ltd. Birmingham B3 2PB, UK.
2. Vignesh Prajapati (2013), *Big Data Analytics with R and Hadoop*, Packt Publishing Ltd. Birmingham B3 2PB, UK.

CHƯƠNG 4. SPARK CÙNG R

Chương này trình bày một ví dụ thực tế và giải thích chi tiết về tích hợp R với quy trình công việc Apache Spark để thao tác và phân tích dữ liệu lớn một cách nhanh hơn. Ngoài ra, chương này chỉ ra cách sử dụng cơ sở dữ liệu Hive như một nguồn dữ liệu cho Spark trên cụm nhiều nút có cài đặt Hadoop và Spark.

4.1. Spark với phân tích dữ liệu lớn

4.2. Spark với R trên một cụm HDInsight nhiều nút

- 4.2.1. Ra mắt HDInsight với Spark và R/RStudio
- 4.2.2. Đọc dữ liệu vào HDFS và Hive
- 4.2.3. Phân tích cổ phiếu xe đạp vùng vịnh sử dụng Spark

4.3. Bài tập thực hành

CHƯƠNG 5. CÁC PHƯƠNG PHÁP MÁY HỌC DÙNG CHO DỮ LIỆU LỚN TRONG R

Chương 5 đưa bạn vào cuộc hành trình qua các phân tích dự đoán tiên tiến nhất có sẵn trong R. Trước tiên, bạn sẽ thực hiện các Mô hình tuyến tính tổng quát có tính tối ưu cao và nhanh chóng bằng việc sử dụng thư viện Spark MLlib trên cụm nhiều nút Spark HDInsight. Trong phần thứ hai của chương này, bạn sẽ triển khai Naive Bayes và các thuật toán Mạng thần kinh đa lớp bằng cách sử dụng kết nối của R với H2O - một nền tảng học máy phân tán dữ liệu lớn, mã nguồn mở.

5.1 Học máy với R

- 5.1.1 Các phương pháp học máy giám sát và không giám sát
- 5.1.2 Phân loại và các thuật toán cụm
- 5.1.3 Phương pháp học máy với R
- 5.1.4 Các công cụ học máy dữ liệu lớn

5.2 Ví dụ GLM với Spark và R trên cụm HDInsight

- 5.2.1 Chuẩn bị cụm Spark và đọc dữ liệu từ HDFS
- 5.2.2 Hồi quy Logistic trong Spark với R

5.3 Naive Bayes với H2O trên Hadoop với R

- 5.3.1 Chạy một H2O trên Hadoop với R
- 5.3.2 Đọc và khám phá dữ liệu trong H2O
- 5.3.3 Naive Bayes trên H2O với R

5.4 Neural Networks (mạng lưới thần kinh) với H2O trên Hadoop với R

- 5.4.1 Neural Networks làm việc như thế nào?
- 5.4.2 Chạy các mô hình Deep Learning trên H2O

CHƯƠNG 6. TRIỂN VỌNG CỦA R – DỮ LIỆU THÔNG MINH

Chương này thảo luận về các lĩnh vực phát triển tiềm năng cho ngôn ngữ R và các cơ hội của nó trong bối cảnh các công cụ dữ liệu lớn ngày càng phát triển.

6.1 Các câu lệnh phân tích dữ liệu lớn hiện thời với R

- 6.1.1 Dữ liệu tràn bộ nhớ trên một máy đơn
- 6.1.2 Xử lý dữ liệu nhanh hơn với R
- 6.1.3 Hadoop với R
- 6.1.4 Spark với R
- 6.1.5 R với cơ sở dữ liệu
- 6.1.6 Học máy với R

6.2 Triển vọng của R

- 6.2.1 Dữ liệu lớn
- 6.2.2 Dữ liệu nhanh

6.2.3 Dữ liệu thông minh

8. GIÁO TRÌNH:

1. EMC Education Services (2015), *Data Science & Big Data Analytics: Discovering, Analyzing, Visualizing and Presenting Data*, John Wiley & Sons, Inc., Indianapolis, Indiana.
2. Vignesh Prajapati (2013), *Big Data Analytics with R and Hadoop*, Packt Publishing Ltd. Birmingham B3 2PB, UK.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

3. Mohammed Guller (2015), *Big Data Analytics with Spark, A Practitioner's Guide to Using Spark for Large Scale Data Analysis*, Apress, Springer Science+Business Media New York.
4. Simon Walkowiak (2016), *Big Data Analytics with R*, Packt Publishing Ltd. Birmingham B3 2PB, UK.
5. Bernard Marr, *Big Data in Practice_ How 45 Successful Companies Used Big data Analytics to Deliver Extraordinary Results*, Wiley Press, 2016.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận - Bài tập lớn - Nghiên cứu tình huống - Nói chuyện chuyên đề - Đi thực tế	- Nghe giảng - Thảo luận - Nghiên cứu tình huống - Tự nghiên cứu	- Phương pháp động tư duy - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)

2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

11. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

Chương 2

2.4 PostgreSQL với R trên Amazon RD

2.4.1 Ra mắt một trường hợp cơ sở dữ liệu Amazon RDS

2.4.2 Chuẩn bị và tải dữ liệu đến Amazon RDS

2.4.3 Truy vấn từ xa PostgreSQL trên Amazon RDS từ RStudio

Chương 5

5.4 Neural Networks (mạng lưới thần kinh) với H2O trên Hadoop với R

5.4.1 Neural Networks làm việc như thế nào?

5.4.2 Chạy các mô hình Deep Learning trên H2O

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Quản trị chiến lược**

Tiếng Anh: **Strategic Management**

Mã học phần: QTCL01

Số tín chỉ: **3**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Quản trị doanh nghiệp

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế vi mô, Quản trị học

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp xây dựng chiến lược, xác định đường đi nước bước cho các doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi hiện nay. Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc của toàn bộ khối ngành quản trị kinh doanh, và là học phần lựa chọn của nhiều ngành khác. Học phần này cung cấp những kiến thức và phương pháp phân tích môi trường kinh doanh, đánh giá thế mạnh, điểm yếu và các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, các phương pháp lựa chọn chiến lược.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
G1	<i>Về kiến thức:</i> Hiểu rõ chiến lược và tầm quan trọng của Quản trị chiến lược trong việc phát triển các doanh nghiệp.
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Biết cách tiến hành các bước cần thiết để xây dựng chiến lược cho doanh nghiệp. Biết vận dụng kỹ thuật phân tích PEST, năm áp lực cạnh tranh và ma trận SWOT cho doanh nghiệp

G3	<i>Về thái độ:</i> Hiểu rõ ba chiến lược cơ bản của M Porter mà doanh nghiệp có thể chọn lựa.
-----------	---

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]Nắm được tổng quan về chiến lược, các cấp chiến lược và quản trị chiến lược: Tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu của doanh nghiệp. [2]Phân tích được các yếu tố môi trường ngoài tác động tới doanh nghiệp và các yếu tố nội bộ của doanh nghiệp theo các cách tiếp cận. [3]Xây dựng được các phương án chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp.
G2	[4]Thành thạo một số công cụ phân tích môi trường và xây dựng chiến lược: ma trận IFE, EFE, IE, mô hình SWOT, mô hình BCG. [5]Kỹ năng làm việc nhóm, nghiên cứu khoa học, phân tích và giải quyết tình huống.
G3	[6]Có tinh thần trách nhiệm cao, cùng đóng góp giá trị trong công việc hiện tại và hoàn thành mục tiêu cho tổ chức/doanh nghiệp trong dài hạn.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1 - Tổng quan về quản trị chiến lược	6	4	2	[1], [5], [6]
2	Chương 2 - Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược	6	4	2	[2], [4], [6]
3	Chương 3 - Phân tích môi trường bên ngoài	6	4	2	[2], [4], [5], [6]
4	Chương 4 - Phân tích nội bộ doanh nghiệp	6	4	2	[2], [4], [5], [6]

5	Chương 5 - Các chiến lược cạnh tranh cơ bản	9	6	3	[3], [5], [6]
6	Chương 6 - Phân tích và lựa chọn chiến lược	9	6	3	[3], [4], [5], [6]
7	Chương 7 - Thực thi và đánh giá chiến lược	3	2	1	[1], [5], [6]
	CỘNG	45	30	15	

CHƯƠNG 1 - TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

1.1. Chiến lược và vai trò của chiến lược trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và các quan điểm về chiến lược trong doanh nghiệp

1.1.2. Đặc trưng của chiến lược

1.1.3. Vai trò của chiến lược trong doanh nghiệp

1.2. Bản chất của quản trị chiến lược và giá trị của nó.

1.2.1. Định nghĩa về quản trị chiến lược

1.2.2. Ý nghĩa của quản trị chiến lược

1.3. Nội dung ba giai đoạn của quản trị chiến lược

1.3.1. Xây dựng chiến lược

1.3.2. Thực thi chiến lược

1.3.3. Đánh giá chiến lược

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 5, 10, tài liệu [1]

1.1.3. Vai trò của chiến lược trong doanh nghiệp

1.2.2. Ý nghĩa của quản trị chiến lược

CHƯƠNG 2 - NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP

2.1. Tầm nhìn của DN

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Cách xây dựng tầm nhìn của DN

2.2. Sứ mệnh của DN

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Cách xây dựng sứ mệnh của DN

2.3.Xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp

2.1.1. Thực chất, yêu cầu xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp

2.1.2. Xác định lĩnh vực kinh doanh

2.4.Mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

2.2.1.Thực chất và phân loại mục tiêu chiến lược

2.2.2.Cách thức và yêu cầu xác định hệ thống mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

2.5. Trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh

2.3.1. Trách nhiệm xã hội

2.3.2. Chiến lược và đạo đức kinh doanh

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 42, 46, tài liệu[1]

2.3.2. Chiến lược và đạo đức kinh doanh

CHƯƠNG 3 - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI:

XÁC ĐỊNH CƠ HỘI VÀ NGUY CƠ

3.1. Phân tích môi trường vĩ mô

3.1.1. Môi trường kinh tế

3.1.2. Môi trường công nghệ

3.1.3. Môi trường văn hoá - xã hội

3.1.4. Môi trường tự nhiên

3.1.5. Môi trường luật pháp và chính trị

3.1.6. Môi trường toàn cầu

3.2. Phân tích môi trường ngành kinh doanh

3.2.1. Phân tích đối thủ cạnh tranh hiện tại

3.2.2. Phân tích cạnh tranh tiềm ẩn

3.2.3.Phân tích nhà cung ứng

3.2.4. Phân tích khách hàng

3.2.5. Sản phẩm thay thế

3.3. Xác định ma trận EFE của một doanh nghiệp

3.3.1. Khái niệm, ý nghĩa ma trận EFE

3.3.2. Cách xác định và đánh giá phản ứng của doanh nghiệp về cơ hội và thách thức thông qua ma trận EFE

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 56, tài liệu [1]

3.3.2. Cách xác định và đánh giá phản ứng của DN về cơ hội và thách thức thông qua ma trận EFE

CHƯƠNG 4 - PHÂN TÍCH NỘI BỘ DOANH NGHIỆP

4.1. Yêu cầu và nội dung của phân tích môi trường bên trong doanh nghiệp

4.1.1. Yêu cầu

4.1.2. Nội dung

4.2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu theo các chức năng quản trị

4.2.1. Phân tích điểm mạnh

4.2.2. Phân tích điểm yếu

4.3. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu theo các lĩnh vực quản trị

4.3.1. Phân tích điểm mạnh

4.3.2. Phân tích điểm yếu

4.4. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu theo chuỗi giá trị

4.4.1. Phân tích điểm mạnh

4.4.2. Phân tích điểm yếu

4.5. Xác định ma trận IFE của một doanh nghiệp

4.5.1. Khái niệm, ý nghĩa ma trận IFE

4.5.2. Cách xác định và đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp qua ma trận IFE

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 69, tài liệu [1]

CHƯƠNG 5 - CÁC CHIẾN LƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP

5.1. Chiến lược cấp doanh nghiệp

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Giới thiệu các chiến lược cấp DN

5.2. Chiến lược cấp đơn vị kinh doanh

5.2.1. Khái niệm

5.2.2. Giới thiệu các chiến lược cấp đơn vị kinh doanh

5.3. Chiến lược cấp chức năng

5.3.1. Khái niệm

5.3.2. Giới thiệu các chiến lược cấp chức năng

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 165, 201, 239, tài liệu [1]

5.1.2. Giới thiệu các chiến lược cấp DN

5.2.2. Giới thiệu các chiến lược cấp đơn vị kinh doanh

5.3.2. Giới thiệu các chiến lược cấp chức năng

CHƯƠNG 6 – PHÂN TÍCH VÀ LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC

6.1. Lựa chọn chiến lược của DN qua ma trận SWOT

6.1.1. Khái niệm ma trận SWOT

6.1.2. Thực hành phân tích SWOT

6.2 Lựa chọn chiến lược của DN qua ma trận IE

6.2.1. Khái niệm ma trận IE

6.1.2. Thực hành lựa chọn chiến lược qua ma trận IE

6.3. Lựa chọn chiến lược của DN qua ma trận BCG

6.3.1. Giới thiệu ma trận BCG

6.3.2. Thực hành lựa chọn chiến lược qua ma trận BCG

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 305, tài liệu [1]

6.1.2. Thực hành phân tích SWOT

6.1.2. Thực hành lựa chọn chiến lược qua ma trận IE

6.3.2. Thực hành lựa chọn chiến lược qua ma trận BCG

CHƯƠNG 7 – THỰC THI VÀ ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC

7.1. Thực thi chiến lược

7.1.1. Khái niệm

7.1.2. Yêu cầu

7.1.3. Nội dung thực thi chiến lược

7.2. Kiểm soát chiến lược

7.2.1. Khái niệm

7.2.2. Nội dung kiểm soát chiến lược

Hướng dẫn tự học

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tự trả lời câu hỏi ở cuối mỗi chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo: trang 329, 399, tài liệu [1]

7.1.3. Nội dung thực thi chiến lược

7.2.2. Nội dung kiểm soát chiến lược

8. GIÁO TRÌNH

1. Ngô Kim Thanh (2014), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Ngô Kim Thanh (2013), *Bài tập Quản trị chiến lược*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

3. Fred R David (2013), *Strategic Management: Concepts*, Prentice Hall.
4. Hitt (2006), *Strategic Management: Concepts and Cases*, South-Western.
5. Ansoff (2007), *Strategic Management Classic Edition*, Palgrave Macmillan.
6. Charles W. L. Hill & Gareth R. Jones (2006), *Strategic Management – An integrated approach*, Prentil Hall, New Jersey.
7. Michael. Porter (1996), *Chiến lược cạnh tranh*, sách dịch, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
8. Sách dịch QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC - KHÁI LUẬN VÀ CÁC TÌNH HUỐNG (Tác giả Fred. David, Trường ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh dịch)
9. Tài liệu học tập môn Quản trị chiến lược của Topica, truy cập trên <https://topica.edu.vn/>

11. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

11.1. Phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình (chính) - Thảo luận trực tiếp - Nghiên cứu tình huống - Mời chuyên gia thuyết trình tình huống thực tế	- Nghe giảng tích cực - Thảo luận - Đọc tài liệu, xem video - Nghiên cứu tình huống - Đặt câu hỏi thảo luận	- Thảo luận qua Google Class room - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp hoạt động nhóm

11.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (5%) - Đi học đầy đủ (10%) - Tích cực trên Google Class room (5%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Vũ Thị Minh Luận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Quản trị chuỗi cung ứng**

Tiếng Anh: **Supply chain management**

Mã học phần: **QTCU04**

Số tín chỉ: **03**

2. KHOA PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Khoa Quản trị doanh nghiệp

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Quản trị học

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạch định và quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Nội dung cụ thể được đề cập đến bao gồm: khái niệm chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng toàn cầu và logistics, chiến lược hoạch định và vận hành chuỗi cung ứng, cách thức xây dựng hệ thống logistics, chiến lược thu mua, chiến lược sản xuất và chiến lược đáp ứng nhu cầu khách hàng trong chuỗi cung ứng, hệ thống vận tải và quản trị hệ thống vận tải, hệ thống thông tin logistics và hệ thống hỗ trợ quyết định... Cùng với đó, sinh viên sẽ được thảo luận các chủ đề liên quan như: vai trò và tầm quan trọng của quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, sự phát triển của công nghệ thông tin tác động như thế nào đến quản lý chuỗi cung ứng ngày nay.

Kết thúc mỗi nội dung, học phần sẽ đưa ra các tình huống thực tế để giúp học viên hiểu sâu lý thuyết và ứng dụng vào thực tiễn. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho học viên các kiến thức thực tiễn ở Việt Nam thông qua phân tích, thảo luận và đánh giá một số tình huống, thực trạng hoạt động quản trị chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị đầy đủ về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, cụ thể:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Mục tiêu học phần</i>
----------------	--------------------------

G1	<i>Về kiến thức:</i> Trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, tầm quan trọng, mục đích, phương pháp và các kỹ thuật xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực này.
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Hoàn thiện kỹ năng và sử dụng tốt các công cụ quản trị chuỗi cung ứng.
G3	<i>Về thái độ:</i> Có khả năng vận dụng kiến thức quản trị chuỗi cung ứng để lập kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh với các bên tham gia khác trong chuỗi cung ứng.

6. CHUẨN ĐẦU RA:

<i>Mục tiêu</i>	<i>Chuẩn đầu ra</i>
G1	[1]Người học được trang bị kiến thức toàn diện về quản trị chuỗi cung ứng,... [2]giúp người học có tư duy quản trị mới theo nguyên lý chuỗi cung ứng. [3] Nắm được 6 khâu trong quy trình trọng tâm của quản trị chuỗi cung ứng bao gồm: lập kế hoạch, sản xuất dịch vụ, mua sắm, phân phối, logistics ngược, và hệ thống quy trình công nghệ.
G2	[4]Hình thành các kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn thông qua sự trải nghiệm các tình huống (case study) thực tế. [5]Lãnh đạo, làm việc nhóm, xây dựng công việc hiệu quả và khoa học, giao tiếp và đàm phán, trình bày và thuyết phục.
G3	[6]Có tinh thần làm việc tích cực, độc lập, sáng tạo, quyết đoán, có tinh thần kỷ luật, làm việc với áp lực cao.

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Chuẩn đầu ra	Ghi chú
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành		
1	Tổng quan về chuỗi cung ứng	7	5	2	[1], [4];[6]	
2	Dự báo và hoạch định nhu cầu	6	4	2	[2], [3], [5]; [6]	
3	Quản lý nguyên vật liệu và mua sắm	7	5	2	[1], [3], [5]; [6]	
4	Quyết định về kho hàng và dự trữ trong chuỗi cung ứng	6	4	2	[1], [3], [4], [5]; [6]	
5	Vận tải – Quản lý luân chuyển hàng hóa trong chuỗi cung ứng	6	4	2	[1], [2], [4], [5]; [6]	
6	Logistic ngược và quản trị logistic ngược	4	3	1	[1], [3], [4], [5]; [6]	
7	Đo lường và quản lý hoạt động chuỗi cung ứng	5	3	2	[1], [2], [4], [5]; [6]	
	Cộng	45	30	15		

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CHUỖI CUNG ỨNG

1.1 Giới thiệu chung về chuỗi cung ứng

1.1.1. Khái niệm và cấu trúc của chuỗi cung ứng

1.1.2. Hoạt động của chuỗi cung ứng

1.1.3. Các đối tượng tham gia chuỗi cung ứng

1.1.4. Chuỗi cung ứng toàn cầu

1.2 Quản trị chuỗi cung ứng

1.2.1. Lịch sử phát triển của chuỗi quản trị cung ứng

1.2.2. Khái niệm chuỗi quản trị cung ứng trong thế kỉ XXI

1.2.3. Các vấn đề chính trong chuỗi quản trị cung ứng

1.2.4. Vai trò của quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh Quốc tế

1.2.5. Xu hướng của chuỗi quản trị cung ứng toàn cầu

1.3 Hoạt động của Logistic trong chuỗi cung ứng

1.3.1. Khái niệm Logistic

1.3.2. Nguyên tắc Logistic

1.4 Chủ đề thảo luận

* Công nghệ thông tin đã tác động thế nào đến chuỗi Logistic

* Phân biệt chuỗi cung ứng và Logistic

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 22 – tài liệu [1]

1.3 Hoạt động của Logistic trong chuỗi cung ứng

CHƯƠNG 2: DỰ BÁO VÀ HOẠCH ĐỊNH NHU CẦU

2.1. Dự báo nhu cầu trong chuỗi cung ứng

2.1.1 Khái niệm nhu cầu trong chuỗi cung ứng

2.1.2 Đặc điểm của dự báo

2.1.3 Cơ sở thống kê cho dự báo

2.1.4 Phương pháp dự báo

2.1.5 Đo sai số trong dự báo

2.2. Hoạch định và quản lý nhu cầu

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Hiệu ứng Bullwhip

2.2.3 Hợp tác hoạch định, dự báo và cung cấp bổ sung – CPFR

* Nghiên cứu tình huống: WAL-MART áp dụng CPFR

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 77 – tài liệu [1]

2.2.3 Hợp tác hoạch định, dự báo và cung cấp bổ sung – CPFR

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ MUA SẮM

3.1. Khái niệm và vai trò của quản lý nguyên vật liệu

3.1.1 Khái niệm và phân loại nguyên vật liệu

3.1.2 Vai trò chức năng quản lý nguyên vật liệu trong chuỗi cung ứng

3.1.3 Nhiệm vụ của thu mua nguyên vật liệu

3.1.4 Hệ thống hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu - MRP

3.2. Mua sắm và quản lý mua sắm

3.2.1 Khái niệm và cấp độ mua sắm

3.2.2 Vai trò và tác động của mua sắm

3.2.3 Quá trình thu mua

3.2.4 Quản lý mua sắm

3.3. Mua sắm điện tử

3.3.1 Khái niệm và lợi ích mua sắm điện tử

3.3.2 Loại hình thị trường thương mại điện tử

3.3.3 Nhược điểm của mua sắm điện tử

3.4. Bài tập thảo luận

** Tại sao quản lý nguyên vật liệu quan trọng trong việc đồng bộ phát triển chuỗi cung ứng?*

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 94 – tài liệu[1]

3.3. Mua sắm điện tử

CHƯƠNG 4: QUYẾT ĐỊNH VỀ KHO HÀNG VÀ DỰ TRỮ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

4.1 Bản chất và tầm quan trọng của việc xây dựng kho hàng

4.1.1 Khái niệm dự trữ và kho hàng

4.1.2 Vai trò của kho hàng trong hệ thống Logistic

4.1.3 Quyết định cơ bản về kho hàng

4.1.4 Hoạt động của kho hàng

4.2. Sơ đồ mặt bằng và thiết kế kho hàng

4.3. Quản trị tồn kho

4.3.1 Mô hình EOQ

4.3.2 Mô hình POQ

4.3.3 Mô hình QDM

4.3. Đo lường hiệu quả của kho hàng

4.4. Chủ đề thảo luận

** Ứng dụng của công nghệ thông tin và phần mềm trong quản lý kho hàng*

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 146 – tài liệu [1]

4.3. Đo lường hiệu quả của kho hàng

CHƯƠNG 5: VẬN TẢI – QUẢN LÝ LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

5.1. Vai trò của vận tải trong chuỗi cung ứng

5.2. Các thành phần tham gia vận tải

5.3. Các quyết định trong vận tải

5.3.1 Điều kiện giao hàng

5.3.2 Phương thức vận tải

5.2.3 Chi phí vận chuyển

5.4 Quản trị vận tải

5.4.1 Nguyên tắc

5.4.2 Mục tiêu

5.5. Nghiên cứu tình huống

** Giải pháp vận tải của UPS*

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 215 – tài liệu [1]

5.4 Quản trị vận tải

CHƯƠNG 6: LOGISTIC NGƯỢC VÀ QUẢN LÝ LOGISTIC NGƯỢC

6.1. Khái niệm Logistic ngược

6.1.1 Sự ra đời của khái niệm Logistic ngược

6.1.2 Luồng sản phẩm trong Logistic ngược

6.2. Vai trò của Logistic ngược trong chuỗi cung ứng

6.3. Tích hợp chuỗi Logistic ngược vào chuỗi cung ứng xanh

6.4 Nghiên cứu tình huống

** Logistics ngược và hoạt động xanh của thành phố Hồ Chí Minh*

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 261 – tài liệu [1]

6.3. Tích hợp chuỗi Logistic ngược vào chuỗi cung ứng xanh

CHƯƠNG 7: ĐO LƯỜNG VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CHUỖI CUNG ỨNG

7.1. Sự cần thiết của việc đo lường hoạt động chuỗi cung ứng

7.2. Thước đo hiệu quả chuỗi cung ứng

7.3. Mô hình tương quan thị trường

7.4. Mô hình tham chiếu hoạt động chuỗi cung ứng – SCOR

7.5. Chủ đề thảo luận

** Thực trạng và giải pháp quản trị chuỗi cung ứng ở Việt Nam*

Hướng dẫn tự học:

- Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình; tự trả lời câu hỏi ôn tập cuối chương;
- Sinh viên tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo sau: trang 299 – tài liệu [1]

7.4. Mô hình tham chiếu hoạt động chuỗi cung ứng – SCOR

8. GIÁO TRÌNH:

1. TS. Nguyễn Thành Hiếu (2015), Quản trị cung ứng, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Nguyễn Công Bình, Quản lý chuỗi cung ứng, NXB Thống kê, 2008
3. Nguyễn Kim Anh, Quản lý chuỗi cung ứng, ĐH Mở Tp.HCM, 2006

4. Drake Matt (2012), Global Supply Chain Management, Business Expert Press
5. Simchi-Levi (David & Edith) Philip Kaminsky, Designing and managing the supply chain – Concepts, Strategies, and Case studies, 3rd edition, McGraw-Hill, 2008
6. Jame H. Bookinder: “Handbook of global logistics: transportation in international supply chain”, Springer, 2013.
7. Harald Gleissner and J. Christian Femerling, “Logistics: Basics – Exxercises – Case studies”, Springer texts in Business and Economics, 2013.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học	Phương pháp hỗ trợ quá trình dạy và học
- Thuyết trình và giảng dạy (chính) - Thảo luận trực tiếp - Nghiên cứu tình huống - Mời chuyên gia về những lĩnh vực như logistic hay chủ những doanh nghiệp chia sẻ tình huống thực tế	- Nghe giảng tích cực - Thảo luận - Đọc tài liệu - Nghiên cứu tình huống	- Thảo luận qua fanpage của lớp học - Phương pháp trao đổi từng cặp - Phương pháp làm việc nhóm

10.2. Phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Bài tập cá nhân	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%)
3	Kiểm tra giữa kỳ		

			- Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
4	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Vũ Thị Minh Luận

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên